



ALPHA & ΩMEGA



alphabooks®
knowledge is power

Cách mạng Pháp và tâm lý học của các cuộc cách mạng *Gustave Le Bon*

Gustave Le Bon

(1912)

CÁCH MẠNG PHÁP VÀ TÂM LÝ HỌC CỦA CÁC CUỘC CÁCH MẠNG

Bản quyền tiếng Việt © 2014 Công ty Cổ phần Sách Alpha

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Lời nói đầu

Gustave le Bon là một nhà tâm lý học xã hội. Ông sinh ngày 07 tháng năm năm 1841, tại Nogent-le-Rotrou, mất ngày 13 tháng mười hai năm 1931, tại Marne la Coquette, nước Pháp.

Công trình nghiên cứu này được Gustave le Bon viết ra không nhằm chê trách hoặc ca tụng cuộc Cách mạng Pháp, mà là để luận giải nó bằng những phương pháp tâm lý học, mà theo ông, chính các nhà chép sử cũng như các nhà viết sử liên quan đến cuộc Cách mạng này chưa từng thấu hiểu.

Đây là sản phẩm sau cùng của một chuỗi công trình thuộc cùng chủ đề, kết quả của suốt 20 năm nghiên cứu, như *Các quan điểm và các tín ngưỡng*, *Tâm lý học đám đông*, *Tâm lý học các dân tộc*.

Trong tác phẩm này, tác giả đã điểm lại những tư tưởng của các nhà sử học về cuộc Cách mạng Pháp. Theo ông, ngày ấy đang tồn tại những quan điểm, mà thực ra còn mâu thuẫn nhau, về sự kiện mà ông gọi là *thảm kịch cách mạng vĩ đại* này. Thứ nhất, đó là xem Cách mạng Pháp như là một dạng của tín ngưỡng mà người ta phải chấp nhận hoặc gạt bỏ cả gói; quan niệm thứ hai xem đây như một hiện tượng thần bí không thể giải thích được, và quan niệm thứ ba coi nó như một sự cố không thể phán xét trước khi công bố một số lượng khổng lồ những tài liệu chính thống chưa từng xuất bản.

Cá nhân ông cũng không phải là trung lập. Theo lời phê bình của ngài viện sĩ Émile Ollivier, một chính khách cùng thời với ông, sau khi nhắc lại luận thuyết xem Cách mạng Pháp như một sự cố vô bổ, đã viết:

“... Gustave le Bon vừa đây đã dành cả uy tín của mình cho luận đề này..., ông nói: “Cái lợi thu được với giá của biết bao sự đổ nát sau này người ta đã đạt được, mà không cần phải cố gắng, chỉ nhờ vào tiến trình đơn thuần của sự khai hóa văn minh.”

Đến thời điểm công bố cuốn sách của Gustave le Bon, Cuộc Cách mạng Pháp đã được phân tích bởi nhiều thế hệ các nhà văn và người ta có thể tin rằng nó đã được nghiên cứu một cách hoàn hảo. Nếu cần nói gì thêm thì phải chăng chỉ là sửa đổi vài chi tiết?

Vậy mà đó lại “... chính là những gì khiến những người bảo vệ vững tin nhất của Cách mạng Pháp cũng bắt đầu hết sức do dự trong những xét đoán của mình. Những điều trước kia là hiển nhiên, giờ đây hóa ra lại còn phải bàn cãi. Lòng tin vào những giáo điều vốn được coi là thiêng liêng, nay đang bị lung lay. Các tác phẩm sau cùng viết về Cách mạng Pháp đã tiết lộ những điều không chắc chắn này. Chính vì vậy mà sau khi kể lại lịch sử, ngày càng nhiều người từ chối đưa ra kết luận.”

Theo Gustave le Bon, nguyên nhân sâu xa của tình trạng “không thấu hiểu” này là ở chỗ người ta đã không đi sâu phân tích khía cạnh tâm lý của các tầng lớp xã hội, của quần chúng, của những đám đông, của các thủ lĩnh và các giai tầng có phần can dự trong cuộc cách mạng này. Theo ông, “Lịch sử của cuộc Cách mạng trên thực tế được cấu thành từ cả một loạt những lịch sử song hành và thường độc lập với nhau: lịch sử của một chế độ cũ nát đang tàn lụi do không có những người bảo vệ; lịch sử của những hội đồng cách mạng; lịch sử của những phong trào quần chúng cùng với những thủ lĩnh của họ; lịch sử của những đạo quân; lịch sử của những thiết chế mới, v.v. Tất cả những lịch sử này vốn phần

lớn thể hiện sự xung đột của các động lực tâm lý học đều cần phải được nghiên cứu bằng những phương pháp mượn từ khoa tâm lý học.”

Với nhận thức như vậy, ông kết luận rằng không thể giải thích được cuộc cách mạng này mà chỉ dùng những lý lẽ thuần lý, trái lại, phải thường xuyên vận dụng những nguyên tắc và quy luật của tâm lý học.

100 năm chẵn đã trôi qua kể từ ngày cuốn sách ra đời đến thời điểm chúng tôi dịch nó sang tiếng Việt. Dịch xong nó, chúng tôi ngỡ ngợ rằng ở Việt Nam cũng đã có nhiều người đọc nó từ nguyên bản. Đọc cuốn sách “cổ” này, chúng tôi thấy ấn tượng về cái cách mà Napoleon lên ngôi không vội vàng, không tốn súng đạn, xương máu, luôn lựa chọn những bước đi tuần tự mà vững chắc nhờ có những hiểu biết tinh tế về tâm lý; nhận thức về cái cách đối nhân xử thế thiếu lòng vị tha và đầy đố kỵ của các thủ lĩnh cách mạng Pháp; sức mạnh vô song của quần chúng, nhưng hiệu quả của sức mạnh ấy lại phụ thuộc hầu như hoàn toàn vào những người lãnh đạo và các cấp chính quyền (!?); giá trị không gì có thể vượt qua của tâm hồn dân tộc, của truyền thống cha ông... Rất nhiều điều được đề cập trong cuốn sách này đến nay vẫn còn giữ nguyên tính thời sự.

Nhiều người nói rằng đây là một cuốn sách nên đọc. Tờ Thời Đại của Anh từ đầu thế kỷ XX cũng từng khuyên: “Tất cả các chính khách cần phải nghiên cứu cuốn sách của Gustave le Bon. Tác giả không có tiếng tăm gì về các lý thuyết kinh điển liên quan tới cuộc Cách mạng Pháp và những luận giải tâm lý học của ông đã dẫn ông tới những kết luận hết sức mới....”

Tiếng Pháp của 100 năm trước đã có một số yếu tố cổ, thêm nữa sử học và tâm lý học cũng không phải là chuyên môn của người dịch, vì vậy việc dịch thuật đã không dễ dàng. Rất mong bạn đọc thông cảm và chỉ bảo cho những gì còn khiếm khuyết.

Hà Nội, mùa đông năm 2013

Người dịch: Gs.Ts. Đào Đình Bắc

Lời dẫn cho lần xuất bản mới

Những tư tưởng hiện tại về Cách mạng Pháp

Tác phẩm tôi giới thiệu ở đây là của lần xuất bản mới không phải được viết ra nhằm chê trách hoặc ca tụng cuộc Cách mạng Pháp, mà chỉ là cố luận giải nó bằng những phương pháp tâm lý học từng được trình bày trong một cuốn sách khác của tôi: *Các quan điểm và các tín ngưỡng*.

Mục tiêu theo đuổi đã khiến tôi không phải tính đến những quan điểm đã từng được trình bày trước đây. Song cũng sẽ là thú vị nếu ta nắm được chúng, bởi vậy tôi đã dành một chương để điểm lại những tư tưởng, mà thực ra còn mâu thuẫn nhau, của các nhà sử học về thảm kịch cách mạng vĩ đại này.

Các cuốn sách thường chỉ phản ánh những quan điểm của quá khứ. Chúng có thể giúp chuẩn bị những ý tưởng cho tương lai, nhưng rất ít khi thể hiện những tư tưởng của thời hiện tại. Chỉ có các tạp chí và tập san là thể hiện được chân thực những tình cảm của thời khắc hiện tại. Do vậy, những nhận xét phê bình của chúng sẽ rất hữu ích.

Từ những bài báo phân tích về công trình này, chúng ta có thể rút ra ba quan niệm phản ánh rõ ràng những tư tưởng đang được ưa chuộng ngày nay về Cách mạng Pháp.

Quan niệm thứ nhất xem Cách mạng Pháp như là một dạng của tín ngưỡng mà người ta phải chấp nhận hoặc gạt bỏ cả gói; quan niệm thứ hai xem đây như một hiện tượng thần bí không thể giải thích được; quan niệm thứ ba coi nó như một sự cố không thể phán xét trước khi công bố một số lượng khổng lồ những tài liệu chính thống chưa từng xuất bản.

Sẽ không kém phần thú vị, nếu ta phân tích ngắn gọn giá trị của ba quan niệm này. Được luận giải theo con mắt tín ngưỡng, cuộc Cách mạng hiện ra đối với đa số người dân Pháp như là một sự kiện tốt lành, bởi vì đã kéo họ ra khỏi trạng thái mông muội, giải phóng họ khỏi ách áp bức của giới quý tộc. Từng có hơn một nhân vật chính trị cho rằng nếu không có Cách mạng, họ sẽ phải lui về thân phận đầy tớ của những lãnh chúa lớn.

Trạng thái tâm lý này được mô tả đầy đủ trong một công trình nghiên cứu quan trọng mà một chính khách, ngài Émile Ollivier, đã dành để phản bác những tư tưởng trong quyển sách của tôi.

Sau khi nhắc lại luận thuyết xem Cách mạng Pháp như một sự cố vô bổ, vị viện sĩ lỗi lạc viết thêm:

“... Gustave le Bon vừa đây đã dành cả uy tín của mình cho luận đề này. Trong một công trình gần đây về tâm lý học của Cách mạng Pháp, nơi người ta thấy lại được sức mạnh của phép tổng hợp và văn phong của ông, ông nói: “Cái lợi thu được với giá của biết bao sự đổ nát sau này người ta đã đạt được, mà không cần phải cố gắng, chỉ nhờ vào tiến trình đơn thuần của sự khai hóa văn minh.”

Émile Ollivier không chấp nhận quan điểm này. Ông cho rằng cuộc Cách mạng Pháp đã từng là cần thiết, và ông kết luận với lời lẽ:

“Người hối tiếc là những ai sẽ không còn muốn làm kẻ bình dân đi vô, đập nước ao để ngăn cản lũ ếch làm xáo động giấc ngủ của lãnh chúa; người oán thán là những ai sẽ không còn muốn an phận nhìn cánh đồng của mình bị hủy hoại bởi đàn chó săn của một chàng trai trẻ ngạo mạn; người buồn tiếc là những ai sẽ không còn muốn rơi vào tình cảnh phải thức dậy trong ngục Bastille vì một gã Lauzun nào đó thêm muốn vợ anh ta, hoặc vì một từ buột miệng chống lại một người có uy quyền, hoặc còn hơn nữa là vì một lý do không ai rõ; người tuyệt vọng là những ai sẽ không còn muốn bị áp chế bởi mấy ông bộ trưởng, mấy ông thầy ký, mấy ông quan giám quận, không còn muốn bị đeo gót mặc sức, bị cướp bóc thêm nữa như người bị đánh thuế, không còn muốn bị khinh rẻ và bị la ó bởi những kẻ chinh phục mạo xưng. Đối với tôi, một người bình dân, tôi xin cảm ơn những người mà sự lao động vất vả, nặng nhọc của họ đã giải phóng tôi khỏi những cái ách mà nếu không có họ thì vẫn sẽ còn đè nặng trên đầu tôi, và dù cho họ còn có lỗi, tôi cầu phúc cho họ.”

Lòng tin được khái quát trong những dòng trên đây, cùng với sử thi Napoleon, đã góp phần to lớn vào việc làm cho kí ức về Cách mạng trở nên được lòng người dân Pháp. Nó xuất phát trước tiên từ một ảo tưởng hết sức phổ biến, thậm chí cả trong chính giới, rằng thể chế quy định những dạng thức tồn tại của một dân tộc, trong khi thực ra những dạng thức ấy đều được quy định hầu như hoàn toàn bởi tiến bộ khoa học và kinh tế. Đầu máy từng là một cái máy san ủi có hiệu quả khác với với cỗ máy chém, và thậm chí nếu không có Cách mạng, chắc chắn từ lâu chúng ta cũng đã đạt tới trạng thái bình đẳng, tự do của ngày hôm nay và, vả chăng, nhiều dân tộc khác đã đạt được trạng thái ấy ngay cả trước thời kỳ Cách mạng.

Quan niệm thứ hai nhận định cuộc Cách mạng như là một sự cố thần bí và không thể giải thích được, cũng góp phần duy trì uy tín của nó. Trong một bài báo phân tích công trình của tôi, ông Drumont - giám đốc chính trị của một trong những tạp chí uy tín ở Paris, đã viết:

“Sự cố tuyệt vời từng lay động Thế giới Cổ đến tận rường cột này đến nay vẫn còn là một câu đố... Các phương pháp của tâm lý học hiện đại cũng không giúp ta hiểu được gì hơn những gì từng lạ lẫm và kỳ bí trong cuộc khủng hoảng mà mãi vẫn còn là một trong những điều ngạc nhiên của lịch sử.”

Luận thuyết này dường như khá phổ biến trong giới chính trị gia của ta. Tôi đã gặp lại nó dưới một dạng thức không mấy khác biệt trong bài báo của vị cựu bộ trưởng, ngài Edouard Lockroy :

“... Các nhà sử học đã không hiểu được cuộc Cách mạng... Hội Quốc ước đã lỗi thời trong sự hỗn loạn ở trung tâm của một cuộc nổi dậy không ngừng... Sự chuyên chế của Robespierre là một truyện hoang đường... Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp là lịch sử của một đám đông, trong đó không có ai chịu trách nhiệm và mọi người đều hành động... Ai là người phụ trách? Cả đám đông, tất cả mọi người, không loại trừ ai cả, những người mờ ám từng lôi cuốn những người không rõ tung tích.” Xem xét với góc nhìn như vậy, cuộc Cách mạng sẽ hiện ra như một chuỗi sự kiện hỗn độn được không chế bởi một tình trạng ngẫu nhiên kì bí.

Các đoạn trích dẫn ngắn trên đã cho thấy sự không chắc chắn đến nhường nào sẽ còn tiếp tục làm khó cho việc nghiên cứu về cuộc Cách mạng này và dường như đã biện minh cho sự thận trọng của những nhà thông thái tự hạn chế mình trong việc công bố các bài viết.

Như vậy là đang hiện hữu một tinh thần không thiên vị lo đi tìm một ý tưởng đúng đắn về cuộc Cách mạng, hoặc là từ những đức tin mù quáng, hoặc là từ những khẳng định rằng sự cố vĩ đại này không thể giải thích được, ít ra là với tình trạng tài liệu hiện có.

Sự bất lực trong việc luận giải này đã làm tôi kinh ngạc, khi tôi bắt tay nghiên cứu về cuộc Cách mạng nhằm tìm ra ở đó cách ứng dụng những phương pháp tâm lý học của tôi. Rất nhanh chóng tôi đã nhận ra rằng những điều lưỡng lự của các nhà sử học về cuộc đại khủng hoảng này đơn giản là nảy sinh từ thói quen vận dụng những luận giải thuần lý để giải thích những sự kiện nảy sinh từ những thể lực thần bí, cảm xúc và tập hợp vốn xa lạ với lý trí.

Lịch sử của cuộc Cách mạng cung cấp bằng chứng cho điều đó trên từng trang của mình. Cái logic tập hợp, chứ không phải là logic thuần lý, chỉ riêng nó đã có thể phát giác tại sao các hội đồng cách mạng lại bỏ phiếu không ngừng cho những biện pháp mâu thuẫn với quan điểm của mỗi người trong số thành viên của mình. Lý lẽ cũng không thể giải thích được tại sao trong một đêm nổi tiếng, các vị đại diện của giới quý tộc đã đoạn tuyệt với những đặc quyền mà họ từng gắn bó biết nhường nào và sự từ bỏ chúng đúng lúc có thể đã giúp họ tránh được cuộc Cách mạng.

Khi không có kiến thức về sự biến hóa nhân cách trong những tình huống khác nhau, làm sao người ta có thể hiểu được những người tư sản trí thức và chuồng sự yên bình tại một số ủy ban đã quyết định việc xây dựng hệ đo lường mét và mở ra những trường học lớn, ở nơi khác lại bỏ phiếu cho những biện pháp tàn bạo như cái chết của Lavoisier và của nhà thơ Chénier hoặc cho việc phá hủy những ngôi mộ tuyệt đẹp ở Saint-Denis? Và, cuối cùng, làm sao có thể hiểu được sự lan tỏa của các phong

trào cách mạng nói chung, nếu không có kiến thức về những quy luật thực tiễn của thuật thuyết phục vốn rất khác với những gì người ta được học trong sách vở?

Tại Pháp, chúng ta được khuôn đúc theo cách hợp lý hóa quá mức để có thể chấp nhận dễ dàng rằng lịch sử có thể diễn ra ngoài quy luật, thậm chí bất chấp mọi lý lẽ. Mặt khác, chúng ta cần phải nhẫn nại để thay đổi hoàn toàn các phương pháp của mình trong luận giải lịch sử, nếu chúng ta muốn hiểu được cả một mớ những sự kiện mà lý lẽ vẫn phải bó tay.

Tôi tin tưởng rằng những tư tưởng được trình bày trong tác phẩm này sẽ lan tỏa nhanh chóng. Nhiều bài báo đã chứng tỏ rằng chúng đã làm kinh ngạc nhiều nhà quan sát. Để dẫn chứng, chỉ cần dẫn ra đây một số đoạn trích từ tờ báo có thể lực nhất trong số các tạp chí của Anh, tờ Thời đại.

“Tất cả các chính khách cần phải nghiên cứu cuốn sách của Gustave Le Bon. Tác giả không có tiếng tăm gì về các lý thuyết kinh điển liên quan tới cuộc Cách mạng Pháp và những luận giải tâm lý học của ông đã dẫn ông tới những kết luận hết sức mới. Chính nhờ vậy mà ông đã làm nổi bật đến kinh ngạc vai trò yếu ớt của quần chúng trong các phong trào cách mạng, sự mâu thuẫn tuyệt đối giữa ý nguyện cá nhân và ý nguyện tập thể của các thành viên hội đồng, yếu tố thần bí đã dẫn dắt các bậc anh hùng của cuộc Cách mạng và những vị anh hùng ấy đã ít thuận theo lẽ phải biết chừng nào. Không có cuộc Cách mạng này, thì đã thật là khó để chứng minh rằng lý lẽ không thể làm thay đổi được con người, và do vậy suy ra rằng một xã hội không thể tự cơ cấu lại theo ý chí của các nhà lập pháp, cho dù quyền lực của họ có đầy đủ đến đâu.”

Lịch sử của cuộc Cách mạng trên thực tế được cấu thành từ cả một loạt những lịch sử song hành và thường độc lập với nhau: lịch sử của một chế độ cũ nát đang tàn lụi do không có những người bảo vệ; lịch sử của những hội đồng cách mạng; lịch sử của những phong trào quần chúng cùng với những thủ lĩnh của họ ; lịch sử của những đạo quân ; lịch sử của những thiết chế mới,... Tất cả những lịch sử này vốn phần lớn thể hiện sự xung đột của các động lực tâm lý học đều cần phải được nghiên cứu bằng những phương pháp mượn từ khoa tâm lý học.”

Người ta có thể tranh luận về giá trị của những luận giải của chúng tôi. Tuy nhiên tôi tin rằng từ nay sẽ thật khó mô tả được cuộc Cách mạng Pháp mà không quan tâm đến những luận giải ấy.

Paris, tháng Giêng năm 1913.

Mở đầu

Duyệt lại những chặng đường lịch sử

Thời đại ngày nay không chỉ là thời đại của những phát hiện mới, mà còn là thời kỳ xét lại những yếu tố khác nhau của sự nhận thức. Sau khi thừa nhận rằng không có một hiện tượng nào mà nguyên nhân ban đầu của nó giờ đây có thể tiếp cận được, khoa học đã tiếp tục phân tích những điều phân vân trước kia của mình và đã ghi nhận tính bất bênh của chúng. Khoa học ngày nay đã chứng kiến những nguyên lý xưa cũ của mình lần lượt mất đi. Cơ học mất đi toán học tiên đề; vật chất, trước kia là chất nền vĩnh cửu của các thế giới, trở nên thể tập hợp đơn thuần của các lực tồn tại chốc lát được cô đọng nhất thời.

Mặc dù nhờ có khía cạnh ước đoán của mình, lịch sử đã phần nào thoát được những sự phê phán nghiêm khắc quá mức, nó cũng đã không tránh khỏi sự xét lại toàn năng này. Không còn một pha nào của lịch sử mà người ta có thể nói là đã biết rõ hoàn toàn. Mọi điều tưởng như đã nắm được rõ ràng, giờ đây đều bị nghi vấn.

Trong số những sự kiện mà việc nghiên cứu tưởng như đã xong, có cuộc Cách mạng pháp. Từng được phân tích bởi nhiều thế hệ các nhà văn, người ta có thể tin rằng nó đã được nghiên cứu một cách hoàn hảo. Có thể nói gì thêm về cuộc Cách mạng này, nếu không phải chỉ là sửa đổi vài chi tiết?

Và đây chính là những gì khiến những người bảo vệ vững tin nhất của nó cũng bắt đầu hết sức do dự trong những xét đoán của mình. Những điều trước kia là hiển nhiên, giờ đây hóa ra lại còn phải bàn cãi. Lòng tin vào những giáo điều vốn được coi là thiêng liêng, nay đang bị lung lay. Các tác phẩm sau cùng viết về Cách mạng Pháp đã tiết lộ những điều không chắc chắn này. Sau khi kể lại lịch sử, ngày càng nhiều người từ chối đưa ra kết luận.

Không chỉ nhiều nhân vật anh hùng của tấn kịch vĩ đại này đã bị đưa ra bàn cãi một cách không khoan dung, mà người ta còn tự hỏi liệu nền luật pháp mới thay thế cho chế độ cũ sẽ có thể được thiết lập một cách tự nhiên phi bạo lực sau một chuỗi tiến bộ của sự khai hóa văn minh? Kết quả thu được hóa ra không ăn khớp cả với cái giá phải trả tức thời, cũng như với những hệ quả trong tương lai xa mà cuộc Cách mạng đã làm nảy sinh từ những khả năng của lịch sử.

Có nhiều nguyên nhân đã đưa đến việc xét lại thời kỳ bi kịch này. Thời gian đã làm dịu những đam mê, nhiều tài liệu đã được rò rỉ từ những kho lưu trữ và người ta học cách lí giải chúng một cách độc lập. Nhưng có lẽ chính tâm lý học hiện đại sẽ dẫn dắt tư tưởng của chúng ta một cách đúng đắn nhất, vì nó cho phép hiểu sâu hơn con người cùng những động cơ dẫn dắt hành vi của họ. Trong số những phát hiện của tâm lý học mà từ nay có thể vận dụng cho lịch sử, trước hết cần nhắc tới những kiến thức sâu sắc hơn về những hành động của tổ tiên, những quy luật điều khiển đám đông, những kinh nghiệm liên quan đến sự tan rã của những nhân cách, sự lây lan về tâm thần, sự hình thành vô ý thức của những niềm tin, sự phân biệt những dạng thức khác nhau của logic.

Những ứng dụng của tâm lý học được sử dụng trong quyển sách này thực ra vẫn chưa từng được thực hiện. Các nhà sử học của cuộc cách mạng này nhìn chung vẫn tiếp tục nghiên cứu tài liệu. Tuy vậy, nó cũng đủ để gợi ra những nghi ngờ mà tôi đang nói tới ở đây.

* * *

Những sự kiện vĩ đại từng làm thay đổi số phận của các dân tộc, như những cuộc cách mạng, sự bùng nổ của những niềm tin, thật là khó giải thích, đôi khi đành phải dừng ở sự ghi nhận đơn thuần.

Ngay từ những nghiên cứu đầu tiên của tôi về lịch sử, tôi đã phải ngạc nhiên về sự bí hiểm của một số

hiện tượng cốt lõi liên quan trước hết đến sự nảy sinh ra những đức tin. Tôi cảm nhận rất rõ rằng để giải thích chúng, người ta còn thiếu một điều gì đó rất căn bản. Vì lý lẽ đã nói ra tất cả những gì có thể nói, nên ta không cần phải chờ đợi gì từ nó thêm nữa, mà cần tìm ra những phương tiện khác để hiểu được những gì nó chưa làm sáng tỏ.

Những câu hỏi lớn này trong một thời gian dài rất khó hiểu đối với tôi. Nhiều chuyến du hành xa xôi dành để nghiên cứu những mảnh vỡ của các nền văn minh đã biến mất cũng không làm chúng sáng tỏ thêm được bao nhiêu.

Suy nghĩ về điều đó thường xuyên, người ta đã phải thừa nhận rằng ở đây còn có cả một loạt vấn đề khác cần được nghiên cứu riêng rẽ. Đó chính là điều tôi đã làm suốt 20 năm và những kết quả nghiên cứu được ghi lại trong một loạt công trình nối tiếp nhau.

Một trong những công trình đầu tiên đã được dành để nghiên cứu quy luật tâm lý học trong sự tiến hóa của các dân tộc. Sau khi chứng minh rằng các chủng tộc được hình thành theo sự sắp đặt ngẫu nhiên của lịch sử cuối cùng đều tiếp nhận được những đặc trưng tâm lý ổn định như các đặc trưng giải phẫu của họ, tôi đã thử giải thích cách mà các dân tộc thay đổi các thể chế, ngôn ngữ và nghệ thuật của mình. Cũng trong công trình này, tôi đã chỉ rõ vì sao do ảnh hưởng của những biến đổi đột ngột của môi trường mà nhân cách cá nhân có thể bị tan rã hoàn toàn.

Nhưng ngoài những tập hợp người ổn định kết thành từ các dân tộc, còn có những tập hợp người linh động và tạm thời, gọi là những đám đông. Song, nên nhớ rằng những đám đông này lại có những đặc trưng tuyệt đối khác với tính cách của từng cá nhân bên trong và chính những đám đông là phương tiện để diễn ra những biến cố lịch sử vĩ đại. Vậy, những đặc trưng đó là gì, chúng đã tiến hóa thế nào? Vấn đề mới này chính là nội dung của công trình *Tâm lý học đám đông*.

Chỉ sau những nghiên cứu này tôi mới bắt tay vào xem xét một số ảnh hưởng mà tôi chưa nhìn thấy trước đó.

Nhưng đó vẫn chưa phải là tất cả. Trong số những nhân tố quan trọng nhất của lịch sử đã hiện ra một nhân tố ưu trội là tín ngưỡng. Những tín ngưỡng này đã sinh ra như thế nào, liệu chúng có thực sự hợp lý và tự nguyện, như chúng ta vẫn được học lâu nay? Liệu có phải chúng, trái lại, là vô ý thức và độc lập với mọi lý lẽ. Vấn đề khó này đã được nghiên cứu trong cuốn sách cuối cùng của tôi là *Các quan điểm và các tín ngưỡng*.

Khi nào tâm lý học còn coi tín ngưỡng là tự nguyện và hợp lý, thì chúng vẫn còn không thể giải thích được. Sau khi chứng minh được rằng chúng phần nhiều là phi lý và mãi mãi là không cố ý, tôi đã đưa ra được lời giải cho vấn đề quan trọng này là làm thế nào mà những tín ngưỡng, vốn không một lý lẽ nào có thể biện minh được, lại được chấp nhận một cách không khó khăn bởi những tâm hồn trong sáng nhất của mọi thời đại?

Lời giải cho những khó khăn mang tính lịch sử kéo dài suốt bảy mươi năm từ đây đã hiện ra rõ nét. Tôi đã đi đến kết luận rằng bên cạnh cái logic hợp lý vốn xâu thành chuỗi những tư tưởng và từng được xem như cảm nang dẫn đường duy nhất của chúng ta, còn có những dạng thức logic rất khác nữa, đó là logic của cảm xúc, logic tập hợp và logic thần bí, những thứ logic thông thường áp đảo lý lẽ và tạo ra những xung lực phát sinh trong hành vi của chúng ta.

Khi điều công bố trên đây được xác lập chắc chắn, tôi cảm thấy rõ còn biết bao sự cố lịch sử vẫn chưa được thấu hiểu, những điều mà người ta muốn giải thích bằng thứ logic trong thực tế ảnh hưởng rất ít đến sự phát sinh của chúng.

* * *

Tất cả những tìm tòi được tôi tóm tắt bằng mấy dòng ngắn ngủi ở đây đã đòi hỏi nhiều năm dài nghiên cứu. Nản chí trong việc kết thúc chúng, tôi từng bỏ dở không chỉ một lần để trở lại với những công việc của phòng thí nghiệm, nơi mà người ta luôn tin là đang cận kề chân lý và chỉ ít cũng thu được

những mảnh nhỏ của điều xác thực.

Nhưng nếu việc khảo sát thế giới của những hiện tượng vật chất là rất thú vị, thì việc nghiên cứu giải mã con người còn thú vị hơn nữa, và đó là lý do khiến tôi luôn bị cuốn hút bởi khoa học tâm lý. Một vài nguyên lý được suy từ những nghiên cứu của mình, với cảm nhận là có triển vọng, đã được tôi quyết tâm ứng dụng vào nghiên cứu các trường hợp cụ thể, và vì thế tôi đã tiếp cận tâm lý học của các cuộc cách mạng, ở đây là Cách mạng Pháp.

Cùng với sự tiến triển trong phép phân tích cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta, phần lớn các quan điểm vốn được nhào nặn từ việc đọc các pho sách, và tôi từng cho là không thể lay chuyển, đã tuần tự tan biến đi.

Để giải thích giai đoạn này, không nên xem xét nó như một thể nguyên khối, cách mà nhiều nhà sử học đã làm. Nó được kết thành từ những hiện tượng diễn ra đồng thời, nhưng lại độc lập với nhau. Tại mỗi pha của nó từng diễn ra những sự kiện phát sinh theo các quy luật tâm lý vận hành với tính đều đặn cứng nhắc của một bộ bánh răng. Những người chủ chốt trong tấn kịch vĩ đại này dường như đã hành động như các nhân vật của những màn diễn được vạch sẵn từ trước. Mỗi người đều nói những điều phải nói, làm những việc phải làm.

Không nghi ngờ gì rằng những người chủ chốt của cuộc cách mạng khác với các diễn viên của một tấn kịch viết sẵn ở chỗ họ không nghiên cứu trước vai diễn của mình, nhưng lại có những lực vô hình cho họ biết điều phải diễn, giống như là họ đã được học những vai diễn ấy.

Chính bởi vì họ đã phải trải qua một tiến trình tiền định theo những logic mà họ không thể hiểu được, nên người ta nhìn thấy họ trong dáng vẻ ngạc nhiên bởi những sự kiện mà họ là những diễn viên chính, như sự ngạc nhiên của chính chúng ta vậy. Họ không bao giờ nghi ngờ về những thế lực vô hình đã xui khiến họ hành động. Cả sự cuồng nhiệt cũng như sự yếu mềm của họ đều không phụ thuộc vào chính họ. Họ phát biểu nhân danh lý lẽ, họ làm như là mình được dẫn dắt bởi lý lẽ, nhưng trong thực tế thì hoàn toàn không phải là lý lẽ dẫn dắt họ.

“Các quyết định mà vì chúng người ta đã quở trách chúng tôi biết bao, Billaud-Varenne từng viết, đâu có phải do chúng tôi muốn thế, mà thông thường hơn cả chúng được gợi ra duy nhất bởi cuộc khủng hoảng, trước đó 2 ngày hoặc một ngày.”

Không cần phải nhìn nhận các sự cố cách mạng như những gì được chế ngự bởi những điều tiền định khản thiết. Độc giả của chúng tôi biết rằng chúng tôi biết ơn con người hành động cao thượng về vai trò chia tách những điều tiền định. Song, cũng mới chỉ tách ra được một lượng nhỏ và thông thường còn bất lực trước sự diễn biến của các sự cố mà người ta chỉ nắm được chút ít ở cội nguồn của chúng. Nhà bác học biết cách diệt vi trùng trước khi nó phát tác, nhưng lại bất lực đối với sự diễn biến của bệnh.

* * *

Khi một câu hỏi làm nổi lên những quan điểm rất trái ngược nhau, người ta có thể đảm bảo rằng nó thuộc lãnh địa của đức tin, chứ không phải là của sự hiểu biết.

Chúng tôi đã chỉ ra trong một công trình trước đây rằng tín ngưỡng mang bản chất không tự giác và không phụ thuộc vào mọi lý lẽ, chưa từng bao giờ bị ảnh hưởng bởi sự lập luận.

Cuộc Cách mạng Pháp, công trình của những tín đồ, mới chỉ bị phán xét chút ít bởi các tín đồ. Bị nguyên rủa bởi người này, được thán phục bởi người khác, nó vẫn còn là một trong những giáo điều được chấp nhận hoặc vứt bỏ cả gói mà không có một logic hợp lý nào được viện dẫn cho sự lựa chọn này.

Nếu vào những thời khắc ban đầu, một cuộc cách mạng tôn giáo hoặc chính trị có thể dễ dàng có được những yếu tố hợp lý làm chỗ dựa, thì sau đó nó chỉ phát triển theo những yếu tố thần bí và tình cảm tuyệt đối xa lạ với lý lẽ.

Các nhà sử học từng xét đoán các sự cố của cuộc Cách mạng Pháp nhân danh logic hợp lý đã không thể hiểu được chúng, bởi lẽ dạng thức logic này đã không buộc chúng phải xảy ra. Vì những người chủ chốt của các sự cố này đã không tự mình tìm hiểu chúng một cách sâu sắc, nên sẽ không phải là chúng ta rời xa sự thật quá mức, khi nói rằng cuộc Cách mạng này là một hiện tượng không được thấu hiểu cả từ phía những người thực hiện cũng như từ phía những người từng kể lại nó. Ở bất cứ giai đoạn nào của lịch sử, chúng ta cũng chỉ nắm được rất ít về hiện trạng, càng không biết gì về quá khứ và còn dự đoán được ít hơn nữa về tương lai.

* * *

Sức mạnh của cuộc Cách mạng không nằm ở các nguyên lý, và chẳng lại quá xa xưa, mà nó mong muốn phổ biến, cũng không ở những thiết chế mà nó đã có tham vọng thiết lập. Nhân dân rất ít bận tâm về các thể chế, còn ít hơn nữa về các học thuyết. Nếu Cách mạng đã từng mạnh mẽ đến thế, nếu nó đã buộc nước Pháp phải chấp nhận bạo lực, giết chóc, đổ nát và nỗi sợ hãi của một cuộc nội chiến khủng khiếp, và sau nữa nếu nó đã tự vệ một cách thắng lợi chống lại cả Châu Âu vũ khí trong tay, chính là vì nó đã được đẩy lên không phải bởi một thể chế mới, mà là bởi một tín ngưỡng mới. Như vậy, lịch sử cho chúng ta thấy một tín ngưỡng mạnh có sức quyến rũ đến nhường nào. Bản thân La Mã bất khả chiến bại cũng từng phải cúi mình một thời trước những đạo quân của những bộ lạc mục đồng du mục được soi sáng bởi lòng tin Mahomet. Vì lí do tương tự, các vị vua của Châu Âu cũng không thể kháng cự lại được những chiến binh quần áo rách bươm của Hội Quốc Ước. Cũng như mọi tông đồ, họ từng sẵn sàng hi sinh thân mình với mục đích duy nhất là truyền bá các tín ngưỡng, mà theo họ, có sứ mệnh đổi mới thế giới.

Tôn giáo được thiết lập như vậy từng có được sức mạnh của những tôn giáo đàn anh của mình, chứ không phải của khoảng dài thời gian tồn tại. Đồng thời nó không tàn lụi mà không để lại những dấu tích sâu sắc và những ảnh hưởng của mình mãi về sau.

* * *

Chúng tôi sẽ không coi cuộc Cách mạng như một vết đứt trong lịch sử, điều mà những tín đồ của nó từng tin. Chúng tôi biết rằng để thể hiện ý định của họ xây dựng một thế giới phân biệt rõ với thế giới cũ, họ đã tạo ra một thời đại mới và làm như đã cắt đứt hoàn toàn với mọi dấu vết của quá khứ.

Song, quá khứ không bao giờ chết. Nó vẫn còn lại chính trong chúng ta nhiều hơn là bên ngoài chúng ta. Trái với ý mình, những người cải cách của cuộc Cách mạng Pháp, do vậy, vẫn còn thấm đẫm quá khứ và vẫn luôn tiếp tục duy trì, dưới những tên gọi khác nhau, các truyền thống quân chủ, đồng thời thậm chí thối phong sự chuyên chế và tập trung của chế độ cũ. Tocqueville không gặp mấy khó khăn, khi chỉ ra rằng Cách mạng đã hầu như chỉ lật đổ cái sắp phải sụp đổ.

Nếu trong thực tế Cách mạng đã không phá bỏ bao nhiêu, thì nó lại tạo cơ hội cho sự nở rộ của một số tư tưởng mà sau này sẽ còn tiếp tục lớn mạnh.

Tình huynh đệ và tự do mà nó tuyên ngôn đã không bao giờ quyến rũ được nhiều đối với các dân tộc, nhưng sự bình đẳng thì đã trở thành Phúc âm của họ, thành cột trụ của chủ nghĩa xã hội và của mọi cuộc cách mạng dân chủ thời nay. Như vậy, ta có thể nói rằng cuộc Cách mạng Pháp đã không kết thúc với sự lên ngôi của Đế chế, cũng không với sự phục hồi tuần tự tiếp theo sau đó. Ngắm ngẫm hay giữa thanh thiên bạch nhật, nó diễn ra chậm chạp trong thời gian và vẫn còn tiếp tục đè nặng lên đầu óc con người.

* * *

Công trình nghiên cứu về cuộc Cách mạng Pháp chiếm phần lớn nội dung của cuốn sách này sẽ cởi bỏ cho độc giả khỏi không chỉ một ảo tưởng thông qua việc chỉ rõ rằng những quyển sách kể về cách mạng chứa đựng một tập hợp những truyền thuyết rất xa xôi về những sự thực.

Những truyền thuyết này, không nghi ngờ gì, vẫn tồn tại một cách sống động hơn cả lịch sử. Không nên

luyện tiếc quá nhiều. Biết được sự thật có thể sẽ là thú vị đối với một vài nhà triết học, nhưng đối với nhân dân thì dường như ảo tưởng bao giờ cũng dễ ưa hơn. Tổng hợp lý tưởng của mình, chúng tạo thành những động cơ hành động mạnh mẽ. Fontenelle từng nói rằng người ta có thể mất đi dũng khí, nếu không được trợ lực bằng những ý tưởng sai lệch. Jeanne d'Arc, những Người Không lồ của Hội Quốc Ước, thiên Sử thi đế chế, tất cả những vầng sáng rực rỡ này của quá khứ sẽ mãi là những động cơ sản sinh hi vọng trong những thời khắc đen tối xảy đến sau những thất bại. Chúng hợp thành một phần di sản của những ảo tưởng di tặng của cha ông chúng ta và sức mạnh của chúng đôi khi vượt trội so với sức mạnh của sự thực. Ước mơ, lý tưởng, truyền thuyết, tóm lại là những điều phi thực tại, đó là những gì lịch sử dẫn dắt.

Phần một. những yếu tố tâm lý của các phong trào cách mạng

Quyển I. Những đặc trưng chủ yếu của các cuộc cách mạng

Chương I. Cách mạng khoa học và cách mạng chính trị

1. Phân loại các cuộc cách mạng

Người ta thường sử dụng thuật ngữ cách mạng cho những sự đổi thay chính trị đột ngột, nhưng thực ra từ này cần phải được dùng để ám chỉ mọi sự chuyển đổi bất ngờ, hoặc những gì tương tự về tín ngưỡng, tư tưởng và các luận thuyết.

Chúng tôi đã khảo cứu trong một công trình khác vai trò của các yếu tố lý tính, cảm xúc và thần bí trong sự ra đời của các quan điểm và các tín ngưỡng, những nhân tố quy định hành vi. Do vậy, sẽ không cần quay lại vấn đề này ở đây.

Một cuộc cách mạng có thể kết thúc bằng một tín ngưỡng, nhưng dưới tác động của những động cơ hết sức hợp lý, nó thường bắt đầu bằng việc loại bỏ thói lam hiễn nhiên, một chế độ chuyên chế bị chán ghét, một quân vương không được lòng thần dân...

Nếu đôi khi cội nguồn của một cuộc cách mạng có thể là hợp lý, thì cũng không nên quên rằng những nguyên nhân được viện dẫn để chuẩn bị cho nó chỉ tác động lên đám đông sau khi đã tự chuyển hóa thành ý thức. Với logic hợp lý, chúng ta có thể chỉ ra những sự lam hiễn để phá bỏ, nhưng để vận động quần chúng, cần phải làm nảy sinh trong quần chúng những niềm hi vọng. Chúng ta chỉ đạt đến được điều đó bằng cách vận dụng những yếu tố tình cảm và thần bí cung cấp cho con người sức mạnh hành động. Chẳng hạn, vào thời đại của cuộc Cách mạng Pháp, logic hợp lý từng được các nhà triết học sử dụng đã làm phơi bày những điều bất tiện của chế độ cũ và đã kêu gọi ý muốn thay đổi nó. Logic thần bí đã tạo ra tín ngưỡng trong các tính năng của một xã hội được xây dựng hoàn toàn theo những nguyên tắc nhất định. Logic cảm xúc đã thả lỏng dục vọng bị dồn nén bởi những cái phanh hàng trăm năm và đã dẫn tới những sự thái quá tệ hại nhất. Logic tập hợp đã thống trị các câu lạc bộ, các đám tập hợp và đã đẩy những thành viên của chúng tới những hành động mà cả logic hợp lý, logic tập hợp và logic thần bí đều không thể xúi dục họ mắc phải.

Bất luận nguồn gốc gì, một cuộc cách mạng chỉ có thể tạo ra hệ quả sau khi thâm nhập được vào tâm hồn của quần chúng. Các sự kiện khi đó đã tiếp nhận những dạng thức đặc biệt như là hệ quả từ loại logic đặc biệt của những đám đông. Vì lí do đó mà những phong trào nhân dân có những đặc trưng điển hình đến mức chỉ cần mô tả một trong số những sự kiện ấy cũng đủ làm cho người ta biết được những sự kiện khác. Như vậy, quần chúng là điểm đến của một cuộc cách mạng, nhưng nó không tạo thành điểm xuất phát. Đám đông là một sự vật vô định hình không có khả năng làm gì mà cũng không mong muốn gì khi không có một bộ phận đầu não cheo lái nó. Sau đó nó sẽ khá nhanh chóng vượt quá sung lực đã được nhận, nhưng lại không bao giờ tự tạo ra được sung lực.

Những cuộc cách mạng chính trị diễn ra đột ngột làm kinh ngạc các nhà sử học nhiều hơn cả, đôi khi lại là những cuộc cách mạng ít quan trọng nhất. Còn những cuộc cách mạng vĩ đại lại chính là cách mạng lối sống, thuần phong mỹ tục và tư tưởng. Không phải là bằng cách thay đổi chính phủ mà người ta có thể thay đổi tư duy, tình cảm của một dân tộc. Lật đổ các thể chế của một quốc gia không đổi mới được tâm hồn của dân tộc.

Những cuộc cách mạng thực thụ, tức là những gì làm thay đổi số phận của các dân tộc, thông thường hơn cả được thực hiện một cách chậm chạp đến nỗi các nhà sử học rất khó xác định được thời điểm

bắt đầu của chúng. Trong những trường hợp này, thuật ngữ tiến hóa được áp dụng phù hợp hơn nhiều so với thuật ngữ cách mạng.

Những yếu tố khác nhau vừa được chúng tôi liệt kê dù đã đi vào nơi khởi nguồn của phần lớn các cuộc cách mạng, vẫn không đủ để phân loại chúng. Căn cứ vào mục đích mà các cuộc cách mạng đặt ra, chúng tôi chia chúng thành cách mạng khoa học, cách mạng chính trị, cách mạng tôn giáo.

2. Cách mạng khoa học

Các cuộc cách mạng khoa học phần lớn là những cuộc cách mạng quan trọng nhất. Mặc dù gây được ít sự chú ý, nhưng chúng thường tiềm ẩn những hậu quả xa xôi mà các cuộc cách mạng chính trị không tạo ra được. Do đó, chúng tôi xếp kiểu cách mạng này ở hàng đầu của dãy liệt kê, mặc dù không thể nghiên cứu chúng ở đây.

Chẳng hạn, nếu những luận thuyết của chúng ta về vũ trụ đã thay đổi sâu sắc từ thời kỳ Phục Hưng, thì chính là vì những phát hiện mới về thiên văn và việc áp dụng các phương pháp thực nghiệm đã cách mạng hóa chúng bằng cách chỉ ra rằng những hiện tượng này được điều khiển bởi những quy luật bất biến, chứ không phải bởi những ý thích thất thường của các vị thần.

Do những cuộc cách mạng như vậy diễn ra chậm chạp, nên sẽ thích hợp hơn nếu gọi chúng là những sự tiến hóa. Nhưng trong số này cũng có những trường hợp, mặc dù thuộc cấp bậc tương tự, xứng đáng được mang tên là cách mạng bởi tác động nhanh chóng của mình. Ví dụ như học thuyết Darwyn đã đảo lộn toàn bộ sinh vật học trong vòng vài năm; hoặc những phát hiện của Pasteur đã làm biến đổi ngành y ngay khi sinh thời của tác giả. Cũng vậy, lý thuyết về sự phân ly vật chất chứng minh rằng nguyên tử từng được xem là bất biến nay cũng không thoát khỏi quy luật theo đó mọi nguyên tố trong vũ trụ đều phải suy tàn và tiêu tan.

Những cuộc cách mạng khoa học diễn ra trong tư duy đều là thuần túy trí tuệ. Những cảm giác và tín ngưỡng của chúng ta không có một tác động nào tới chúng. Người ta chịu tác động của chúng mà không bàn cãi về chúng. Do những kết quả của chúng đều kiểm tra được bằng thực nghiệm, nên chúng thoát khỏi mọi sự phê phán.

3. Những cuộc cách mạng chính trị

Ở dưới và rất xa các cuộc cách mạng khoa học, những động lực sản sinh ra sự tiến bộ của các nền văn minh, chúng ta thấy hiện ra các cuộc cách mạng tôn giáo và cách mạng chính trị vốn không có mối liên hệ phát sinh với chúng. Trong khi các cuộc cách mạng khoa học xuất phát duy nhất từ những yếu tố thuần lý, thì chính trị và lòng tin tôn giáo dường như hoàn toàn dựa trên các nhân tố tình cảm và thần bí. Lý tính chỉ có vai trò rất nhỏ bé trong sự ra đời của chúng.

Tôi đã nhấn mạnh rất nhiều trong cuốn sách *Các quan điểm và các tín ngưỡng* của mình về nguồn gốc tình cảm và thần bí của các tín ngưỡng và chỉ ra rằng một lòng tin chính trị hay một tín ngưỡng tôn giáo là một hành động mang tính lòng tin được tạo ra trong sự vô thức và bất chấp mọi hiện tượng bề ngoài, lý tính không có tác động đến nó. Tôi cũng đã chỉ ra rằng tín ngưỡng đôi khi đạt tới cấp độ mạnh tới mức không gì có thể cưỡng lại được. Khi đó, con người bị thôi miên bởi tín ngưỡng của mình trở thành tín đồ, sẵn sàng hy sinh quyền lợi, hạnh phúc và thậm chí cả tính mạng của mình cho sự khải hoàn của tín ngưỡng này. Không mấy quan tâm đến tính phi lý trong tín ngưỡng của mình, đối với anh ta lòng tin ấy là một sự thực hiện nhiên. Chính những lòng tin mang nguồn gốc thần bí sở hữu cái quyền lực tuyệt vời này trong việc thống trị hoàn toàn các tư tưởng và chỉ bị chi phối bởi thời gian.

Chỉ riêng việc được xem như một sự thực tuyệt đối, tín ngưỡng cũng đã tất yếu trở nên không khoan dung. Chính đó là điều giải thích tính hung bạo, lòng hận thù, sự truy hại, tức là những thứ thường thấy đi kèm theo các cuộc đại cách mạng chính trị và tôn giáo, như Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ XVI và chủ yếu là Cách mạng Pháp.

Một số giai đoạn trong lịch sử của chúng ta vẫn không thể hiểu được nếu chúng ta quên nguồn cội tình

cảm và thần bí của các tín ngưỡng, sự không khoan dung tất yếu của chúng, sự bất lực trong việc dung hòa chúng khi chúng đối diện với nhau, và cuối cùng là sức mạnh mà các tín ngưỡng thần bí trao cho những tình cảm bắt đầu phục vụ chúng.

Những quan niệm trên đây còn quá mới để có thể làm thay đổi tư tưởng của các nhà sử học. Trong thời gian dài nữa họ vẫn muốn giải thích bằng logic hợp lý cả một mớ những hiện tượng lạ lẫm đối với nó. Có nhiều sự cố, như Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ 16, đã làm đảo lộn nước Pháp trong suốt năm mươi năm ròng nhưng không hề bị chi phối bởi những ảnh hưởng thuần lý. Tuy nhiên, người ta vẫn luôn luôn viện dẫn chúng, ngay cả trong những cuốn sách gần đây nhất. Chính là vậy, chẳng hạn trong sách *Lịch sử đại cương* của các tác giả Lavissee và Rambaud, người ta đọc được lời giải thích như sau về Phong trào cải cách tôn giáo :

“Đây là một phong trào tự phát xảy ra ở nơi này nơi khác trong dân chúng, từ việc đọc kinh Phúc Âm và từ những suy nghĩ cá nhân tự do mà lòng tin rất xơ cứng và một lý lẽ táo bạo đã gieo vào lòng những con người giản dị.”

Ngược lại với những điều quyết đoán của các nhà sử học này, chúng ta có thể vững tin mà nói rằng, trước hết, những phong trào như vậy chưa bao giờ là tự phát và, tiếp theo, rằng lý lẽ không hề can dự vào việc chuẩn bị cho sự hình thành của chúng.

Sức mạnh của những niềm tin chính trị và tôn giáo từng thúc đẩy thế giới nổi dậy chính là ở chỗ chúng nảy sinh từ những yếu tố tình cảm và thần bí, còn lý tính không tạo ra và cũng không chuyển hóa chúng. Dù là chính trị hay tôn giáo, các tín ngưỡng đều có một nguồn cội chung và tuân theo những quy luật chung. Không phải là cùng với lý trí, mà thông thường hơn cả là ngược lý trí, những tín ngưỡng này đã được hình thành. Đạo Phật, Đạo Hồi, Phong trào cải cách tôn giáo thế kỷ XVI, Chủ nghĩa Jacobin, Chủ nghĩa Xã hội,... dường như là những dạng thức tư tưởng khác nhau rõ rệt. Tuy nhiên, chúng lại có cơ sở tình cảm và thần bí giống nhau và chịu sự chi phối của những logic không có quan hệ gần gũi nào với logic hợp lý.

Những cuộc cách mạng chính trị cũng có thể nảy sinh từ những đức tin hình thành trong tâm hồn, nhưng còn có nhiều nguyên nhân khác cũng tạo ra chúng. Mức độ bất mãn là một biểu hiện tổng hợp cho điều đó. Khi mà sự bất mãn trở thành phổ biến, một đảng sẽ được thành lập và sau đó thường trở nên đủ mạnh để đấu tranh chống lại chính phủ.

Sự bất mãn thông thường phải được tích lũy lâu dài để tạo hiệu ứng của mình, và chính vì thế mà một cuộc cách mạng không phải bao giờ cũng là một hiện tượng kết thúc và được tiếp nối bằng một hiện tượng khác đang bắt đầu, mà là một hiện tượng tiếp diễn có tác dụng đẩy nhanh nó chút ít. Tuy nhiên, mọi cuộc cách mạng hiện đại đều là những phong trào đột ngột kéo theo sự lật đổ tức thời các chính phủ. Có thể lấy ví dụ cách mạng Brasil, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc,...

Trái với những gì mà người ta có thể tin được, những dân tộc rất bảo thủ lại được ủy thác thực hiện những cuộc cách mạng bạo lực nhất. Do là những dân tộc bảo thủ, họ không biết cách tiến hóa chậm chạp để thích nghi với những biến đổi của môi trường và khi mà khoảng cách đã trở nên quá lớn, họ buộc phải thích nghi với chúng một cách đột ngột. Sự tiến hóa đột ngột đó chính là một cuộc cách mạng.

Những dân tộc có khuynh hướng thích nghi tăng dần cũng không tránh khỏi cách mạng. Chỉ cần một cuộc cách mạng là người Anh đã thành công, năm 1688, trong việc kết thúc cuộc đấu tranh dai dẳng từ hơn một thế kỷ trước đó giữa vương quyền tuyệt đối với dân tộc đang đòi hỏi tự quản lý đất nước bằng những đại biểu của mình.

Những cuộc cách mạng vĩ đại thường được bắt đầu từ trên xuống chứ không phải là từ dưới lên, song, một khi quần chúng nhân dân đã được kích động, thì cách mạng có được sức mạnh chính là nhờ họ. Rõ ràng là mọi cuộc cách mạng đều không thể tự diễn ra, và, vả chăng cũng không bao giờ chỉ diễn ra với

sự tiếp ứng của một nhóm có thể lực của quân đội. Vương quyền đã không biến mất ở Pháp vào ngày vua Louis XVI bị chém đầu, mà là vào một thời khắc xác định, khi các đạo quân vô kỷ luật của đế chế đã từ chối bảo vệ vương quyền.

Nhờ có sự lây lan trước hết là về tinh thần mà quân đội mất đi lòng trung thành, trở nên khá vô cảm, từ thăm sâu, đối với trật tự mới được tạo dựng. Kể từ thời điểm liên minh của một số sĩ quan thực hiện thành công việc lật đổ chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, các sĩ quan quân đội Hi Lạp cũng đã nghĩ tới chuyện bắt chước họ và thay đổi chính phủ, mặc dù chẳng có sự tương tự nào giữa hai chế độ của hai quốc gia này.

Một phong trào quân sự có thể lật đổ một chính phủ – và trong các nước cộng hòa thuộc Tây Ban Nha – các chính phủ đã bị lật đổ chỉ khác chút ít – nhưng để cho cách mạng kiểu đó gây ra được những hiệu ứng mạnh, nó phải luôn luôn có trong nền tảng của mình sự bất mãn đều khắp và những sự tuyệt vọng.

Nếu không trở nên phổ biến và cực đoan thì sự bất mãn không đủ để tạo ra cuộc cách mạng. Người ta có thể dễ dàng lôi kéo một nhóm người để phá phách, cướp bóc hoặc tàn sát, nhưng để thúc đẩy cả một dân tộc hoặc ít ra là một bộ phận to lớn của nó nổi dậy, thì phải có hành động lặp đi lặp lại của các thủ lĩnh. Họ từng thối phồng sự bất mãn, thuyết phục những người bất mãn rằng chính phủ là nguyên nhân duy nhất của mọi sự kiện đáng buồn, như nạn đói và đảm bảo rằng chế độ mới mà họ đề nghị sẽ tạo ra một kỷ nguyên mới tràn đầy hạnh phúc. Những tư tưởng này nảy mầm, lan truyền nhờ sự gợi mở, lây lan và thời khắc sẽ đến ở nơi mà tình thế cách mạng đã chín muồi.

Bằng cách đó, cuộc cách mạng Cơ đốc giáo và Cách mạng Pháp đã được chuẩn bị. Nếu Cách mạng Pháp thực hiện trong vài năm ngắn ngủi, còn cuộc cách mạng Cơ đốc giáo đòi hỏi một thời gian rất dài là bởi vì cuộc Cách mạng của chúng ta nhanh chóng có được sức mạnh của quân đội, trong khi Cơ đốc giáo chỉ nhận được sức mạnh vật chất rất muộn về sau. Trong những bước đầu, các đồ đệ duy nhất của nó là những người thấp kém, khiêm nhường, những người nô lệ được làm phấn khích bởi những lời hứa sẽ được thấy cuộc sống khốn khổ của mình trở nên một cõi vĩnh hằng đầy thú vui. Nhờ hiện tượng lây lan từ cơ sở đến cấp cao từng thấy không chỉ một lần trong lịch sử, học thuyết này rốt cuộc đã thấm vào các tầng lớp trên của dân tộc, nhưng phải mất một thời gian rất dài trước khi một vị hoàng đế tin vào tôn giáo mới khá phổ biến này để chấp nhận nó như một tôn giáo chính thống.

4. Những kết quả của các cuộc cách mạng chính trị

Khi một đảng giành thắng lợi, tất nhiên nó sẽ cố gắng tổ chức xã hội theo những lợi ích của mình. Như vậy, cách tổ chức xã hội sẽ khác nhau, tùy thuộc vào chỗ cuộc cách mạng ấy sẽ do các nhà binh, những người cấp tiến hay những người bảo thủ,... thực hiện. Những đạo luật và các thể chế mới sẽ phụ thuộc vào vào lợi ích của đảng giành thắng lợi và những giai cấp sẽ giúp đỡ đảng đó, như giới tăng lữ chẳng hạn.

Nếu chiến thắng có được sau những cuộc đấu tranh bạo lực, giống như vào thời điểm của cuộc Cách mạng Pháp, người chiến thắng sẽ gạt bỏ cả gói những công cụ của luật pháp cũ. Những người theo chế độ đã bị thất thế sẽ bị truy hại, trục xuất hoặc tiêu diệt.

Bạo lực tối đa trong tiến trình truy hại sẽ xảy ra, khi đảng giành chiến thắng, ngoài việc bảo vệ những lợi ích vật chất của mình, còn bảo vệ một tôn giáo. Khi đó, kẻ chiến bại không thể trông đợi một sự thương hại nào. Chính điều đó giải thích việc người Tây Ban Nha trục xuất những người Maures, hình phạt hỏa thiêu của tòa án dị giáo, sự tịch thu tài sản của Hội Quốc ước và những bộ luật mới đây chống lại các hội đoàn tôn giáo.

Uy quyền tuyệt đối mà kẻ chiến thắng tự gán cho mình đôi khi dẫn họ tới những biện pháp cực đoan, chẳng hạn ngang ngược tuyên bố, giống như vào thời kỳ Hội Quốc ước, rằng vàng sẽ được thay thế bằng giấy, và rằng hàng hóa sẽ được bán theo giá do họ định ra,... Kẻ chiến thắng sẽ sớm vấp phải bức

tường của sự nghèo túng không thể tránh được, điều sẽ khiến dư luận quay ra chống lại sự chuyên chế và sau cùng sẽ bỏ lại nó trong tình trạng bị tước hết vũ khí trước những cuộc tấn công, như đã từng xảy ra vào cuối cuộc Cách mạng của chúng ta. Đó cũng chính là điều đã xảy ra gần đây với một Nội các chính phủ xã hội Úc gồm hầu như toàn bộ thành viên là công nhân. Chính phủ này đã ban hành những đạo luật hết sức phi lý, dành cho các nghiệp đoàn những đặc quyền đến nỗi mà dư luận phải đứng lên đồng loạt chống lại và chỉ sau 3 tháng nó đã bị lật đổ.

Nhưng những trường hợp mà chúng tôi vừa liên hệ đều là ngoại lệ. Đại bộ phận các cuộc cách mạng được thực hiện để đưa lên ngôi một vị vua mới. Song, vị chúa tể này cũng biết rất rõ rằng điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của mình là không ưu ái quá mức cho một giai cấp duy nhất, mà phải cố gắng hòa giải tất cả. Để đạt đến điều đó, vị chúa tể này sẽ xây dựng một dạng cân bằng giữa các giai cấp, sao cho không một giai cấp nào vượt trội hẳn lên. Cho phép một giai cấp giữ địa vị thống trị cũng có nghĩa là tự buộc mình sớm phải coi nó như chúa tể. Đây là một trong những quy luật đáng tin cậy nhất của tâm lý học chính trị. Các ông vua của nước Pháp từng hiểu nó rất rõ, khi họ đấu tranh mạnh mẽ chống lại sự lấn tới trước hết là của giới quý tộc, tiếp sau là của giới tăng lữ. Nếu họ không làm như vậy, thì số phận của họ đã giống như của các hoàng đế Đức thời Trung cổ, những người đã bị chính các cha cố rút phép thông công, do vậy phải hạ mình thực hiện một cuộc hành hương, như Henri IV ở Canossa, để tới xin họ tha thứ một cách khúm núm.

Chính quy luật này đã luôn được kiểm chứng trong tiến trình lịch sử. Vào thời đoạn cuối của Đế chế La Mã, khi giai tầng chiến binh trở nên thống trị, các vị Hoàng đế đã phải phụ thuộc hoàn toàn vào những người lính, những người từng đưa họ lên ngôi và cũng đã từng phế truất họ theo ý thích của mình.

Như vậy là nước Pháp đã có một lợi thế lớn, vì được trị vì trong một thời gian dài bởi một vị vua gần như quân chủ tuyệt đối, được xem là đã duy trì quyền lực thiên chất của mình và do đó đã có uy lực đáng kể. Nếu không có một uy thế như vậy, chắc ông ta đã không thể bao quát được giới quý tộc phong kiến, giới tăng lữ và cả những Nghị viên. Nếu nước Ba Lan vào khoảng cuối thế kỷ XVI cũng có được một chế độ quân chủ tuyệt đối đáng kính nể, thì quốc gia này đã không bị suy đồi, biến mất trên bản đồ châu Âu.

Chúng tôi đã ghi nhận trong chương này rằng cách mạng chính trị có thể kéo theo những cải biến xã hội quan trọng. Chúng ta cũng sẽ sớm thấy những chuyển hóa mà cách mạng tôn giáo tạo ra nhỏ bé đến nhường nào.

Chương II. Những cuộc cách mạng tôn giáo

1. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu một cuộc cách mạng tôn giáo đối với việc tìm hiểu những cuộc cách mạng chính trị lớn

Một phần của công trình này sẽ được dành để trình bày về cuộc Cách mạng Pháp. Đó là một cuộc cách mạng đầy những bạo lực bắt nguồn một cách tự nhiên từ những nguyên nhân tâm lý.

Những sự kiện phi thường này luôn chứa đầy sự ngạc nhiên và thậm chí dường như không thể giải thích được. Tuy nhiên, chúng sẽ trở nên dễ hiểu, nếu ta chú ý rằng Cách mạng Pháp, trong khi tạo ra một tôn giáo mới, cũng từng phải tuân thủ những quy luật lan truyền của mọi tín ngưỡng. Khi đó, những sự cuồng nhiệt và những cuộc tàn sát trong cuộc cách mạng này sẽ trở nên rất dễ hiểu.

Khi nghiên cứu về một cuộc cách mạng tôn giáo lớn, chẳng hạn như Phong trào Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI, chúng ta sẽ thấy rằng số yếu tố tâm lý từng xuất hiện ở đây cũng đã thể hiện rõ trong cuộc Cách mạng Pháp. Trong cả hai cuộc cách mạng người ta đều ghi nhận sự ảnh hưởng yếu ớt của giá trị thuần lý mà một tín ngưỡng ảnh hưởng tới sự truyền bá của nó, sự vô hiệu của việc truy hại, tính bất khả hữu của lòng vị tha giữa những tín ngưỡng đối nghịch nhau, bạo lực và những cuộc đấu tranh vô vọng sinh ra từ sự xung đột của những tín ngưỡng khác nhau. Chúng ta còn quan sát thấy ở đây tình

trạng một tín ngưỡng bị lợi dụng bởi những lợi ích rất biệt lập của chính tín ngưỡng ấy. Sau cùng, chúng ta còn thấy là không thể làm thay đổi niềm tin của con người mà lại không làm thay đổi đời sống của họ.

Một khi những hiện tượng này đã được xác nhận, ta sẽ thấy rõ vì sao mà những sách cơ bản của Cách mạng đã được lan truyền bằng chính những phương pháp lan truyền của mọi sách Phúc Âm tôn giáo, như của tôn giáo Calvin chẳng hạn. Có lẽ không thể có cách lan truyền nào khác.

Nhưng nếu có những sự tương đồng rõ rệt giữa nguồn gốc phát sinh của một cuộc cách mạng tôn giáo như Phong trào Cải cách tôn giáo thế kỷ XVI với nguồn gốc của một cuộc cách mạng chính trị vĩ đại, như cuộc cách mạng Pháp, thì phần tiếp diễn xa xôi của chúng lại khá khác nhau, và điều đó giải thích thời gian tồn tại dài ngắn khác nhau của chúng. Trong những cuộc cách mạng tôn giáo, không một thực nghiệm nào có thể cho các tín đồ thấy được rằng họ bị nhầm lẫn, bởi vì họ phải lên tận trời cao mới biết được điều đó. Trong các cuộc cách mạng chính trị, cuộc thí nghiệm có thể cho thấy nhanh chóng sai lầm của các học thuyết và buộc người ta phải loại bỏ chúng đi.

Chính vì vậy mà vào cuối thời kỳ Đốc chính, việc ứng dụng những đức tin Jacobin đã đưa nước Pháp đến cảnh hoang tàn, nghèo khó bần cùng và vô vọng đến mức mà những người Jacobin dữ dằn nhất cũng đã phải tự mình từ bỏ hệ thống của chúng. Từ những luận thuyết của các tín ngưỡng này chỉ còn sót lại vài nguyên lý vốn không thể kiểm tra được bằng thực nghiệm, ví dụ như hạnh phúc toàn năng mà sự bình đẳng lẽ ra đã phải làm cho nó ngự trị ở xứ sở con người.

2. Những bước đầu tiên của Phong trào Cải cách tôn giáo và những tín đồ đầu tiên của nó

Cuộc Cải cách cuối cùng phải gây được ảnh hưởng sâu sắc tới tình cảm và tư tưởng đạo đức của nhiều người. Thừa ban đầu còn khiêm tốn, trước tiên nó chỉ là một cuộc đấu tranh đơn thuần chống lại sự lạm dụng của giới tăng lữ, và từ góc nhìn thực tế, nó là một sự trở lại với những giới điều của Phúc Âm. Nó chưa bao giờ là một khát vọng, ít ra là như người ta từng mong muốn, hướng tới sự tự do tư tưởng. Calvin cũng đã từng không khoan dung như Robespierre, và tất cả các nhà lý luận đương thời cho rằng tôn giáo của các thần dân cũng phải là tôn giáo của hoàng đế cai trị họ. Trong tất cả các nước, nơi mà cuộc Cải cách tôn giáo thực tế được thiết lập, nhà vua đã thay thế cha cô La Mã với quyền uy tương tự.

Do không có quảng cáo và các phương tiện thông tin liên lạc, tín ngưỡng mới đã được truyền bá lúc đầu khá chậm chạp ở Pháp. Chính là vào năm 1520, Luther đã tuyên bố được một số tín đồ, và mãi tới năm 1535 tín ngưỡng này mới được truyền bá đủ rộng để người ta cho là cần phải thiêu chết những đệ tử của nó.

Theo một quy luật logic học khá nổi tiếng, những cuộc hành hình chỉ tạo thêm thuận lợi cho sự truyền bá của Cuộc Cải cách. Những tín đồ đầu tiên của nó là những giáo sỹ và những quan tòa, nhưng chủ yếu vẫn là những người thợ thủ công không tên tuổi. Việc cải đạo của họ được tiến hành chủ yếu bằng con đường lây truyền tinh thần và âm thị.

Kể từ khi một tín ngưỡng mới lan truyền, người ta thấy tụ tập xung quanh nó nhiều người tuy thờ ơ với nó, nhưng lại tìm thấy ở đó cái cơ để thỏa mãn những đam mê và sự thèm muốn của họ. Hiện tượng này đã được quan sát thấy vào thời điểm của Cuộc Cải cách tại nhiều nước, cụ thể là tại Đức và Anh. Do được Luther chỉ ra rằng tầng lớp tăng lữ không cần của cải, các lãnh chúa Đức đã thấy một tôn giáo thật tuyệt, vì nó cho phép họ chiếm đoạt tài sản của nhà thờ. Henri VIII cũng đã làm giàu nhờ một hành động tương tự. Những ông vua thường bị làm khổ bởi các cha cô nói chung chỉ có thể nhìn một học thuyết bằng con mắt tán thưởng, vì nó bổ sung thêm vào quyền lực chính trị của họ cả quyền lực tôn giáo và biến mỗi người trong số họ thành một cha cô. Không hề có ý định giảm sự chuyên chế của các thủ lĩnh, cuộc Cải cách tôn giáo, do vậy, chỉ càng thổi phồng thêm nó.

3. Giá trị hợp lý của những luận thuyết thuộc Phong trào Cải cách tôn giáo

Phong trào Cải cách tôn giáo đã đảo lộn Châu Âu và suýt làm đổ nát nước Pháp mà nó đã biến thành bãi chiến trường trong suốt 50 năm. Chưa bao giờ một nguyên nhân, dưới góc nhìn hợp lý, không đáng kể đến vậy lại gây ra được những hiệu ứng lớn đến thế.

Đó là một trong vô số chứng cứ cho thấy rằng các tín ngưỡng lan truyền ngoài vòng mọi lý lẽ. Các luận thuyết thần học, trước hết là luận thuyết Calvin, khi đó từng khuấy động mạnh mẽ tâm hồn con người đến vậy, xét theo logic hợp lý, đều không đáng được kiểm nghiệm.

Rất lo lắng về sự cứu rỗi bản thân, trong khi phải nhận một nỗi sợ hãi quá mức từ quỷ dữ mà giáo sỹ rửa tội cũng không thể xoa dịu nổi, Luther đã phải tìm những phương tiện đáng tin cậy nhất để làm vừa lòng Chúa Trời nhằm tránh khỏi địa ngục. Sau khi bắt đầu bằng việc từ chối quyền bán sự xá tội của Giáo hoàng, ông ta đã phủ định hoàn toàn quyền lực của giáo sỹ và cả của Nhà thờ, lên án các thủ tục tôn giáo, việc xưng tội, việc tôn thờ các vị thánh, và đã tuyên bố rằng những người công giáo không cần phải theo những quy tắc đạo đức nào khác với Kinh thánh. Tuy nhiên, ông vẫn cho rằng người ta không thể được cứu rỗi mà không nhờ đến sự ban phước của Chúa Trời.

Lý thuyết sau cùng này với tên gọi là thuyết tiền định, còn đôi chút mơ hồ lung với Luther, đã được Calvin xác định rõ, và đã dùng làm nền cho chính một luận thuyết mà đến nay phần lớn những tín đồ đạo Tin Lành vẫn còn tuân thủ. Theo ông “Từ muôn đời, Chúa Trời đã định trước một số người phải bị thiêu, số khác lại được cứu rỗi”. Tại sao lại có sự bất công quỷ quái này? đơn giản “vì đây là ý muốn của Chúa Trời”.

Như vậy là, theo Calvin, người chỉ phát triển thêm một số điều quyết đoán của thánh Augustin, một Chúa Trời toàn năng mua vui cho mình bằng cách tạo ra những sinh linh đơn giản là để gửi xuống thiêu nơi trần gian suốt muôn đời mà không quan tâm đến hành động cũng như những công lao của họ! Thật là kỳ diệu khi một sự phi lý gây phẫn nộ đến vậy đã chinh phục được những tâm hồn suốt một thời gian dài đến thế và vẫn đang còn chinh phục rất nhiều nữa.

Tâm lý của Calvin không phải không có quan hệ gì với tâm lý của Robespierre. Cũng như Robespierre, người nắm được chân lý thuần khiết, ông ta đã gửi cho thần chết những ai không chia sẻ những luận thuyết của mình. Ông cam đoan rằng Chúa Trời muốn “người ta hi sinh toàn bộ loài người, khi phải cân nhắc vấn đề đấu tranh vì sự vinh quang của Người”.

Trường hợp của Calvin và những đồ đệ của ông ta cho thấy các sự vật xét về thuần lý mâu thuẫn với nhau bậc nhất lại có thể tự hòa giải một cách hoàn hảo trong những bộ óc bị thôi miên bởi một tín ngưỡng. Trong con mắt của logic hợp lý, dường như không thể đặt một đạo đức vào lý thuyết của thuyết định mệnh, vì mọi người, dù họ làm gì đi nữa, tin chắc rằng đều được cứu vớt hoặc bị đày xuống địa ngục. Vậy mà Calvin không hề gặp khó khăn nào trong việc tạo ra một đạo đức hết sức nghiêm khắc trên một nền tảng hoàn toàn phi logic. Tự coi mình là những người được Chúa Trời lựa chọn, những tín đồ của ông ta đã tỏ ra cao ngạo quá mức bởi ý thức về phẩm cách của mình, đến nỗi họ tin là được chỉ định để làm mẫu mực thông qua hành vi đạo đức của họ.

4. Sự lan truyền của cuộc Cải cách

Tín ngưỡng mới đã lan truyền không phải bằng những cuộc thảo luận, càng không phải bằng sự lập luận, mà là bằng cơ thức được mô tả trong công trình trước, nghĩa là bởi ảnh hưởng của sự khẳng định, của sự lặp lại, của sự lây truyền tinh thần và của uy thế. Những tư tưởng cách mạng đã được lan truyền sau đó ở Pháp cũng theo cách ấy. Những sự truy hại được chúng tôi nhắc tới ở trên chỉ càng tạo thêm thuận lợi cho sự lan truyền này. Mỗi cuộc hành hình đều đã dẫn tới những sự cải đạo mới, như từng thấy trong những thời kỳ đầu của Cơ Đốc giáo. Anne Du Bourg, cô vắn của Quốc hội, bị kết tội thiêu sống, vừa đi tới giàn thiêu vừa cổ vũ đám đông cải đạo. “Sự kiên cường của ông, theo lời kể của một người chứng kiến, đã tạo ra từ những người trẻ tuổi trong trường học nhiều người theo đạo Tin lành hơn cả những quyển sách của Calvin.”

Để ngăn cản những người bị hành hình nói chuyện với dân chúng, người ta đã cắt lưỡi của họ trước khi đưa đi thiêu sống. Nỗi ghê sợ của khổ hình còn được nhấn mạnh thêm bằng việc buộc các nạn nhân vào một sợi xích sắt để có thể đẩy họ vào giàn thiêu rồi lại kéo ra nhiều lần.

Nhưng không gì có thể khiến cho những tín đồ Tin lành chối bỏ tín ngưỡng mới, kể cả khi người ta hứa sẽ ân xá, sau khi đã cho họ cảm thấy hơi lửa.

Vào năm 1535, François đệ nhất, sau khi từ bỏ sự khoan dung tôn giáo thứ nhất, đã ra lệnh châm lửa cùng một lúc 6 giàn thiêu tại Paris. Còn Hội Quốc ước, như ta đã biết, chỉ giới hạn dùng một cỗ máy chém tại thành phố này. Có khả năng nỗi đau khổ của các nạn nhân không chắc là quá đau đớn. Người ta cũng đã từng nhận thấy tính dửng dưng của các tử sỹ Cơ Đốc giáo. Các tín đồ bị thôi miên bởi tín ngưỡng của họ, và ngày nay chúng ta biết có một số dạng thôi miên làm người ta mất cảm giác hoàn toàn.

Tín ngưỡng mới đã tiến triển nhanh chóng. Năm 1560 đã có 2 000 nhà thờ được cải cách tại Pháp và có nhiều lãnh chúa lớn lúc đầu khá dửng dưng đã trở nên tán đồng luận thuyết này.

5. Sự xung đột giữa những tín ngưỡng tôn giáo khác nhau. Tính bất khả hữu của sự khoan dung tôn giáo. Tôi đã từng nhắc lại rằng sự không khoan dung bao giờ cũng đi kèm với những tín ngưỡng mạnh.

Những cuộc cách mạng tôn giáo và chính trị đã cung cấp rất nhiều bằng chứng cho nhận xét này, và chúng tôi cũng chỉ ra rằng sự không khoan dung giữa các môn đệ của những tôn giáo gần gũi nhau còn lớn hơn nhiều so với giữa những người bảo vệ cho những tín ngưỡng xa nhau, ví dụ như đạo Hồi và đạo Cơ Đốc. Thực ra, nếu chúng ta xem xét những tôn giáo đã làm cho nước Pháp bị vò xé trong khoảng thời gian dài đến thế, chúng ta sẽ thấy chúng chỉ khác về tiểu dị. Cả Cơ Đốc lẫn Tin Lành đều yêu tha thiết cùng một Đức Chúa Trời và chỉ khác nhau về cách thức yêu mà thôi. Nếu lý trí đã chỉ đóng vai trò rất nhỏ bé trong việc xây dựng nên tín ngưỡng của họ, thì nó lại dễ dàng chỉ ra rằng Đức Chúa Trời khá dửng dưng trước việc các tín đồ yêu mình theo cách này hay cách khác.

Vì lý trí không thể gây ảnh hưởng đến não bộ của các tín đồ, nên những người Tin Lành và Cơ Đốc đã vẫn tiếp tục tranh đấu với nhau một cách tàn bạo. Tất cả những cố gắng của các vị vua nhằm hòa giải họ đều không đem lại kết quả. Catherine de Médicis, khi nhìn thấy mỗi ngày phe cải cách lại thêm lớn mạnh bất chấp mọi nỗi thống khổ và lôi cuốn vào hàng ngũ của mình một lượng đáng kể những nhà quý tộc và các quan chức chính quyền, đã mừng rỡ tưởng là mình có thể giải giáp họ bằng cách triệu tập một hội nghị các giám mục và các mục sư tại Poissy vào năm 1561 nhằm hợp nhất cả 2 luận thuyết. Một mưu chước như vậy cho thấy nữ hoàng thiếu hiểu biết đến chừng nào các quy luật của logic thần bí. Người ta sẽ không thể dẫn ra trong lịch sử ví dụ về một tín ngưỡng bị thu hẹp bằng con đường viện dẫn chứng cứ bác bỏ. Catherine de Médicis cũng không biết rằng nếu lòng khoan dung suy đến cùng còn có thể có được giữa những cá thể, thì nó lại không thể hiện thực hóa được giữa các cộng đồng. Mưu toan của bà đã bị phá sản hoàn toàn. Những nhà thần học được mời đến họp mặt đã nói thao thao bất tuyệt về những đoạn trích từ kinh thánh và những sự bất công, nhưng không một ai bị lung lay. Khi đó Catherine tin rằng tốt nhất là công bố một chỉ dụ, năm 1562, cho phép những người Tin Lành quyền tự tập để công khai ca tụng sự tôn thờ của mình.

Sự rộng lượng này mặc dù rất đáng khuyến khích trên quan điểm triết học, nhưng không mấy sáng suốt về phương diện chính trị, không thể đưa đến kết quả nào khác hơn là làm cho cả hai bên bức tức thêm. Tại miền Nam, nơi mà phái Tin Lành mạnh hơn cả, họ truy hại những người Cơ Đốc, mưu toan bắt họ phải cải đạo bằng bạo lực, cắt cổ họ nếu không đạt được ý muốn và cướp bóc các nhà thờ của họ. Tại những khu vực mà phái Cơ Đốc đông hơn, thì những người Cải cách cũng phải chịu những sự truy hại tương tự.

Những sự thù địch như vậy tất yếu phải dẫn đến nội chiến. Chính do vậy đã nảy sinh những cuộc chiến tranh gọi là chiến tranh tôn giáo khiến cho nước Pháp đầm máu suốt một thời gian dài. Những thành

phổ hoang tàn, vô số dân thường bị tàn sát và cuộc chiến đấu đã nhanh chóng được phủ màu tàn bạo đã man đặc trưng cho những cuộc xung đột tôn giáo hoặc chính trị mà chúng ta sẽ thấy lại ở phần sau, trong những cuộc chiến tranh của vùng Vendée.

Người già, phụ nữ, trẻ em, tất cả đều bị giết hại. Một lãnh chúa nào đó ở Oppède, chủ tịch quốc hội đầu tiên của xứ Aix đã tạo một mẫu hình qua việc ra lệnh giết trong khoảng thời gian 10 ngày với độ tàn ác đến mức tinh vi 3 000 người và triệt hạ 3 thành phố cùng 22 ngôi làng. Montluc, tổ tiên đáng kính của Carrier, đã sai chôn sống những người theo phái Calvin xuống giếng cho đến khi giếng đầy. Những người Tin Lành cũng không mềm mỏng hơn. Họ thậm chí đã không tha những nhà thờ Cơ Đốc và đã đối xử với những ngôi mộ cùng các bức tượng hoàn toàn giống như các đại biểu của Hội Quốc ước sau này sẽ phải đối xử với những ngôi mộ hoàng gia ở Saint-Denis. Do ảnh hưởng của các cuộc đấu tranh này, nước Pháp dần dần tan rã và đến giai đoạn cuối của triều đại Henry III, nó đã được chia thành những nước cộng hòa thành phố hợp bang thực sự nhỏ bé, tạo ra vô số quốc gia có chủ quyền. Quyền lực hoàng gia suy tàn. Các Nhà nước Blois công khai áp đặt tham vọng của mình cho vua Henry III khi đó đã chạy trốn khỏi thủ đô. Năm 1577, lữ khách Lippomano đi xuyên qua nước Pháp đã nhìn thấy các thành phố lớn như Orleans, Blois, Tours, Poitiers hoàn toàn bị tàn phá, các giáo đường và nhà thờ đổ nát, những ngôi mộ bị đập nát, vv. Đó là những nét đại thể về tình trạng của Pháp vào giai đoạn cuối Thời kỳ Đốc chính.

Trong các sự kiện của thời kỳ đó, có một sự kiện để lại kỷ niệm đen tối nhất, mặc dù có thể chưa phải là sự kiện giết chóc nhiều nhất, là vụ thảm sát ở Saint Barthélemy năm 1572, mà theo các sử gia, được thực hiện theo lệnh của Catherine de Medicis và Charles IX.

Không cần phải dùng tới một tâm lý học thật sâu để hiểu rằng không một vị vua nào lại có thể ra lệnh thực hiện một sự kiện như vậy. Saint-Barthelemy không phải là một tội ác của hoàng gia, mà là một tội ác do dân chúng gây nên. Catherine de Medicis, vì tin rằng sự tồn tại của mình và của nhà vua bị đe dọa bởi một âm mưu do bốn hoặc năm nhà lãnh đạo Tin Lành khi đó ở Paris chỉ huy, nên đã đem giết họ tại quê nhà theo những thủ tục đơn sơ thời ấy. Vụ thảm sát xảy ra sau đó đã được ông Batiffol giải thích rất tốt bằng những lời lẽ như sau:

“Với việc công bố những gì đã xảy ra, tin đồn lan truyền ngay lập tức khắp Paris rằng người ta đã tàn sát những nhà quý tộc Công giáo theo giáo phái Calvin, những người lính vệ binh, cảnh sát và cả người dân, mọi người đổ xô ra đường với vũ khí trong tay tham gia vào việc hành hình, và cuộc thảm sát tràn lan đã bắt đầu với tiếng la hét dữ dội “hãy xông vào bọn theo giáo phái Calvin, giết, giết!” Người ta đập chết, dìm chết, người ta treo cổ. Những gì diễn ra giống như thể một cơn lốc dị giáo tràn qua đây. 2.000 người đã bị giết tại Paris.”

Bằng con đường lây lan, dân chúng ở các tỉnh đã bắt chước sự kiện Paris và đã có từ sáu đến tám ngàn người Tin Lành bị tàn sát.

Khi thời gian đã hạ nhiệt đôi chút những thiên kiến tôn giáo, tất cả các nhà sử học, thậm chí cả những nhà sử học Cơ Đốc, cảm thấy buộc phải tỏ rõ sự phản nộ đối với Saint-Barthelemy. Bằng cách đó họ đã cho thấy những khó khăn trong việc dùng tâm tính của một thời đại này để tìm hiểu tâm lý của một kỷ nguyên khác.

Thực vậy, không những chưa từng bị chỉ trích, vụ Saint Barthélemy còn làm dấy lên một cảm hứng khôn tả trên toàn châu Âu Cơ đốc giáo. Philip II đã vui khôn xiết khi nhận tin này, và vị vua của nước Pháp thậm chí nhận được nhiều lời chúc tụng hơn cả việc giả sử ông chiến thắng một trận chiến lớn. Tuy nhiên, chính Đức Giáo Hoàng Gregory XIII là người đã thể hiện sự hài lòng sinh động nhất. Ông đã ra lệnh cho chế tác một mẫu huy chương để kỷ niệm sự kiện may mắn này, thắp lên ngọn lửa vui mừng, bắn đại bác, dự nhiều lễ nhà thờ và cho mời họa sĩ Vasari vẽ trên các bức tường của Vatican những cảnh tàn sát chính, sau đó gửi đến nhà vua Pháp một đại sứ với nhiệm vụ chúc mừng nhiệt liệt

hành động tốt của nhà vua. Chính là nhờ những chi tiết lịch sử với bản chất như vậy mà chúng ta có thể hiểu được tâm tính của các tín đồ. Những người Jacobin của Trào lưu Khủng bố đã có một tâm lý khá gần gũi với của Gregory XIII.

Đương nhiên là những người Tin lành không thờ ơ trước một cuộc tàn sát như vậy và họ đã đạt được những tiến bộ đến mức mà năm 1576 Henry III đã xuống thang, ban hành Sắc lệnh Beaulieu để dành cho họ quyền tự do hoàn toàn thờ phụng, tám cứ điểm và tại các nghị viện tổ chức các Ủy ban gồm một nửa là người Cơ Đốc giáo và một nửa là người theo giáo phái Calvin.

Những nhượng bộ mang tính cưỡng bức này cũng không đem lại sự bình yên. Một liên minh công giáo đã được thành lập do công tước de Guise đứng đầu và những trận chiến vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, cuộc chiến không thể kéo dài mãi mãi. Chúng ta đều biết Henry IV đã chấm dứt được tình trạng này trong một thời gian tương đối dài bằng việc từ bỏ những luận thuyết cải cách vào năm 1593 và ban bố Sắc lệnh Nantes.

Cuộc chiến đã dịu bớt nhưng không chấm dứt. Dưới thời Louis XIII, những người Tin Lành vẫn còn gây xáo động và năm 1627 Richelieu đã buộc phải vây hãm thành La Rochelle, khiến cho 15.000 người Tin Lành đã chết. Với thiên tư chính trị nhiều hơn là tôn giáo, vị Hồng Y danh tiếng này về sau đã tỏ ra rất khoan dung đối với những người cải cách.

Sự khoan dung này đã không thể kéo dài. Những tín ngưỡng đối lập nhau không thể đối diện với nhau mà không cố tìm cách tiêu diệt nhau, ngay từ lúc mà bên này cảm thấy đủ lực để thống trị bên kia.

Dưới thời Louis XIV, nhiều người Tin Lành trở nên yếu thế nhất đã bị buộc phải từ bỏ mọi cuộc tranh đấu và sống cuộc sống hòa bình. Số lượng của họ là khoảng 1.200.000 với hơn 600 nhà thờ do khoảng 700 mục sư phục vụ. Sự hiện diện của những phái dị giáo này trên đất Pháp là không thể chấp nhận được đối với giới Giáo sĩ Công giáo, nên để chống lại, họ đã sử dụng những cách quấy rối khác nhau. Nhưng vì kết quả không đáng kể, nên vào năm 1685 Louis XIV đã phải dùng đến biện pháp khủng bố đạo Tin Lành của long kỵ binh, gây ra cái chết của nhiều người, song cũng không thành công. Đã đến mức phải sử dụng những biện pháp tối hậu. Do áp lực của giới tăng lữ, đặc biệt là của Bossuet mà Sắc lệnh Nantes đã bị hủy bỏ và những người Tin lành buộc phải cải đạo hoặc phải rời khỏi nước Pháp. Cuộc di cư bi thảm này đã diễn ra trong một thời gian dài và người ta ước tính rằng nước Pháp đã mất đi 400.000 cư dân tràn đầy nghị lực, bởi vì đây là những người đã can đảm đặt lương tâm lên trên lợi ích của mình.

6. Kết quả của những cuộc cách mạng tôn giáo

Nếu chỉ phân xét các cuộc cách mạng tôn giáo qua lịch sử đen tối của Phong trào Cải cách, người ta sẽ lầm tưởng rằng chúng thật là bi thảm. Nhưng không phải vai trò của mọi cuộc cách mạng tôn giáo đều giống nhau và tác động khai hóa văn minh của nhiều trong số đó là đáng kể.

Bằng việc tạo ra sự thống nhất về đạo đức cho một dân tộc, chúng đã làm tăng đáng kể sức mạnh vật chất của dân tộc ấy. Chính điều đó đã được thấy rõ, khi một tín ngưỡng mới do Mahomet đem tới đã biến những bộ lạc nhỏ bé và bất lực của xứ Ả-rập thành một dân tộc thực sự đáng gờm.

Tín ngưỡng tôn giáo mới này không chỉ giới hạn ở việc làm cho một dân tộc trở nên thuần nhất. Nó đã đạt được điều mà không một triết thuyết hay một đạo luật nào có thể đạt được, đó là đã làm thay đổi đáng kể một thứ hầu như bất khả biến đổi: tâm tính của một chủng tộc.

Chúng ta có thể nhận ra điều đó ở thời điểm mà một cuộc cách mạng tôn giáo mạnh mẽ nhất từng được lịch sử ghi lại đã lật đổ một tôn giáo đa thần để thay bằng Thiên Chúa theo quan niệm của cư dân vùng đồng bằng Galilê thuộc xứ Palestin. Lý tưởng mới này đòi hỏi sự từ bỏ mọi niềm vui trần tục để đổi lấy cuộc sống cực lạc vĩnh cửu nơi thiên đường. Đương nhiên là một lý tưởng như vậy đã được dễ dàng chấp nhận bởi những người nô lệ, người nghèo, những người bị tước đoạt mất mọi niềm vui nơi trần thế, những người được hứa hẹn về một tương lai quyền rũ thay cho cuộc sống vô vọng. Nhưng lỗi

sông khắc khổ ấy đã được cả người nghèo cũng như người giàu dễ dàng chấp nhận và điều đó thể hiện trước hết chính là sức mạnh của một đức tin mới.

Cuộc cách mạng Kitô giáo không chỉ làm biến đổi phong tục tập quán, mà còn gây ảnh hưởng nổi trội suốt 2000 năm qua tới nền văn minh. Ngay khi một niềm tin tôn giáo chiến thắng, thì mọi yếu tố hợp phần của nền văn minh sẽ phải chuyển hóa để thích ứng một cách tự nhiên, và do vậy nền văn minh ấy sẽ sớm được chuyển đổi. Các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học, nghệ sĩ, triết gia chỉ đơn thuần biểu trưng hóa những ý tưởng của tín ngưỡng mới ấy trong các tác phẩm của mình.

Khi một đức tin tôn giáo hoặc chính trị nào đó đã toàn thắng, thì không những lý tính không thể gây ảnh hưởng gì đến nó, mà chính nó lại luôn tìm ra những lý do để luận giải, biện minh và ra sức áp đặt lý lẽ đó. Có lẽ số lượng những người thuyết giáo và những nhà thần học lúc ấy cũng phải ngang với thời đại Moloch (*một vị thần mạo xưng của xứ Tây Á đã từng được người ta hiến sinh nhân mạng - ND*) để chứng minh tính hữu ích của việc hiến sinh nhân mạng như đã từng diễn ra vào những thời đại khác nhằm tôn vinh Toà án dị giáo, Saint-Barthelemy và những cuộc thảm sát trong thời kỳ Khủng Bó (từ 9-1793- đến 7-1794 - ND).

Không nên trông chờ quá nhiều rằng các dân tộc chủ sở hữu của những tín ngưỡng mạnh sẽ dễ dàng vươn tới sự khoan dung. Những dân tộc duy nhất đã đạt tới điều đó trong thời cổ đại đều là những dân tộc theo tín ngưỡng đa thần. Những quốc gia đang thực hành nó trong thời hiện đại thực chất cũng có thể xem như là đa thần, bởi vì ở đây, chẳng hạn như tại Anh Quốc và Hoa Kỳ, đều có vô số những giáo phái khác nhau. Những cái tên giống nhau, nhưng trên thực tế họ lại tôn thờ những vị thần khá là khác nhau. Sự đa dạng về tín ngưỡng là nhân tố tạo ra sự khoan dung tốt cuộc cũng là nhân tố tạo ra điểm yếu của họ. Như vậy, chúng ta đang đứng trước một vấn đề tâm lý học cho đến nay vẫn chưa được giải quyết, đó là việc sở hữu một tín ngưỡng vừa mạnh lại vừa khoan dung.

Đoạn phân tích ngắn gọn trên đây đã cho thấy vai trò khá quan trọng của các cuộc cách mạng tôn giáo và sức mạnh của các tín ngưỡng. Dù cho giá trị lý tính của chúng yếu ớt, nhưng chúng đều đã dẫn dắt lịch sử và không để cho các dân tộc biến thành một đám mây bụi gồm những cá thể rời rạc và không có sức mạnh. Con người cần tín ngưỡng ở mọi lứa tuổi để định hướng tư duy và hướng dẫn hành vi của mình. Cho đến nay, vẫn không có một triết thuyết nào có thể thay thế được nó.

Chương III. Vai trò của các chính phủ trong các cuộc cách mạng

1. Sự kháng cự yếu ớt của các chính phủ trong các cuộc cách mạng

Nhiều quốc gia hiện đại như Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ, Ý, Áo, Ba Lan, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha, vv., từ một thế kỷ qua đã từng phải nếm trải cách mạng. Những cuộc cách mạng này đều có đặc điểm chung nhất là tính tức thời và sự dễ dàng bị lật đổ của các chính phủ bị tấn công.

Tính tức thời được giải thích khá tốt bởi tốc độ lây lan về tinh thần nhờ những công cụ hiện đại của quảng cáo. Sự kháng cự yếu ớt của các chính phủ còn đáng kinh ngạc hơn. Thực vậy, nó ngụ ý một sự bất lực toàn diện của các chính phủ dẫn tới tình trạng không hiểu và không dự đoán trước được bất cứ điều gì mà nguyên nhân là sự tin tưởng mù quáng vào sức mạnh của họ.

Sự dễ dàng bị lật đổ của các chính phủ bị tấn công thực ra không phải là một hiện tượng mới. Nó đã hơn một lần được ghi nhận, không chỉ trong các chế độ chuyên chế thường bị lật đổ bằng những cuộc mưu phản nơi cung đình, mà cả đối với những chính phủ được thông tin tường tận về hiện trạng của dư luận qua báo chí và qua những điệp viên của mình.

Trong số những cuộc sụp đổ tức thời ấy có một sự kiện gây ấn tượng nhất là sự lật đổ bắt nguồn từ những Pháp lệnh của Charles X. Vị vua này, như chúng ta biết, bị lật đổ chỉ trong vòng bốn ngày. Vị bộ trưởng tên là Polignac đã không thực hiện bất cứ một biện pháp phòng thủ nào, còn nhà vua thì tin vào sự bình an của Paris đến mức vẫn vào rừng đi săn. Quân đội không hề thù địch gì với nhà vua, cũng giống như trong thời Louis XVI, nhưng các đạo quân không được chỉ huy tốt đã rời rạc tan tác

trước sự tấn công của một số phần tử nổi dậy.

Cuộc lật đổ Louis-Philippe còn điển hình hơn nữa, bởi vì nó không xuất phát từ bất cứ một hành động chuyên chế nào của nhà vua. Vị vua này không hề bị hận thù như những gì đã diễn ra với Charles X, và sự sụp đổ của ông chỉ là hậu quả của cuộc nổi loạn nhỏ bé lẽ ra có thể dập tắt được dễ dàng.

Các nhà sử học cảm thấy khó hiểu, khi một chính phủ được thiết lập vững chắc, có quân đội hùng mạnh, lại có thể bị lật đổ bởi một đám những phần tử nổi loạn, nên đương nhiên đã gán cho sự sụp đổ của Louis-Philippe những nguyên nhân sâu xa. Nhưng trên thực tế sự bất lực của các tướng lĩnh chịu trách nhiệm bảo vệ ông mới là lý do thực sự.

Vì đây là một trong những trường hợp bổ ích nhất mà ta có thể trích dẫn, nên nó xứng đáng để ta dừng lại đôi chút. Nó đã được tướng Bonnal nghiên cứu cặn kẽ, theo những ghi chép của một nhân chứng mục kích là tướng de Elchingen. Một đạo quân tới 36.000 người khi đó có mặt tại Paris, nhưng sự bất lực và yếu kém của các cấp chỉ huy đã cản trở việc huy động. Những phản lệnh đã nối tiếp nhau, rồi sau cùng người ta đã cấm các binh sĩ bắn vào dân chúng, và ngoài ra còn cho phép đám đông trà trộn với các binh sĩ, một điều không gì có thể nguy hiểm hơn. Cuộc nổi loạn đã toàn thắng, mà không cần chiến đấu và đã bức nhà vua thoái vị.

Áp dụng những nghiên cứu trước đây của chúng tôi về tâm lý học đám đông vào trường hợp trên, tướng Bonnal cho thấy một cuộc nổi loạn đã có thể thắng thế và lật đổ được Louis-Philippe dễ dàng biết chừng nào. Trước hết nó chứng tỏ rằng nếu các cấp chỉ huy đã không mất trí hoàn toàn, thì chỉ cần một đội quân rất nhỏ bé cũng đã có thể ngăn cản được những người nổi loạn xâm nhập vào Nghị viện. Nghị viện ấy với thành viên gồm những người theo chủ nghĩa quân chủ chắc chắn là đã có thể đưa bá tước vùng Paris lên ngôi vua với sự nhiếp chính của bà mẹ.

Những sự kiện tương tự cũng đã xảy ra trong các cuộc cách mạng ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Những sự thật này cho thấy vai trò của các tình huống vận vật đi kèm trong những sự kiện lớn và chứng minh rằng chúng ta không nên nói quá nhiều về những quy luật chung của lịch sử. Nếu không có vụ bạo loạn lật đổ Louis-Philippe, chúng ta có lẽ sẽ không bao giờ có được nền Cộng hòa năm 1848, cũng không có Đế chế Thứ hai, không cả vụ Sedan, không có cuộc xâm lấn cũng như không bị mất vùng Alsace.

Trong những cuộc cách mạng mà tôi vừa nhắc tới, quân đội không hỗ trợ được gì, nhưng cũng không quay sang chống lại chính phủ. Đôi khi cũng có thể diễn ra theo cách khác. Chính quân đội lại thường là lực lượng làm cách mạng, như các trường hợp của Bồ Đào Nha và Thổ Nhĩ Kỳ. Cũng chính lực lượng quân đội đã thực hiện vô số sự chuyên hóa của các nước cộng hòa thuộc châu Mỹ Latinh. Khi một cuộc cách mạng được thực hiện bởi giới quân sự thì các nhà lãnh đạo mới đương nhiên bị phụ thuộc vào họ. Ở trên tôi đã nhắc lại rằng vào thời kỳ kết thúc của Đế chế La Mã, điều này đã xảy ra khi các hoàng đế bị những người lính lật đổ.

Hiện tượng này thỉnh thoảng cũng xảy ra trong thời hiện đại. Đoạn trích sau đây từ một tờ báo về cuộc cách mạng Hy Lạp cho thấy những gì khiến một chính phủ bị quân đội của mình không chế.

“Một hôm người ta thông báo rằng 80 sĩ quan hải quân sẽ từ chức nếu chính phủ không buộc những nhà lãnh đạo đã bị họ kết án nghỉ hưu. Một ngày khác, chính những nông dân làm thuê ở một trại lính canh của hoàng gia đã yêu cầu phân chia lại đất. Hải quân phản đối việc thăng chức đã hứa cho Đại tá Zorbas. Đại tá Zorbas, sau một tuần thương lượng đàm phán với trung úy Typaldos, đang đối đầu bằng sức mạnh với Chủ tịch Hội đồng. Trong thời gian này, Liên đoàn nghiệp hội đang lên án các sĩ quan hải quân. Một dân biểu yêu cầu đối xử với những sĩ quan này và gia đình của họ như những kẻ bất lương. Khi thuyền trưởng Miaoulis bắn vào quân nổi dậy, các thủy thủ, trước đó từng tuân theo trung úy Typaldos, đã trở lại với nhiệm vụ. Đây không còn là nước Hy Lạp hài hòa của Pericles và Themistocles. Đây đúng là một trại Agramant gồm ghiếc”.

Một cuộc cách mạng không thể xảy ra mà không có sự hỗ trợ hoặc ít ra là thái độ trung lập của quân đội, nhưng thông thường hơn cả là phong trào này khởi phát bên ngoài quân đội.

Đó là trường hợp của các cuộc cách mạng 1830 và 1848, rồi tiếp theo là 1870, dẫn đến sự lật đổ Đế chế bắt nguồn từ nỗi sỉ nhục đau buồn tại Pháp gắn với sự kiện đầu hàng ở Sedan.

Phần lớn các cuộc cách mạng bắt đầu diễn ra ở thủ đô rồi lan tỏa ra khắp đất nước theo con đường lan truyền; nhưng đó không phải là một quy luật hằng định. Chúng ta đều biết rằng trong tiến trình Cách mạng Pháp, các vùng Vendée, Bretagne và Miền Nam từng nổi dậy chống lại Paris một cách tự phát.

2. Sự kháng cự của các chính phủ có thể chiến thắng cách mạng như thế nào.

Trong hầu hết những cuộc cách mạng được liệt kê ở trên, chúng ta đã thấy các chính phủ đều bị tan rã do sự yếu ớt của họ. Chúng đều sụp đổ ngay khi bị người ta tấn công. Cuộc cách mạng Nga lại chứng minh rằng nếu chính phủ biết tự vệ một cách mạnh mẽ, thì có thể giành chiến thắng.

Chưa có bao giờ cách mạng lại đe dọa một chính phủ đến như vậy. Sau những thảm họa phải gánh chịu tại miền Đông và do những biện pháp cứng rắn của một chế độ độc đoán quá ngột ngạt, tất cả mọi giai tầng xã hội, bao gồm cả một phần quân đội và hải quân đã vùng lên.

Đường sắt, bưu điện, điện tín đã đình công, hoạt động giao thông liên lạc giữa các bộ phận khác nhau của đế chế khổng lồ này bị gián đoạn.

Các tầng lớp ở nông thôn, vốn chiếm phần đa số trong dân cư, đến lượt mình cũng bắt đầu chịu ảnh hưởng của bộ máy tuyên truyền cách mạng. Cuộc sống của người nông dân, và chẳng, cũng khá là khốn khổ. Họ bị ép buộc phải canh tác trên đất theo hệ thống Mir, nhưng lại không có quyền sở hữu nó.

Chính phủ đã quyết định ngay lập tức tìm cách tranh thủ giai tầng nông dân đông đảo này bằng cách chuyển hóa họ thành những chủ sở hữu đất. Chính phủ đã ban hành những luật chuyên biệt buộc các địa chủ bán cho nông dân một phần đất đai tài sản của mình và lập các nhà băng với một lượng vốn cần thiết cho người mua đất vay để thanh toán. Tiền cho vay phải được hoàn trả hằng năm bằng những lượng nhỏ trích từ số tiền thu được qua việc bán các nông sản.

Sau khi được đảm bảo về sự trung lập của người nông dân, chính phủ đã có thể chiến đấu chống lại những kẻ cuồng tín từng đốt cháy thành phố, đánh bom những đám đông và đã cố thực hiện một cuộc chiến không khoan nhượng. Chính phủ đã giết tất cả những người có thể bắt được. Sự hủy diệt này là phương pháp duy nhất được phát hiện kể từ khởi nguồn của mọi thời đại để tự vệ chống lại những phiến quân muốn tiêu diệt xã hội đương đại.

Chính phủ chiến thắng, tuy nhiên, cũng thấy cần phải đáp ứng những đòi hỏi hợp pháp của những bộ phận cư dân có tri thức của dân tộc. Một nghị viện đã được thành lập với trách nhiệm soạn thảo các bộ luật và kiểm soát việc chi tiêu.

Lịch sử cuộc Cách mạng Nga cho thấy làm cách nào để một chính phủ, mà mọi sự hậu thuẫn tự nhiên đều tuân tự sụp đổ, đã dùng sự khôn ngoan và những biện pháp cứng rắn để thắng được những trở ngại khủng khiếp. Có người đã nói rất đúng rằng không phải người ta lật đổ các chính phủ, mà chính là các chính phủ đã tự sát.

3. Những cuộc cách mạng được thực hiện bởi các chính phủ. Một số ví dụ: Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ,...

Chính phủ hầu như luôn luôn phải chống trả cách mạng và ít khi tự nó tiến hành cách mạng. Trong khi phản ánh những nhu cầu đương đại và dư luận chung, các chính phủ bước theo những nhà cải cách một cách rụt rè, chứ không đi trước họ.

Tuy nhiên, đôi khi có một số chính phủ đã mưu toan thực hiện những cải cách đột ngột mang tính cách mạng. Sự ổn định hay là sự bất ổn định trong tâm hồn dân tộc là nhân tố giải thích tại sao họ thành công hay thất bại trong những mưu toan ấy.

Họ thành công khi dân tộc mà chính phủ tìm cách áp đặt những thiết chế mới được kết thành từ những

bộ lạc bán móng muối, không có luật pháp cố định, không có truyền thống vững chắc, nghĩa là không có hồn cốt dân tộc mang tính văn hiến. Đó là trường hợp của nước Nga thời Pierre Đại đế. Chúng ta đều đã rõ việc ông cố gắng dùng quyền lực để Âu hóa những người Nga dở Âu dở Á. Nhật Bản là một ví dụ khác của kiểu cách mạng do chính phủ thực hiện, nhưng ở đây cái biến đổi là kỹ thuật, chứ không phải là hồn dân tộc của họ.

Cần phải có một vị vua chuyên chế rất mạnh mẽ, kết hợp trong mình một thiên tài để thực hiện thành công những nhiệm vụ như vậy, hay dù chỉ một phần nhiệm vụ ấy: Thông thường hơn cả, nhà cải cách thấy cả một dân tộc đứng lên trước mắt mình. Trái ngược với những gì xảy ra trong những cuộc cách mạng thông thường, khi đó vị vua chuyên chế giữ vai trò người cải cách, còn dân chúng – người bảo thủ. Chỉ cần quan sát kỹ đôi chút, ta có thể dễ dàng nhận ra rằng các dân tộc bao giờ cũng rất bảo thủ. Sự thất bại, và lại, thể hiện quy luật thông thường của những mưu toan này. Dù được thực hiện bởi những giai cấp lớp trên hay những giai tầng lớp dưới của xã hội thì các cuộc cách mạng cũng không làm thay đổi được hồn cốt của một dân tộc từng ổn định lâu dài. Chúng chỉ làm biến đổi những gì đã cũ kỹ theo thời gian và đã sẵn sàng để bị vứt bỏ.

Trung Quốc hiện là một trường hợp rất thú vị về sự bất khả thi đối với một chính phủ muốn đổi mới đột ngột những thể chế của một quốc gia. Cuộc cách mạng lật đổ triều đại của các vị vua Trung Hoa xưa cũ là hệ quả gián tiếp từ sự bất bình của dân chúng gây ra bởi những cải cách mà chính phủ định áp đặt trước đó với mong muốn cải thiện đôi chút cho đất nước. Sự gạt bỏ thuốc phiện và các trò chơi, việc cải cách quân đội, việc thành lập trường học đã kéo theo sự gia tăng thuế khóa, và điều đó cùng với chính những cuộc cải cách đã gây sự khó chịu lớn trong dư luận.

Một vài học giả Trung Quốc được đào tạo trong các trường học châu Âu, đã lợi dụng điều bất mãn này để thúc đẩy nhân dân nổi dậy và tuyên bố thành lập nhà nước cộng hòa mà một người Trung Hoa bình thường không thể có chút khái niệm nào.

Nền cộng hòa này chắc chắn là không thể duy trì được lâu dài, bởi vì xung lực sản sinh ra nó không phải là một vận động của tiến bộ xã hội, mà chỉ là một phong trào phản ứng. Thuật ngữ “cộng hòa” đối với một người Trung Quốc được trau dồi trí thức theo nền giáo dục Âu châu chỉ đơn giản là đồng nghĩa với sự giải thoát khỏi ách của các luật lệ, các quy tắc và mọi sự câu thúc từ hàng trăm năm. Sau khi cắt đi lọn tóc tết, chụp lên đầu mình chiếc mũ lưỡi trai và tuyên bố mình là người Cộng hòa, một người thanh niên trẻ tuổi Trung Quốc nghĩ rằng có thể thả phanh cho mọi bản năng của mình. Và chẳng, điều này có một chút nào đó giống như ý tưởng mà một bộ phận dân chúng Pháp từng chiết xuất ra từ Nền Cộng hòa vào thời điểm của Đại Cách mạng Pháp.

Bản thân Trung Quốc cũng sẽ sớm khám phá ra những gì sẽ xảy đến với một xã hội bị cắt đứt với rường cột từng được xây đắp một cách chậm chạp trong quá khứ. Sau một số năm vô chính phủ đẫm máu, nhà nước này sẽ phải phục hồi một chính quyền mà tính độc tài tất yếu sẽ phải cứng rắn hơn rất nhiều so với chế độ đã bị lật đổ. Khoa học vẫn chưa phát minh ra được cây đũa thần khả dĩ duy trì một xã hội không kỷ luật. Không hề có nhu cầu áp đặt một xã hội như vậy, khi mà nó đã trở thành cha truyền con nối, nhưng một khi đã để cho các bản năng sơ đẳng hủy hoại những rào cản được dựng nên bằng những tích lũy chậm chạp của cha ông, thì nó chỉ có thể được tái tạo bằng một nền độc tài mạnh mẽ hơn.

Chúng tôi có thể dẫn thêm bằng chứng cho những điều quả quyết này bằng một ví dụ tương tự như Trung Quốc lấy từ trường hợp Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Vài năm trước, một số người trong giới trẻ được đào tạo tại các trường học Âu châu và tràn đầy thiện chí, với sự hỗ trợ của nhiều sĩ quan, đã lật đổ được một ông vua độc tài đến mức dường như không thể chịu nổi. Tiếp thu được lòng tin Latinh vững chắc của chúng ta vào sức mạnh thần kỳ của những công thức, họ đã hình dung thấy khả năng tạo dựng một chính thể đại nghị trong một đất nước bán văn minh và bị chia rẽ sâu sắc bởi hận thù tôn giáo và

đa chủng tộc.

Toan tính đó cho đến nay vẫn chưa thành công. Các tác giả của cuộc cải cách đã phải thừa nhận rằng mặc dù họ theo chủ nghĩa tự do, nhưng vẫn buộc phải cai trị đất nước bằng những phương pháp rất giống với những gì của chế độ đã bị lật đổ. Họ đã không thể ngăn chặn cả sự hành quyết giản đơn cũng như những cuộc tàn sát giáo phái Kitô trên quy mô lớn, cũng không sửa được thói tham nhũng. Sẽ là không công bằng nếu ta khiển trách họ. Thực ra họ đã có thể làm được những gì để chuyển hóa một dân tộc có truyền thống ổn định từ lâu đời, những đam mê tôn giáo cao độ, và là nơi mà thiểu số Hồi giáo lại có tham vọng hợp pháp quản trị bằng luật lệ của họ cái thành phố linh thiêng theo tín ngưỡng của họ? Làm sao có thể ngăn chặn đạo Hồi giữ mãi địa vị quốc giáo trong một đất nước mà luật dân sự và luật pháp tôn giáo còn chưa tách bạch với nhau và là nơi mà đức tin vào kinh Coran là mối liên kết duy nhất giúp duy trì ý tưởng về tổ quốc?

Việc phá bỏ một trật tự như vậy là rất khó khăn và vì vậy chúng ta buộc phải chứng kiến như là một định mệnh sự khôi phục của một tổ chức chuyên chế dường như tương đồng với thể chế lập hiến, nghĩa là đại loại giống như chế độ cũ. Những phác thảo này cho ta một ví dụ khá điển hình về sự bất khả thi, khi những dân tộc buộc phải lựa chọn những thể chế cho mình trước khi thay đổi tâm trí của chính họ.

4. Các yếu tố xã hội vượt qua được những sự thay đổi chính phủ sau những cuộc cách mạng.

Những gì chúng tôi sẽ trình bày ở phần sau về tính ổn định của hòn cốt quốc gia sẽ giúp hiểu được sức mạnh của những chế độ được thiết lập từ lâu đời, như chế độ quân chủ, chẳng hạn. Một vị vua có thể bị lật đổ dễ dàng bởi những kẻ mưu phản, nhưng chính họ lại không có lực để chống lại những nguyên tắc mà vị vua ấy là hiện thân. Napoleon thất thế lại không được thay bằng người kế vị tự nhiên của mình mà là bởi người kế vị của các vị vua. Người kế vị này là hiện thân của một nguyên tắc xưa, trong khi con trai của Hoàng Đế lại chỉ thể hiện những tư tưởng còn chưa ghi dấu vững chắc trong những tâm hồn.

Chính vì lý do này mà một vị bộ trưởng, cho dù khéo léo đến đâu trong con mắt mọi người, những công trạng đối với đất nước mà ông ta đạt được cho dù lớn đến đâu, thì cũng rất hiếm khi có thể lật đổ đức vua của mình. Chính Bismarck cũng không thể thành công trong việc này. Vị bộ trưởng vĩ đại này đã một mình thống lĩnh được cả nước Đức, vậy mà vị chúa tể của ông ta chỉ cần một cái búng ngón tay đã khiến ông phải biến đi. Một con người không là gì trước một nguyên tắc đã được công luận bảo vệ. Nhưng kể cả khi vì những lý do khác nhau, nguyên tắc mà một chính phủ là hiện thân đã bị xóa sạch cùng với nó, như đã từng xảy ra vào thời khắc của cuộc Cách mạng Pháp, thì mọi yếu tố tổ chức của xã hội cũng không mất đi cùng một lúc.

Nếu chỉ hiểu biết về nước Pháp qua những sự đảo lộn từ hơn một thế kỷ qua, người ta có thể cho rằng đất nước này đang sống trong một tình trạng vô chính phủ sâu sắc. Vậy mà trong kinh tế, đời sống công nghiệp, thậm chí cả đời sống chính trị, trái lại, luôn thể hiện một sự tiếp nối liên tục dường như độc lập với tất cả những thay đổi và tất cả các thể chế.

Chính là bên lề những sự kiện lớn mà sử học quan tâm còn có những sự kiện nhỏ nhất của cuộc sống thường nhật mà sách vở bỏ qua, không chấp nối. Chúng bị lấn át bởi những nhu cầu khẩn thiết luôn thúc bách. Trong tổng thể, chúng kết thành cốt lõi của đời sống thực của một dân tộc.

Trong khi việc nghiên cứu các sự kiện lớn cho thấy rằng chính phủ danh nghĩa của nước Pháp thay đổi khá thường xuyên từ hơn một thế kỷ qua, thì việc phân tích các sự kiện nhỏ nhất hàng ngày lại chứng tỏ điều ngược lại rằng chính phủ thực tế của nó chỉ biến đổi rất ít.

Vậy những ai là người thực sự dẫn dắt một dân tộc? Trong những tình huống trọng đại thì không nghi ngờ gì rằng đó là các ông vua và các vị bộ trưởng, nhưng vai trò của họ thật sự là bằng không trong những thực tiễn nhỏ bé kết thành đời sống mỗi ngày. Các lực lượng dẫn đường thực sự của một nước là các cơ quan chính quyền được cấu thành từ những phần tử không có bản sắc mà các thay đổi về chế

độ không bao giờ với tới. Là nhân tố lưu giữ truyền thống, các chính quyền có sự khuyết danh và độ bền lâu và tạo thành một sức mạnh huyền bí mà khi đối diện với nó thì mọi thế lực khác đều phải cúi đầu. Hành tung của nó thậm chí đã đến mức, như chúng tôi sẽ chỉ ra trong công trình này, có thể gây hiểm họa dựng nên một Nhà nước đầu tên, còn mạnh hơn cả Nhà nước chính thức. Do vậy mà nước Pháp đã dần dần rơi vào tình trạng bị điều hành bởi các ông chủ văn phòng và các thầy ký. Càng nghiên cứu nhiều hơn về lịch sử của các cuộc cách mạng, người ta càng nhận ra rõ hơn rằng chúng chỉ làm thay đổi chút ít những mặt tiền. Làm cách mạng thì dễ, thay đổi tâm hồn của một dân tộc lại rất khó.

Chương IV. Vai trò của nhân dân trong các cuộc cách mạng

1. Tính ổn định và tính dẻo dai của tâm hồn dân tộc.

Sự hiểu biết về một dân tộc tại một thời điểm nào đó trong lịch sử đòi hỏi những kiến thức về nơi chốn và trước hết là về quá khứ của nó. Về mặt lý thuyết, người ta có thể chối bỏ cái quá khứ ấy, như những người Cách mạng và nhiều kẻ đầu cơ chính trị thời nay đã làm, nhưng ảnh hưởng của quá khứ ấy sẽ mãi là bất diệt.

Trong cái quá khứ được kiến tạo bằng những sự tích tụ chậm chậm và lâu đời đã hình thành nên tổ hợp của những tư tưởng, tình cảm, truyền thống và cả những thành kiến, kết thành tâm hồn dân tộc là cội nguồn sức mạnh của một giống người. Không có nó, không thể có sự tiến bộ. Mỗi thế hệ mới đều sẽ cần đến một sự bắt đầu lại.

Tổ hợp những yếu tố kết thành tâm hồn của một dân tộc chỉ bền chặt trong điều kiện có một độ cố kết nhất định, nhưng độ cố kết ấy không nên vượt quá mức giới hạn mà tại đó tính mềm dẻo không còn tồn tại.

Không có tính cố kết, tâm hồn tổ tiên sẽ không còn bất kỳ tính cố định nào và không có tính mềm dẻo thì nó sẽ không thể thích ứng với những đổi thay của môi trường nảy sinh từ những tiến bộ của nền văn minh.

Sự vượt quá chuẩn về tính mềm dẻo của tâm hồn dân tộc sẽ đẩy dân tộc ấy vào những cuộc cách mạng liên miên. Sự vượt quá chuẩn của tính cố kết sẽ đưa nó đến suy tàn. Các loài sinh vật, cũng như các giống người, sẽ biến mất khi chúng quá ổn định bởi một quá khứ lâu dài, trở nên không có khả năng thích ứng với những điều kiện tồn tại mới.

Có ít dân tộc từng biết cách thực hiện sự cân bằng chuẩn giữa hai phẩm chất đối nghịch này, tức là giữa tính ổn định và tính mềm dẻo linh hoạt. Những người La Mã thời cổ đại và những người Anh thời hiện đại có thể xem như thuộc số những dân tộc đạt được điều đó một cách tốt nhất.

Những dân tộc với tâm hồn quá ổn định thường làm những cuộc cách mạng nhiều bạo lực nhất. Vì không biết cách tiến hóa từ từ và thích nghi với những biến đổi của môi trường, họ đành phải thích ứng với nó theo cách dữ dội, một khi việc thích ứng ấy trở nên cần thiết.

Sự ổn định chỉ đạt được một cách rất chậm chạp. Lịch sử của một giống người trước hết là câu chuyện thuật lại những cố gắng lâu dài để ổn định tâm hồn của nó. Khi không đạt được điều đó, nó trở thành vô số những kẻ tàn bạo không có sự gắn bó và sức mạnh. Sau những cuộc xâm lược vào cuối thời Đế chế La Mã, nước Pháp đã phải dành ra nhiều thế kỷ để tạo dựng cho mình một tâm hồn dân tộc.

Quốc gia này cuối cùng đã đạt được điều đó, nhưng trong dòng chảy của nhiều thế kỷ, tâm hồn dân tộc này kết cục đã trở nên cố kết quá mức. Nhà nước quân chủ cổ đại, với tính mềm dẻo linh hoạt trội hơn đôi chút, đã tự chuyển đổi một cách chậm chạp, giống như nó đã từng thực hiện ở những nơi khác và, nhờ có cuộc cách mạng và những hệ quả của nó, chúng ta đã tránh được nhiệm vụ nặng nề tái tạo cho mình một tâm hồn dân tộc.

Những nhận định trên đây cho thấy vai trò của giống người trong sự phát sinh ra những đảo lộn và giải thích tại sao cùng một cuộc cách mạng mà lại tạo ra những hiệu ứng khác nhau đến thế đối với những

dân tộc khác nhau; chẳng hạn, vì sao những lý tưởng của cuộc Cách mạng Pháp lại được một số dân tộc tiếp nhận với lòng nhiệt tình cao độ, trong khi lại bị một số dân tộc khác tẩy chay. Không nghi ngờ gì rằng nước Anh, tuy là một quốc gia rất ổn định, đã phải nếm trải hai cuộc cách mạng và giết chết một vị vua, nhưng cái khuôn nền tảng tinh thần của nó vừa khá ổn định để bảo vệ những thành quả của quá khứ, lại cũng khá mềm dẻo để chỉ sửa đổi nó trong những giới hạn cần thiết. Nó không bao giờ nghĩ tới việc phá bỏ di sản của tổ tiên, như những nhà lãnh đạo của Cách mạng Pháp đã làm, nhằm tái tạo một xã hội mới nhân danh lẽ phải.

“Trong khi một người Pháp, A. Sorel viết, coi thường chính phủ của mình, khinh ghét giới tăng lữ, căm thù tầng lớp quý tộc, và nổi loạn chống lại luật pháp, thì một người Anh lại tự hào về tôn giáo của mình, hiến pháp của mình, giới quý tộc của mình và Thượng nghị viện của mình.

Những cái đó cũng giống như biết bao ngọn tháp của ngôi pháo đài tuyệt vời, nơi anh ta từng núp dưới cờ Anh quốc, để phán xét châu Âu và dồn lên nó những lời khinh miệt của mình. Anh ta đã chấp nhận rằng mặc dù ở bên trong pháo đài người ta từng tranh nhau quyền chỉ huy, nhưng hoàn toàn không nên để cho một người ngoài động đến chuyện này.”

Vai trò của giống người trong số phận của các dân tộc cũng còn thấy rõ trong lịch sử những cuộc cách mạng liên miên tại các quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha ở châu Mỹ. Được hợp thành từ những người con lai, tức là những cá thể với những tính di truyền khác nhau đã làm phân ly những tính cách của tổ tiên, các dân tộc này không có được tâm hồn dân tộc và do vậy không hề có tính ổn định. Một dân tộc gồm những người lai bao giờ cũng khó có thể cai trị được. Nếu chúng ta muốn làm chính xác thêm những sự khác nhau do chủng người tạo nên về những khả năng chính trị của các dân tộc, thì cần phải nghiên cứu chính dân tộc ấy được cai trị lần lượt bởi hai chủng người khác nhau.

Sự kiện này không hiếm trong lịch sử. Nó mới diễn ra gần đây một cách đáng kinh ngạc tại Cuba và Philippinnes, những nước đã chuyển từ sự đô hộ của Tây Ban Nha sang sự đô hộ của Hoa Kỳ một cách tức thời.

Chúng ta đều biết nước Cuba đã sống nghèo khổ và vô chính phủ đến mức nào dưới thời đô hộ của Tây Ban Nha, nhưng chúng ta cũng biết hòn đảo này đã thịnh vượng đến mức nào chỉ sau mấy năm rơi vào tay Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Trải nghiệm tương tự cũng thấy qua ví dụ Philippines, một quốc gia bị Tây Ban Nha thống trị suốt nhiều thế kỷ. Đất nước này cuối cùng đã quyết định chấm dứt hoàn toàn cảnh sống như một đầm lầy rộng lớn, cái nôi của những dịch bệnh đủ loại, trong đó người dân sống lay lắt nghèo khổ, không có thương mại và công nghiệp. Chỉ sau mấy năm thống trị của Hoa Kỳ, xứ sở này đã hoàn toàn thay đổi, nạn sốt rét, sốt vàng, bệnh dịch hạch, dịch tả đã biến mất. Những đầm lầy đã được tháo khô; lãnh thổ đã được phủ một mạng đường sắt, nhà máy và trường học. Trong vòng 13 năm, tỉ lệ người chết đã giảm được hai phần ba.

Chính những ví dụ này cần phải được đưa đến cho các nhà lý luận còn chưa hiểu được nội hàm sâu xa của chữ chủng tộc, giống người, và tâm hồn tổ tiên của một dân tộc chi phối số phận của dân tộc ấy đến mức nào.

2. Nhân dân hiểu cách mạng như thế nào.

Vai trò của nhân dân đã không thay đổi trong mọi cuộc cách mạng. Không bao giờ tự nó nghĩ ra và cũng không tự nó điều khiển. Hành động của nó là do các nhà lãnh đạo kích động nên.

Chỉ khi nào những lợi ích trực tiếp của nhân dân bị xâm hại, người ta mới thấy, như mới đây ở vùng Champagne, một bộ phận nhân dân nổi dậy một cách tự phát. Một phong trào mang tính khu trú như vậy chỉ đơn thuần là một cuộc nổi loạn.

Cách mạng sẽ dễ dàng khi các lãnh tụ của nó có ảnh hưởng lớn. Các nước Bồ Đào Nha và Brasil mới đây là những bằng chứng về điều đó. Nhưng các lý tưởng mới chỉ thâm nhập được vào nhân dân với

một mức chậm đến cực độ. Nhìn chung, họ chấp nhận một cuộc cách mạng mà không cần biết là vì sao, và khi ngẫu nhiên họ hiểu được cái vì sao ấy thì cuộc cách mạng đã kết thúc từ lâu rồi.

Nhân dân làm cách mạng là vì người ta đẩy họ vào cuộc, mà không hiểu được gì nhiều về những tư tưởng của các lãnh tụ cách mạng. Nhân dân lý giải những điều đó theo cách của mình và cách ấy lại hoàn toàn không phải là cách của những tác giả đích thực của phong trào. Về điều này, cuộc Cách mạng Pháp cung cấp một ví dụ gây ấn tượng mạnh.

Cuộc Cách mạng Pháp 1789 có mục tiêu thực tế là thay thế chính quyền của giới quý tộc bằng chính quyền của giới tư sản, nghĩa là thay thế một tinh hoa cổ đã trở nên bất lực bằng một tinh hoa mới đang sở hữu nhiều năng lực.

Đã có vấn đề nhỏ về nhân dân vào pha đầu cách mạng. Quyền tối thượng của nhân dân đã được tuyên bố, nhưng chỉ được thể hiện qua quyền bầu ra những người đại diện của mình.

Phần lớn thất học, không hi vọng như giới tư sản được leo lên những bậc thang xã hội, hoàn toàn không cảm thấy bình đẳng với giới quý tộc và cũng không cầu mong trở thành quý tộc, nhân dân từng có những cái nhìn và những mối quan tâm khác xa với các giai cấp bậc cao của xã hội.

Cuộc đấu tranh của Quốc hội với chính quyền quân chủ đã lôi cuốn nhân dân vào cuộc chiến này. Họ can dự ngày càng nhiều hơn vào cuộc chiến và cuộc Cách mạng tư sản đã nhanh chóng trở thành cuộc Cách mạng nhân dân.

Một lý tưởng vốn không có lực lượng và chỉ có tác động một khi có một nền tảng cảm xúc và thần bí làm chỗ dựa, nên các ý tưởng lý thuyết của giới tư sản, để có thể tác động tới nhân dân, phải tự biến đổi thành một niềm tin mới để thấy là nó xuất phát từ những lợi ích thực tế hiển nhiên.

Sự chuyển hóa này được thực hiện nhanh chóng, khi nhân dân nghe thấy những người mà họ dự kiến là chính phủ cam đoan với họ rằng họ ngang hàng với những ông chủ cũ của mình. Khi đó họ tự thấy mình như một nạn nhân và bắt đầu cướp bóc, đốt phá, giết chóc, trong khi vẫn tưởng như đang sử dụng một quyền được phép làm.

Sức mạnh to lớn của các nguyên lý cách mạng là sớm thả phanh cho những bản năng mông muội nguyên thủy từng được kìm nén bởi những tác dụng ức chế hàng thế kỷ của môi trường, truyền thống và luật pháp.

Tất cả những cái phanh xã hội mà trước kia từng dồn nén quần chúng, đã tự sụp đổ hàng ngày, nên người ta từng có một khái niệm về một quyền lực không giới hạn và một niềm vui thấy những ông chủ cũ của mình bị săn đuổi và bị lục soát. Liệu sau khi trở thành nhân dân - chủ nhân ông thì quần chúng có thể cho phép mình làm bất cứ điều gì không?

Khẩu hiệu Tự do, Bình đẳng, Bác ái, sự biểu hiện thực sự của lòng tin và của hi vọng vào buổi đầu Cách mạng, ngay sau đó sẽ không còn chỉ dùng để che đậy bằng một sự biện bạch hợp pháp những thói háms lợi, ghen tị, thù hận những sự trịch thượng, những động cơ thực của các đám đông mà không một nguyên tắc nào còn kìm nén được nữa. Đó là lý do vì sao mà chỉ trong một thời gian ngắn ngủi đến thế người ta đã rơi vào sự ô hợp, bạo lực và vô chính phủ.

Bắt đầu từ thời điểm mà Cách mạng chuyển từ giới tư sản xuống những giai tầng bình dân, nó đã chấm dứt vai trò thể hiện một sự thống trị của lý tính đối với bản năng và ngược lại đã trở thành một ứng lực để bản năng thống trị lý tính.

Sự chiến thắng hợp pháp này của những bản năng mang màu sắc lại giống là rất đáng sợ. Mọi cố gắng của các xã hội – sự cố gắng cần thiết để chúng tồn tại – đã luôn luôn nhằm kìm nén, nhờ vào sức mạnh của truyền thống, phong tục tập quán và những bộ luật, một số bản năng tự nhiên di truyền lại cho con người từ bản tính sinh vật nguyên thủy của mình. Có thể không chế được chúng – và một dân tộc càng văn minh càng không chế được tốt hơn –, nhưng người ta không thể phá bỏ được chúng. Ảnh hưởng của những tác nhân kích động khác nhau dễ làm cho chúng tái hiện. Chính vì vậy, sự giải phóng những

ham muốn dân đã là rất nguy hiểm. Một dòng lũ ông khi đã thoát ra khỏi lòng suối, sẽ không rút đi mà không gây ra những sự tàn phá: “Trời chu đất diệt kẻ nào đã khuấy đảo tầng đáy của một dân tộc, Rivarol đã nói như vậy ngay từ ngày đầu Cách mạng. Không hề có thể kỷ ánh sáng đối với bình dân.”

3. Vai trò giả định của nhân dân trong tiến trình các cuộc cách mạng

Các quy luật tâm lý học đám đông cho thấy một dân tộc không bao giờ hành động mà không có người lãnh đạo, và rằng nếu nhân dân góp một phần đáng kể vào các cuộc cách mạng trong khi vẫn luôn tuân theo và khuếch đại những xung lực đã tiếp nhận, họ không bao giờ lãnh đạo những phong trào mà mình đang thực hiện.

Trong tất cả những cuộc cách mạng chính trị, người ta đều tìm thấy tác động của các nhà lãnh đạo. Họ không tạo ra những tư tưởng dùng làm chỗ dựa cho cách mạng, mà sử dụng chúng như những phương tiện hành động. Các lý tưởng, các lãnh tụ, quân đội và những đám đông là bốn yếu tố có vai trò riêng của mình trong mọi cuộc cách mạng.

Đám đông, được các nhà lãnh đạo thúc đẩy nổi dậy, hành động trước hết bằng số lượng đông đảo của mình. Tác động của nó có thể so sánh với tác động của viên trái phá khi nó xuyên thủng tấm lá chắn nhờ tác dụng của một lực mà không do chính nó tạo ra. Hiếm khi đám đông thấu hiểu được điều gì trong các cuộc cách mạng mà chính họ góp sức thực hiện. Nó ngoan ngoãn đi theo các lãnh tụ mà không tìm cách đoán xem các vị ấy muốn gì. Đám đông đã lật đổ Charles X với nguyên nhân trực tiếp là những sắc lệnh của vị vua này mà không hề hiểu biết gì về nội dung của những sắc lệnh ấy, và người ta sẽ khiến họ rất lúng túng khi sau đó chất vấn vì sao họ đã lật đổ Louis-Philippe.

Bị huyền hoặc bởi những vẻ bề ngoài, nhiều tác giả, từ Michelet đến M. Aulard, từng tin rằng chính nhân dân đã làm cuộc Cách mạng Pháp vĩ đại.

“Người hành động chủ chốt là nhân dân.” Michelet đã nói.

“Sẽ là sai lầm nếu nói rằng cuộc Cách mạng Pháp đã được thực hiện bởi vài cá nhân xuất chúng, vài cá nhân anh hùng..., tôi tin là từ toàn bộ những ghi chép về giai đoạn giữa 1789 và 1799 đã cho thấy không một cá nhân nào đã dẫn dắt những sự kiện này, không phải là Louis XVI, cũng không phải là Mirabeau, Danton, hay Robespierre. Liệu có nên nói rằng chính nhân dân Pháp là những anh hùng thực sự của cuộc Cách mạng Pháp? Đúng, nhưng với điều kiện xem xét nhân dân Pháp không phải ở trạng thái đám đông, mà là trong trạng thái của những nhóm người có tổ chức.” M. Aulard đã viết như vậy. Trong một công trình mới đây, A. Cochin còn nói quá lên nữa quan niệm về hành động của quần chúng...

“Và đây là điều kỳ diệu: Michelet có lý. Ta càng biết nhiều hơn về các sự kiện, càng thấy chúng như là dành cho sự hư cấu; đám đông này không có người chỉ huy và không có luật lệ, thậm chí hình ảnh của sự hỗn mang, điều khiển và chỉ huy, nói và hành động, trong vòng năm năm, với một độ chi tiết rõ ràng, sự tiếp nối, một tổng thể kỳ diệu. Tình trạng vô chính phủ cung cấp những bài học về kỷ luật cho phía nắm quyền đang thua chạy tán loạn... 25 triệu con người, trên không gian 30.000 dặm vuông, đã hành động như chỉ là một người.”

Không nghi ngờ gì nếu tính đồng thời này của hành vi trong nhân dân từng mang tính tự phát, như tác giả đã giả thiết, nó sẽ là tuyệt vời. Chính M. Aulard đã tính đầy đủ đến tính bất khả hữu của một hiện tượng như thế, bởi vì ông đã thận trọng khi nói về nhân dân rằng người ta đang đứng trước những tập đoàn người và rằng những tập đoàn người này từng được dẫn dắt bởi những thủ lĩnh.

“Ai là người sau đó đã cố kết tính thống nhất dân tộc? Ai đã cứu dân tộc bị nhà vua tấn công và bị nội chiến giằng xé? Phải chăng là Robespierre? Phải chăng là Carnot? Đương nhiên là những cá nhân này đã có công; nhưng thực ra tính thống nhất dân tộc đã được duy trì, nền độc lập đã được đảm bảo bởi những tập đoàn người Pháp trong những cộng đồng và trong những hội đoàn nhân dân. Chính là những tổ chức thị dân và Jacobin (*người tích cực ủng hộ chính thể cộng hòa - ND*) đã đẩy lùi một châu Âu

liên minh chống nước Pháp. Tuy vậy, trong mỗi nhóm, nếu ta xem xét kỹ hơn một chút, đều có một, hai hoặc ba cá nhân có năng lực trội hơn đóng vai trò lãnh tụ hoặc người dẫn dắt thực hiện các quyết định, có dáng vẻ của những cấp chỉ huy, và người ta có thể gọi là chỉ huy, nhưng (nếu ta đọc kỹ những biên bản của các hội đoàn nhân dân) dường như họ là những người lấy sức mạnh từ các nhóm của mình hơn là của chính bản thân mình.”

Sai lầm của M. Aulard là ở chỗ tin rằng tất cả những nhóm người này đều xuất phát từ “một phong trào tự phát của tình nghĩa anh em và lẽ phải”. Không có gì là tự phát trong phong trào này. Nước Pháp ngày ấy có hàng nghìn câu lạc bộ nhỏ đón nhận một xung lực duy nhất từ câu lạc bộ Jacobin lớn ở Paris và phục tòng câu lạc bộ này một cách hoàn hảo. Đó là những gì được thực tế chỉ rõ, nhưng là điều mà những ảo tưởng Jacobin không cho phép chấp nhận.

4. Thực thể nhân dân và những yếu tố cấu thành của nó

Nhằm đáp ứng một số quan niệm lý thuyết, nhân dân đã được tôn lên thành một thực thể thần bí được tạo hóa phú cho mọi quyền lực và mọi tính năng mà những người đầu cơ chính trị không ngừng ca ngợi và nịnh bợ. Chúng ta sẽ thấy những gì cần phải suy nghĩ về quan niệm này thông qua nghiên cứu vai trò của nhân dân trong cuộc cách mạng của mình.

Đối với những người Jacobin thời ấy, cũng như đối với họ thời nay, thực thể nhân dân tạo thành một nhân vật cấp cao có thuộc tính đặc trưng riêng cho các vị thần là không bao giờ phải tính đến hệ quả hành động của mình và không bao giờ lầm lẫn. Chúng ta phải kính cẩn cúi mình trước những ý nguyện của nó. Nhân dân có thể giết chóc, cướp bóc, đốt phá, gây ra những hành động tàn bạo đáng sợ nhất, hôm nay đề cao một anh hùng và ngày mai vứt anh ta vào cống rãnh, cũng chẳng mảy may hệ trọng đối với nó. Những kẻ đầu cơ chính trị không ngừng ngợi ca những đức hạnh của nó, sự sáng suốt cao siêu của nó và khúm núm trước từng quyết định của nó.

Hiện thân của thực thể này là gì, cái thực thể mà những người cách mạng tôn sùng như vật thờ thần bí từ một thế kỷ nay?

Nó có thể được phân thành hai hợp phần rõ rệt. Thứ nhất là những người nông dân, nhà buôn và những người lao động đủ loại cần có sự yên tĩnh và trật tự để hành nghề. Hợp phần nhân dân này chiếm đa số, nhưng là một đa số không bao giờ làm cách mạng. Sống trong lao động nặng nhọc và sự yên lặng, bộ phận nhân dân này không được các nhà sử học biết đến.

Hợp phần thứ hai là bộ phận giữ vai trò chủ chốt trong mọi sự biến quốc gia, bao gồm phần cận bã xã hội có thiên hướng lật đổ, thấm đẫm tâm địa tội phạm. Những kẻ thoái hóa bởi tệ nghiện rượu và đời sống khốn khổ, những kẻ trộm cướp, kẻ hành khất, kẻ nghèo khổ, những công nhân không giỏi nghề bị thất nghiệp, hợp thành khối nguy hiểm trong các đội quân khởi nghĩa.

Nỗi lo bị trừng phạt ngăn cản nhiều người trong số họ trở thành tội phạm trong thời bình, nhưng họ sẽ trở thành những tội phạm ngay khi có thể vi phạm mà không làm nguy hiểm cho những bản năng xấu của mình.

Chính do đám bèo bọt hung dữ này mà xảy ra những cuộc giết chóc, tàn sát, làm đầm máu mọi cuộc cách mạng.

Chính nhóm người này, với sự dẫn dắt của các thủ lĩnh, đã xâm nhập không ngừng những tập hợp cách mạng vĩ đại của chúng ta. Những toán quân hỗn độn này đã không có lý tưởng nào khác ngoài chém giết, cướp bóc, đốt phá. Sự thờ ơ của họ đối với các lý thuyết và nguyên lý thực là trọn vẹn.

Bên cạnh những phần tử được tuyển từ những tầng lớp thấp kém nhất của nhân dân còn có sự góp mặt, theo cách lây lan, của cả một đám đông những kẻ ăn không ngồi rồi, những kẻ thờ ơ bị phong trào lôi cuốn. Họ gào thét vì người ta gào thét và nổi dậy vì người ta nổi dậy, mà không có lấy dù chỉ là ý niệm mơ hồ về đối tượng cần phản đối bằng cách gào thét và nổi dậy. Sự kích động của môi trường ám ảnh

họ hoàn toàn và khiến họ hành động.

Những đám đông âm ỉ và bất lương, hạt nhân của mọi cuộc nổi dậy, từ thời cổ đại đến ngày nay, là những kẻ duy nhất mà các diễn giả khoa trương biết đến. Chúng hợp thành nhân dân, theo họ là tối cao. Thực ra cái nhân dân tối cao này được cấu thành trước hết từ tầng lớp bình dân thấp kém mà Thiers nói về họ như sau:

“Kể từ thời kỳ mà Tacite nhìn thấy họ hoan hô những tội ác của các hoàng đế, đám bình dân thấp hèn này không thay đổi. Những con người thô lỗ lúc nhúc dưới đáy các xã hội lúc nào cũng sẵn sàng làm nó vấy bẩn bằng mọi loại tội ác, theo tiếng gọi của mọi quyền lực, và để làm ô danh nó bằng mọi nguyên nhân...”.

Không có một thời đại nào trong lịch sử mà vai trò của những phần tử lớp dưới của dân cư lại được thực hiện trong khoảng thời gian dài như trong cuộc Cách mạng của chúng ta.

Những cuộc tàn sát bắt đầu ngay sau khi đám người hung bạo này được thả phanh, nghĩa là từ năm 1789, khá lâu trước Hội Quốc ước. Chúng đã được thực hiện với mọi mảnh tinh vi có thể của sự tàn ác. Trong những cuộc giết chóc Tháng Chín, cơ thể những người tù bị rạch chậm chậm bằng những nhát kiếm để kéo dài khổ hình của họ và mua vui cho người xem, những người đã được trải nghiệm một niềm vui lớn trước sự co giật và tiếng rú vì đau đớn của các nạn nhân.

Những cảnh tượng tự quan sát thấy ở khắp nơi tại nước Pháp, thậm chí là ngay trong những ngày đầu của cuộc Cách mạng, khi mà cuộc chiến tranh với nước ngoài hay bất kỳ một cơ nào khác cũng không thể bào chữa được cho chúng.

Từ tháng 3 đến tháng 9, một loạt những cuộc đốt phá, giết người và cướp bóc đã làm cả nước Pháp đầm máu. Taine đã dẫn ra 120 vụ trong số đó: Rouen, Lyon, Strasbourg,... rơi vào tay đám dân đen. Ông thị trưởng của Troyes với cặp mắt bị khoét bằng mũi kéo đã bị giết chết sau nhiều giờ nhục hình. Đại tá long kỵ binh Belzunce bị chém chết tươi. Tại nhiều địa điểm người ta moi tìm của nạn nhân để cắm lên ngọn giáo rồi diễu qua các phố.

Đó là cách cư xử của tầng lớp nhân dân thấp kém ngay sau khi những bàn tay khinh xuất phá bỏ mạng lưới những mối ràng buộc từng kìm nén bản năng dã man thừa kế từ tổ tiên của họ. Tầng lớp này nhận được mọi sự khoan dung, vì rằng những người đầu cơ chính trị có lợi ích trong việc vuột ve họ. Nhưng hãy giả thiết rằng trong một khoảnh khắc, hàng nghìn người như vậy nén lại thành một người duy nhất. Một con người được tạo ra như thế sẽ hiện ra như một con quỷ hung ác và thiển cận, vượt trội về độ ghê tởm so với những tên bạo chúa khát máu nhất.

Nhân dân với đặc tính bốc đồng và tàn bạo này, tuy nhiên, lại luôn dễ dàng chế ngự được khi có một thế lực đủ mạnh xuất hiện trước mắt họ. Nếu tính bạo lực của họ là không giới hạn, thì tinh thần nô lệ của họ cũng vậy. Mọi nền chuyên chế đều dùng họ làm đầy tớ. Các hoàng đế độc tài đều tin chắc là được thứ nhân dân ấy hoan hô, cho dù tên của họ là Caligula, Néron, Marat, Robespierre hay Boulanger.

Bên cạnh những đám người chuyên hủy hoại mà vai trò của họ là hàng đầu trong các cuộc cách mạng, như chúng tôi đã nói ở trên, còn có một khối quần chúng nhân dân chân chính vốn chỉ có nguyện vọng được làm việc. Đôi khi họ cũng lợi dụng cách mạng, nhưng không nghĩ đến chuyện thực hiện nó. Các nhà lý luận cách mạng ít hiểu về họ và nghi ngờ họ, dự cảm khá rõ bản chất truyền thống và bảo thủ của họ. Là hạt nhân bền vững của một quốc gia, nhân dân tạo ra sự tiếp nối và sức mạnh của đất nước. Dễ sai khiến do sợ hãi, dễ bị lôi cuốn bởi các nhà lãnh đạo, họ đã nhất thời để cho người khác đẩy vào mọi sự thái quá, nhưng sức nặng tổ tiên của chúng người sẽ nhanh chóng thắng thế, và vì vậy họ chóng chán các cuộc cách mạng. Tâm hồn truyền thống nhanh chóng nhắc nhở họ đứng dậy chống lại tình trạng vô chính phủ, khi nó phát triển quá mức. Khi đó, họ sẽ tìm người thủ lĩnh để tái lập trật tự. Bộ phận nhân dân này, nhẫn nại và thanh thản, rõ ràng là không có được những quan niệm chính trị đủ

cao và cũng không đủ phức tạp. Lý tưởng hành pháp của họ, vẫn giản đơn, rất gần gũi với nền độc tài. Đó chính là lý do mà dạng hành pháp kiểu này, kể từ những nền cộng hòa Hy Lạp đến nay, luôn luôn đi theo chủ nghĩa vô chính phủ. Chủ nghĩa vô chính phủ đã đến sau cuộc Cách mạng lần thứ nhất, khi Bonaparte được hoan hô; nó lại đến tiếp sau lần thứ hai, khi mà, bất chấp mọi sự đối lập, bốn cuộc bầu cử bằng đa số áp đảo liên tiếp đã đưa Louis Napoléon đến với nền cộng hòa, đã thừa nhận cuộc đảo chính của ông ta, đã khôi phục đế chế và vào năm 1870, trước cuộc chiến tranh, đã chuẩn y chế độ của ông ta.

Không nghi ngờ gì rằng trong những tình huống sau cùng này, nhân dân đã nhầm lẫn. Nhưng nếu không có những âm mưu cách mạng trước đó từng gây ra sự rối loạn, họ có thể đã không buộc phải đi tìm những biện pháp để thoát ra khỏi sự rối loạn ấy.

Những sự kiện được nhắc lại trong chương này không thể bị lãng quên, nếu chúng ta muốn hiểu được những vai trò khác nhau của nhân dân trong tiến trình cách mạng. Ảnh hưởng của nhân dân là đáng kể, nhưng rất khác với những gì được tưởng tượng trong các truyền thuyết mà chỉ riêng sự lặp lại cũng đủ cho thấy sức sống của chúng.

Quyển II. Những dạng thức tâm tính ưu trội trong tiến trình cách mạng

Chương I. Những biến thể cá nhân của tính cách trong tiến trình cách mạng

1. Những sự chuyển hóa của nhân cách

Tôi đã từng nhấn mạnh một cách tỉ mỉ, trong công trình khác, một lý thuyết về các tính cách mà thiếu nó thì thực sự không thể hiểu được những chuyển hóa của hành vi vào những thời điểm nhất định, chủ yếu là vào những thời đại cách mạng. Sau đây là những điểm chính của nó.

Mỗi cá thể đều sở hữu, ngoài tính cách thường ngày, hầu như cố định nếu môi trường sống không thay đổi, những khả năng khác nhau về tính cách mà các sự cố làm phát lộ.

Những người quanh ta là con người của những hoàn cảnh nhất định, nhưng không phải là của mọi hoàn cảnh. Cái tôi của chúng ta được hợp thành từ sự kết hợp của vô vàn cái tôi ở cấp độ tế bào tồn đọng lại từ các nhân cách của tổ tiên. Bằng tổ hợp của mình, chúng tạo ra những cân bằng khá ổn định, khi môi trường xã hội không biến đổi. Một khi môi trường ấy bị thay đổi đáng kể, như trong những thời kỳ rối loạn xã hội, những cân bằng này bị phá vỡ và những yếu tố vừa bị phân ly sẽ tổ hợp lại với nhau để tạo ra một nhân cách mới, biểu hiện ra dưới dạng những ý tưởng, tình cảm, nghĩa là một tư cách rất khác với những gì quan sát thấy trước đó ngay cả với cùng một cá thể. Chính vì vậy mà trong thời kỳ của Trào lưu Khủng bố, người ta thấy những nhà tư sản đứng đắn, những vị quan tòa hiền lành vốn nổi tiếng bởi sự nhẹ nhàng, đã trở thành những kẻ cuồng tín khát máu.

Do ảnh hưởng của môi trường, một nhân cách xưa có thể được thay thế bằng một nhân cách khác hoàn toàn mới. Vì nguyên nhân này mà đôi khi những người chủ chốt của các cuộc khủng hoảng tôn giáo và chính trị lớn dường như có bản thể khác với chúng ta. Tuy nhiên họ lại không khác với chúng ta. Sự lặp lại của cùng những sự kiện sẽ sản sinh ra những con người thuộc cùng một kiểu.

Napoleon đã hiểu đầy đủ những khả năng ấy về tính cách khi ông ta nói, trên đảo Sainte-Helene:

“Chính vì ta biết toàn bộ cái phần mà sự ngẫu nhiên đóng góp vào những quyết tâm chính trị của chúng ta, mà ta bao giờ cũng là người không thành kiến và rất khoan dung đối với quyết định mà người ta đã đi theo trong những biến động của chúng ta... Trong cách mạng, người ta chỉ có thể khẳng định những gì người ta đã làm: sẽ là không khôn ngoan mà khẳng định rằng người ta đã không thể làm được gì khác... Con người thật khó nắm bắt khi nào thì người ta muốn làm người đứng đắn. Họ có thể tự hiểu được không, họ có giải thích được ngọn ngành cho chính mình không? Đó là những tật xấu và những đức hạnh mang tính tình huống.”

Khi nhân cách bình thường bị phân rã dưới ảnh hưởng của những sự kiện nào đó, thì một nhân cách mới sẽ được hình thành như thế nào? Bằng nhiều cách, trong số đó mạnh nhất sẽ là sự tiếp nhận một tín ngưỡng mạnh. Nó định hướng cho yếu tố của lý trí giống như một nam châm kết tụ thành những đường cánh cung tròn tru các hạt vụn kim loại nhiễm từ.

Bằng cách đó đã hình thành nên những nhân cách mới từng thấy trong các thời kỳ xảy ra những cuộc đổi thay lớn, như các cuộc Thập tự chinh, Phong trào Cải cách tôn giáo và trong cuộc Cách mạng Pháp.

Trong thời kỳ bình thường, môi trường ít biến đổi, chúng ta chỉ ghi nhận một nhân cách duy nhất ở những cá thể bao quanh chúng ta. Tuy nhiên, đôi khi cũng có thể gặp ở đây nhiều nhân cách hơn, trong đó cái này có thể thay thế cho cái khác trong một số tình huống nhất định.

Những nhân cách này có thể trái ngược, thậm chí là kẻ thù của nhau. Hiện tượng này là đặc biệt trong trạng thái bình thường, nhưng nổi rõ hơn nhiều trong một số tình huống bệnh hoạn. Tâm lý học người bệnh đã quan sát được nhiều ví dụ về những nhân cách như vậy ngay ở một chủ thể, như những trường hợp từng được Morton Prince và Pierre Janet dẫn làm ví dụ.

Trong tất cả những biến thể này của nhân cách, không phải là trí tuệ, mà là những tình cảm bị biến đổi, và tùy theo cách liên kết của chúng mà hình thành nên tính cách.

2. Những yếu tố của tính cách ưu trội trong các thời kỳ cách mạng

Trong tiến trình của các cuộc cách mạng, người ta chứng kiến những tình cảm khác nhau hình thành, những tình cảm vốn thường bị kìm nén, nhưng khi những cái hãm đã bị phá bỏ, chúng có cơ hội tự do biểu lộ ra.

Những cái hãm này chính là những luật lệ, đạo đức, truyền thống, không phải bao giờ cũng bị phá bỏ hoàn toàn. Một vài trong số đó thoát được những cuộc đảo lộn và góp một phần nhỏ vào việc ngăn cản sự bùng nổ những tình cảm nguy hiểm.

Cái phanh hãm mạnh mẽ nhất là tâm hồn của chủng người. Quyết định cách nhìn nhận, cách cảm xúc và cách mong ước chung cho đại bộ phận cá thể của một dân tộc, tâm hồn ấy tạo ra một tập quán có tính chất thừa kế, và không có gì mạnh hơn mối dây liên hệ của tập quán.

Ảnh hưởng đó của chủng người hạn chế sự biến thể của một dân tộc, vạch ra đường hướng cho số phận của nó, bất chấp mọi sự đổi thay bề ngoài.

Ví dụ, nếu chỉ xem xét vài trường hợp của lịch sử, ta sẽ thấy dường như tâm tính của dân tộc Pháp đã biến đổi hết sức to lớn trong vòng một thế kỷ. Chỉ trong mấy năm, nó đã chuyển từ Cách mạng Pháp đến chủ nghĩa Cesar (chế độ độc tài quân sự), quay trở lại với nền quân chủ, lại làm một cuộc cách mạng nữa, rồi đòi hỏi một Cesar mới. Nhưng trong thực tế, chỉ có bề ngoài của các sự vật biến đổi mà thôi.

Do không thể nhấn mạnh hơn nữa về những giới hạn biến đổi của một dân tộc, bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố cảm xúc mà sự phát triển của chúng trong thời gian cách mạng đã góp phần vào sự biến đổi nhân cách của những cá thể hoặc của cả tập thể. Tôi sẽ đề cập tới trước tiên là lòng hận thù, sự sợ hãi, tham vọng, sự ghen tị, tính kiêu căng và lòng nhiệt tình. Chúng ta thấy được ảnh hưởng của chúng trong những sự cố biến động lớn khác nhau trong lịch sử, mà chủ yếu là trong tiến trình cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta. Chính cuộc Cách mạng ấy là nguồn cung cấp chủ yếu những ví dụ cho chúng tôi.

Lòng thù hận. Lòng hận thù đối với những cá nhân, những thiết chế và những sự vật chính là nhân tố đã thôi thúc các nhà Cách mạng Pháp, là một trong những biểu hiện về cảm xúc gây ấn tượng mạnh nhất, khi chúng ta nghiên cứu tâm lý của họ. Họ không chỉ ghét kẻ thù mà còn ghét ngay cả những thành viên trong đảng của mình. “Nếu chúng ta công nhận hoàn toàn, như một nhà văn mới đây đã nói, những sự phán xét mà họ dùng để chống lại nhau, thì hóa ra trong hàng ngũ của họ toàn là những kẻ phản bội, bất lực, nói khoác, bị mua chuộc, kẻ chuyên đi ám sát hoặc bạo chúa. Chúng ta biết vì nỗi hận thù nào, mà chỉ mới được làm dịu đôi chút bởi cái chết của các địch thủ, người ta đã truy hại những người thuộc phái Girondin, Danton, Hébert, Robespierre,...

Một trong những nguyên nhân căn bản của thứ tình cảm ấy xuất phát từ chỗ những kẻ bè phái dữ tợn này vốn là những tông đồ tự coi là nắm được chân lý thuần khiết, giống như mọi tín đồ khác, không thể dung thứ quan niệm của những kẻ dị giáo. Một lòng tin vững chắc mang tính thần bí hoặc đa cảm bao giờ cũng có nhu cầu ép buộc người khác, không bao giờ nhận ra tội lỗi và không lùi bước trước những cuộc tàn sát hàng loạt, khi nó có quyền lực để làm điều đó.

Nếu sự hận thù từng chia rẽ những người Cách mạng bắt nguồn từ lý trí thì chúng không thể kéo dài, nhưng khi liên quan đến những tác nhân thần bí và tình cảm thì chúng không biết tha thứ. Vì nguồn cội

của chúng trong các đảng phái khác nhau đều giống nhau, nên chúng biểu lộ ra ở mọi thành viên với sự dữ dội như nhau. Người ta đã chứng minh bằng những tư liệu chính xác rằng những người thuộc phái Girondin không kém phần khát máu so với những người thuộc phái Montagnard (do Robespierre và Danton lãnh đạo - ND). Thông qua Petion, họ là những người đầu tiên tuyên bố rằng những đảng phái thua trận phải tiêu vong. Về phần mình, họ cũng đã cố biện minh, theo ông Aulard, cho những cuộc tàn sát Tháng Chín. Sự Khủng bố không thể được xem đơn giản như một công cụ phòng ngự, mà là một biện pháp chung để hủy diệt, luôn luôn được những tín đồ thắng cuộc sử dụng đối với những kẻ thù mà họ căm ghét. Con người, trong khi có thể chịu đựng được dễ dàng những sự bất đồng về tư tưởng, lại không thể khoan nhượng đối với những khác biệt về tín ngưỡng.

Trong những cuộc chiến chính trị hoặc tôn giáo, kẻ bại trận không thể hi vọng được tha chết. Từ Sylla, kẻ đã cắt cổ 200 nghị viên nguyên lão và 5 hoặc 6 nghìn người La Mã, cho đến những người chiến thắng Công Xã từng xử bắn hơn 20 000 người bại trận sau chiến thắng của họ, quy luật đầm máu này đã không hề thay đổi.

Những sự thù hận của Cuộc Cách mạng và lại cũng không phải chỉ bắt nguồn duy nhất từ bất đồng tín ngưỡng. Những tình cảm khác, như sự ghen tị, tham vọng, lòng tự ái cũng đã từng sinh ra sự thù hận. Chúng góp phần khuếch đại lòng hận thù giữa những con người thuộc những phe đảng khác nhau. Sự đối địch giữa các cá thể có ý đồ thống trị cũng lần lượt dẫn những thủ lĩnh của các nhóm khác nhau đến đoạn đầu đài.

Cũng cần phải thừa nhận rằng, nhu cầu chia tách và những sự hận thù nảy sinh từ đó dường như là những yếu tố cấu thành của tâm hồn La tinh. Những sự hận thù ấy đã phải trả giá bằng nền độc lập của tổ tiên Gaulois của chúng ta và đã gây ấn tượng mạnh cho Cesar:

“Không có một thành phố nào, ông nói, lại không bị chia làm hai phe phái; không một tổng nào, một làng nào, một nhà nào lại không tồn tại không khí bè phái. Hiếm khi mà một năm trôi qua, thành phố lại không phải cầm vũ khí để tấn công hoặc đẩy lui sự tấn công của láng giềng.”

Vì con người chỉ rất gần đây mới bước vào thời đại tri thức và vẫn đang bị dẫn dắt bởi những cảm tính và tín ngưỡng, nên người ta có thể hiểu được vai trò to lớn của lòng thù hận trong lịch sử của họ. Thiếu ta Colin, giáo sư tại Trường quân sự, đã khiến người ta phải nhận xét về tầm quan trọng của tình cảm này trong tiến trình của một số cuộc chiến tranh như sau :

“Trong chiến tranh, hơn bất cứ nơi nào khác, không có nguồn cảm hứng nào tốt hơn là lòng hận thù; chính nó đã khiến cho Blucher chiến thắng Napoléon. Hãy thử phân tích những cuộc diễn tập đẹp nhất, những chiến dịch quyết định nhất và, nếu chúng không phải là tác phẩm của một con người xuất chúng, của Frederic hoặc của Napoleon, thì các vị sẽ thấy là chúng được gợi ý bởi lòng say mê nhiều hơn là bằng những tính toán. Chiến tranh 1870 sẽ là gì nếu không có sự thù hận mà người Đức nung nấu với chúng ta?”

Có lẽ tác giả sẽ bổ sung thêm rằng sự thù hận sâu sắc của người Nhật chống lại người Nga vì đã bị người Nga xỉ nhục đến thế, là một trong những nguyên nhân khiến họ thắng trận. Những người lính Nga, vốn không biết đến cả sự tồn tại của người Nhật, đã không hề có sự ác tâm nào với họ, và có lẽ đó chính là nguyên nhân gây ra sự yếu kém của phía Nga.

Không nghi ngờ gì là vào thời điểm của Cách mạng Pháp, người ta đã nói nhiều về bác ái, ngày nay người ta còn nói về nó nhiều hơn nữa. Chủ nghĩa hòa bình, chủ nghĩa nhân đạo, chủ nghĩa đoàn kết đã trở thành khẩu hiệu của các đảng tiến bộ, nhưng người ta cũng biết là sự thù hận ẩn nấp đằng sau những lời lẽ đẹp này sâu sắc đến chừng nào, và rằng có biết bao sự đe dọa mà đối tượng là xã hội hiện thời.

Sự sợ hãi. Sự sợ hãi cũng đóng vai trò quan trọng như sự thù hận trong các cuộc cách mạng. Trong tiến trình cuộc cách mạng của chúng ta, người ta đã có thể ghi nhận những gương dũng cảm cá nhân cao cả

và nhiều nỗi sợ hãi mang tính tập thể.

Đứng trước đoạn đầu dài, những người đại biểu của Hội Quốc ước đều rất dững cảm; nhưng đứng trước sự đe dọa của những người nổi loạn xâm nhập vào hàng ngũ của nhóm quân cách mạng, họ lại thường xuyên thể hiện sự nhất gan quá mức, tuân thủ những mệnh lệnh phi lý nhất, như chúng ta sẽ thấy trong phần tổng quát lịch sử của những tập hợp cách mạng.

Mọi dạng thức của sự sợ hãi đều có thể gặp trong thời kỳ này. Một trong số những hình thức phổ biến nhất là nỗi lo tỏ ra là người ôn hòa. Những thành viên của các tập hợp cách mạng, những công tố viên, những đại biểu biệt phái, những quan tòa của các tòa án cách mạng,... tất cả đều hứa hẹn nhiều hơn đối thủ để có được vẻ tiên tiến hơn. Nỗi sợ hãi là một trong những yếu tố chủ chốt của những tội phạm mắc phải trong giai đoạn này. Nếu, nhờ may mắn, nó có thể được loại bỏ khỏi các tập hợp cách mạng, hành vi của chúng đã có thể trở nên hoàn toàn khác, và cuộc Cách mạng, do đó, sẽ được định hướng khác hẳn.

Tham vọng, sự ghen tị, tính kiêu căng,... Vào những thời kỳ bình ổn, ảnh hưởng của những yếu tố cảm tính khác nhau này bị nén lại một cách mạnh mẽ bởi những bó buộc xã hội. Ví dụ như sự tham vọng bị hạn chế một cách gượng gạo trong một xã hội nhiều thứ bậc. Nếu người lính đôi khi trở thành tướng lĩnh, điều đó chỉ xảy ra sau một sự chờ đợi lâu dài. Trong thời kỳ cách mạng, ngược lại, không cần phải chờ đợi nữa. Vì mỗi người đều có thể thành đạt hầu như tức thời ở những cấp hạng thấp, nên mọi tham vọng đều có thể bị kích động quá mức. Người khiêm nhường nhất cũng có thể tin là mình có đủ năng lực với tới những công việc cao hơn, và chính vì vậy mà tính kiêu ngạo của anh ta được thể hiện quá mức.

Do mọi sự đam mê bị dồn nén chút ít, cùng lúc với tham vọng và tính kiêu ngạo, nên người ta cũng chứng kiến sự phát triển của sự ghen ghét chống lại những người thành công nhanh hơn những người khác.

Vai trò này của sự ghen ghét, luôn quan trọng trong những giai đoạn cách mạng, thể hiện trước hết là trong tiến trình Cuộc Cách mạng vĩ đại của chúng ta. Sự ghen ghét chống lại giới quý tộc là một trong những nhân tố quan trọng của nó. Tầng lớp tư sản đã vươn lên bằng những khả năng và sự giàu có của mình, đến độ vượt qua giới quý tộc. Mặc dù tự mình pha trộn với nó ngày càng sâu hơn, giới tư sản dù sao cũng vẫn giữ một khoảng cách và vẫn nuôi một mối hận thù thường trực với nó. Một cách vô thức, trạng thái tinh thần này đã biến tầng lớp tư sản thành những người rất chia sẻ với những triết thuyết khuyến khích sự bình đẳng.

Lòng tự ái bị tổn thương và sự ghen ghét khi đó trở thành những nguyên nhân của lòng thù hận mà ngày nay chúng ta khó có thể hiểu được, khi mà ảnh hưởng xã hội của giới quý tộc quá là nhỏ bé. Nhiều thành viên của Hội Quốc ước, như Carrier, Marat,... từng hồi nhớ lại với cảm xúc giận dữ vì đã giữ những vị trí thứ yếu bên cạnh các đại công hầu. Bà Roland chưa bao giờ có thể quên lần cùng với mẹ được mời đến nhà một đại phu nhân trong chế độ cũ, nhưng lại bị đưa xuống ăn tại gian bếp phụ. Nhà triết học Rivarol đã nhận xét rất hay trong đoạn văn từng được Taine trích dẫn dưới đây về ảnh hưởng của lòng tự ái bị tổn thương và của sự ghen ghét đối với sự thù hận cách mạng :

“Không phải là các loại thuế, ông viết, không phải các trát tống giam, cũng không phải là mọi hình thức lạm dụng chức vụ khác, hoàn toàn không phải những sự gây phiền nhiễu của các quan giám quận và những thời gian kéo dài gây tổn kém của tòa án đã kích động dân tộc mạnh nhất, mà chính là thành kiến của giới quý tộc đã gây ra cho nó sự thù hận cao nhất. Điều minh chứng cho nhận định đó thể hiện ở chỗ là chính giới tư sản, giới nhà văn, giới tài chính và sau cùng là tất cả những ai nuôi lòng ghen ghét giới quý tộc đã thúc đẩy cộng đồng dân chúng nhỏ bé của các thành phố và nông dân của các vùng nông thôn nổi dậy chống lại nó”.

Những nhận định rất chính xác này biện minh phần nào cho lời nói của Napoleon: “Tính kiêu căng đã

làm nên Cuộc Cách mạng, còn tự do chỉ là cái cớ cho nó.”

Lòng nhiệt tình. Lòng nhiệt tình của các nhà sáng lập Cách mạng Pháp đã có thể sánh ngang với của những nhà truyền bá tín ngưỡng của Mahomet. Đó, và chẳng, cũng chính là một tín ngưỡng mà các nhà tư sản thuộc Quốc hội thứ nhất cho là mình đã tạo ra. Họ tưởng là mình đã phá bỏ được thế giới cũ và đã xây dựng trên những mảnh vụn của nó một nền văn minh khác. Chưa từng có một ảo tưởng nào quyến rũ hơn thế kích động lòng người. Sự bình đẳng và bác ái được tuyên bố trong những giáo lý mới sẽ làm cho một đời sống cực lạc ngự trị khắp nơi, cho mọi dân tộc. Người ta đã cắt đứt mãi mãi với một quá khứ thô lỗ và ngu muội. Thế giới tái sinh trong tương lai sẽ được chiếu sáng bằng ánh sáng chói lọi của chân lý thuần khiết. Những khuôn mẫu hùng biện rực rỡ nhất đã chào mừng bình minh hé mở khắp nơi.

Nếu tinh thần nhiệt tình này sớm bị thay đổi sau đó bằng bạo lực là bởi sự thức tỉnh đã quá nhanh và khủng khiếp. Người ta dễ dàng hình dung ra sự cuồng nhiệt đầy phần nộ mà các nhà truyền bá Cách mạng sử dụng để vùng lên chống lại những trở ngại thường nhật ngăn cản hiện thực hóa những giấc mơ của họ. Họ muốn vứt bỏ quá khứ, quên đi truyền thống, tái tạo những con người mới. Song, quá khứ lại cứ hiện về không ngừng và con người thì từ chối biến đổi. Những người cải cách, bị dừng lại trong bước hành tiến của họ, đã không muốn nhượng bộ. Họ cố tìm cách áp đặt bằng sức mạnh của một nền chuyên chế từng nhanh chóng khiến người ta tiếc nuối chế độ vừa bị lật đổ và cuối cùng đã khôi phục lại nó.

Cần nhận xét thêm rằng nếu sự nhiệt tình của những ngày đầu không tồn tại được lâu trong các hội đồng cách mạng, thì nó lại tồn tại mãi sau này trong quân đội và là sức mạnh chủ yếu của quân đội. Thực ra, quân đội của Cách mạng Pháp đã trở thành quân đội cộng hòa trước khi nước Pháp trở thành nhà nước cộng hòa khá lâu và vẫn còn là quân đội cộng hòa nhiều năm sau khi nhà nước này không còn là cộng hòa nữa.

Những sự biến thể của tính cách được phân tích trong chương này, do được tạo điều kiện bởi những cảm hứng chung nhất định và bởi những sự thay đổi giống nhau của môi trường, tựu chung được gộp lại thành một nhóm nhỏ những tâm tính khá đồng nhất. Do chỉ muốn điếm lại những gì là đặc trưng nhất, chúng tôi xếp thành bốn kiểu là: tâm tính Jacobin, tâm tính thần bí, tâm tính cách mạng và tâm tính tội phạm.

Chương II. Tâm tính thần bí và tâm tính Jacobin

1. Phân loại các tâm tính ưu trội trong thời kỳ cách mạng.

Các bảng phân loại, mà nếu không có chúng thì việc nghiên cứu khoa học không thể thực hiện được, dĩ nhiên thiết lập sự không liên tục trong sự liên tục và vì lí do đó mà luôn có chút nhân tạo. Tuy vậy, chúng là cần thiết, bởi lẽ cái liên tục chỉ có thể tiếp cận được dưới dạng cái không liên tục.

Tạo ra sự phân biệt rành rẽ những tâm tính khác nhau từng quan sát thấy trong các thời kỳ cách mạng, như chúng tôi sẽ làm sau đây, có nghĩa là tách biệt những yếu tố vốn dĩ gói đầu lên nhau, hòa trộn vào nhau hoặc chồng phủ nhau. Đành phải chịu thiệt đôi chút về độ chính xác để được lợi về độ rõ ràng. Các kiểu căn bản được liệt kê ở cuối chương trước và sẽ được mô tả ngay bây giờ tổng hợp cả những nhóm có thể thoát khỏi sự phân tích, nếu chúng ta muốn nghiên cứu trong toàn bộ sự phức tạp của chúng.

Chúng tôi đã chỉ ra rằng, con người được dẫn dắt bởi những logic khác nhau đứng cạnh nhau mà không gây ảnh hưởng đến nhau trong thời đại bình thường. Dưới ảnh hưởng của những sự cố khác nhau, chúng bắt đầu xung đột và những sự khác biệt không thể thu hẹp được từng chia tách chúng nay nổi lên rõ nét, đồng thời kéo theo những sự đảo lộn cá thể và xã hội đáng kể.

Logic thần bí mà chúng ta sẽ sớm quan sát thấy trong tâm hồn Jacobin có vai trò rất lớn. Song, chúng không hoạt động đơn độc. Những dạng thức logic khác: logic tình cảm, logic tập hợp và logic hợp lý

có thể nổi trội hơn, tùy thuộc vào tình huống.

2. Tâm tính thần bí

Tạm gác sang một bên ảnh hưởng của những logic tình cảm, logic hợp lý và logic tập hợp, chúng ta sẽ chỉ quan tâm đến vai trò đáng kể của những yếu tố thần bí từng chi phối biết bao cuộc cách mạng, nhất là cuộc cách mạng của chúng ta.

Đặc trưng của tư tưởng thần bí là ở chỗ gán một quyền năng bí hiểm cho những người hoặc những sức mạnh cao siêu, được cụ thể hóa dưới dạng những thần tượng, những vật thờ, những từ ngữ và những công thức.

Tinh thần thần bí là cơ sở của mọi tín ngưỡng tôn giáo và của đại bộ phận lòng tin chính trị. Những lòng tin ấy sẽ tiêu tan, nếu ta có thể xem xét kỹ những yếu tố thần bí giữ vai trò chỗ dựa thực thụ của chúng.

Được lồng ghép vào những tình cảm và những thôi thúc dục vọng mà nó định hướng, logic thần bí đem sức mạnh của chúng truyền cho những phong trào nhân dân vĩ đại. Những con người rất ít khi sẵn lòng chết vì lẽ phải, lại dễ dàng hy sinh thân mình cho một lý tưởng thần bí, khi nó đã trở thành đối tượng để tôn thờ.

Những nguyên lý của Cách mạng Pháp đã sớm gợi lên cả một đợt sóng nhiệt tình thần bí tương tự như những gì mà các tín ngưỡng tôn giáo khác nhau trước đó đã dấy lên. Tuy vậy, chúng cũng chỉ làm thay đổi hướng đi của một tâm tính kế thừa từ tổ tiên và được cổ kết hóa qua nhiều thế kỷ.

Do đó không có gì là đáng ngạc nhiên trong sự hăng hái đến dữ tợn của những con người thuộc phái Hội Quốc ước. Tâm tính thần bí của họ cũng hoàn toàn giống như của những người Tin lành vào thời điểm Phong trào Cải cách. Những nhân vật chính của Trào lưu Khủng bố, Couthon, Saint-Just, Robespierre, etc., đều là những tín đồ. Giống như Polyeucte, người đã phá các bàn thờ của những vị thần giả mạo để tuyên truyền tín ngưỡng của mình, họ mơ ước giảng giáo lý Cơ đốc cho cả thế giới. Lòng nhiệt tình của họ đã lan ra khắp thế giới. Tin chắc rằng những công thức kỳ diệu của mình đã đủ để lật đổ những ngai vàng, họ đã không hề do dự tuyên chiến với các vị vua. Và, vì lòng tin mạnh bao giờ cũng ưu trội hơn một lòng tin còn do dự, họ đã chiến đấu một cách thắng lợi trên khắp châu Âu. Tinh thần thần bí của các thủ lĩnh Cách mạng biểu lộ ra trong những chi tiết nhỏ nhất của đời sống công khai của họ. Robespierre, tin chắc có điểm tựa là Thượng đế, từng cam đoan trong một bài diễn văn rằng Thượng đế đã “tuyên bố Nhà nước Cộng hòa ngay từ buổi ban đầu của thời gian”. Với tư cách là một giáo chủ lớn của một Quốc giáo, ông ta đã yêu cầu bỏ phiếu thông qua Hội Quốc ước một sắc lệnh tuyên bố rằng: “nhân dân Pháp công nhận sự tồn tại của Thượng đế và sự bất tử của linh hồn”. Trong ngày lễ của Thượng đế này, an tọa trên một chiếc ghế kiệu ngai vàng, ông ta đã đọc một bài thuyết giáo dài.

Câu lạc bộ của những người Jacobin, được dẫn dắt bởi Robespierre, đã được bao bọc bằng tất cả những vẻ bề ngoài của một hội nghị giám mục. Tại đây, Maximilien đã tôn xưng: “Ý tưởng về một bản thể vĩ đại, người đang dõi theo những kẻ vô tội bị áp bức và đang trừng phạt tội ác đang hoan hỉ”. Tất cả những người theo dị giáo, vì phê phán chính giáo jacobin, đều đã bị loại trừ, nghĩa là bị đưa ra tòa án cách mạng mà từ đây người ta chỉ được đi ra để bước lên đoạn đầu đài.

Tâm tính thần bí mà Robespierre từng là người đại diện nổi tiếng nhất đã không chết đi cùng với ông ta. Những con người tương tự như ông ta vẫn đang hiện hữu ngày nay trong số những kẻ đầu cơ chính trị. Những tín ngưỡng cổ không còn thống trị tâm hồn họ, nhưng tâm hồn ấy phụ thuộc vào những tín điều chính trị nhanh chóng được áp đặt, giống như Robespierre từng áp đặt tín điều của ông ta, một khi có được cơ hội như vậy. Lúc nào cũng sẵn sàng bóp chết những tâm tính thần bí của mọi thời đại để truyền bá tín ngưỡng của mình, họ cũng sử dụng chính công cụ ấy để thuyết phục, một khi họ chiếm được vị trí của các ông chủ.

Như vậy đương nhiên Robespierre vẫn còn có những người ngưỡng mộ. Những tâm hồn hình thành theo khuôn mẫu của ông ta có tới hàng nghìn. Khi máy chém chặt đầu ông, người ta đã không chặt đứt được những cách nhìn nhận sự vật của ông ta. Xưa cũ như loài người, chúng chỉ có thể biến đi cùng với sự biến mất của tín đồ cuối cùng.

Khía cạnh thần bí này của các cuộc Cách mạng đã bị phần lớn các nhà sử học bỏ qua. Họ còn kiên trì lâu dài hòng giải thích bằng thứ logic hợp lý cả một mớ những sự cố vẫn lạ lẫm đối với lý tính. Tôi đã trích dẫn trong một công trình khác đoạn văn dưới đây về sử học của các ông Lavissee và Rambaud, trong đó Trào lưu cải cách Tôn giáo được lý giải rằng đó là “kết quả của những suy nghĩ tự do mang tính cá nhân mà một ý thức sùng đạo và *một lí trí rất táo bạo* đã gọi lên cho những con người giản dị”.

Những phong trào như vậy không bao giờ có thể hiểu được, nếu người ta gán cho chúng một cội nguồn lý trí. Chính trị hay là tôn giáo, những tín ngưỡng đã làm sôi động cả thế giới đều có một nguồn cội chung và tuân theo những quy luật như nhau. Đó không phải là đi theo lí trí, mà thường là phản lại mọi lí trí đã hình thành nên chúng. Phật giáo, Cơ đốc giáo, Hồi giáo, cải cách tôn giáo, các trò phù thủy, chủ nghĩa Jacobin, chủ nghĩa Xã hội, thuật thông linh, v.v, dường như là những tín ngưỡng khá riêng biệt. Tuy nhiên, tôi xin nhắc lại một lần nữa, chúng đều có những cơ sở cảm xúc và thần bí giống nhau và tuân thủ những logic không có quan hệ gần gũi nào với logic hợp lí. Sức mạnh của chúng chính xác là ở chỗ lí trí không có tác dụng bao nhiêu đến sự ra đời cũng như đến sự biến cải của chúng.

Tâm tính thần bí của các tín đồ chính trị hiện thời của chúng ta đã được nhấn mạnh rõ rệt trong một bài báo viết về một trong những vị bộ trưởng gần đây của chúng ta mà tôi tìm đọc được trong một tờ báo lớn.

Người ta hỏi rằng ngài A. tự xếp mình vào loại nào. Liệu ngẫu nhiên ông ta có hình dung được là mình thuộc vào nhóm những người không tín ngưỡng? Thật là một trò cười! Người ta đều ngầm hiểu rằng, ngài A. không theo một tín ngưỡng tích cực nào, rằng ông ta nguyên rủa Roma và Geneve, bác bỏ mọi giáo lý truyền thống và mọi Giáo hội có tiếng. Duy chỉ có điều là nếu ông đã bỏ sạch cái cũ như thế, thì là để tạo ra trên mặt bằng đã được giải phóng cái Giáo hội riêng của ông ta, còn giáo điều hơn bất kỳ giáo hội nào khác và cái tòa án dị giáo của riêng ông ta với một sự không khoan nhượng còn tàn nhẫn hơn so với những Torquemada mà ai cũng đã biết.

“Chúng ta không chấp nhận, ông ta tuyên bố, tính trung lập của học đường. Chúng ta đòi hỏi việc giảng dạy thế tục một cách đầy đủ nhất, và, do vậy, chúng ta là những người chống đối tự do giảng dạy.” Nếu ông ta không nói về việc dựng lên những giàn thiêu, là bởi sự tiến hóa của những phong tục mà ông ta bị bắt buộc phải tính đến ở chừng mực nào đó, dù rất không muốn. Nhưng vì không thể bắt các cá nhân chịu nhục hình, ông ta đã cầu viện tới pháp quyền thế tục để kết án tử hình cho các luận thuyết. Đây luôn luôn chính xác là quan điểm của các quan tòa dị giáo. Đây cũng vẫn là cùng một sự xúc phạm tư duy. Con người tư duy tự do này có đầu óc tự do đến mức mọi triết lý mà ông ta không chấp nhận đều bị ông ta cho là không những buồn cười và lố lăng, mà còn là gian ác. Ông ta tự tôn mình là người duy nhất nắm được chân lý tuyệt đối. Từ đó, ông ta tự tin đến mức cho rằng bất kỳ người nào nói trái ý đều gây cho ông ta ấn tượng của một quái vật đáng ghét và một kẻ thù công khai. Ông ta không nghi ngờ chút nào rằng những quan điểm cá nhân của mình rốt cuộc chỉ là những giả thuyết, và ông ta càng tỏ ra lố hơn, khi đòi hỏi một đặc quyền thần thánh cho chúng, bởi chúng lại gạt bỏ chính xác cái thiên chất thần thánh ấy. Hoặc, ít ra là chúng làm ra vẻ gạt bỏ nó; nhưng chúng lại khôi phục nó dưới một dạng thức khác khiến người ta tức thì tiếc nuối cái cũ. Ngài A. là một tín đồ của Nữ thần Raison nơi ông ta đóng vai một Moloch – kẻ áp bức và khao khát những vật hiến sinh (*Moloch – kẻ mạo xưng là một vị thần của xứ Canang, miền Tây Á, mà người ta từng phải hiến tế những mạng người – ND*). Không dành quyền tự do tư duy hơn nữa cho bất kỳ ai, trừ ông ta và những người bạn của ông ta – đó là sự tự

do tư duy của ngài A. Viễn cảnh thật là khêu gợi! Nhưng có lẽ người ta đã đánh đổ quá nhiều thần tượng từ mấy thế kỷ qua nên thật khó có thể quỳ lạy trước cái viễn cảnh này.”

Mong sao có được nền tự do mà những kẻ cuồng tín đen tối này không thực sự trở thành những ông chủ của chúng ta.

Do quyền lực của lý tính đối với các tín ngưỡng thần bí thật là nhỏ nhoi, nên rõ ràng là vô ích nếu có ý định tranh luận, như người ta thường làm, về giá trị thuần lý của những tư tưởng cách mạng hoặc chính trị nào đó. Duy chỉ có ảnh hưởng của chúng khiến chúng ta quan tâm. Có hệ trọng gì đâu việc những lý thuyết về sự bình đẳng giả định giữa người với người, về lòng nhân từ nguyên thủy, về khả năng cải tạo xã hội bằng những đạo luật, đã bị những kết quả quan sát và thực nghiệm phủ định. Những ảo tưởng vô vọng này cần được xếp vào nhóm những động cơ hành động mạnh mẽ nhất mà nhân loại biết được.

3. Tâm tính Jacobin

Mặc dù thuật ngữ tâm tính Jacobin không thuộc một bảng phân loại nào, nhưng tôi vẫn sử dụng nó bởi vì nó hàm ý một tổ hợp rất xác định cấu thành một thứ hạng tâm lý học thực thụ.

Tâm tính này chi phối các nhân vật của Cách mạng Pháp, song cũng không chỉ là nét riêng của họ, bởi lẽ nó vẫn còn thể hiện như yếu tố tích cực nhất trong nền chính trị của chúng ta.

Tâm tính thần bí được phân tích trên đây là một nhân tố chủ chốt của tâm hồn Jacobin, song lại không đủ để cấu tạo nên nó. Còn những nhân tố khác cần phải được nhắc tới và chúng tôi sẽ phân tích chúng ngay sau đây.

Vả chăng, những người Jacobin cũng không hề nghi ngờ gì về xu hướng thần bí của mình. Trái lại, họ còn có tham vọng là những người duy nhất được dẫn dắt bởi lý tính đơn thuần. Trong tiến trình Cách mạng, họ đã luôn miệng viện dẫn đến nó và coi nó như là yếu tố dẫn đường duy nhất đối với hành vi của họ.

Đa phần các nhà sử học đã chấp nhận quan niệm duy lý chủ nghĩa này về tâm hồn Jacobin, và Taine (*triết gia, sử gia và nhà phê bình Pháp thế kỷ XIX - ND*) cũng đã phạm chính sai lầm này. Chính ông đã lạm dụng thuyết duy lý trong việc tìm cội nguồn của phần lớn những hành động của những người Jacobin. Tuy vậy, những trang viết của ông về những hành động đó đã chứa đựng nhiều sự thật và vì chúng rất nổi bật, nên tôi xin trích ra đây những đoạn quan trọng.

“Chẳng phải lòng tự ái thời phong quá đáng, cũng không phải sự suy luận giáo điều là những gì hiếm thấy trong loài người. Trong mọi quốc gia, hai điều gốc rễ của tinh thần Jacobin này vẫn còn được duy trì bền chặt và ngấm ngấm. Vào tuổi 20, khi một người trai trẻ bước vào đời, lý tính của anh ta bị kích thích cùng lúc với lòng kiêu hãnh của mình. Trước tiên, dù xã hội anh ta sống là gì đi nữa, nó vẫn là một thứ không thuận theo lý tính đơn thuần, vì rằng không phải là một nhà lập pháp có triết lý sống đã tạo ra nó theo một nguyên lý cơ bản, mà là do nhiều thế hệ nối tiếp nhau đã sắp đặt nó theo nhu cầu đa chiều và luôn biến đổi của họ. Nó không phải là sản phẩm của logic học mà là của lịch sử, và người duy lý mới vào nghề sẽ nhún vai khi đối diện với cái công trình kiến trúc cổ mà nền móng được định vị tùy tiện, kiến trúc không gắn bó và sự vá vúi thì hiển nhiên... Đa phần những người trẻ tuổi, trước hết là những người có đích phải đến, đều ít nhiều là những người Jacobin vào thời điểm kết thúc trung học. Những người Jacobin sinh ra trong quá trình tan rã của một xã hội giống như nấm mọc trên một mảnh đất được lên men. Hãy nhìn kỹ những công trình đích thực về tư duy của nó - những bài diễn văn của Robespierre và Saint-Just, những cuộc tranh luận của Hội đồng lập pháp và Hội Quốc ước, những lời hô hào, những thư thỉnh nguyện và những báo cáo về phái Girondin và phái Montagnard. Chưa bao giờ người ta nói nhiều đến vậy để chỉ gửi gắm ít điều đến thế, những lời nói dài dòng rỗng tuếch, những giọng nói cường điệu kêu mà rỗng làm chìm đắm mọi sự thật bên dưới vẻ đơn điệu và thói kênh kiệu của họ. Về những ảo ảnh của bộ óc duy lý của mình, người Jacobin thật đáng kính trọng; trong con mắt của anh ta những bóng ma ấy còn tỏ ra hiện thực hơn là những người đang sống và phiêu bầu của

những người này là thứ duy nhất khiến anh ta để ý,... anh ta sẽ bước đi với lòng thành thực trong đám người đi theo mà anh ta gọi là nhân dân ảo. Hàng triệu người tình nguyện siêu hình mà anh ta tạo ra theo mẫu hình của chính mình sẽ ủng hộ anh ta với sự tán thành nhất trí, và anh ta sẽ phát ra ngoài, như một dàn đồng ca hoan hô chiến thắng, tiếng vọng bên trong của chính giọng nói của mình”. Cảm phục điều mô tả của Taine, nhưng tôi lại nghĩ rằng ông ta không nắm bắt được chính xác cái tâm lý thực sự của phái Jacobin.

Tâm hồn của một người Jacobin thực thụ, cả trong thời Cách mạng Pháp cũng như ngày nay, được cấu thành từ những yếu tố mà ta phải phân ly ra mới có thể thấy được vai trò của chúng.

Phép phân tích này trước hết cho thấy người Jacobin không phải là một người theo chủ nghĩa duy lý mà là một tín đồ. Không hề có ý định kiến tạo tín ngưỡng của mình trên cơ sở lý tính, phái này nhào nặn lý lẽ theo tín ngưỡng của mình và nếu những bài thuyết giáo của họ thấm đậm chủ nghĩa duy lý, thì họ lại rất ít sử dụng chủ nghĩa này trong tư duy và hành vi của mình.

Một người Jacobin hay lý luận, như người ta thường chê trách, đôi khi vẫn có thể tiếp cận được tiếng nói của lẽ phải. Vậy mà một quan sát từ thời Cách mạng Pháp đến ngày nay lại chứng tỏ rằng người Jacobin không bao giờ chịu ảnh hưởng của một sự lập luận, cho dù nó thích đáng đến đâu, và có lẽ đó là sức mạnh của nó.

Vì sao nó không chịu ảnh hưởng như vậy? Duy nhất là bởi tầm nhìn của nó đối với các sự vật bao giờ cũng rất ngắn, khiến cho nó không thể cưỡng lại những sung động ham muốn mạnh mẽ luôn dẫn dắt nó.

Hai yếu tố này, lý lẽ yếu và ham muốn mạnh, vẫn chưa đủ để tạo ra tâm tính Jacobin. Còn có một yếu tố khác nữa.

Sự ham muốn trợ lực cho những niềm tin, nhưng chỉ đóng góp rất ít vào việc tạo ra chúng. Vậy mà người Jacobin đích thực lại có những niềm tin mạnh. Vậy sự trợ giúp của chúng là gì? Đây chính là chỗ hiện lên vai trò của những yếu tố thần bí mà ảnh hưởng của chúng đã được chúng tôi nghiên cứu. Người Jacobin là một kẻ theo thuyết thần bí, kẻ đã thay thế những vị thánh cổ xưa của mình bằng những vị thần mới. Thấm nhuần sức mạnh của những từ ngữ và công thức, anh ta gán cho chúng một quyền lực kỳ bí. Để làm vừa lòng những vị thần khó tính này, người Jacobin không lùi bước trước những biện pháp cho dù là bạo lực nhất. Các bộ luật được những người Jacobin của chúng ta thời nay bỏ phiếu thông qua là bằng chứng cho điều đó.

Tâm tính Jacobin thường thấy trước hết là ở những tính cách nhiều đam mê và thiển cận. Thực vậy, nó bao hàm một tư duy hẹp hòi và cứng nhắc, khiến cho nó không thể hiểu thấu mọi sự phê phán, mọi sự nhận xét xa lạ với tín ngưỡng.

Những yếu tố thần bí và tình cảm chi phối tâm hồn người Jacobin cột anh ta vào một tập đơn giản hóa đến mức cực đoan. Chỉ động chạm đến được những mối liên hệ bên ngoài của các sự vật, nên không có gì ngăn cản anh ta coi những hình ảnh ảo tưởng hình thành trong đầu óc mình là hiện thực. Anh ta không nhận thấy được sự gắn bó giữa các hiện tượng và hệ quả của chúng. Không bao giờ anh ta rời mắt khỏi giấc mơ của mình.

Chúng ta thấy, không phải bởi sự phát triển logic hợp lý của mình mà người Jacobin phạm lỗi. Anh ta sở hữu rất ít cái logic ấy, và vì vậy thường trở nên rất nguy hiểm. Ở nơi mà một người cao thượng do dự hoặc dừng lại, thì anh chàng Jacobin lại bước đi với lòng tự tin, bởi anh ta dùng cái lý lẽ yếu ớt của mình để biện luận cho những thôi thúc của mình.

Như vậy, nếu người Jacobin là một nhà lý luận lớn, thì điều đó hoàn toàn không có nghĩa rằng anh ta được dẫn dắt bởi lý lẽ. Trong khi anh ta tưởng tượng là được lý lẽ dẫn dắt, thì thực ra lại bị điều khiển bởi chủ nghĩa thần bí và những dục vọng của mình. Bởi lẽ tất cả những người tin chắc như thế đều cùng bị nhốt trong lãnh địa của tín ngưỡng, nên không thể thoát ra khỏi đó.

Là nhà thần học hiểu chiền thực thụ, anh ta giống những tín đồ của Calvin, từng được mô tả trong chương trước, một cách đáng kinh ngạc. Bị thôi miên bởi lòng tin, nên không gì có thể bắt họ phải xiêu lòng. Tất cả những ai nói ngược với tôn giáo của họ đều đã bị phán xử là đáng tội chết. Dường như họ cũng là những người hay lý sự đầy quyền lực. Cũng giống như những người Jacobin là không biết gì về các động lực bí mật dẫn dắt mình, họ cũng nghĩ là được dẫn dắt bởi lý tính, trong khi thực tế là chủ nghĩa thần bí và dục vọng mới là những ông chủ của họ.

Người Jacobin thực sự duy lý chủ nghĩa sẽ là người khó hiểu và sẽ chỉ gây sự thất vọng cho lý tính.

Người Jacobin đam mê và thần bí, trái lại, rất dễ hiểu.

Ba yếu tố: lý lẽ rất yếu ớt, lòng đam mê rất mạnh và chủ nghĩa thần bí dữ dội – đó là những hợp phần tâm lý thực thụ của tâm hồn Jacobin.

Chương III. Tâm tính cách mạng và tâm tính tội phạm

1. Tâm tính cách mạng

Chúng tôi vừa mới ghi nhận rằng những yếu tố thần bí là một trong những hợp phần cấu thành tâm hồn Jacobin. Chúng ta sẽ còn thấy nó tham gia vào một dạng thức khác của tâm tính được xác định khá rõ ràng, đó là tâm lý cách mạng.

Các xã hội của mỗi thời kỳ bao giờ cũng chứa đựng một số lượng nhất định những tâm tư âu lo, bất ổn và bất bình, sẵn sàng nổi dậy chống lại một trật tự nào đó của các sự vật đã được thiết lập. Họ hành động đơn giản là theo sở thích nổi loạn và nếu một quyền lực thần bí đã hiện thực hóa những điều ước ao của họ mà không kèm theo một sự hạn chế chặt chẽ nào, họ sẽ còn tiếp tục nổi loạn.

Tâm tính đặc biệt này thường hình thành từ tình trạng thiếu khả năng thích nghi của cá thể với môi trường bao quanh hoặc từ một chủ nghĩa thần bí quá mức, song nó cũng có thể là một vấn đề thuộc về tính khí hoặc là từ những rối loạn bệnh lý.

Nhu cầu nổi loạn có những mức độ mạnh yếu rất khác nhau, từ sự bất bình đơn giản bật ra thành lời chống lại người này người khác, hay vật này vật khác cho đến nhu cầu phải tiêu hủy chúng. Đôi khi một cá thể có thể quay sự thịnh nộ cách mạng chống lại chính mình, vì anh ta không thể thi hành nó theo cách nào khác. Nước Nga có đầy rẫy những kẻ điên cuồng như vậy, những kẻ không thỏa mãn với sự đốt phá và những trái bom ném bừa bãi vào những đám đông, nên kết cục lại làm thương tổn chính mình, giống như những Skopzis và các thành viên khác của những bè phái tương tự.

Những kẻ nổi loạn liên miên này nhìn chung là những con người dễ ám thị và tâm hồn thần bí của họ bị ám ảnh bởi những định kiến. Mặc dù sinh lực bề ngoài được thể hiện qua những hành động của họ, họ lại có một tính cách yếu mềm và không bao giờ có khả năng tự chủ được bản thân một cách cần thiết để cưỡng lại những sự thôi thúc đang chi phối mình. Đầu óc thần bí là động lực khích lệ họ, cung cấp cho họ những cái cớ gây bạo lực và đã khiến họ tự coi mình là những nhà cải cách vĩ đại.

Trong thời bình, những người thích nổi loạn sẵn có trong mọi xã hội đều phải dằn nén lại bởi luật pháp, môi trường bao quanh, tóm lại là bởi mọi câu thúc xã hội và không có ảnh hưởng gì. Trong những thời kỳ rối loạn, sự gò bó này dần suy giảm, những người nổi loạn có thể thả phanh cho các bản năng của mình. Khi đó họ trở thành những thủ lĩnh cuốn hút của các phong trào. Đối với họ, không quan trọng lý do làm cách mạng là gì, họ bắt đầu chém giết một cách lạnh lùng để giành lấy cờ đỏ, cờ trắng hoặc giải phóng cái đất nước mà họ chỉ nghe nói đến một cách mơ hồ.

Tinh thần cách mạng không phải bao giờ cũng bị đẩy đến cực đoan để trở thành nguy hiểm. Khi mà thay vì bắt nguồn từ những sự thôi thúc tình cảm hoặc thần bí, nó lại có một cội nguồn trí tuệ, nó có thể trở thành nguồn lực tạo ra sự tiến bộ. Chính nhờ những bộ óc có đủ tính năng độc lập để trở thành những bộ óc cách mạng trí tuệ, mà một nền văn minh có thể thoát được cái ách của những truyền thống và những tập tục, khi nó đã trở nên quá nặng nề. Khoa học, nghệ thuật, công nghiệp đã đạt được những tiến bộ trước hết là nhờ những bộ óc ấy. Galilê, Lavoisier, Darwin, Pasteur chính là những nhà cách

mạng.

Mặc dù một dân tộc không nhất thiết phải có rất nhiều bộ óc như thế, nó cũng không thể không sở hữu một vài trong số đó. Không có họ, loài người có thể vẫn phải sống trong những hang động nguyên thủy.

Tính táo bạo cách mạng từng mở đường cho những phát minh đòi hỏi phải có những năng lực rất hiếm gặp. Nó đòi hỏi chủ yếu là một tinh thần độc lập tư duy đủ mạnh để thoát khỏi ảnh hưởng của những quan điểm đang thịnh hành và một sự xét đoán đủ sức nắm bắt được những sự thật ẩn dấu phía sau những dáng vẻ bề ngoài tương tự nhau. Dạng tinh thần cách mạng này thuộc loại sáng tạo, trong khi dạng đã được phân tích ở trên mang tính phá hủy. Tâm tính cách mạng, như vậy là, có thể so sánh với một số trạng thái sinh lý hữu ích trong cuộc sống của cá thể, song những trạng thái ấy một khi bị thổi phồng quá mức sẽ trở thành một dạng bệnh lý rất có hại.

2. Tâm tính tội phạm

Như một sự tất nhiên, mọi xã hội văn minh đều kéo theo sau mình một lớp cận bã bị thoái hóa, những kẻ không thể thích nghi và bị nhiễm các tật. Những tên du đãng, những đám ăn mày, những kẻ tái phạm pháp, bọn trộm cắp, giết người, những kẻ khốn cùng sống qua ngày đoạn tháng, tất cả hợp thành đám cư dân tội phạm của những thành phố lớn. Trong các thời kỳ bình thường, những kẻ bị thải loại của nền văn minh này gần như bị kiểm tỏa bởi cảnh sát và sen đầm. Nhưng trong thời gian diễn ra cách mạng, không còn bị ai kiểm chế nữa, họ có thể dễ dàng thể hiện những bản năng của kẻ giết người và kẻ cướp bóc. Trong lớp người này, các nhà cách mạng của mọi thời đại đều tin chắc rằng có thể tìm được cho mình những người lính. Khao khát đơn thuần sự cướp phá và giết chóc, bất kể nguyên nhân là gì, họ coi đó như là để phòng thủ. Nếu những cơ hội giết chóc và cướp bóc nhiều hơn trong phe bị đánh bại, họ sẽ rất nhanh chóng thay đổi màu cờ.

Bên cạnh những kẻ tội phạm đích thực, một loại vết thương không thể chữa lành của mọi xã hội này, còn phải bổ sung thêm một hạng tội phạm nữa vời. Là những kẻ xấu ngẫu nhiên, họ không bao giờ tự nổi dậy khi sự e sợ trước trật tự đã được thiết lập ràng buộc họ, nhưng lại gia nhập những băng đảng cách mạng ngay từ khi cái trật tự ấy bắt đầu suy yếu.

Hai hạng tội phạm thông thường và tội phạm ngẫu nhiên này hợp thành một đội quân hỗn độn chỉ có đủ khả năng thực hiện những vụ gây rối. Tất cả các nhà cách mạng, tất cả những người sáng lập các liên minh tôn giáo hoặc chính trị đều nhất nhất dựa vào họ.

Chúng tôi đã từng nói rằng nhóm cư dân có tâm tính tội phạm này đã gây một ảnh hưởng đáng kể trong cuộc Cách mạng Pháp. Họ bao giờ cũng đứng ở hàng đầu trong những cuộc nổi loạn hầu như từng tiếp nối nhau hằng ngày. Một số nhà sử học nói với chúng tôi với một giọng điệu kính cẩn cảm động về những ý nguyện mà nhân dân tối thượng đã đem tới Hội Quốc ước khi xâm nhập vào phòng họp với vũ khí trong tay là những ngọn giáo mà đôi khi trên mũi có gắn một vài thủ cấp mới bị chém chặt trước đó. Nếu chúng ta phân tích xem khi đó những đoàn đại biểu mạo xưng là của nhân dân tối thượng bao gồm những phần tử nào, chúng ta sẽ phải thừa nhận rằng bên cạnh một dóm nhỏ những tâm hồn giản dị từng chịu tác động của các thủ lĩnh, đám đông được hợp thành trước hết từ những kẻ côn đồ mà tôi vừa nhắc tới ở trên. Chính họ là tác giả của vô vàn vụ giết người, trong đó những cuộc chém giết hồi tháng chín và vụ giết công chúa de Lamballe mang tính điển hình.

Họ đã làm run sợ tất cả những cuộc tụ họp lớn của Hội đồng lập hiến tại Hội Quốc ước và trong suốt mười năm góp phần vào việc làm suy mòn nước Pháp. Nếu, nhờ một sự thần kỳ, mà đội quân tội phạm này đã có thể bị loại bỏ, thì sự vận hành của cuộc Cách mạng Pháp đã rất khác. Họ đã làm cho cuộc cách mạng này đầm máu từ lúc nó khởi phát cho đến tận thời khắc suy tàn. Lý tính đã không thể tác động gì đến họ trong khi họ lại có thể chống lại nó rất nhiều.

Chương IV. Tâm lý học đám đông cách mạng

1. Những tính cách chung của đám đông

Dù có cội nguồn từ đâu, các cuộc cách mạng chỉ gây được tác động của mình sau khi đã thâm nhập được vào tâm hồn quần chúng. Như vậy là chúng biểu hiện một hệ quả của tâm lý học đám đông. Mặc dù đã nghiên cứu dài dài trong một công trình khác về tâm lý học tập hợp, tôi vẫn buộc phải nhắc lại ở đây những quy luật chung.

Con người khi là một phần của quần chúng khác với chính anh ta khi là con người riêng lẻ rất nhiều.

Tính bản ngã có ý thức của anh ta bị tiêu tan trong tính cá biệt vô ý thức của đám đông.

Tuyệt đối không cần phải có sự tiếp xúc vật chất để tạo cho cá thể tâm tính của đám đông. Những sự ham muốn và những tình cảm thâm kín chung phát sinh từ một số sự kiện nào đó thông thường cũng đủ để tạo ra nó.

Tâm hồn tập thể được hình thành một cách tức thời là một thể tập hợp rất đặc biệt. Đặc trưng chủ yếu của nó là bị khống chế hoàn toàn bởi những yếu tố vô ý thức, tuân thủ một logic đặc biệt: logic tập hợp.

Trong số những đặc trưng khác của các đám đông còn cần phải nhắc tới tính cả tin vô hạn, độ nhạy cảm quá mức của chúng, sự thiếu lo xa và không có khả năng để tiếp nhận ảnh hưởng của sự suy luận. Sự khẳng định, sự lây lan, sự lặp lại và sự thành đạt kết thành những phương tiện gần như duy nhất để thuyết phục chúng. Thực tế và kinh nghiệm không gây được ảnh hưởng gì đến chúng. Người ta có thể bắt quần chúng chấp nhận mọi việc. Không có điều gì là không thể dưới con mắt của họ.

Do tính nhạy cảm cực đoan của các đám đông mà tình cảm của họ, tốt hoặc xấu, bao giờ cũng bùng phát quá mức. Sự thổi phồng này còn tăng cao thêm nữa vào những thời kỳ cách mạng. Dù chỉ một sự kích động nhỏ khi đó cũng đủ để đẩy họ tới những hành động dữ dội. Tính cả tin của họ, vốn đã cao trong thời bình, cũng sẽ tăng lên; những câu chuyện huyền hoặc nhất đều đã được chấp nhận. Arthur Young kể rằng, trong khi đi thăm những mạch nước suối gần Clermont, người dẫn đường của ông ta đã bị dân địa phương bắt với lòng tin rằng anh ta đến đây theo lệnh của hoàng hậu để gài mìn cho nổ tung thành phố. Những câu chuyện hoang đường đáng sợ nhất khi đó đã được lưu truyền về hoàng gia, xem nó như là một tập hợp của những kẻ hút máu, những ma cà rồng.

Những tính cách khác nhau cho thấy rằng con người đám đông đã bị tụt xuống rất nhiều trên bậc thang văn minh. Trở thành một kẻ thô lỗ, con người ấy thể hiện ra cả những khiếm khuyết và những phẩm chất: những bạo lực nhất thời, cũng như cả lòng nhiệt tình và chủ nghĩa anh hùng. Trong lĩnh vực trí tuệ, một đám đông bao giờ cũng thấp kém hơn một con người đứng riêng. Trong các lĩnh vực đạo đức và tình cảm thì nó có thể vượt trội hơn. Một đám đông có thể thực hiện dễ dàng cả một tội phạm lẫn một hành động hi sinh quên mình.

Các tính cách cá nhân đều tự mờ nhạt trong đám đông, tác động của đám đông đối với các cá thể thành viên là khá mạnh. Một gã hà tiện ở vào trong đám đông lại trở thành kẻ hoang phí, một tín đồ có tính hoài nghi, một người phong nhã tội lỗi, một anh hùng hèn nhát. Những ví dụ tương tự có rất nhiều trong cuộc Cách mạng của chúng ta.

Trở thành ủy viên của một ban bồi thẩm hoặc một nghị viện, con người tập thể ấy có thể tuyên những bản án boặc biểu quyết những đạo luật, mà ở trạng thái cá nhân riêng lẻ chắc chắn anh ta không bao giờ nghĩ tới.

Một trong những hệ quả nổi bật nhất của ảnh hưởng do tập thể mang lại cho các cá thể thành viên của nó là nhất thể hóa tình cảm và ý nguyện của họ. Sự thống nhất tâm lý như vậy đã đem lại cho những đám đông một sức mạnh to lớn.

Sự hình thành một khối thống nhất về tinh thần đó bắt nguồn trước hết từ chỗ trong một đám đông, tình cảm, cử chỉ và hành động đều có sức lây lan tới mức cực đoan. Việc tung hô lòng thù hận, sự cuồng nhiệt đến cực điểm hoặc tình yêu đều được tán thưởng tức thì và được lặp đi lặp lại.

Nguyện vọng và tình cảm chung này đã sinh ra như thế nào? Chúng được lan tỏa theo cách lây lan, nhưng cần phải có một điểm khởi đầu để tạo ra sự lây lan này. Người thủ lĩnh mà chúng tôi sẽ sớm phân tích ảnh hưởng của anh ta sau đây trong các phong trào cách mạng, chính là người giữ vai trò này. Không có lãnh tụ, đám đông chỉ là một bản thể vô định hình, không có khả năng hành động.

Sự am hiểu những quy luật dẫn dắt tâm lý đám đông là không thể thiếu được nếu muốn giải thích các sự cố của cuộc Cách mạng của chúng ta, hiểu được hành vi của những đám tập hợp cách mạng và những chuyển hóa kỳ cục của những con người từng là thành viên của nó. Được thôi thúc bằng những sức mạnh vô ý thức của tâm hồn tập thể, họ đã thường nói hơn cả những gì họ không muốn nói và đã bỏ phiếu cho những gì mà lẽ ra không muốn bỏ phiếu.

Nếu các quy luật tâm lý tập hợp đôi khi đã được đoán đọc do bản năng bởi những chính khách cấp cao, vẫn phải thừa nhận rằng phần lớn các chính phủ không đánh giá đúng chúng và đến nay vẫn còn chưa nhận rõ chúng. Chính vì không biết về chúng, nên nhiều trong số đó đã sụp đổ hết sức dễ dàng. Khi ta thấy một số chế độ bị lật đổ quá dễ dàng chỉ bởi một cuộc nổi loạn nhỏ bé, cụ thể như trường hợp của Louis-Philipp, những mối nguy của sự không biết về tâm lý học tập hợp sẽ hiển hiện. Ví thông chế, năm 1848, nắm trong tay những đạo quân dư sức để bảo vệ nhà vua, chắc chắn đã không hiểu rằng kể từ khi để cho đám đông trà trộn vào quân đội, thì đội quân ấy đã bị tê liệt do ám thị và lây lan, không thực hiện đúng vai trò của mình nữa. Ông ta càng không biết rằng, bởi quần chúng vốn rất nhạy cảm với uy thế, nên dễ gây tác động đối với họ, cần phải triển khai mạnh mẽ các lực lượng để dập tắt tức thời những sự biểu lộ tình cảm thù nghịch. Ông ta cũng không biết rằng những cuộc tụ tập cần phải bị giải tán ngay tức thì. Tất cả những điều này đều đã được giảng dạy bằng kinh nghiệm, song vào thời kỳ ấy người ta chưa hiểu được những bài học rút ra từ đó. Vào thời điểm của cuộc Đại Cách mạng Pháp, tâm lý học đám đông còn không được ngờ tới hơn nữa.

2. Sự ổn định về tâm hồn của thể hệ hạn chế sự dao động của tâm thức đám đông như thế nào.

Một dân tộc suy cho cùng có thể được coi tương tự như một đám đông. Nó cũng sở hữu một số tính cách ấy, nhưng những sự dao động của các tính cách này lại được hạn chế bởi tâm hồn của thể hệ. Tâm hồn ấy bảo toàn một tính cố định còn khá xa lạ với tâm thức nhất thời của đám đông.

Khi dân tộc sở hữu một tâm hồn ổn định của tổ tiên nhờ một quá khứ dài lâu, tâm thức của đám đông bao giờ cũng bị nó khống chế.

Một dân tộc còn khác với một đám đông ở chỗ nó được cấu thành từ một tập hợp các nhóm người với những lợi ích và nguyện vọng khác nhau. Trong một đám đông thực thụ, một cuộc tụ hội quần chúng chẳng hạn, trái lại, bao giờ cũng có những nhóm người có thể thuộc về những giai tầng xã hội khác nhau.

Một dân tộc đôi khi dường như cũng linh động như một đám đông, song không nên quên rằng đằng sau tính cơ động và tính nhiệt thành của nó, những hành động bạo lực và sự phá hủy của nó, vẫn tồn lưu dai dẳng những bản năng bảo thủ rất bền bỉ được duy trì bởi tâm thức của thể hệ. Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp và của thế kỷ tiếp sau đó cho thấy bao nhiêu là tinh thần bảo thủ rốt cuộc đã lấn át tinh thần hủy hoại. Đã từng có hơn một chế độ bị nhân dân phá bỏ lại sớm được chính họ khôi phục.

Người ta không tác động được đối với tâm hồn của một dân tộc, tức là tới tâm hồn của một chủng người, dễ dàng như đối với tâm hồn của những đám đông. Các phương tiện tác động đều thuộc loại gián tiếp và chậm hơn (báo chí, hội thảo, diễn thuyết, sách vở,...). Và lại, các yếu tố dùng để thuyết phục luôn luôn rút về những gì đã được mô tả ở trên, như sự khẳng định, sự lặp lại, uy thế và sự lây lan.

Sự lây lan về tinh thần có thể đạt tới được tức thời cả dân tộc, nhưng thông thường hơn cả nó vận hành chậm, từ nhóm này sang nhóm khác. Phong trào Cải cách tôn giáo ở Pháp đã lan truyền đúng như vậy.

Một dân tộc thường khó bị kích động hơn rất nhiều so với một đám đông. Tuy nhiên, một vài sự cố, như sự xúc phạm dân tộc, sự đe dọa bị xâm lấn,... lại có thể thúc đẩy nó vùng lên tức thì. Hiện tượng tương tự đã nhiều lần được ghi nhận trong cuộc Cách mạng Pháp, nhất là vào thời kỳ công bố bản tuyên ngôn ngạo mạn của công tước Brunswick. Ông này đã hiểu biết khá ít về tâm lý của chủng tộc chúng ta khi đưa ra những lời đe dọa của mình. Ông ta không chỉ gây hại đáng kể cho sự nghiệp của Louis XVI, mà còn cho sự nghiệp của chính ông ta, vì bài nói của ông ta đã làm nổi lên từ lòng đất cả một đạo quân để chống lại ông ta.

Sự bùng nổ tình cảm bất thành linh này của một chủng người cũng thường thấy ở mọi dân tộc. Napoleon đã không hiểu gì về sức mạnh của họ, khi xâm lược Tây Ban Nha và nước Nga. Người ta có thể dễ dàng làm phân rã tâm hồn nhất thời của một đám đông, nhưng lại bất lực khi chống lại tâm hồn muôn thuở của một chủng người. Chắc chắn là người nông dân Nga từng là một kiểu người khá thờ ơ, thô bạo và thiển cận, nhưng ngay từ lời công bố đầu tiên về sự xâm lược, anh ta đã biến đổi. Chúng ta hãy xem xét điều đó qua một đoạn thư của Elisabeth, hoàng hậu của Hoàng đế Alexandre Đệ nhất.

“Kể từ thời điểm Napoleon vượt qua đường biên giới của chúng tôi, dường như có một tia lửa điện đã truyền đi trên toàn nước Nga, và nếu sự rộng lớn bao la của đất nước này đã cho phép để ngay trong thời điểm ấy chúng tôi thông báo về tin đó tới mọi góc ngách của đế chế, thì đã có thể vang lên một tiếng hét phần nộ khủng khiếp đến cực độ mà tôi tin là sẽ vang dội đến tận cùng thế giới. Napoleon càng tiến thêm vào, tình cảm này càng trào dâng cao hơn. Những cụ già mất hết của cải hoặc gần như vậy đã nói: ‘Chúng tôi sẽ tìm được phương tiện sống. Bất kỳ thứ gì cũng quý hơn một nền hòa bình nhục nhã’. Những người đàn bà cố gắng tất cả người thân yêu cho quân đội chỉ coi những mối nguy mà họ đang gánh chịu là thứ yếu và chỉ lo sợ hòa bình. Thứ hòa bình sẽ đồng nghĩa với bản án tử hình cho nước Nga, may thay, không thể xảy ra. Hoàng đế đã không thể hình dung được điều đó, và thậm chí nếu ông muốn thì ông cũng không thể làm được. Đó chính là tâm thế anh hùng cao thượng của chúng tôi.”

Hoàng hậu đã đưa ra với mẹ mình hai nét đặc trưng sau đây để giúp bà hình dung ý niệm về mức độ kháng cự của tâm hồn Nga:

“Người Pháp đã bắt được một số nông dân bất hạnh tại Moscow với toan tính sẽ sử dụng họ trong hàng ngũ của mình, và để những người này không thể bỏ trốn, người Pháp đã đóng dấu lên cánh tay họ, như từng đóng dấu lên những con ngựa tại các trại ngựa giống. Một trong số họ đã hỏi về ý nghĩa của dấu đóng đó thì được trả lời rằng nó hàm nghĩa anh ta là một người lính Pháp. ‘Sao! Tôi là lính của hoàng đế Pháp!’ anh ta phần nộ. Và, ngay lập tức anh ta cầm chiếc rìu của mình chặt phăng cánh tay của mình rồi vứt nó dưới chân mấy viên phụ tá kèm theo lời nói: ‘Này, hãy giữ lấy cái dấu của các người!’”

“Cũng tại Moscow, bọn Pháp đã bắt được hai mươi người nông dân và định dùng làm gương để gây khiếp sợ cho những ngôi làng từng bắt cóc các lính cắt cỏ ngựa của Pháp và đã chiến đấu không kém gì những biệt đội của quân chính quy. Người Pháp dàn họ dựa lưng vào tường rồi đọc bản án bằng tiếng Nga. Người ta đã chờ đợi rằng họ sẽ cầu xin tha thứ; thay vì điều đó, họ đã chào từ biệt nhau và làm dấu thánh giá. Người ta bắn vào người thứ nhất và đã nghĩ rằng, vì sợ hãi, những người khác sẽ cầu xin sự tha thứ và sẽ hứa hẹn thay đổi hành vi. Người ta bắn vào người thứ hai, rồi thứ ba, và cứ thế lần lượt cả hai mươi người mà không có lấy một ai khẩn nài lòng khoan hồng của kẻ thù. Napoleon đã không được một lần nào đặc ý làm uestap cái từ ngữ này ở nước Nga.”

Trong số những đặc trưng của tâm hồn dân tộc, còn cần phải nhắc lại rằng đối với mọi dân tộc và trong mọi thời đại, tâm hồn ấy đều có thừa sự thần bí.

Nhân dân sẽ luôn luôn bị thuyết phục rằng, những bậc thần thánh cao siêu, những chính phủ hoặc những con người có quyền lực để thay đổi các sự vật theo ý muốn của họ. Khía cạnh thần bí này kêu gọi

trong họ một nhu cầu mạnh liệt về sự tôn thờ. Họ cần có bùa hộ mệnh: một nhân vật hay một luận thuyết. Đó là vì sao, khi bị đe dọa bởi tình trạng vô chính phủ, họ lại đòi hỏi phải có một Chúa Cứu thế.

Cũng giống như các đám đông, nhưng chậm hơn, các dân tộc chuyển từ sự tôn thờ sang sự thù hận. Là những anh hùng của thời đại ấy, nhưng cũng nhân vật ấy rốt cuộc lại có thể bị chìm đắm trong sự nguyên rủa. Những sự biến đổi như vậy của các quan điểm đại chúng về các nhân vật chính trị đã từng gặp ở mọi quốc gia. Câu chuyện về Cromwell là một minh chứng rất lý thú cho điều đó.

3. Vai trò của các thủ lĩnh trong phong trào cách mạng.

Mọi biến thể của các đám đông đồng nhất hoặc không thuần nhất, của các hội đồng, các dân tộc, các câu lạc bộ,... như chúng tôi đã nhắc lại nhiều lần, đều là những thể tập hợp không có khả năng thống nhất và hành động, khi mà chúng còn chưa tìm được một người thủ lĩnh để dẫn dắt.

Tôi đã chỉ rõ ở một bài viết khác dựa trên một số kinh nghiệm về sinh lý học, rằng tâm hồn tập thể vô thức của đám đông dường như có liên quan với tâm hồn của người thủ lĩnh. Người này tạo cho họ một ước vọng duy nhất và áp đặt lên họ một sự phục tùng tuyệt đối.

Người thủ lĩnh tác động lên đám đông trước hết bằng sự ám thị. Kết quả sẽ tùy thuộc vào mảnh lời được dùng để kêu gọi điều đó. Nhiều thực nghiệm đã cho thấy việc ám thị một tập thể dễ dàng đến thế nào.

Tùy theo sự ám thị của các thủ lĩnh mà quần chúng sẽ có những trạng thái bình tĩnh, yên lặng, dữ dội, tội lỗi hay anh hùng. Những sự ám thị khác nhau này đôi khi dường như có thể thể hiện một khía cạnh hợp lý, nhưng sẽ chỉ là vẻ lý tính bề ngoài. Bởi lẽ một đám đông thực sự là không thể thấu hiểu được mọi lý lẽ, cho nên những tư tưởng duy nhất có khả năng gây ảnh hưởng tới nó luôn luôn sẽ là những tình cảm được khơi gợi nên dưới dạng hình ảnh.

Lịch sử của Cách mạng Pháp trên từng trang đều cho thấy các đám đông đã từng đi theo những sự thôi thúc trái ngược nhau nhất từ phía những thủ lĩnh khác nhau của họ một cách dễ dàng biết chừng nào.

Người ta đã chứng kiến các đám đông reo hò tán thưởng phái Girondin, phái Hébert, phái Danton và cả những kẻ khủng bố, cả khi những người này chiến thắng cũng như khi họ tuần tự bị lật đổ. Và chẳng, chúng ta có thể dám chắc rằng các đám đông chưa bao giờ thấu hiểu được điều gì từ tất cả những sự kiện đó.

Quan sát từ xa, chúng ta chỉ thấy một cách mờ nhạt vai trò của các thủ lĩnh, bởi lẽ nhìn chung họ đều hành động trong bóng tối. Để có thể nắm bắt được rõ ràng vai trò ấy, cần phải nghiên cứu nó trong các sự kiện của thời hiện đại. Với cách đó, người ta thấy các vị thủ lĩnh đã kích động những phong trào bạo lực quần chúng dễ dàng biết chừng nào. Ở đây chúng tôi không nghĩ về những cuộc đình công của các nhân viên bưu điện và đường sắt do sự bất bình của các viên chức, mà là những sự cố trong đó đám đông hoàn toàn thờ ơ. Chẳng hạn như cuộc nổi dậy của dân chúng do vài người thủ lĩnh thuộc phái Xã hội kích động trong vùng Paris vào ngày hôm sau vụ hành hình Ferrer, một người theo chủ nghĩa vô chính phủ, ở Tây Ban Nha. Đám đông người Pháp này chưa bao giờ được nghe nói về anh ta. Tại Tây Ban Nha, vụ hành hình này đã không được ai để ý tới. Ở Paris, chỉ cần sự kích động của mấy người thủ lĩnh đã thực sự tập trung được cả một đạo quân nhân dân để chống lại đại sứ quán Tây Ban Nha, nhằm đốt phá nó. Một phần của quân đồn trú ở đây đã được huy động để bảo vệ đại sứ quán. Bị đẩy lùi một cách kiên quyết, những kẻ tấn công sứ quán đã tự giới hạn ở mức cướp bóc các cửa hàng và dựng lên một vài chiến lũy.

Những người thủ lĩnh trong chính tình huống này đã cho thấy một bằng chứng mới về ảnh hưởng của họ. Sau cùng họ đã hiểu ra rằng đốt phá một đại sứ quán nước ngoài có thể là một việc hết sức nguy hiểm, họ đã ra lệnh ngày hôm sau chỉ tổ chức một cuộc tuần hành hòa bình và cũng được tuân thủ một cách trung thành như khi ra lệnh bạo động dữ dội. Không một ví dụ nào khác có thể phản ánh được tốt

hơn vai trò của các thủ lĩnh và sự phục tùng của những đám đông.

Các nhà sử học từng viết về những đám đông cách mạng, từ Michelet đến ngài Aulard, như thể là họ đã tự hành động và không có người dẫn dắt, thực ra đã không hiểu được chút nào tâm lý của họ.

Chương V. Tâm lý học của những tập hợp cách mạng

1. Các đặc trưng tâm lý của những tập hợp lớn trong cách mạng.

Một đám tụ tập chính trị lớn, ví dụ một nghị viện, là một đám đông, nhưng đôi khi là một đám đông ít công hiệu, bởi có những tình cảm trái ngược nhau trong nội bộ của những phe nhóm thù nghịch.

Sự hiện diện của những phe nhóm được kích động bởi những lợi ích khác nhau như vậy khiến người ta phải coi đám tụ tập là một thực thể được hình thành từ những đám đông không thuần nhất chòng chéo nhau, trong đó mỗi nhóm tuân theo thủ lĩnh riêng của mình. Như vậy, quy luật về sự thống nhất tinh thần của các đám đông chỉ biểu lộ ra trong từng nhóm, và chỉ vì những tình huống ngoại lệ mà những phe nhóm khác nhau có thể đạt tới sự hợp nhất tâm nguyện của mình.

Mỗi nhóm trong một đám tụ tập là một thực thể duy nhất. Mỗi cá thể đóng góp vào sự hình thành thực thể ấy đều không còn là chính mình và sẽ bỏ phiếu không chút ngần ngại cho những gì trái với niềm tin và nguyện vọng của mình. Vào thời khắc giao cận kề ngày mà Louis XVI sẽ bị kết án, Vergniaud đã phản kháng đầy phần nộ ý kiến nên bỏ phiếu xử tử ông ta, vậy mà hôm sau chính ông này lại bỏ phiếu tán thành.

Hành động của mỗi nhóm đều chủ yếu xoay quanh việc củng cố những quan điểm đang còn do dự. Mọi niềm tin yếu ớt của cá nhân đều dần dần được củng cố sau khi trở thành niềm tin của tập thể.

Những thủ lĩnh mạnh mẽ và có uy thế đôi khi, thông qua việc tác động tới tất cả các phe nhóm, có thể thành công trong việc hợp nhất chúng thành một đám đông duy nhất. Đa số các thành viên của Hội Quốc ước đã công bố những biện pháp mâu thuẫn bậc nhất với niềm tin của chính họ do ảnh hưởng của một dóm những thủ lĩnh như thế.

Các tập thể luôn luôn phải cúi mình trước những kẻ bề phái mạnh. Lịch sử của các đám tụ tập cách mạng cho thấy chúng nhút nhát đến mức nào trước các thủ lĩnh chỉ huy cuộc nổi dậy, mặc dù đối với nhà vua thì ngôn ngữ của chúng khá xác xược. Sự xâm nhập của một lũ người điên cuồng vì quá hăng say dưới sự dẫn dắt của một thủ lĩnh hồng hách đã đủ để buộc chúng bỏ phiếu, ngay trong buổi họp tức thời, cho những biện pháp mâu thuẫn và phi lý bậc nhất.

Một đám tụ tập vì vốn mang những tính cách của một đám đông, nên sẽ trở nên cực đoan trong các tình cảm của mình. Quá khích về bạo lực, nhưng cũng cực đoan về tính nhút nhát. Nói chung, họ đều tỏ ra ngạo mạn trước những người yếu hèn, song lại hết sức sợ hãi với những kẻ mạnh. Người ta đều biết về sự hạ mình đầy sợ sệt của Nghị viện, khi nhà vua trẻ Louis XIV bước vào phòng họp, roi cầm trong tay và đọc bài diễn văn ngắn của mình. Người ta cũng đều biết Hội đồng Lập hiến đã xử Louis XVI với sự xác xược ngày càng rõ hơn, khi ngày càng cảm thấy ông ta dần bị tước hết vũ khí. Sau cùng, người ta cũng còn biết về sự khủng bố của phái Lập hiến dưới thời trị vì của Robespierre.

Vì đặc trưng này là một nét quy luật chung của các đám tụ tập, nên phải coi việc nhà vua triệu tập một cuộc tụ tập vào lúc quyền lực của bản thân đang suy yếu dần là một sai lầm lớn. Cuộc nhóm họp Quốc hội đã khiến Louis XVI phải trả giá bằng mạng sống của mình. Trước đó, một cuộc họp tương tự cũng đã suýt tước ngôi vua của Henri III; khi bị buộc phải rời khỏi Paris, ông này đã có một ý nghĩ không hay là triệu tập Nghị viện tại Blois. Khi cảm thấy sự suy yếu của nhà vua, Quốc hội đã ngay tức thì lên tiếng với uy thế của kẻ nắm quyền, tiến hành thay đổi thuế khóa, bãi miễn các công chức và khẳng định rằng những quyết nghị của Quốc hội sẽ phải có hiệu lực của luật.

Sự thôi phồng dần dần những tình cảm này được quan sát thấy rõ ràng trong mọi cuộc tụ tập cách mạng. Hội Lập hiến, lúc đầu rất được kính trọng bởi uy thế bảo hoàng và những đặc quyền của mình, đã thôn tóm dần dần mọi quyền lực rồi cuối cùng tự tuyên bố là Quốc hội tối cao và đã xử vua Louis

XVI như là một viên chức bình thường. Hội Quốc ước, sau những bước đầu tương đối ôn hòa, đã tiến hóa thành một dạng thức đầu tiên của phong trào khủng bố, trong đó sự xét xử được bao bọc bằng một số điều đảm bảo, rồi không lâu sau đó nhờ quyền lực được thổi phồng thêm, nó đã công bố một bộ luật tước đoạt mọi quyền bảo vệ của các bị cáo và kết tội họ đơn thuần dựa vào sự suy đoán rằng họ là nghi phạm. Do nhượng bộ các thủ lĩnh tàn bạo của mình ngày càng sâu hơn, cuối cùng chính Hội Quốc ước cũng đã giết hàng loạt người của mình. Những người thuộc các phái Girondin, Hébertiste, Dantoniste, Robespierriste cũng đều thấy sự nghiệp đời mình lần lượt kết thúc dưới bàn tay đao phủ. Sự gia tăng nhanh các tình cảm trong những đám tập hợp giải thích vì sao chúng luôn chỉ kiểm soát được rất ít số phận của mình và đã bao lần chỉ nhận được những thành quả đối ngược hoàn toàn với những mục tiêu đặt ra. Vừa theo đạo Cơ đốc, vừa bảo hoàng, thay vì kiến tạo nên quân chủ lập hiến như từng mong muốn và duy trì tôn giáo mà nó muốn bảo vệ, Hội Quốc ước đã nhanh chóng dẫn dắt nước Pháp tới một nhà nước Cộng hòa đầy bạo lực và sự truy hại của giới tăng lữ.

Những đám tập hợp cách mạng được kết thành từ những nhóm không thuần nhất, như chúng ta đã thấy, nhưng cũng có những trường hợp khác cấu thành từ những nhóm người đồng nhất, ví dụ như những câu lạc bộ từng góp phần hết sức to lớn trong tiến trình Cách mạng Pháp, và do vậy tâm lý của chúng đáng được nghiên cứu một cách chuyên biệt.

2. Tâm lý học của các câu lạc bộ cách mạng.

Những liên minh nhỏ của những con người đồng quan điểm, cùng tín ngưỡng, cùng lợi ích, đồng thời đã loại bỏ tất cả những phần tử ly khai, có sự khác biệt với những tập hợp lớn ở sự thống nhất về tình cảm và do vậy cũng là thống nhất về ý chí. Đó chính là những công xã, những hội đoàn tôn giáo, những phường hội ngày xưa ấy, rồi tiếp sau là những câu lạc bộ trong tiến trình Cách mạng, những hội kín trong nửa đầu thế kỷ XIX và sau cùng là những thành viên của Hội Tam điểm và những nghiệp đoàn công nhân thời nay.

Sự khác biệt này giữa một đám tập hợp không thuần nhất và một câu lạc bộ đồng nhất cần phải được nghiên cứu kỹ để hiểu được sự vận hành của cuộc Cách mạng Pháp. Cho tới thời của viện Độc chính và trước hết là trong thời kỳ Hội Quốc ước, nó bị chi phối bởi các câu lạc bộ.

Mặc dù có tính đồng nhất về ý nguyện do không tồn tại những bè đảng khác nhau, các câu lạc bộ cũng tuân thủ những quy luật của tâm lý học đám đông. Do vậy, chúng đều bị các thủ lĩnh chinh phục. Chúng ta đã thấy, đó trước hết là tại câu lạc bộ của những người Jacobin do Robespierre dẫn dắt.

Vai trò của người thủ lĩnh một câu lạc bộ, tức là đám đông đồng nhất, khó hơn rất nhiều so với của một đám đông không thuần nhất. Người ta có thể dễ dàng dẫn dắt một đám đông không thuần nhất mà chỉ cần làm rung động một lượng nhỏ những sợi dây tình cảm. Trong một tập hợp người đồng nhất, như một câu lạc bộ chẳng hạn, nơi mà những tình cảm và lợi ích đều tương tự nhau, cần phải biết cách sắp đặt, đối xử khéo với họ, và người dẫn dắt thường trở thành một người bị dẫn dắt.

Một sức mạnh to lớn của những khối dân cư đồng nhất chính là ở sự ảm danh của chúng. Chúng ta đã biết trong thời kỳ Công xã Paris 1871, vài mệnh lệnh khuyết danh được loan báo là đủ để gây sự hủy hoại những tượng đài đẹp đẽ nhất của Paris: Tòa Thị chính thành phố, cung điện Tuileries, tòa nhà của Sở Tài chính, Bắc đầu bội tình,... Một mệnh lệnh ngắn của những ủy ban ảm danh: “Hãy đốt Sở Tài chính, Hãy đốt cung điện Tuileries,...”, đã được thi hành ngay tức thì. Chỉ nhờ một sự ngẫu nhiên quá mức mong đợi mà Bảo tàng Louvre cùng những bộ sưu tập của nó mới được thoát nạn. Chúng ta cũng biết rằng những mệnh lệnh phi lý nhất của các vị thủ lĩnh ảm danh của các nghiệp đoàn công nhân ngày nay đã được người ta lắng nghe với sự kính trọng mang tính tôn giáo đến mức nào. Các câu lạc bộ Paris và Công xã của những người nổi loạn cũng từng phục tùng không kém trong thời kỳ Cách mạng. Một mệnh lệnh do họ phát ra đã đủ để tung ra một đội quân bình dân tấn công vào Quốc hội để áp đặt ý nguyện của mình.

Tổng kết lịch sử của Hội Quốc ước, trong một chương khác, chúng ta sẽ thấy tần suất của những cuộc đột nhập như vậy và tính cách lệ thuộc mà Quốc hội, lâu nay trong truyền thuyết vốn được coi như rất mạnh mẽ, thể hiện khi cúi mình trước những mệnh lệnh cấp bách nhất từ một đám người nổi loạn. Rút được bài học từ những kinh nghiệm, ban Đốc chính đã đóng cửa các câu lạc bộ và chấm dứt những cuộc xâm nhập của các đội quân bình dân bằng cách cương quyết bắn súng liên thanh vào họ.

Hội Quốc ước, vả chăng, đã hiểu khá nhanh tính ưu việt của những tập đoàn đồng nhất so với những đám tập hợp không thuần nhất để điều khiển, vì vậy họ đã phân chia ra thành những ủy ban với số lượng cá thể hạn chế. Những ủy ban: Cứu quốc, Tài chính,... tạo thành những tập hợp nhỏ có quyền tối cao trong tập hợp lớn. Quyền lực của họ chỉ bị thua kém so với quyền lực của các câu lạc bộ.

Những nhận định trên đây cho thấy sức mạnh của các tập đoàn dựa trên ý nguyện của các thành viên. Nếu tập đoàn thuộc loại thuần nhất, tác động của nó sẽ đáng kể; còn nếu nó không thuần nhất, tác động của nó sẽ nhỏ hơn, nhưng lại có thể trở nên quan trọng hoặc là vì những tập đoàn mạnh của một đám tập hợp chi phối những tập đoàn có độ gắn kết yếu hơn, hoặc là bởi một số tình cảm có tính lây lan thường lan truyền tới tất cả các thành viên của một đám tập hợp.

Một ví dụ đáng nhớ về ảnh hưởng này của các tập đoàn đã được dẫn ra từ thời kỳ diễn ra cuộc Cách mạng của chúng ta, khi vào đêm 4 tháng 8 giới quý tộc đã bỏ phiếu cho kiến nghị của một trong số những thành viên của họ về việc loại bỏ những đặc quyền phong kiến. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng cuộc Cách mạng này đã phát sinh một phần từ nguyên nhân việc giới tăng lữ và giới quý tộc từ chối từ bỏ những đặc quyền của họ. Tại sao trước hết lại là sự từ bỏ đặc quyền bị từ chối? Đơn giản là bởi những con người trong đám đông cư xử không giống như những con người đứng riêng lẻ. Về mặt cá thể, không một thành viên nào của giới quý tộc từng chịu từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ ảnh hưởng này của các đám tập hợp tới thành viên của mình, Napoleon tại Sainte-Hélène đã trích dẫn những ví dụ lý thú như sau:

“Không có điều gì thường thấy hơn, ông nói, là gặp những con người của thời kỳ này hoàn toàn trái ngược với danh tiếng mà tưởng như đã được minh chứng bằng lời nói và hành động của họ lúc đương thời. Người ta có thể tin Monge, chẳng hạn, một con người ghê gớm; khi chiến tranh đã được định đoạt, ông ta bước lên diễn đàn của phái Jacobin và đã tuyên bố rằng ông sẽ ứng trước hai con gái của mình cho hai người lính đầu tiên sẽ bị thương bởi quân thù... Ông mong muốn người ta giết tất cả những người quý tộc,... Vậy mà Monge từng là một con người ôn hòa nhất, mềm yếu nhất, và sẽ không cho giết dù chỉ một con gà, nếu người ta buộc ông đích thân phải giết hoặc chỉ là người ta giết nó trước mắt ông.”

3. Thử luận giải sự phát triển dần dần thái quá của các tình cảm trong những cuộc tụ hội.

Nếu các tình cảm tập thể có thể đo đếm được một cách định lượng chính xác, ta có thể diễn tả chúng bằng một đường cong với đoạn đầu đi lên tương đối chậm, sau đó đi lên rất nhanh rồi đi xuống gần như theo phương thẳng đứng. Phương trình mô tả đường cong này có thể gọi là phương trình các biến về tình cảm tập thể phụ thuộc vào một đại lượng kích động không đổi.

Không bao giờ dễ dàng giải thích được sự gia tăng nhanh của một số tình cảm dưới ảnh hưởng của một nguyên nhân không đổi. Tuy vậy, ta có thể đưa ra nhận xét rằng nếu các quy luật tâm lý học có thể so sánh được với những quy luật của cơ học, thì một nguyên nhân với độ lớn không đổi, nhưng hoạt động liên tục, sẽ phải làm gia tăng nhanh cường độ của một tình cảm. Ta biết rằng, một lực không đổi về độ lớn và hướng, như trọng lực chẳng hạn, tác động lên một vật thể sẽ truyền cho nó một chuyển động có gia tốc. Tốc độ của một vật rơi tự do trong không gian dưới tác dụng của trọng lực trung bình trong giây đầu tiên là 10m, giây thứ 2 là 20m, trong giây thứ 3 là 30m,... Sẽ là dễ dàng nếu muốn cho một vật rơi tự do đủ cao để cung cấp cho nó tốc độ xuyên thủng một tấm thép.

Nhưng nếu điều giải thích này đem áp dụng cho sự gia tăng nhanh của một tình cảm phụ thuộc vào một

một động lực cố định, nó sẽ không cho ta biết vì sao các hiệu ứng tăng tốc dừng lại một cách đột ngột. Sự dừng lại đột ngột như thế chỉ có thể hiểu được nếu vận dụng bổ sung những cách lý giải của tâm lý học, nghĩa là bằng cách nhắc lại rằng sự cảm nhận, như sự đau đớn, không thể vượt quá những giới hạn nhất định và rằng mọi kích động dữ dội quá mức đều gây ra sự tê liệt cảm giác. Cơ thể của chúng ta chỉ có thể dung nạp được một cực đại nhất định của nỗi vui mừng, niềm đau đớn hoặc sự gắng sức, và nó thậm chí không thể chịu đựng được chúng lâu dài. Bàn tay bóp giữ một lực kế sẽ sớm cạn kiệt ứng lực của mình và kết cục là sẽ phải thả nó một cách đột ngột.

Nghiên cứu những nguyên nhân gây ra sự biến mất nhanh chóng của một số nhóm tình cảm trong các đám tập hợp còn cần phải tính đến một thực tế là bên cạnh phe đảng nổi trội nhờ vào sức mạnh hoặc uy thế của mình, còn có những phe đảng khác mà tình cảm của chúng, bị nén lại bởi cái sức mạnh hoặc uy thế ấy, đã không thể phát triển được hết cỡ. Một tình huống nào đó có thể làm suy yếu phần nào phe đảng nổi trội, thì ngay tức khắc các tình cảm từng bị kìm nén của các phe đảng đối lập có thể trở nên ưu trội hơn. Phái Núi (Montagnard) tiếp sau Thermidor (*những ngày cách mạng 27-28 tháng 7 năm 1794 lật đổ và giết chết Robespierre* - ND) là một trải nghiệm cho nhận định đó.

Tất cả những phép loại suy trên cơ sở tính tương tự mà chúng tôi thử thiết lập giữa các quy luật chi phối các hiện tượng vật chất và những quy luật quản lý sự tiến hóa của các yếu tố tình cảm và thần bí rõ ràng là còn rất thô thiển. Vẫn sẽ còn phải làm như vậy cho tới ngày mà cơ thức vận hành thần kinh được hiểu biết nhiều hơn so với ngày nay.

Phần II. Cuộc cách mạng pháp

Quyển I. Những cội nguồn của Cách mạng Pháp

Chương I. Quan điểm của các nhà sử học về cuộc Cách mạng Pháp

1. Các nhà sử học của chính cuộc Cách mạng Pháp.

Những quan điểm mâu thuẫn nhau bậc nhất đã được bày tỏ về cuộc Cách mạng Pháp và, mặc dù mới chỉ cách chúng ta một thế kỷ, hầu như vẫn không thể xét đoán về nó một cách không thiên kiến. Theo de Maistre, nó là “một công trình quỷ quái” và chưa khi nào “hành động của đầu óc tầm tối lại được thể hiện rõ ràng đến thế”. Theo những người Jacobin hiện đại, nó đã phục hưng loài người.

Những người nước ngoài tạm trú tại nước Pháp coi nó như một đề tài cần lánh tránh trong những cuộc trò chuyện.

“Ở mọi nơi, Barrett Wendell viết, ký ức này và những truyền thống này vẫn còn được phú cho một sức sống đến độ ít ai có đủ khả năng xem xét chúng mà không có thiên kiến. Chúng kêu gọi đồng thời cả sự nhiệt tình lẫn lòng thù hận; chúng vẫn còn được nhìn nhận với tinh thần đảng phái, trung thành và cháy bỏng. Bạn càng hiểu được nước Pháp nhiều hơn, bạn càng thấy rõ hơn rằng cho đến nay vẫn không có một nghiên cứu nào về cuộc Cách mạng Pháp được người Pháp cho là vô tư, không thiên vị.” Quan sát này đã rất đúng. Để có thể được lý giải một cách công minh, những sự cố của thời quá khứ không nên tiếp tục gây hậu quả cũng như không động chạm đến những niềm tin chính trị hoặc tôn giáo mà ở phần trước tôi đã chỉ ra tính không khoan dung tất yếu của chúng.

Chúng ta không nên ngạc nhiên rằng các nhà sử học bày tỏ những ý tưởng trái ngược nhau về cuộc Cách mạng này. Trong một thời gian dài nữa, một số người sẽ nhìn thấy trong đó một trong số những sự kiện thâm trầm nhất của lịch sử, những người khác lại cho đó là một trong những sự kiện vinh quang nhất. Tất cả đều tin rằng nó được kể lại một cách không thiên vị, và nhìn chung họ chỉ bảo vệ những luận đề trái ngược nhau đã được đơn giản hóa đi nhiều. Văn liệu thì có rất nhiều và trái ngược nhau, việc chọn lựa chúng có chủ ý hay không chủ ý đã giúp người ta dễ dàng biện luận cho những luận đề được tuân tự đưa ra.

Các nhà sử học ngày xưa về cuộc Cách mạng, như Thiers, Quinet, và chính Michelet tài năng, ngày nay đã bị lãng quên ít nhiều. Vả chăng, những luận thuyết của họ đều không mấy phức tạp. Nhìn chung, chúng đều bị chi phối bởi chủ nghĩa định mệnh lịch sử. Thiers từng coi cuộc Cách mạng này như là kết quả của nhiều thế kỷ quân chủ tuyệt đối, và phong trào Khủng bố là hệ quả tất yếu của sự xâm nhập từ nước ngoài. Quinet thì coi sự bạo hành của năm 1793 như sự nối tiếp của chủ nghĩa chuyên chế nhiều thế kỷ, nhưng khẳng định rằng sự tiềm quyền của Hội Quốc ước từng là vô ích và cản trở sự nghiệp của Cách mạng. Michelet thì chỉ nhìn thấy trong cuộc Cách mạng này sự nghiệp của nhân dân, cái mà ông ta chiêm ngưỡng một cách mù quáng, và ông đã bắt đầu biểu dương nó, chính sự ngợi ca ấy được tiếp nối không ngừng bởi các nhà sử học khác.

Uy tín xưa của tất cả những sách sử học này cũng đã bị xóa sạch bởi sách của Taine. Dù rằng cũng mang nặng thiên kiến, ông ta đã soi rọi lên giai đoạn cách mạng này một ánh sáng sống động, và từ đó đến rất lâu về sau, không nghi ngờ gì nữa, cuốn sách của ông ta sẽ không bị thay thế.

Một tác phẩm lớn như vậy dĩ nhiên phải chứa đựng cả những khiếm khuyết. Taine đã trình bày một cách thật đáng ngưỡng mộ những sự kiện, những nhân vật, song ông ta lại có tham vọng xét đoán bằng thứ logic hợp lý của mình những sự kiện mà lý tính đã không xui khiến và, do vậy, cũng không thể giải

thích. Tâm lý học của ông ta, thật tuyệt vời khi nó chỉ đơn thuần dùng để mô tả, nhưng lại trở nên rất yếu kém khi nó được dùng để lý giải. Khẳng định rằng Robespierre từng là một nhà thông thái rôm không phải là đã phát hiện ra được những nguyên nhân khiến ông ta có quyền lực tuyệt đối đối với Hội Quốc ước, bị ông ta tàn sát hàng loạt mà không bị trừng phạt trong suốt nhiều tháng. Người ta đã nói rất đúng về Taine rằng ông này đã nhìn thấy rất rõ nhưng lại hiểu rất kém.

Mặc dù còn có những sự hạn chế này, công trình của Taine thật là đáng kể và vẫn chưa có ai sánh kịp. Người ta có thể suy ra từ ảnh hưởng rất to lớn của ông qua sự phẫn nộ mà nó gây ra cho những người bảo vệ trung thành của tính chính thống Jacobin, trong đó có ngài Aulard, giáo sư tại Đại học Sorbonne, là giáo sĩ lớn hiện nay. Ông này đã dành hai năm để viết một bài văn đả kích chống lại Taine, trong đó từng dòng thấm đẫm thiên kiến. Thời gian bỏ ra để đính chính một vài lỗi về tài liệu tương đối không đáng kể cũng chỉ đưa ông ta tới chỗ mắc những lỗi tương tự.

Nhắc lại công trình của ông, ngài A. Cochin đã chỉ ra rằng ngài Aulard đã nhầm lẫn tới khoảng một nửa, trong những đoạn trích dẫn của mình, trong khi đó Taine lỗi ít hơn rất nhiều. Cũng nhà sử học này đã chỉ rõ cần phải ngờ vực những nguồn tài liệu của ngài Aulard.

“Những nguồn này, ông nói, các biên bản, báo chí, những bài văn đả kích, những người yêu nước, chính là những công chứng thư về chủ nghĩa yêu nước do những người yêu nước soạn thảo và phần lớn là để dành cho công chúng. Ở mọi nơi các luận đề đưa ra bảo vệ đều phải được đặt tại những chỗ nổi bật nhất; ở đây, ngay bên mình, có một lịch sử Cách mạng, đã được viết hoàn chỉnh, trình bày ở bên cạnh từng hành động của “Nhân dân”, kể từ những cuộc thảm sát tháng chín cho tới luật Prairial, một sự giải thích đã soạn sẵn, theo hệ thống phòng vệ cộng hòa.”

Sự phê phán thích đáng nhất có lẽ người ta có thể trình bày trên cơ sở công trình của Taine vẫn sẽ mãi là không đầy đủ. Ông nghiên cứu trước hết là vai trò của đám bình dân và các thủ lĩnh của họ trong thời kỳ Cách mạng. Nó đã gợi cảm hứng cho ông viết những trang làm rung động vì sự phẫn nộ mà đến nay người ta vẫn còn cảm phục, song nhiều khía cạnh quan trọng của cuộc Cách mạng vẫn tuột khỏi tầm nhìn của ông.

Dù người ta có thể nghĩ về cuộc Cách mạng thế nào chăng nữa thì một sự bất đồng không thể khắc phục vẫn sẽ mãi tồn tại giữa các nhà sử học thuộc trường phái của Taine và trường phái của ngài Aulard. Aulard coi nhân dân tối thượng thật đáng khâm phục, trong khi Taine lại cho thấy là một khi nhân dân bị bỏ mặc cho những bản năng của mình và được giải thoát khỏi mọi sự hạn chế xã hội, họ sẽ rơi và tình trạng hoang dã nguyên thủy. Luận thuyết của ngài Aulard, rất trái ngược với những bài học về tâm lý học đám đông, vẫn còn là một tín điều tôn giáo đối với những người Jacobin hiện đại. Họ viết về Cách mạng với những lập luận và những phương pháp của tín đồ và coi những cách lập luận của các nhà thần học như những công trình bác học.

2. Lý thuyết Định mệnh trong cuộc Cách mạng Pháp

Những người bên vực và những kẻ gièm pha cuộc Cách mạng thường chấp nhận thuyết định mệnh của các sự kiện cách mạng. Luận đề này đã được tổng hợp khá tốt trong đoạn văn dưới đây trích từ sách Lịch sử của cuộc Cách mạng của Emile Oltivier :

“Không một ai có thể cưỡng lại được nó. Sự chê trách không thuộc về những người đã chết, cũng không thuộc về những người sống sót, nó không phải là sức mạnh cá nhân đủ khả năng thay đổi những yếu tố và phòng ngừa các sự kiện phát sinh từ bản chất của sự vật và từ các tình huống.”

Chính Taine đã thiên về luận đề này:

“Vào thời khắc mở cửa Quốc hội, ông nói, dòng chảy tư tưởng và các sự kiện không những đã được xác định, mà còn nhìn thấy được. Đã định trước và không có ý thức, mỗi thế hệ đều mang trong chính mình tương lai và lịch sử của mình: trong lịch sử này trước kết cục khá lâu, người ta đã có thể đoán trước số phận của mình.”

Những tác giả khác trong thời hiện tại, không bày tỏ công khai, không nhiều hơn so với Taine, sự xá tội cho những bạo lực cách mạng, cũng là những người chia sẻ quan điểm về tính tiền định này.

M. Sorel, sau khi nhắc lại lời của Bossuet về những cuộc cách mạng thời cổ đại:

“Tất cả đều bị bắt ngờ do chỉ quan sát những nguyên nhân đặc biệt, và dù sao cũng vẫn tiến về phía trước với một trật tự đã được quyết định”, đã đưa ra ý định, nhưng lại không hiện thực hóa được bao nhiêu, “chỉ rõ trong cuộc Cách mạng Pháp, cuộc cách mạng mà đối với một số người dường như là sự lật đổ, đối với một số khác - là sự tái tạo của thế giới cũ Âu châu, cái trật tự tự nhiên và tất yếu của lịch sử châu Âu, và làm cho mọi người thấy rằng cuộc cách mạng này không hề đem lại hậu quả nào, thậm chí là đặc biệt nhất, mà không sinh ra từ lịch sử này và không được giải thích bằng những sự kiện xảy ra trước đó của chế độ cũ”.

Ông Guizot cũng vậy, trước đây đã cố chứng minh rằng cuộc Cách mạng của chúng ta, mà ông đã so sánh một cách hoàn toàn vô lý với cuộc cách mạng Anh, là rất tự nhiên và không có gì là canh tân.

“Không hề có ý định cắt đứt tiến trình tự nhiên của các sự kiện ở châu Âu, ông nói, cả cuộc cách mạng Anh, cũng như cuộc Cách mạng của chúng ta đều không nói điều gì, không mong điều gì, không làm điều gì mà trước đó chưa từng được nói đến, chưa từng được mong mỏi, chưa từng được làm hoặc thử làm cả trăm lần trước khi chúng bùng nổ.

... Hoặc là chúng ta chú ý đến những luận thuyết của cả hai cuộc cách mạng hoặc đến những ứng dụng của chúng mà người ta đã thực hiện, bất luận là từ phía chính phủ của Quốc gia hay là từ phía pháp luật dân sự, về tài sản hay về con người, về tự do hay là về quyền lực, chúng ta sẽ không tìm được gì do họ phát minh ra, cũng không gặp một thứ gì mà ít ra đã nảy sinh từ những thời đại mà người ta gọi là bình thường.”

Tất cả những điều khẳng định này gợi lại một cách đơn thuần quy luật bình thường rằng một sự kiện nào đó là hệ quả của những hiện tượng trước đó. Những lời xác nhận khái quát như thế chẳng chỉ dạy cho ta được bao nhiêu.

Tuy nhiên, không nên trông chờ giải thích được quá nhiều sự kiện bằng nguyên lý định mệnh lịch sử vốn được biết bao nhà sử học vận dụng. Ở một bài khác, tôi đã thảo luận về giá trị của những tính tiền định này và đã chỉ ra rằng toàn bộ sự cố gắng của nền văn minh tập trung vào việc phân tách chúng. Rõ ràng là lịch sử chứa đầy những điều tất yếu, nhưng nó cũng chứa cả những sự cố ngẫu nhiên, những gì có thể đã hoặc sẽ không hiện hữu. Chính Napoleon, tại Sainte-Helene, đã liệt kê sáu tình huống lẽ ra đã có thể cản đường thăng tiến kỳ diệu của mình. Ông đã kể, đặc biệt là khi ông đang tắm vào năm 1786 tại Auxonne, ông đã thoát chết chỉ nhờ tình cờ bắt gặp một bãi cát. Nếu như Bonaparte đã chết vào thời điểm đó thì người ta cũng có thể chấp nhận một vị tướng khác mà ông này cũng sẽ đi tới nền độc tài. Song, cái gì sẽ đến với bản hùng ca đế vương và nó sẽ tiếp diễn ra sao nếu thiếu vắng một con người thiên tài từng dẫn dắt những đạo quân của chúng ta hành tiến khải hoàn trên tất cả các thủ đô của châu Âu?

Có thể chấp nhận một phần nào đó rằng cuộc Cách mạng là một sự tất yếu, nhưng nó trước hết là – và đó là điều mà những nhà văn theo thuyết định mệnh kể trên không hề chỉ ra – một cuộc đấu tranh không ngừng của các nhà lý luận thấm nhuần một lý tưởng mới chống lại những quy luật kinh tế, xã hội và chính trị từng dẫn dắt con người, nhưng là điều mà những con người này chưa từng hiểu được. Trong tình trạng không nhận rõ được những quy luật ấy, họ đã cố gắng một cách vô vọng đi ngược dòng chảy của sự vật, bức tức vì không thành công và đã gây ra mọi thứ bạo lực. Họ ngang ngược tuyên bố rằng tiền giấy với tên gọi là tín phiếu có giá trị giống như vàng, nhưng mọi lời đe dọa của họ cũng không ngăn được giá trị giả định này rơi xuống mức hầu như bằng không. Họ ban hành luật tối đa, nhưng luật này chỉ làm gia tăng thêm những nỗi khổ mà họ muốn giảm nhẹ. Robespierre tuyên bố tại Hội Quốc ước rằng “tất cả những người cách mạng sẽ được Kho bạc công trả lương, và Kho bạc công lại được

các nhà giàu đóng góp” và bất chấp sự khám soát và máy chém, Kho bạc vẫn rỗng không. Sau khi đập tan mọi sự cản trở, những người chỉ huy Cách mạng cuối cùng đã phát hiện ra rằng một xã hội không thể tồn tại mà không có những sự cản trở, nhưng khi họ muốn từ đó tạo ra những cản trở mới, họ cũng nhận ra rằng những kẻ mạnh nhất, kẻ cả được sự trợ lực của nỗi sợ hãi máy chém, cũng không thể thay thế được ảnh hưởng tinh thần tích lũy lâu dài bởi quá khứ trong những tâm hồn. Vì hiểu được sự tiến hóa của một xã hội, đánh giá được năng lực nhận thức và trái tim, lường trước được những hệ quả của các biện pháp đã quyết định, nên họ đã không bận tâm về những điều ấy bao giờ.

Các sự kiện cách mạng, như vậy, không hề phát xuất từ những sự tất yếu không thể khắc phục. Chúng từng là hệ quả của các nguyên tắc Jacobin nhiều hơn là của những tình huống, và lẽ ra đã có thể khác hẳn. Liệu cuộc Cách mạng này có vận hành đúng theo cách nó đã diễn ra, nếu trước đó Louis XVI đã được tư vấn tốt hơn hoặc nếu chỉ cần Hội đồng lập hiến tỏ rõ là ít nhút nhát hơn trước những đám dân chúng nổi loạn? Học thuyết về chủ nghĩa định mệnh cách mạng chỉ có ích cho việc biện minh bạo lực bằng cách trình bày nó như là sự biến không thể tránh được.

Bất luận là khoa học hay sử học, chúng ta đều phải hết sức cảnh giác với sự không hiểu biết được che giấu bằng thuật ngữ chủ nghĩa định mệnh. Thiên nhiên trước đây từng đầy rẫy những sự ngẫu nhiên mà khoa học chỉ mới phân tách được một cách chậm chạp. Đặc điểm của con người cao thượng là biết tìm cách phân tách chúng, như tôi đã chỉ rõ trong một nghiên cứu khác.

3. Những điều lường lự của các nhà sử học cận đại về cuộc Cách mạng Pháp.

Các nhà sử học mà tư tưởng của họ được chúng tôi trình bày trong chương này, đều đã tỏ ra rất tự tin trong cả những lời công kích cũng như lời biện hộ. Bị giam hãm trong cái vòng tín ngưỡng, họ đã không cố gắng xâm nhập sâu đến tận cốt lõi của sự hiểu biết. Một nhà văn vô chính phủ đã tỏ ra thù địch một cách gay gắt đối với cuộc Cách mạng Pháp và một nhà văn tự do lại tỏ ra tán thưởng nó cũng không kém phần dữ dội.

Chúng ta thấy ngày nay đang manh nha một trào lưu chắc chắn sẽ tiến tới nghiên cứu cuộc Cách mạng Pháp như là một trong những hiện tượng khoa học mà trong đó những quan điểm và những tín ngưỡng của một tác giả ít can dự đến mức chính bạn đọc cũng không ngờ được.

Thời kỳ ấy vẫn còn chưa tới. Người ta mới chỉ thấy hé lộ thời kỳ của sự nghi ngờ, như là một giai đoạn tiền thân của nó. Những nhà văn tự do trước kia từng hết sức tự tin, đã bắt đầu không còn là chính họ nữa. Chúng ta sẽ xem xét trạng thái tâm hồn này qua mấy đoạn trích dẫn sau của những tác giả gần đây :

M. Hanotaux, sau khi ca ngợi ích lợi của cuộc Cách mạng, đã tự hỏi liệu những kết quả nó đem lại đã phải trả bằng cái giá quá đắt, rồi bổ sung thêm :

“Lịch sử đã do dự và sẽ còn do dự dài dài nữa mới tỏ rõ ý kiến.”

M. Madelin đã thể hiện biết bao điều do dự trong cuốn sách mà ông vừa cho xuất bản về cuộc Cách mạng Pháp.

“Tôi chưa bao giờ tự cảm thấy có uy tín đủ để đưa ra một nhận định dứt khoát, kể cả trong tòa án lương tâm, về một sự kiện phức tạp như cuộc Cách mạng Pháp. Đối với tôi còn khó hơn nữa để hôm nay đưa ra một nhận định thật ngắn gọn về nó. Nguyên nhân, sự kiện và hệ quả theo tôi còn phụ thuộc rất nhiều vào những cuộc tranh luận.”

Người ta còn nhận thấy rõ hơn sự chuyên hóa hiện nay của những tư tưởng cũ về cuộc Cách mạng khi lướt nhanh những bài viết mới của những người bên vực chính thức của nó. Trong khi họ dám chắc là trước kia từng biện bạch cho mọi hành động bạo lực qua việc mô tả nó như những hành động tự vệ giản đơn, thì giờ đây lại giới hạn ở mức biện hộ cho những hoàn cảnh. Tôi tìm được một bằng chứng gây ấn tượng mạnh của trạng thái tinh thần mới này trong sách lịch sử nước Pháp dùng cho nhà trường xuất bản gần đây của các ông Aulard và Debidour. Chúng ta đọc được ở đây về Trào lưu khủng bố

những dòng như sau:

“Máu đã chảy rất nhiều; đã có những hành động bất công, những tội phạm bỉ ổi và vô ích cho Quốc phòng. Nhưng trong cơn giông bão ấy người ta đã không còn tỉnh táo nữa và liên miên bị quấy rầy bởi hàng ngàn mối nguy, những người yêu nước đánh đập điên cuồng.”

Chúng ta sẽ thấy trong một phần khác của công trình này rằng người thứ nhất trong hai người tôi vừa trích dẫn ở trên, mặc dù chủ nghĩa Jacobin không khoan nhượng của ông ta, lại tỏ ra rất ít rộng lượng đối với các nhân vật trước kia từng được đánh giá là “những người khổng lồ của Hội Quốc ước”. Các đánh giá của những người nước ngoài về cuộc Cách mạng của chúng ta nói chung là khá nghiêm khắc và chúng ta sẽ không phải ngạc nhiên khi hồi nhớ lại Châu Âu ngày ấy đã phải chịu đựng đến mức nào trong suốt hai mươi năm đảo lộn của chúng ta.

Trước hết, người Đức đã tỏ ra cứng rắn nhất. Quan điểm của họ được tóm lược trong những dòng sau đây của ngài Faguet :

“Hãy biết cách nói ra điều đó một cách dũng cảm và với tinh thần yêu nước; vì chủ nghĩa yêu nước trước hết bao hàm việc nói ra sự thật với đất nước của mình: nước Đức nhìn thấy trong nước Pháp, qua những gì có được từ quá khứ, một dân tộc với những từ ngữ to tát về tự do và tình huynh đệ trên môi, từng đè nén, dẫm đạp, làm tổn thương, cướp bóc và trấn áp nước họ trong suốt mười lăm năm; còn với hiện tại thì đây là một dân tộc, cũng với những từ ngữ cao đạo trong các bài giảng, đang tổ chức ra một nền dân chủ chuyên chính, áp bức, phiến nhiễu và tốn kém và là một nền dân chủ không để cho ai bắt chước. Đó là những gì nước Đức có thể nhìn thấy trong nước Pháp, và đó là những gì theo các nhật báo và sách vở của họ mà chúng ta có thể tin chắc là nước Đức nhìn thấy.”

Và chẳng, dù giá trị của những sự đánh giá này đối với Cách mạng Pháp là thế nào chăng nữa, thì chúng ta cũng có thể tin chắc rằng các nhà văn của tương lai sẽ coi nó như một sự kiện vừa làm say mê, vừa bổ ích.

Một chính phủ phải khá là tàn bạo để đưa lên đoạn đầu đài hoặc dìm chết những người già tuổi tám mươi, những trinh nữ và cả những hài nhi bé bỏng, đồng thời phủ lên nước Pháp những phế tích mà lại vẫn đẩy lùi được cả châu Âu với súng ống trong tay; một công chúa nước Áo, hoàng hậu Pháp, chết dưới máy chém, rồi vài năm sau một công chúa khác, họ hàng với bà, đã thay thế bà trên cùng ngai vàng ấy nhờ cuộc hôn nhân với một thiếu úy đã lên ngôi hoàng đế, đó là những bi kịch lạ kỳ trong biên niên sử của loài người. Các nhà tâm lý học trước hết sẽ rút ra bài học từ một lịch sử còn rất ít được họ nghiên cứu cho đến nay. Họ rốt cuộc chắc chắn sẽ phát hiện ra rằng khoa học tâm lý chỉ tiến bộ được khi từ bỏ những lý thuyết ảo tưởng và những thí nghiệm trong phòng để nghiên cứu các sự kiện và những người quanh ta.

4. Tính không thiên vị trong Khoa học Lịch sử.

Sự công minh luôn luôn được xem như phẩm chất cốt yếu nhất của một nhà sử học. Mọi người, kể từ Tacite, đều khẳng định rằng họ là những người công minh.

Trong thực tế, nhà văn nhìn thấy các sự kiện như người họa sỹ nhìn một phong cảnh, nghĩa là với khí chất của mình, tính cách của mình và tâm hồn của dòng giống mình. Nhiều nghệ sỹ đứng trước cùng một phong cảnh tất yếu sẽ chuyển tải nó một cách khác nhau. Một số người sẽ nhấn mạnh những chi tiết mà những người khác lại bỏ qua. Mỗi phiên bản, do vậy, sẽ là một công trình cá nhân, nghĩa là được lý giải bằng một dạng nhất định của cảm xúc.

Điều đó cũng đúng với nhà văn. Như vậy, chúng ta không còn có thể nói về sự công minh của một nhà sử học hơn là của một họa sỹ.

Dĩ nhiên là nhà sử học có thể giới hạn ở việc sao chép lại những văn bản, và đó là khuynh hướng hiện thời. Nhưng những văn liệu này, đối với những thời kỳ cách đây chưa lâu, như cuộc Cách mạng Pháp chẳng hạn, do số lượng nhiều đến mức mà một đời người không thể đủ để lướt qua toàn bộ, nên chúng

ta buộc phải lựa chọn.

Có đôi khi hữu ý, nhưng thông thường hơn cả là không chủ ý, tác giả chọn những tài liệu đáp ứng tốt nhất quan điểm chính trị, tôn giáo hay đạo đức của mình.

Như vậy là không thể nào làm ra được một cuốn sách lịch sử thực sự không thiên vị, trừ phi chấp nhận ở mức biên niên giản đơn bằng cách tóm tắt mỗi sự kiện trong một dòng và một mốc ngày tháng.

Không một tác giả nào có thể làm được như vậy và cũng không nên hối tiếc là trước kia không một ai làm được như vậy. Tham vọng không thiên vị, rất phổ biến trong thời đại hiện nay, dẫn tới chỗ tạo ra những công trình nhạt nhẽo, buồn tẻ và chán ngắt một cách kỳ lạ, khiến cho chúng ta hoàn toàn không thể hiểu được một thời kỳ lịch sử.

Liệu nhà sử học, dưới danh nghĩa sự công minh, có nên tránh phán xét con người, nghĩa là nói về họ bằng những ngôn từ khâm phục hoặc nghiêm khắc?

Câu hỏi này, theo tôi, có hai lời giải rất khác nhau, tuy nhiên lại rất đúng tùy theo góc nhìn của người phán xét, tức là của nhà đạo đức học hay của nhà tâm lý học.

Nhà đạo đức học phải hoàn toàn nhằm vào lợi ích xã hội và chỉ phán xét con người theo tiêu chí lợi ích này. Chỉ riêng việc xã hội đang tồn tại và muốn tiếp tục tồn tại, nó đã buộc phải chấp nhận một lượng nhất định những quy tắc, duy trì một tiêu chí không thỏa hiệp của cái tốt và cái xấu, tạo ra theo đó những sự phân biệt rành mạch giữa những thói hư tật xấu và đức hạnh. Theo đó, nó có thể tạo ra những kiểu loại trung bình mà con người của một thời đại có thể đáp ứng ít nhiều, nhưng họ không thể đi chệch quá nhiều mà không gây nguy hiểm cho xã hội.

Chính là phải căn cứ vào những kiểu loại tương tự và những quy tắc phát sinh từ những nhu cầu thực tế của xã hội mà nhà đạo đức học phán xét con người của thời quá khứ. Khen ngợi những ai hữu ích, chê trách những người khác, họ xác lập được những kiểu loại đạo đức không thể thiếu cho sự đi lên của nền văn minh và dùng làm những mẫu mực. Các nhà thơ, như Corneille chẳng hạn, tạo ra hình tượng các anh hùng vượt lên trên đa số những người bình thường và có lẽ là không thể bắt chước được, đã góp phần to lớn vào việc kích thích những cố gắng của chúng ta. Cần phải luôn luôn đưa ra cho mỗi dân tộc những tấm gương anh hùng để nuôi dưỡng tâm hồn dân tộc.

Đó là góc nhìn của nhà đạo đức học. Góc nhìn của nhà tâm lý học lại khác hẳn. Trong khi một xã hội không có quyền trở nên rộng lượng, bởi vì nghĩa vụ đầu tiên của nó là phải sống, nhà tâm lý học phải giữ cho mình một thái độ vô tình. Trong khi xem xét sự vật với tư cách nhà khoa học, nhà tâm lý học không quan tâm đến giá trị sử dụng của chúng và chỉ cố gắng lý giải chúng. Vị trí của anh ta là vị trí của người quan sát trước một hiện tượng nào đó. Rõ ràng là rất khó đọc với cái đầu lạnh việc Carrier đã ra lệnh chôn các nạn nhân đến tận cổ để sau đó móc mắt họ và làm họ phải chịu sự đau đớn khủng khiếp. Tuy nhiên, để hiểu được những hành động ấy, cần phải tìm mình sao cho không phần nộ hơn so với một nhà tự nhiên học trước cảnh con nhện ăn thịt một cách chậm chạp con ruồi. Kể từ khi lý tính bị xúc động, nó sẽ không còn là lý lẽ nữa và cũng không còn giải thích được điều gì.

Vai trò của nhà sử học và của nhà tâm lý học không phải như chúng ta thấy là chúng giống nhau, nhưng chúng ta có thể yêu cầu đối với cả hai phải cố gắng phát hiện đằng sau những điều hiển nhiên nhìn thấy được những sức mạnh không nhìn thấy được đã tạo ra chúng.

Chương II. Những cơ sở tâm lý học của chế độ cũ

1. Chế độ quân chủ chuyên chế và những nền tảng của chế độ cũ.

Nhiều nhà sử học cam đoan rằng cuộc Cách mạng này được thực hiện để chống lại sự chuyên chế của chế độ quân chủ. Nhưng trong thực tế, từ lâu trước khi nó nổ ra, các vị vua của nước Pháp đã không còn là những vị vua chuyên chế.

Họ đã chỉ xuất hiện khá muộn và chỉ dưới triều đại Louis XIV mới đạt được quyền lực không thể chối cãi. Tất cả những vị vua trước đó, kể cả những người mạnh mẽ nhất, ví dụ như François Đệ nhất, đều

buộc phải ủng hộ những cuộc đấu tranh liên miên hoặc là chống lại những lãnh chúa, hoặc là chống lại giới tăng lữ, hoặc là chống lại quốc hội, trong đó họ không phải bao giờ cũng là những kẻ mạnh nhất. François Đệ nhất mà chúng tôi vừa trích dẫn, thậm chí còn không có đủ quyền lực để chống lại Sorbonne và Quốc hội để bảo vệ những người thường lui tới gần gũi nhất. Người cố vấn và cũng là người bạn Berquin của ông ta do làm méch lòng Sorbonne, đã bị bắt theo lệnh của chính Sorbonne. Nhà vua đã ra lệnh thả ông ta, nhưng bị Sorbonne từ chối. Nhà vua đành hạ mức xuống rút ông ta khỏi nơi ở của người gác cổng với sự giúp sức của mấy viên cảnh sát và không tìm được cách nào khác để bảo vệ ông ta hơn là giữ ở cạnh mình trong điện Louvre. Sorbonne đã không hề chịu thua. Một lần thừa lúc nhà vua đi vắng, Sorbonne đã ra lệnh bắt Berquin một lần nữa rồi đem xử tại Quốc hội. Bị kết án vào lúc mười giờ sáng, ông ta đã bị thiêu sống vào giữa trưa.

Được tạo dựng rất chậm chạp, quyền lực của các vị vua nước Pháp chỉ trở thành chuyên chế dưới thời Louis XIV. Nó lại bị suy giảm nhanh chóng sau đó và sẽ rất khó để có thể gọi chế độ của Louis XVI là chuyên chế.

Người mạo xưng là ông chủ này lại là kẻ nô lệ của triều đình, của các bộ trưởng, của giới tăng lữ và của giới quý tộc. Ông đã phải làm những gì người ta bảo phải làm và hiếm khi là những gì ông muốn. Không một người Pháp nào lại từng bị mất tự do hơn ông ta.

Những động lực mạnh mẽ của chế độ quân chủ trước hết nằm ở nguồn gốc thần thánh mà người ta đã từng gán cho nó và tiếp sau là những truyền thống được tích lũy lâu dài. Chúng cấu thành rường cột thực thụ của đất nước.

Nguyên nhân thực sự làm chế độ cũ biến mất chính là sự suy yếu của các truyền thống vốn là nền tảng của nó. Khi mà, sau những cuộc tranh luận lặp đi lặp lại, chúng không còn những người bảo vệ thì chế độ cũ sẽ sụp đổ giống như một tòa nhà bị phá móng.

2. Những điều bất lợi của chế độ cũ.

Một chế độ được dựng lên từ lâu thì bao giờ cũng khiến cho dân chúng dưới quyền cai trị tưởng như là có thể chấp nhận được. Thói quen sinh ra từ đây che khuất những gì là bất lợi vốn dĩ chỉ hiện hình khi người ta nghĩ về chúng quá nhiều. Con người khi đó sẽ tự hỏi làm thế nào mà mình đã chịu đựng được bấy lâu nay. Con người thực sự bất hạnh là những ai tự cho mình là người khôn khổ.

Đó chính là niềm tin được tạo lập trong thời kỳ Cách mạng, do ảnh hưởng của các nhà văn mà sắp tới chúng ta sẽ tìm hiểu ảnh hưởng của họ. Những sự không hoàn thiện của chế độ cũ khi đó lộ ra trước mắt mọi người. Chúng rất nhiều. Chỉ cần trích ra đây một vài ví dụ.

Bất chấp uy quyền bề ngoài của chính quyền trung ương, vương quốc được hình thành từ việc chinh phục liên tiếp các tỉnh biệt lập, đã bị chia sẻ thành những lãnh thổ với luật lệ riêng, phong tục, tập quán riêng và nộp những khoản thuế khác nhau. Những thuế quan nội bộ phân cách chúng với nhau. Tính thống nhất của nước Pháp do vậy đã từng khá là giả tạo. Nó được coi là thể tập hợp của những quốc gia khác nhau mà những cố gắng không ngừng của các nhà vua, kể cả Louis XIV, đã không thành công trong việc thống nhất chúng một cách trọn vẹn. Công trạng hữu ích nhất của cuộc Cách mạng Pháp chính là việc thống nhất này.

Cùng với sự chia cắt về mặt vật chất như vậy còn có những chia cắt về xã hội kết thành từ những giai tầng quý tộc, tăng lữ, đẳng cấp thứ ba mà những hàng rào phân cách giữa chúng chỉ càng khó vượt qua hơn nhiều.

Coi sự phân cách giai cấp là một trong những sức mạnh của mình, chế độ cũ đã duy trì nó một cách chặt chẽ. Đó là nguyên nhân chính của sự hận thù mà nó đã sản sinh ra. Nhiều vụ bạo lực của giới tư sản đắc thắng thể hiện trước hết là sự trả thù vì một quá khứ dài từng bị khinh miệt và áp bức. Những vết thương của lòng tự ái là những gì mà ký ức khó bị xóa nhòa nhất. Đẳng cấp thứ ba phải chịu đựng điều đó nhiều hơn cả. Tại một cuộc họp Quốc hội năm 1614, nơi những đại diện của họ bị buộc phải

quý gôi, đầu trần, do một thành viên của đảng cấp thứ ba đã dám nói rằng các giai cấp như ba người anh em, diễn giả thuộc giới quý tộc đáp lại: “rằng không hề có một tình cảm bác ái nào giữa giới quý tộc với đảng cấp thứ ba, rằng những người quý tộc không muốn con cái của những người bán giày và của những người vá giày gọi họ là những người anh em.”

Mặc dù đã có những tiến bộ về tri thức, giới quý tộc và tầng lớp tăng lữ vẫn duy trì một cách ngoan cố những đặc quyền và những yêu cầu thực ra là vô lý kể từ khi những giai cấp này đã ngừng phát huy tác dụng.

Bị tước bỏ những chức năng công ích bởi chính quyền hoàng gia, một chính quyền đã ngờ vực họ, rồi lại bị thế chỗ dần dần bởi một tầng lớp tư sản ngày càng có khả năng hơn và có học hơn, giới tăng lữ và tầng lớp quý tộc chỉ còn giữ vai trò thể hiện vẻ long lẫy của xã hội. Quan điểm này đã được Taine làm sáng tỏ một cách rõ ràng.

Ông nói: “kể từ khi giai cấp quý tộc mất đi khả năng chuyên biệt của mình và đảng cấp thứ ba đã tiếp thu được năng lực chung, hai giai cấp này trở nên ngang mức nhau về giáo dục và về tư cách, sự chênh lệch từng chia tách họ đã trở thành yếu tố gây tổn thương. Được bổ nhiệm theo tập quán, giai cấp quý tộc không còn được công nhận theo ý thức, và đảng cấp thứ ba thì nổi giận một cách chính đáng chống lại những đặc quyền mà không gì có thể biện minh, không phải là năng lực quý tộc, cũng không phải là sự bất lực của giới tư sản.”

Do tính cứng nhắc của các đảng cấp được xác lập bởi một quá khứ lâu đời, người ta không nhìn ra được những gì đã có thể buộc giai cấp quý tộc và tầng lớp tăng lữ từ bỏ những đặc quyền của họ. Rõ ràng là họ rốt cuộc đã phải từ bỏ chúng trong một đêm đáng nhớ, khi mà các sự kiện đã ép họ phải làm như vậy, nhưng đã quá muộn, và cuộc Cách mạng vừa bùng phát đã tiếp tục dòng chảy của mình.

Chắc chắn là những tiến bộ thời hiện đại đã tuân tự tạo ra tất cả những gì mà cuộc Cách mạng Pháp đã tạo ra: sự bình đẳng giữa các công dân trước pháp luật, việc loại bỏ những đặc quyền do nguồn gốc,... Mặc dù đầu óc bảo thủ của người Latinh, những điều này đã được tiếp nhận như chúng đã từng tồn tại bởi phần lớn các dân tộc. Bằng cách này, lẽ ra chúng ta đã có thể tránh được hai mươi năm chiến tranh và sự tàn phá, nhưng để tránh được chúng, cần phải có một kết cấu tinh thần khác với của chúng ta và trước hết là của những chính khách khác với những chính khách thời ấy.

Sự thù nghịch sâu sắc của giới tư sản chống lại các giai cấp mà truyền thống đã duy trì trên đầu họ từng là một trong những nhân tố quan trọng gây ra cuộc Cách mạng và lý giải một cách hoàn hảo rằng sau khi chiến thắng, giới tư sản đã tước đoạt của cải của những kẻ thua trận. Giai cấp này cư xử khi đó như là những người chinh phục, giống như Guillaume le Normand đã chia đất cho lính của mình sau khi chinh phục được nước Anh.

Nhưng nếu giới tư sản ghét giới quý tộc, nó lại không có chút hằn thù nào với vương quyền là thứ mà nó tưởng như là không thể thay thế được. Sự vụng về của nhà vua và những lời kêu gọi của ông ta với nước ngoài chỉ đi đến kết quả rất chậm là khiến ông ta trở nên không hợp lòng dân.

Quốc hội thứ nhất chưa bao giờ nghĩ đến việc thành lập một nhà nước cộng hòa. Bảo hoàng cao độ, thực vậy, nó từng mơ ước đơn giản là thay thế nền quân chủ tuyệt đối bằng một nền quân chủ lập hiến. Duy chỉ có ý thức về quyền lực đang lớn dần của nó đã làm nó thêm phần nộ trước sự phản kháng của nhà vua. Tuy vậy, nó đã không dám lật đổ ông ta.

3. Đời sống trong chế độ cũ.

Khó có thể hình thành được một ý tưởng rõ rệt về đời sống trong chế độ cũ và trước hết là về tình trạng thực tế của nông dân.

Những nhà văn bảo vệ Cách mạng, cũng như các nhà thần học bảo vệ những giáo điều tôn giáo, đã vẽ nên những bức tranh tối tăm về sự tồn tại của những người nông dân trong chế độ cũ đến mức khiến người ta phải tự hỏi làm thế nào mà những con người bất hạnh ấy lại không bị chết hết vì đói khát từ

lâu rồi. Một ví dụ điển hình về cách mô tả như vậy có thể tìm thấy trong sách của ngài A. Rambaud, trước kia từng là giáo sư tại đại học Sorbonne xuất bản dưới cái tên *Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp*. Trong sách này người ta chú ý đặc biệt đến một tranh khắc với lời chú là “Sự khốn cùng của người nông dân dưới thời Louis XIV”. Ở tiền cảnh là một người đàn ông đang tranh nhau với mấy con chó những mẩu xương đã bị róc hết thịt. Bên cạnh ông ta là một người bất hạnh đang gập người xuống đồng thời bóp nén bụng lại. Xa hơn một chút là người đàn bà đang cúi rạp người xuống ăn cỏ. Tại hậu cảnh có những nhân vật, mà người ta không thể nói là những thi thể hay những tấm thân bị bỏ đói, nằm dài ngổn ngang trên mặt đất. Như một ví dụ về chính quyền thời đó, tác giả cam đoan rằng “Một chỗ làm việc của cảnh sát phải trả giá 800 đồng bảng (*nguyên bản để là đồng bảng - ND*) trong khi nó có thể đem lại món lợi 400.000 đồng”. Những con số như vậy có thể chỉ ra, trên thực tế, một sự vô tư cao độ từ phía người bán những chỗ làm sinh lời này. Ông còn khẳng định với chúng ta rằng: “chỉ với giá là 420 đồng bảng đã có thể ra lệnh bắt người, và rằng “dưới thời Louis XV, người ta đã phát ra hơn 150.000 chiếu tống giam”.

Phần lớn những sách về Cách mạng đều được thiết kế với rất ít sự công minh và óc phê phán, vì vậy mà giai đoạn này, thực tế, vẫn còn rất ít được thấu hiểu.

Đương nhiên là văn liệu không thiếu, nhưng chúng lại hết sức mâu thuẫn với nhau. Đối lại với bản trần thuật nổi tiếng của La Bruyere, người ta có thể đưa ra bức phác họa đầy nhiệt tình do một khách du lịch Anh tên là Young thực hiện về trạng thái phồn thịnh của những người nông dân mà ông ta đã tới thăm.

Liệu có thực là họ bị thuế nặng đè bẹp, và phải chăng họ đã nộp tới bốn phần năm thu nhập, như người ta từng khẳng định, thay vì chỉ có một phần năm, thời nay? Không thể có câu trả lời chắc chắn cho điều đó. Có một sự thật cốt yếu, tuy nhiên, dường như xác nhận rằng trong chế độ cũ tình trạng sống của người dân nông thôn không thể quá khốn khó, bởi vì hầu như người ta đã được xác định là hơn một phần ba đất đai do những người nông dân mua.

Chúng ta được biết nhiều hơn về việc quản lý tài chính. Nó đã từng mang tính áp bức cao độ và hết sức phức tạp hóa. Ngân sách, thông thường hơn cả, là thiếu hụt và thuế khóa các loại được thu bởi những quan thâu thuế bạo ngược. Ngay trong thời khắc cuộc Cách mạng, tình trạng tài chính này đã trở thành nguyên nhân gây ra sự bất bình toàn diện, được thể hiện trong những tập điều trần của Quốc hội. Tuy nhiên cũng cần nhận xét thêm rằng những tập điều trần này không phản ánh một tình thế trước kia, mà là một tình thế đương thời nảy sinh do cuộc khủng hoảng của sự khốn khó bởi mùa thu hoạch kém vào năm 1788 và bởi mùa đông khắc nghiệt 1789. Điều gì lẽ ra đã được mô tả cũng trong những tập điều trần này sớm hơn mười năm?

Mặc dù những tình huống bất lợi này, chúng không hề chứa đựng một ý tưởng cách mạng nào. Những tập điều trần tiến xa nhất cũng chỉ yêu cầu một cách đơn giản là các loại thuế chỉ nên thu với sự thỏa thuận của Quốc hội và ai cũng phải nộp. Cũng những tập điều trần này đôi khi mong muốn quyền lực của nhà vua được hạn chế bằng một bản hiến pháp quy định những quyền của nhà vua và những quyền của dân tộc. Nếu như những điều mong muốn này đã được chấp nhận thì một nền quân chủ chuyên chế đã có thể dễ dàng được thay thế bằng một nền quân chủ lập hiến và rất có thể đã tránh được cuộc Cách mạng này.

Nhưng tiếc thay, giới quý tộc và giới tăng lữ đã rất mạnh và vua Louis XVI lại quá yếu để một giải pháp như vậy có thể khả thi.

Vả chăng, nó đã trở nên rất khó khăn do những đòi hỏi của giai cấp tư sản có ý định thay thế giai cấp quý tộc và đã trở thành tác giả thực sự của cuộc Cách mạng. Phong trào được giai cấp tư sản làm bùng ra đã nhanh chóng vượt quá những khát vọng, nhu cầu và hy vọng của nó. Nó đã đòi hỏi sự bình đẳng có lợi cho nó, nhưng nhân dân cũng mong muốn cho mình. Cuộc Cách mạng đã kết thúc theo cách trở

thành chính phủ của nhân dân, mà trước hết nó không phải là thế và cũng hoàn toàn không có ý định trở thành như thế.

4. Sự tiến hóa của ý thức quân chủ trong tiến trình cuộc Cách mạng Pháp.

Mặc dù sự chậm chạp trong tiến hóa của các yếu tố tình cảm, có điều chắc chắn là trong tiến trình Cách mạng các tình cảm, không chỉ của nhân dân, mà còn của cả những đám tập hợp cách mạng, đối với nền quân chủ đã biến đổi rất nhanh chóng. Giữa thời khắc mà các vị lập pháp của cuộc tập hợp cách mạng thứ nhất đang dành cho Louis XVI sự kính trọng và thời điểm mà họ chặt đầu ông ta chỉ có ít năm trôi qua.

Những thay đổi ấy, mang tính bề mặt hơn tằm sâu, trên thực tế chỉ đơn giản là một sự chuyển hóa của những tình cảm thuộc cùng một loại. Tình yêu mà con người thời ấy bày tỏ công khai cho nhà vua, họ lại chuyển sang cho chính phủ kế thừa quyền lực của ông ta. Cơ thức của một sự chuyển hóa như vậy có thể dễ dàng được làm rõ.

Dưới chế độ cũ, nhà vua duy trì quyền lực thiên tính, do vậy, được trao một sức mạnh siêu nhiên.

Hướng về ông là tất cả nhân dân từ những vùng sâu xa của nông thôn.

Đức tin thần bí này vào quyền lực tuyệt đối của của quốc vương chỉ bị lung lay khi những thể nghiệm liên tiếp chỉ ra rằng quyền lực dành cho con người được tôn thờ là ảo. Khi đó ông ta sẽ mất uy thế.

Vậy mà khi uy thế bị mất, những đám đông không tha thứ cho vị Chúa bị lật đổ do đã bị lừa phỉnh về ông ta và lại đi tìm thần tượng mà họ không thể không cần.

Ngay từ đầu cuộc Cách mạng, nhiều sự kiện lặp đi lặp lại hàng ngày đã chỉ ra cho những người sùng đạo nhất rằng vương quyền không còn quyền lực nữa và rằng còn có những sức mạnh khác không những đủ khả năng chống lại chế độ quân chủ, mà còn sở hữu một sức mạnh cao hơn.

Quần chúng nhân dân, trên thực tế, còn có thể nghĩ gì về sức mạnh của hoàng gia, khi họ thấy nhà vua đang bị một Quốc hội làm cho bất lực và không có khả năng bảo vệ, ngay giữa Paris, ngôi pháo đài tốt nhất của mình chống lại cuộc tấn công của những băng đảng vũ trang.

Như vậy, sự yếu kém của hoàng gia đã rõ ràng, trong khi đó sức mạnh của Quốc hội tỏ ra ngày càng lớn mạnh hơn. Vậy mà, trong con mắt của những đám đông, sự yếu kém không hề là ảo giác, họ luôn có khuynh hướng quay về phía sức mạnh.

Trong những đám đông, các tình cảm, mặc dù luôn tỏ ra rất linh động, không tiến hóa được nhanh đến vậy, do đó mà lòng tin vào chế độ quân chủ vẫn còn đó ngay cả trong cuộc đánh chiếm ngục Bastille, trong cuộc chạy trốn của nhà vua và trong thỏa thuận của ông ta với các hoàng đế nước ngoài.

Lòng tin vào chế độ quân chủ trong khi đó vẫn còn mạnh đến nỗi mà những cuộc nổi dậy ở Paris và những sự kiện dẫn tới cuộc hành hình vua Louis XVI vẫn không đủ để làm sụp đổ hẳn tại các tỉnh lẻ lòng thành kính lâu đời từng bao bọc chế độ quân chủ xưa.

Lòng tin ấy vẫn tồn lưu dai dẳng trên phần lớn đất Pháp trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng và là cội nguồn của những cuộc mưu phản bảo hoàng và của những cuộc khởi nghĩa tại nhiều tỉnh mà Hội Quốc ước phải tốn bao công sức để đàn áp. Lòng tin bảo hoàng đã biến khỏi Paris, nơi mà sự yếu kém của nhà vua đã quá rõ ràng; nhưng trong các tỉnh lẻ, chính quyền hoàng gia, kẻ đại diện cho Chúa trời nơi hạ giới, vẫn còn giữ được uy quyền. Những tình cảm bảo hoàng chắc là phải ăn sâu cắm rễ trong tâm khảm, nên cả đoạn đầu dài cũng đã không thể bóp chết được chúng. Các phong trào bảo hoàng cũng tồn tại dai dẳng, thực vậy, trong suốt tiến trình Cách mạng và càng rõ nét hơn trước hết dưới thời Đốc chính, khi mà 49 tỉnh đã cử tới Paris những đại biểu bảo hoàng, đã châm ngòi cho cuộc đảo chính của Fructidor từ phía Ban Đốc chính.

Những tình cảm với chế độ quân chủ này, bị đẩy lùi một cách khó khăn bởi cuộc Cách mạng, đã góp phần tạo thuận lợi cho sự thành công của Bonaparte, khi ông đến chiếm ngai vàng của những vị vua xưa và khôi phục lại một phần lớn những gì thuộc chế độ cũ.

Chương III. Tình trạng vô chính phủ về tinh thần vào thời điểm Cách mạng Pháp và vai trò được gán cho các triết gia

1. Cội nguồn và sự truyền bá của các tư tưởng cách mạng.

Đời sống bên ngoài của con người trong mỗi thời đại đều được khuôn theo một đời sống bên trong, được dựng trên một nền tảng gồm những truyền thống, những tình cảm, những ảnh hưởng đạo đức điều khiển hành vi của họ và duy trì một số khái niệm cơ bản mà họ phải chấp nhận không không tranh cãi. Giá mà sự kháng cự của cái nền tảng ấy yếu đi, và những tư tưởng không có ảnh hưởng có thể có trước kia sẽ gieo mầm và phát triển. Một số lý thuyết, từng thành công lớn trong thời gian Cách mạng, sẽ có thể vấp phải những bức tường không thể vượt qua được từ hai thế kỷ sớm hơn.

Những nhận định này được đưa ra nhằm nhắc lại rằng những sự kiện bên ngoài của các cuộc cách mạng bao giờ cũng là hệ quả của những sự chuyển hóa không nhìn thấy được diễn ra trong tâm hồn.

Việc nghiên cứu sâu về một cuộc cách mạng, do vậy, đòi hỏi phải nghiên cứu sâu lãnh địa tinh thần, trên đó đã gieo mầm những tư tưởng mà sau này sẽ quyết định từng bước đi của nó.

Nhìn chung rất chậm, sự tiến hóa của các tư tưởng vẫn là những gì không nhìn thấy được trong thời gian của một thế hệ. Chúng ta chỉ hiểu được tầm mở rộng của nó bằng cách so sánh trạng thái tinh thần của chính những giai cấp xã hội tại những đầu mút của đường cong vẽ nên bởi đường đi của những trí tuệ. Để nhận ra được những tư tưởng khác nhau mà con người có học thức dưới thời Louis XIV và Louis XVI đã tạo ra được từ chế độ quân chủ, chúng ta có thể so sánh các lý thuyết chính trị của Bossuet và Turgot.

Bossuet đã biểu đạt những luận thuyết chung của thời đại mình về chế độ quân chủ chuyên chế, khi ông xây nền móng cho quyền lực của một chính phủ theo ý của Chúa Trời, người phân xử duy nhất những hành động của các vị vua vốn luôn luôn vô trách nhiệm đối với con người. Lòng tin tôn giáo khi ấy cũng mạnh mẽ như lòng tin vào chế độ quân chủ mà nó cảm thấy như không thể tách ra được và không một triết gia nào sẽ có thể lay chuyển được.

Những tác phẩm của các bộ trưởng cải cách thời Louis XVI, ví dụ như những văn bản của Turgot, lại được khuấy động bởi một tinh thần hoàn toàn khác. Ông này hầu như không nói gì về quyền lực thần thánh của các vị vua, trong khi quyền của nhân dân lại bắt đầu được khắc họa rõ nét.

Nhiều sự kiện đã góp phần chuẩn bị cho một sự tiến hóa như vậy: chiến tranh khốn khó, nạn đói, thuế khóa, sự nghèo khổ tràn lan vào cuối thời trị vì của vua Louis XV,... Bị rung chuyển từ từ, sự kính trọng đối với chính quyền của nhà nước quân chủ đã được thay thế bằng sự nổi loạn của những ý thức đã sẵn sàng biểu lộ một khi xuất hiện cơ hội thích hợp.

Toàn bộ nền tảng tâm thần đang manh nha chia tách sẽ rã ra sau đó một cách nhanh chóng. Đó là lý do vì sao mà vào thời điểm của cuộc Cách mạng, chúng ta thấy lan truyền nhanh chóng đến như vậy những tư tưởng không hề mới, nhưng cho tới tận lúc đó còn chưa có ảnh hưởng gì, do chưa gặp được những mảnh đất thích hợp để có thể gieo mầm.

Tuy nhiên, trên thực tế người ta đã nhắc đi nhắc lại chúng biết bao lần, những tư tưởng mà vào thời điểm ấy đã cuốn hút những tâm hồn. Chúng đã biểu thị từ lâu rồi trong chính sách của người Anh. Hai nghìn năm trước, các tác giả Hy Lạp và La Mã đã từng bảo vệ quyền tự do, nguyên rủa những bạo chúa và công bố các quyền của nhân dân tối thượng.

Những người tư sản làm Cách mạng, mặc dù đã biết, cũng giống như cha ông họ, tất cả những chuyện này trong sách ở nhà trường, mà lại không hề rung động với chúng, bởi lẽ thời điểm chúng có thể làm xúc động họ vẫn chưa đến. Làm thế nào mà nhân dân lại sẽ có thể bị những tư tưởng ấy tác động mạnh đến thế vào cái thời mà họ đã quen tuân theo những thứ bậc trật tự xã hội như là những điều hoàn toàn tự nhiên?

Tác động thực sự của các triết gia đối với sự phát sinh của cuộc Cách mạng không phải là những gì mà

người đời thường gán cho họ. Họ chẳng phát hiện được điều gì mới, nhưng đã phát triển được tinh thần phê phán mà những giáo điều không kháng cự lại được, khi mà sự phân rã của chúng đã sẵn sàng. Do ảnh hưởng của sự phát triển tinh thần phê phán này mà những sự vật đang bắt đầu mất đi sự kính trọng hết mực ngày càng trở nên ít được kính trọng hơn. Khi uy tín và truyền thống đã mất đi thì cơ cấu xã hội cũng sụp đổ một cách bất ngờ.

Sự tan rã dần dần này cuối cùng đã lan xuống tới dân chúng, nhưng đã không bắt đầu từ họ. Nhân dân chỉ đi theo những tấm gương, chứ không không tạo ra chúng bao giờ.

Các triết gia, những người đã không thể gây được ảnh hưởng gì tới nhân dân, nhưng lại gây được ảnh hưởng rất to lớn đối với các giai cấp có học thức của dân tộc. Giới quý tộc ăn không ngồi rồi đã duy trì từ lâu ngoài vòng chức phận, do vậy có thói hay công kích, đã để cho họ dắt mũi. Không có khả năng nhìn thấy trước điều gì, tầng lớp này là những người đầu tiên lay động mọi truyền thống, trong khi đó là lý do tồn tại hàng đầu của chính họ. Cũng tràn đầy chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa duy lý như giai cấp tư sản hiện nay, nó không ngừng đào xói những đặc quyền của mình bằng những lời phê phán. Cũng giống như ngày nay, chính trong số những người được ưu đãi nhờ vận may đã từng gặp những người cải lương hăng hái nhất. Giới quý tộc đã khuyến khích những bài văn nghị luận về khế ước xã hội, về quyền con người, về sự bình đẳng giữa các công dân. Họ từng hoan hô những vở kịch của nhà hát phê phán đặc quyền đặc lợi, sự độc đoán, sự bất tài của những người có địa vị và sự lạm dụng thuộc mọi loại.

Ngay khi con người mất lòng tin vào những cơ sở của nền tảng tinh thần dẫn dắt hành vi của họ, họ cảm thấy khó chịu về điều đó, rồi tiếp đến là sự bất bình. Tất cả các giai cấp đều cảm thấy mất đi dần dần những nguyên nhân hành động ngày trước của mình. Những ai từng có uy thế trong con mắt họ từ hàng thế kỷ nay đều không còn uy tín nữa.

Tinh thần hay chống đối của các nhà văn và của giai cấp quý tộc đã không đủ để làm lay động sức nặng rất to lớn của những truyền thống, nhưng tác động của nó còn được chong ghép lên những ảnh hưởng sâu sắc khác. Chúng tôi đã nói ở trên, khi trích dẫn Bossuet, rằng trong chế độ cũ, chính phủ tôn giáo và chính phủ dân sự, ngày nay rất tách biệt nhau, đều kín đáo liên hệ với nhau. Động chạm đến một thì tất yếu sẽ động chạm đến chính phủ kia. Vậy mà, ngay cả trước khi tư tưởng quân chủ bị lay động, sức mạnh của truyền thống tôn giáo đã được khởi đầu rất rõ trong những bộ óc có học thức. Những tiến bộ không ngừng của tri thức đã từng làm chuyển dịch ngày càng mạnh hơn đầu óc con người từ thần học sang khoa học bằng cách đối chứng chân lý quan sát thấy với chân lý được phát giác.

Sự tiến hóa tâm thần, dù rằng hiện còn tương đối không chính xác, cũng đã cho phép nhận ra rằng các truyền thống trong khi dẫn dắt con người suốt nhiều thế kỷ, vẫn không có cái giá trị mà người ta từng gán cho chúng, và rằng có thể sẽ đến lúc cần phải thay thế chúng.

Nhưng đâu là nơi phát hiện ra những yếu tố mới có thể thay thế cho truyền thống? Đâu là nơi đi tìm cái đũa thần kỳ đủ sức dựng lên một kết cấu xã hội mới, trên nền những mảnh vỡ của cái kết cấu mà chúng ta không còn bằng lòng nữa?

Sự chấp thuận đã nhất trí gán cho lý tính quyền lực mà truyền thống và các vị thần dường như đã đánh mất. Làm sao có thể nghi ngờ sức mạnh của nó? Những phát minh của nó đã từng là vô số, liệu có là chính đáng nếu giả thiết rằng đem lý tính vận dụng cho việc xây dựng các xã hội, nó sẽ làm biến dạng chúng hoàn toàn? Vai trò có thể có của nó do vậy sẽ lớn lên rất nhanh trong các bộ óc khi truyền thống đối với họ ngày càng tỏ ra không đáng kể.

Năng lực tối thượng này được gán cho lý tính cần phải được xem như là ý tưởng tuyệt đỉnh, ý tưởng không những đã sản sinh ra cuộc Cách mạng, mà còn quản trị được nó hoàn toàn. Trong suốt tiến trình cách mạng, con người đã hiến thân cho những cố gắng kiên trì nhất nhằm phá bỏ quá khứ và xây nên

những xã hội mới trên một bình đồ mới được logic gợi ý.

Lan tỏa từ từ xuống tới nhân dân, những lý thuyết theo chủ nghĩa hợp lý của các triết gia được tóm lược cho họ như một khái niệm giản đơn rằng mọi sự vật trước kia từng được xem như đáng kính giờ đây không còn đáng kính nữa. Vì con người đã được tuyên bố là bình đẳng, những ông chủ xưa kia nay không còn được tuân thủ nữa.

Quần chúng đã dễ dàng quen với việc không phải tiếp tục kính cẩn những gì mà chính các giai cấp thuộc tầng lớp trên cũng đã ngừng kính trọng. Khi hàng rào ngăn của sự kính trọng đã sụp đổ, nghĩa là cuộc Cách mạng đã được thực hiện.

Hậu quả đầu tiên của tâm tính mới này là một tình trạng bất phục tùng phổ biến. Bà Vigee-Lebrun kể rằng tại đoạn đường đi dạo Longchamp, những người thuộc nhóm bình dân đã chỉ tay vào những bậc lên xuống của những xe ngựa bốn bánh sang trọng, miệng nói rằng “Năm sau chúng ta sẽ ngồi trong xe còn các người sẽ chạy đằng sau.”

Tầng lớp bình dân không phải nhóm người duy nhất biểu lộ sự bất phục tùng và sự bất bình. Những tình cảm này từng mang tính phổ biến ngay trước cuộc Cách mạng: “Tầng lớp tầng lữ bậc thấp, Taine viết, thù nghịch với các giáo sỹ cao cấp, giới quý tộc tỉnh với giới quý tộc triều đình, các chư hầu với công hầu, nông dân với thị dân,...”.

Trạng thái tinh thần lan tỏa từ giới quý tộc và giới tầng lữ đến dân chúng cũng đã xâm chiếm tâm hồn của quân đội. Vào thời điểm mở cửa Quốc hội, Necker đã nói: “Chúng tôi không tin tưởng vào quân đội”. Các sỹ quan trở thành những người nhân ái và triết lý. Những người lính được tuyển mộ, và chẳng, trong giai tầng hạ đẳng nhất của dân chúng thì không triết lý, nhưng lại không còn tuân lệnh nữa. Trong bộ não yếu kém của họ, bình đẳng chỉ đơn thuần là loại bỏ các chỉ huy và, do đó, cả toàn bộ sự tuân lệnh. Năm 1790, hơn hai mươi trung đoàn đã đe dọa những sỹ quan của mình, và đôi khi, như tại Nancy, còn tổng họ vào tù.

Sự vô chính phủ về tinh thần, sau khi đã gây tác dụng đối với mọi giai cấp của xã hội, đã xâm lấn vào quân đội, trở thành nguyên nhân chủ yếu làm biến mất chế độ cũ.

“Chính sự bỏ hàng ngũ của quân đội sau khi thấm nhuần những tư tưởng của Đảng cấp thứ ba đã xóa bỏ nhà nước quân chủ”. Rivarol đã viết.

2. Vai trò giả định của các triết gia thế kỷ XVIII trong sự phát sinh của Cách mạng Pháp. Sự đối lập của họ với nền dân chủ.

Nếu các triết gia, được giả thiết là những người khởi xướng của cuộc Cách mạng Pháp, đã chiến đấu chống lại một số thành kiến và sự lạm dụng, chúng ta hoàn toàn không buộc phải cho rằng họ là những người tán thành chính thể nhân dân. Nền dân chủ, mà vai trò của nó trong lịch sử Hy Lạp họ đã biết, là thứ nhìn chung rất đáng ghét đối với họ. Thực ra, họ không phải không biết là những sự hủy hoại và bạo lực là những hiện tượng đi kèm không thay đổi của nó và họ cũng biết rằng vào thời của Aristote nó đã được định nghĩa là: “Một Nhà nước mà mọi việc, kể cả luật pháp đều phụ thuộc vào quần chúng được nâng thành kẻ chuyên chế và được điều khiển bởi mấy người hùng biện”.

Pierre Bayle, tiền bối đích thực của Voltaire, đã nhắc lại bằng những lời lẽ sau đây những hậu quả mà chính thể bình dân tại Athens đã gây ra:

“Nếu người ta đã thấy một lịch sử từng phô bày một khoảng dài những sự xáo động của các tập hợp người, những bè đảng từng chia rẽ thành phố này, những cuộc phản loạn từng làm xáo động thành phố, những thần dân lưng danh nhất bị truy hại, bị lưu đày, bị trừng phạt tử hình theo ý thích của một kẻ diễn thuyết dữ tợn nghe chối tai, người ta sẽ kết luận rằng dân tộc ấy trong khi rất tự hào về nền tự do của mình, xét về bản chất, lại là nô lệ của một dúm những kẻ âm mưu mà họ gọi là những kẻ mị dân, những kẻ xui khiến người ta khi thì quay sang phía này, khi lại quay sang phía khác, tùy theo sự thay đổi điều đam mê của chúng, gần giống như mặt biển khi thì tạo sóng đẩy bên này, khi lại đẩy bên kia, tùy theo

sự thay đổi của hướng gió. Các vị sẽ uống công tìm ở Macedoine, một nhà nước quân chủ, số lượng những ví dụ về bạo chính mà lịch sử Athens có thể cung cấp.”

Nền dân chủ cũng không quyến rũ được Montesquieu. Sau khi đã mô tả ba dạng chính thể: nhà nước cộng hòa, nhà nước quân chủ và chính phủ chuyên chế, ông đã chỉ ra một cách rất đầy đủ những gì mà chính thể nhân dân có thể đạt tới một cách dễ dàng.

“Người ta từng tự do với luật pháp, người ta muốn tự do chống lại chúng; những gì là châm ngôn, người ta gọi là sự cứng nhắc; những gì là quy tắc, người ta gọi là sự gò bó. Trước kia là tài sản của các cá nhân nay tạo thành kho bạc công cộng; nhưng ngày xưa là kho báu công cộng nay trở thành gia sản của các cá nhân. Nhà nước Cộng hòa là một xác lột và sức mạnh của nó chỉ còn là quyền lực của vài cá nhân và sự phóng túng của mọi người.

... Hình thành những tiêu bạo chúa mà tất cả đều có những thói xấu của một người duy nhất. Sắp tới, những gì còn lại của tự do sẽ trở nên không thể chịu nổi; một bạo chúa duy nhất sẽ nổi lên, và nhân dân sẽ mất hết, cho tới cả những lợi thế trong sự mua chuộc của họ.

Nền dân chủ như vậy có hai điều thái quá cần phải tránh: tinh thần bình đẳng cực đoan sẽ dẫn nó tới sự chuyên chế của một người duy nhất, cũng như sự chuyên chế của một người duy nhất sẽ dẫn đến sự chinh phục.”

Lý tưởng của Montesquieu từng là thể chế lập hiến của Anh quốc, một thể chế đã ngăn cản chế độ quân chủ thoái hóa thành chủ nghĩa chuyên chế. Ảnh hưởng của triết gia này tuy vậy, vào thời điểm của cuộc Cách mạng, cũng rất yếu ớt.

Về phần những nhà bách khoa thư mà người ta cũng gán cho họ vai trò lớn, họ không mấy quan tâm đến chính trị, có lẽ chỉ trừ Holbach, một người theo chủ nghĩa quân chủ tự do giống như Voltaire và Diderot. Họ bảo vệ trước hết là quyền tự do cá nhân, chiến đấu chống lại sự lấn sân của Nhà thờ ngày ấy rất không khoan dung và là kẻ thù của các triết gia. Do không phải là người theo chủ nghĩa xã hội, cũng không phải là dân chủ, cuộc Cách mạng không phải dùng một nguyên tắc nào của họ. Chính Voltaire cũng tỏ ra rất ít thông cảm với nền dân chủ :

“Nền dân chủ, ông nói, dường như chỉ thích hợp với một nước nhỏ, mà nó còn phải nằm ở một vị trí may mắn. Nhỏ bé thế nào thì nó cũng sẽ gây ra rất nhiều sai sót, bởi vì nó sẽ bao gồm những con người. Sự bất chính hợp sẽ thống trị tại đây giống như trong một tu viện của các thầy tu; nhưng ở đây sẽ không có Saint-Barthélemy, cũng không cả những cuộc thảm sát ở Irlande và ở Vêpres trên đảo Sicile, cũng không có Tòa án dị giáo, không có kết án khổ sai phải chèo thuyền chiến, vì đã lấy nước ở biển mà không trả tiền, ít ra là người ta không cho rằng nhà nước cộng hòa này bao gồm những con quỷ tại một góc của địa ngục.”

Tất cả những người khởi xướng mao xung này của Cách mạng, như vậy, đều đã có những quan điểm rất ít mang tính lật đổ, và thật là khó mà gán cho họ một sự ảnh hưởng đáng kể nào đối với sự phát triển của phong trào cách mạng. Rousseau là một trong số hiếm hoi triết gia dân chủ trong thời đại của ông và vì vậy mà Khế ước xã hội đã trở thành kinh thánh cho những người theo Trào lưu Khủng bố. Ông dường như đã cung cấp một sự biện minh hợp lý cần thiết cho những hành động phái sinh từ những sự thôi thúc thần bí và tình cảm vô thức mà không một triết gia nào từng gợi nên.

Tuy nhiên, thực ra những bản năng dân chủ của Rousseau khá là đáng nghi ngờ. Chính ông cũng cho rằng những dự án cải cách xã hội của mình dựa trên quyền tối cao của nhân dân chỉ có thể vận dụng được cho một thành phố thật bé nhỏ. Và khi mà những người Ba Lan yêu cầu ông cho một dự án hiến pháp dân chủ, ông đã cho họ lời khuyên hãy chọn một vị vua thế tập.

Trong số những luận thuyết của Rousseau thì thuyết liên quan đến sự hoàn thiện trạng thái xã hội nguyên thủy có nhiều thành công nhất. Ông đã khẳng định, cùng với những nhà văn khác nhau thuộc thời đại mình, rằng những con người nguyên thủy từng là hoàn hảo, và đã chỉ bị hư hỏng bởi chính xã hội.

Trong khi thay đổi các xã hội ấy bằng những luật lệ tốt đẹp, người ta có thể sẽ lấy lại được hạnh phúc thời bình minh của thế giới. Xa lạ với toàn bộ khoa tâm lý học, ông tin rằng con người là giống nhau qua thời gian và không gian và từng coi họ phải hành động theo những thiết chế và luật lệ giống nhau. Điều đó ngày ấy là một niềm tin chung.

“Những thói hư tật xấu và đức hạnh của một dân tộc đều luôn luôn là một hiệu ứng tự nhiên trong nền pháp chế của nó... Làm sao có thể nghi ngờ đức hạnh của mọi dân tộc đều không là hệ quả của sự khôn khéo, ít nhiều hoàn hảo, của sự quản lý?” Helvetius viết.

Có lẽ không thể có sự sai lầm nào lớn hơn.

3. Những tư tưởng triết học của giới tư bản vào thời điểm Cách mạng Pháp.

Tương đối khó xác định rõ những quan niệm triết học và xã hội của một người tư sản Pháp vào thời điểm của cuộc Cách mạng. Chúng có thể được rút lại thành một vài công thức về bác ái, sự bình đẳng và chính thể nhân dân, được tóm lược trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền nổi tiếng mà chúng tôi sẽ có dịp trích dẫn một số đoạn.

Những triết gia của thế kỷ XVIII có vẻ như không được các nhà cách mạng Pháp đánh giá thật cao. Trên thực tế, đúng là hiếm khi họ được trích dẫn trong các bài tham luận. Bị thôi miên bởi những kỳ ức của họ về Hy Lạp và La Mã, các nhà làm luật mới này đã đọc lại Platon và Plutarque. Họ muốn làm sống lại bản hiến pháp của Sparte, những thói quen, cuộc sống thanh đạm và những luật pháp của nó.

Lycurgue, Solon, Miltiade, Manlius Torquatus, Brutus, Mucius Scavola, cả Minos nữa đều đã trở nên quen thuộc trên diễn đàn cũng như trong các nhà hát và dân chúng đã rất say mê họ. Những cái bóng các anh hùng của thế giới cổ đại vẫn còn trùm lên những đám tập hợp cách mạng. Chỉ con cháu đời sau mới phải lập lại điều đó đối với các triết gia của thế kỷ XVIII.

Như vậy, chúng ta thấy rằng trên thực tế những con người của thời đại ấy, nhìn chung được trình bày như những người sáng tạo, được dẫn dắt bởi các triết gia tinh tế, không hề có tham vọng tạo mới, mà trở lại một quá khứ đã bị chôn vùi từ lâu trong những sự không chắc chắn của lịch sử và, một quá khứ mà chính họ cũng chưa bao giờ hiểu được gì.

Những người phải chăng hơn cả, đã không lấy những mô hình quá xa, chỉ nghĩ một cách giản đơn là dập theo thể chế lập hiến của người Anh, mà Montesquieu và Voltaire từng ca ngợi những nét ưu việt và rằng mọi dân tộc rốt cuộc đều cần phải bắt chước mà không gây ra khủng hoảng nghiêm trọng.

Những tham vọng của họ chỉ giới hạn ở mức hoàn thiện nhà nước quân chủ đang hiện diện, mà không muốn lật đổ nó. Nhưng trong thời kỳ cách mạng, những chặng đường đã vượt qua thường rất khác với những gì mà người ta dự định đi qua. Trong thời kỳ triệu tập Quốc hội, không một ai có thể dự kiến rằng một cuộc cách mạng của giới tư sản hòa bình và có học lại chuyển hóa nhanh chóng thành một trong số những nền độc tài đẫm máu nhất trong lịch sử.

Chương IV. Những ảo tưởng tâm lý của Cách mạng Pháp

1. Những ảo tưởng về con người nguyên thủy, về sự quay lại trạng thái tự nhiên và về tâm lý của nhân dân.

Chúng tôi đã nhắc lại, và sẽ còn quay lại nữa, rằng những sai lầm của một học thuyết không gây hại cho sự lan tỏa của nó, nên ảnh hưởng của nó đối với đầu óc con người là điều duy nhất cần xem xét. Nhưng nếu việc phê bình các sai lầm tỏ ra ít có ích lợi thực tiễn, nó lại rất thú vị về phương diện tâm lý học. Nhà triết học có nguyện vọng phát hiện con người bị xúc động như thế nào sẽ phải luôn luôn nghiên cứu cặn kẽ những ảo tưởng mà họ từng trải nghiệm. Có lẽ không bao giờ, trong tiến trình của lịch sử, những điều ấy lại hiện ra sâu sắc đến thế và nhiều đến thế vào thời điểm của cuộc Cách mạng. Một trong những quan niệm rõ rệt nhất là quan niệm đặc biệt mà người ta đã rút ra từ tự nhiên của tổ tiên sớm nhất của chúng ta và về những xã hội nguyên thủy. Nhân chủng học vẫn còn chưa phát hiện

được những điều kiện tồn tại của tổ tiên xa xưa của chúng ta, hoặc đã chấp nhận theo ảnh hưởng của những câu chuyện kể trong Kinh thánh rằng con người bước vào đời đã hoàn thiện từ bàn tay của Đấng Tạo hóa. Các xã hội đầu tiên đã tạo ra những mô hình, về sau bị biến chất bởi đời sống văn minh và lẽ ra đã phải trở lại những mô hình ấy. Sự trở về với trạng thái tự nhiên sẽ sớm trở thành tiếng gọi chung. “Nguyên lý cơ bản của mọi đạo đức mà tôi đã suy luận trong những công trình của mình, Rousseau nói, là coi con người là một bản thể tốt một cách tự nhiên, yêu công lý và trật tự.”

Khoa học hiện đại, trong khi xác định những điều kiện sinh tồn của thủy tổ chúng ta dựa theo các mảnh vỡ của những công cụ, đã chứng minh được từ lâu sự sai lầm của luận thuyết này. Theo đó, con người nguyên thủy đã trở thành kẻ dã man thô thiển, cũng như con người dã man thời hiện đại, không biết gì là lòng nhân từ, đạo đức và lòng thương. Bị chi phối duy nhất bởi những thôi thúc bản năng, anh ta vội xông tới chỗ con mồi của mình khi cái đói đẩy anh ta ra khỏi hang, và nhảy xổ vào kẻ thù khi bị sự thù hận kích động. Do lý tính khi đó còn chưa xuất hiện nên nó không thể có ảnh hưởng gì đến những bản năng của họ.

Mục tiêu của đời sống văn minh, ngược lại với toàn bộ lòng tin cách mạng, không phải là quay lại trạng thái của tự nhiên, mà chủ yếu là để thoát khỏi nó. Điều đó thể hiện ở chỗ chính những người thuộc phái Jacobin đưa con người về tình trạng nguyên thủy thông qua việc phá hủy mọi cái phanh hãm xã hội mà không có chúng thì không một đời sống văn minh nào có thể tồn tại và vì thế họ đã làm biến đổi một xã hội văn minh hóa thành một bầy người dã man.

Những tư tưởng của các nhà lý luận về bản chất của con người có giá trị đại thể như những tư tưởng của một vị tướng La Mã về sức mạnh của những sự đoán điềm lành dữ. Ảnh hưởng của họ như là động cơ hành động từng rất lớn. Hội Quốc ước đã luôn luôn phỏng theo chúng.

Những sai lầm liên quan đến tổ tiên nguyên thủy của chúng ta đều đáng được tha thứ, bởi vì trước khi có những phát hiện của thời hiện đại, các điều kiện sống thực sự của họ vẫn hoàn toàn không được biết rõ. Và sự không biết rõ hoàn toàn về tâm lý của những con người vây quanh các nhà lý luận của cách mạng Pháp còn khó giải thích hơn nhiều.

Dường như các triết gia và các nhà văn thế kỷ XVIII thực sự đã không có chút nào năng lực quan sát. Họ đã sống ở giữa những người đương thời của mình mà không nhìn thấy họ, cũng không hiểu họ. Đặc biệt, họ không có chút nghi ngờ nào về bản chất thực sự của tâm hồn nhân dân. Con người của nhân dân bao giờ cũng hiện ra đối với họ theo khuôn đúc ảo tưởng được sinh ra bởi những giấc mơ của họ. Không hiểu biết về tâm lý học cũng như những bài học của lịch sử, họ coi con người ấy như là người tốt tự nhiên, triu mến, biết ơn và luôn sẵn sàng lắng nghe lẽ phải.

Những bài tham luận của các thành viên Hội đồng lập hiến cho thấy chiều sâu ảo tưởng của họ. Khi những người nông dân bắt đầu đốt phá những lâu đài, họ đã rất ngạc nhiên về điều đó và gửi đến những bài diễn văn đa cảm cầu xin những người đó ngừng lại, nhằm không “làm đau khổ hoàng đế anh minh của họ” và van nài họ đem lại sự ngạc nhiên cho nhà vua bằng đức hạnh của họ”.

2. Những ảo tưởng về khả năng tách con người khỏi quá khứ của họ và về sức mạnh cải biến được gán cho luật pháp.

Một trong những nguyên lý được dùng làm cơ sở cho các thiết chế cách mạng là con người có thể dễ dàng tách ra khỏi quá khứ của mình và rằng mỗi xã hội đều có thể được tạo lập lại toàn bộ bằng những thiết chế. Được thuyết phục bởi ánh sáng của lý trí rằng ngoài những thời đại nguyên thủy được dùng làm hình mẫu, quá khứ là một di sản của những dị đoan và những sai lầm, nên những người lập pháp đã quyết định đoạn tuyệt với nó. Để làm nổi rõ mục tiêu này, họ đã tạo ra một thời đại mới, thay đổi lịch, thay đổi tên gọi của các tháng và các mùa.

Giả thiết rằng mọi người đều giống nhau, họ đã nghĩ rằng có thể làm luật cho cả loài người. Condorcet đã tưởng là mình phát biểu một chân lý rõ ràng khi nói rằng “Một bộ luật tốt phải tốt cho tất cả mọi

người, giống như một giả thiết trong môn hình học luôn đúng đối với mọi người.” Các nhà lý luận của cuộc Cách mạng không bao giờ đoán thấy những động lực vô hình dẫn dắt họ ẩn đằng sau những sự vật nhìn thấy được. Đã phải vận dụng tất cả những tiến bộ của khoa sinh vật học để chỉ ra những sai lầm của họ nặng nề biết bao và mỗi con người phụ thuộc vào quá khứ của mình đến mức nào.

Những nhà cải cách của cuộc Cách mạng luôn đụng chạm phải ảnh hưởng này của quá khứ, nhưng họ không bao giờ hiểu được nó. Họ đã muốn xóa bỏ nó và chính họ lại bị nó loại bỏ.

Lòng tin của các nhà lập pháp vào sức mạnh tuyệt đối dành cho các thiết chế và các bộ luật, từng bị lay chuyển mạnh vào cuối cuộc Cách mạng, lúc khởi đầu là trọn vẹn. Gregoire đã nói trên diễn đàn Hội đồng lập hiến mà không gây ra bất kỳ sự ngạc nhiên nào: “Chúng tôi có thể, nếu như chúng tôi muốn, thay đổi tôn giáo, nhưng chúng tôi không muốn vậy.” Người ta biết rằng sau đó họ đã thực sự muốn làm như vậy, và người ta cũng chứng kiến mưu toan của họ đã thất bại thảm hại thế nào.

Trong khi đó phái Jacobin có trong tay tất cả những yếu tố thành công. Nhờ vào những hành động bạo ngược cứng rắn nhất, mọi cản trở đều bị đập nát, những bộ luật mà họ thích áp đặt đều luôn được chấp nhận. Sau mười năm bạo lực, hoàng tàn, đốt phá, tàn sát và đảo lộn, sự bất lực của họ biểu lộ ra hiển nhiên đến mức họ sụp đổ dưới con mắt chê bai, lên án của mọi người. Kẻ độc tài khi đó bị cả nước Pháp kháng nghị, đã buộc phải khôi phục phần lớn những gì từng phá bỏ.

Mưu toan của phái Jacobin tái tạo xã hội nhân danh lý tính thuần khiết là một cuộc thí nghiệm của lợi ích tối cao. Hoàn cảnh có thể sẽ không bao giờ đến với con người để lặp lại nó ở một tầm to lớn như vậy.

Mặc dù bài học đã nhận được là khủng khiếp, nhưng nó dường như vẫn chưa đủ đối với nhiều bộ óc, bởi vì ngay cả vào thời nay, chúng ta vẫn thấy những người theo phái Xã hội khuyến nghị tổ chức lại xã hội trong mọi chi tiết theo những kế hoạch viển vông của họ.

3. Những ảo tưởng về giá trị lý thuyết của những nguyên lý cách mạng lớn lao.

Những nguyên lý cơ bản mà Cách mạng vận dụng để tạo dựng một quyền mới đã được nói trong Bản Tuyên ngôn Nhân quyền được trình bày tuần tự vào các năm 1789, 1793 và 1795. Tất cả đều nhất trí tuyên bố rằng: “Nguyên lý về quyền tối thượng nằm ngay trong dân tộc.”

Tuy nhiên, ba bản tuyên ngôn này có sự khác nhau về nhiều điểm, chủ yếu là về bình đẳng. Bản năm 1789 chỉ nói đơn giản, tại điều 1: “Mọi người đều sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng về quyền lợi.” Phiên bản năm 1793 đi xa hơn và khẳng định, tại điều 3: “Mọi người đều bình đẳng về bản chất.” Phiên bản năm 1795 khiêm tốn hơn và nói, tại điều 3: “Sự bình đẳng thể hiện ở chỗ luật pháp đối với mọi người đều như nhau.” Ngoài ra, sau khi trình bày về các quyền, bản Tuyên ngôn sau cùng cho là nên nói về nghĩa vụ. Tinh thần của nó cũng không khác gì của sách Phúc âm. Điều 2: “Mọi nghĩa vụ của con người và của công dân đều toát ra từ hai nguyên tắc mà tự nhiên đã khắc vào mọi trái tim: đừng gây ra cho người khác những gì mà bản thân không muốn người khác gây ra cho mình; hãy thường xuyên làm cho người khác những điều tốt đẹp mà bản thân mình cũng mong nhận được.”

Những phần cốt lõi của các Bản Tuyên ngôn này, cũng là những phần duy nhất đã thực sự sống mãi, là quyền bình đẳng và quyền tối cao của nhân dân.

Mặc dù sự yếu kém của nội dung thuần lý, vai trò khẩu hiệu của phái cộng hòa “tự do, bình đẳng, bác ái” là rất đáng kể.

Công thức diệu kỳ này từng được khắc trên những bức tường của chúng ta trong khi chờ nó đi sâu vào trái tim ta đã thực sự có sức mạnh siêu phàm mà những người tài giỏi gán cho một số lời phát ngôn. Do những hy vọng mới được khơi gợi bởi những lời hứa hẹn của nó, sức mạnh lan tỏa của nó là rất to lớn. Hàng nghìn người đã bị giết vì nó. Ngay giờ đây cũng vậy, khi một cuộc cách mạng bùng nổ tại một nơi nào đó trên thế giới, cũng chính công thức ấy luôn sẽ được người ta nhắc lại.

Sự lựa chọn của nó thật là may mắn. Nó thuộc vào hàng những câu châm ngôn không rõ ràng, những tác nhân khơi gợi ước mơ mà mỗi người được tự do luận giải theo ý muốn của mình, theo sự thù hận hoặc theo những ước vọng của mình. Về mặt lòng tin, ý nghĩa thực của những từ ngữ này không mấy quan trọng, cái ý nghĩa mà người ta gán cho chúng mới chính là thứ tạo sức mạnh cho chúng.

Trong ba nguyên lý của khẩu hiệu cách mạng, sự bình đẳng đã sinh ra nhiều hệ quả nhất. Chúng ta sẽ thấy trong một phần khác của công trình này rằng đây gần như nguyên lý duy nhất đã sống mãi và hiệu ứng của nó cho đến nay vẫn thấy rõ.

Đây chưa chắc là cuộc Cách mạng từng đưa ra tư tưởng về sự bình đẳng đầu tiên trên thế giới. Thậm chí chưa cần đi ngược dòng lịch sử tới những nhà nước cộng hòa Hy Lạp, chúng ta có thể nhận xét rằng lý thuyết bình đẳng đã từng được giảng dạy một cách rõ nét nhất bởi Đạo Cơ đốc và Đạo Hồi.

Tất cả mọi người, những bề tôi của cùng một Chúa Trời, đều được bình đẳng trước Ngài và được đánh giá duy nhất dựa theo những giá trị của họ. Giáo lý về sự bình đẳng của các tâm hồn trước Đấng Tạo hóa là một giáo điều cốt yếu cả đối với những người Hồi giáo cũng như những người Cơ đốc giáo. Nhưng công bố một nguyên lý vẫn chưa đủ để làm người ta tuân thủ nó. Nhà thờ Cơ đốc đã từ bỏ nhanh chóng sự bình đẳng lý thuyết của mình, và các nhà Cách mạng cũng chỉ tính đến nó trong những bài tham luận mà thôi.

Ý nghĩa của từ bình đẳng biến đổi tùy theo những hạng người sử dụng nó. Nó thường che đậy những tình cảm rất đối nghịch với ý nghĩa thực và khi đó nó phản ánh nhu cầu khẩn thiết không muốn có ai bên trên mình, nối tiếp với lòng mong muốn không kém phần sống động là cảm thấy mình ở trên những người khác.

Với những người Jacobin của cuộc Cách mạng, cũng như với những người tương tự thời nay, thuật ngữ bình đẳng từng chuyển tải đơn giản là một sự hận thù ghen ghét mọi sự hơn người. Để xóa bỏ chúng, họ có tham vọng thống nhất các phong tục, các phong cách, các trang phục, các hoàn cảnh. Mọi sự chuyên chế, khác với cái mà họ đang thực hành, theo họ đều dường như là bỉ ổi.

Do không thể tránh được những bất bình đẳng tự nhiên từng gây sốc cho họ, họ đã phủ nhận chúng. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền thứ hai, phiên bản năm 1793, khẳng định, mâu thuẫn với điều hiển nhiên, rằng: “Mọi người đều bình đẳng về bản chất.”

Dường như đúng là cơn khát cực độ về sự bình đẳng chỉ che dấu ở nhiều nhà Cách mạng một nhu cầu dữ dội về sự bất bình đẳng. Napoleon đã buộc phải khôi phục cho họ những tước hiệu quý tộc cùng những huân huy chương. Sau khi chỉ ra rằng chính là ở những nhà cách mạng dữ tợn nhất mình đã tìm ra những công cụ cai trị dễ sai khiến nhất, Taine nói thêm :

“Ngay lập tức, bên dưới những bài giảng đạo của họ về tự do và bình đẳng, ông đã làm sáng tỏ những bản năng độc đoán, nhu cầu sai khiến, nhu cầu đứng đầu, thậm chí trong đám thuộc hạ, và thêm vào đó, ở phần lớn trong số họ, những sự thèm khát tiền bạc hoặc lạc thú. Giữa một đại biểu của Ủy ban Cứu quốc và ông bộ trưởng, ông tỉnh trưởng hoặc phó tỉnh trưởng của Đế chế sự khác biệt chỉ là nhỏ bé: đó cũng là một con người dưới hai bộ quần áo, đầu tiên là trong bộ cánh của quân cách mạng Pháp, sau là trong bộ đồ thêu diêm dúa.”

Giáo điều về bình đẳng đã có hệ quả đầu tiên là lời tuyên bố, bởi giới tư sản, về quyền tối thượng của nhân dân. Quyền tối thượng này vẫn mãi là lý thuyết trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng.

Nguyên lý bình đẳng đã là di sản lâu dài của cuộc Cách mạng. Hai từ tự do và bác ái từng được đóng khung trong khẩu hiệu của phái Cộng hòa vẫn mãi chỉ có một tác dụng rất nhỏ bé. Người ta thậm chí còn có thể nói rằng tác dụng ấy hoàn toàn bằng không trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng và của Đế chế, và chỉ phục vụ cho việc tô điểm cho những bài tham luận.

Ảnh hưởng của chúng chỉ tăng thêm chút ít về sau. Bác ái chưa từng được vận dụng bao giờ, còn về tự do thì các dân tộc vẫn mãi chẳng mấy bận tâm. Hiện nay, những người công nhân đã hoàn toàn bỏ rơi

nó trong các nghiệp đoàn của mình.

Tóm lại, mặc dù khẩu hiệu của phái Cộng hòa từng được áp dụng rất ít, nhưng nó đã có một ảnh hưởng thật to lớn. Từ cuộc Cách mạng này, chỉ còn lại trong tâm thức nhân dân ba từ nổi tiếng ấy, những từ đã tóm lược tài liệu cơ sở của nó và là điều mà những đạo quân của nó đã truyền bá khắp Châu Âu.

Quyển II. Những ảnh hưởng hợp lý, tình cảm, thần bí và tổng hợp trong tiến trình của cuộc Cách mạng

Chương I. Tâm lý học của hội đồng lập hiến

1. Những ảnh hưởng tâm lý nảy sinh trong Cách mạng Pháp.

Trong cội nguồn của cuộc Cách mạng Pháp cũng như trong tiến trình của nó đã nảy sinh những yếu tố hợp lý, tình cảm, thần bí và tổng hợp, mỗi thứ bị chi phối bởi những logic khác nhau. Như tôi đã nói, chính vì không biết cách tách bạch những ảnh hưởng riêng của chúng mà có bao nhà sử học đã luận giải rất kém về giai đoạn này.

Yếu tố lý tính nhìn chung được nhắc tới như một phương tiện để giải thích, trong thực tế lại gây ảnh hưởng yếu hơn cả. Nó đã đóng vai trò chuẩn bị cho cuộc Cách mạng Pháp, nhưng chỉ được duy trì vào những thời điểm đầu cách mạng, khi nó còn hoàn toàn là cách mạng tư sản. Ảnh hưởng của nó được thể hiện trong rất nhiều biện pháp, như các dự án cải cách thuế, việc xóa bỏ đặc quyền của một giới quý tộc vô tích sự,...

Kể từ khi Cách mạng thâm nhập vào quần chúng nhân dân, ảnh hưởng của yếu tố lý tính tan biến đi nhanh chóng trước sức ảnh hưởng của các yếu tố tình cảm và tổng hợp. Về phần những yếu tố thần bí, chỗ dựa cho lòng tin cách mạng, chúng khiến cho quân đội trở nên cuồng tín và đã truyền ra khắp thế giới một tín ngưỡng mới.

Chúng ta sẽ thấy xuất hiện tuần tự trong các sự kiện và trong tâm lý của các cá thể những ảnh hưởng khác nhau. Quan trọng hơn cả có lẽ là ảnh hưởng thần bí. Cách mạng không tự hiểu được nhiều, người ta không thể nhắc lại điều đó quá, rằng nó được xem như là sự hình thành của một tín ngưỡng tôn giáo. Những gì mà chúng tôi đã nói ở chỗ khác về tất cả các tôn giáo, do vậy, cũng có thể vận dụng cho nó. Bằng cách lùi lại, chẳng hạn, chương trước về Phong trào Cải cách, chúng ta sẽ thấy rằng nó phản ánh một sự tương đồng hơn cả với cuộc Cách mạng này.

Sau khi đã tồn tại rất nhiều thời gian để chỉ ra giá trị thuần lý yếu ớt của các tôn giáo, các triết gia hôm nay bắt đầu luận giải tốt hơn vai trò của chúng. Họ đã bị thôi thúc nhiều để khẳng định rằng duy chỉ có chúng mới có một ảnh hưởng đủ để chuyển đổi tất cả những yếu tố của một nền văn minh.

Chúng xuất hiện ngoài lý tính và sở hữu sức mạnh định hướng cho các tư tưởng và tình cảm trong cùng một hướng. Lý tính thuần khiết không bao giờ từng có được một sức mạnh như thế, không phải nó là điều làm say mê con người.

Về bề ngoài tôn giáo nhanh chóng khoác lên cuộc Cách mạng giải thích sức mạnh lan truyền của nó và uy thế mà nó đã thể hiện, đến nay vẫn còn thể hiện.

Ít có những nhà sử học đã hiểu được rằng phong trào rộng lớn này phải được xem như sự sáng lập ra một tôn giáo mới. Tôi nghĩ là Tocqueville là người đầu tiên dự cảm được điều đó.

“Cuộc Cách mạng Pháp, ông nói, là một cuộc cách mạng chính trị được thực hiện theo cách thức của một cuộc cách mạng tôn giáo và đã tiếp nhận đôi nét đáng vẻ của một cuộc cách mạng tôn giáo. Hãy nhìn xem bằng những nét hợp thức và đặc trưng nào, nó tỏ ra giống với những cuộc cách mạng tôn giáo: không chỉ ở chỗ nó lan truyền đi xa và rộng giống như chúng, mà, cũng như chúng, nó xâm nhập bằng lời thuyết giáo và bằng sự tuyên truyền. Một cuộc cách mạng chính trị từng tạo ra sức mạnh lôi

kéo cải đạo mà người ta truyền giảng nồng nhiệt cho người nước ngoài cũng như thực hiện nó một cách đam mê tại nước mình: hãy nhìn kỹ xem một tấn kịch mới mẻ biết bao.”

Khía cạnh tôn giáo của cuộc Cách mạng đã được chấp nhận, người ta có thể tự lý giải dễ dàng về những cơn thịnh nộ và những sự tàn phá của nó. Lịch sử chỉ rõ cho chúng ta trong thực tế chúng bao giờ cũng kèm theo sự ra đời của những tôn giáo. Cuộc Cách mạng Pháp cũng vậy, nó phải kích động sự không khoan dung và bạo lực, điều mà các vị thần đặc thánh đòi hỏi ở những tín đồ của mình. Nó đã đảo lộn cả châu Âu trong suốt hai mươi năm, tàn phá nước Pháp, làm chết hàng triệu con người và phải trả giá bằng nhiều cuộc xâm lược, nhưng nhìn chung chỉ bằng cái giá của những cuộc thảm họa như vậy, một dân tộc mới có thể thay đổi tôn giáo.

Nếu yếu tố thần bí bao giờ cũng là nền tảng của những tôn giáo này, thì một số yếu tố tình cảm và lý tính cũng sẽ sớm chông phủ lên nó. Tôn giáo như vậy là phương tiện tập hợp những tình cảm, những sự đam mê, những lợi ích thuộc lĩnh vực tình cảm. Lý tính sau đó bao trùm lên tất cả để cố gắng biện minh cho những sự kiện mà, nó không hề góp phần tạo ra.

Vào thời điểm của cuộc Cách mạng, mỗi người, tùy theo cảm hứng của mình, đã khoác lên tôn giáo mới một bộ áo duy lý khác nhau. Các dân tộc chỉ nhìn thấy trong đó sự loại bỏ những tôn ti và những ách chuyên chế tôn giáo và chính trị mà họ đã từng phải nếm trải nhiều đến thế. Những nhà văn như Goethe, những nhà tư tưởng, như Kant, tưởng mình đã phát hiện tại đây sự khai hoàn của lý tính.

Những người nước ngoài, như Humboldt, đã đến nước Pháp “để hít thở bầu không khí tự do và tham dự vào cuộc chôn vùi chế độ chuyên chế”.

Những ảo tưởng trí tuệ này không kéo dài được bao lâu. Sự diễn biến của tấn thảm kịch này đã nhanh chóng làm phát lộ những nền tảng thực sự của giấc mơ.

2. Sự giải thể chế độ cũ. Sự tập hợp của Quốc hội.

Trước khi biến thành hành động, các cuộc cách mạng ban đầu hiện ra lơ mờ trong ý tưởng. Được thai nghén từ những nguyên nhân đã phân tích trên đây, cuộc Cách mạng Pháp trên thực tế đã bắt đầu từ sự trị vì của Louis XVI. Mỗi ngày càng thêm bất bình và chống đối, giới tư sản đã tích thêm nhiều yêu sách. Ai ai cũng đòi hỏi cải cách.

Louis XVI đã thấu hiểu sâu sắc ích lợi của điều đó, song ông ta quá yếu thế, nên không thể áp đặt chúng đối với các tầng lớp quý tộc và tăng lữ. Ông ta thậm chí không thể ủng hộ những bộ trưởng của mình là Malesherbes và Turgot theo đường lối cải cách. Do những kỳ đói kém và tăng thuế, sự bần cùng của mọi giai tầng đã tăng thêm, nên những món tiền trợ cấp to lớn dành cho các quần thần của nhà vua đã trở nên tương phản đến mức churóng mắt trên cái nền chung của cảnh khốn quẫn.

Các thân hào được điều động để lo chấn chỉnh tình cảnh tài chính đó đều đã từ chối chấp nhận sự công bằng về thuế khóa và chỉ đưa ra những cải cách không đáng giá mà Quốc hội thậm chí không chấp thuận ghi vào danh mục. Đã đến mức phải giải tán nó. Các Hội đồng hàng tỉnh do đứng về phe với Paris nên cũng bị giải tán. Nhưng chúng là những cơ chế làm chủ dư luận và đã đẩy dư luận khắp nơi theo hướng đòi hỏi việc tập hợp Quốc hội mà đã gần hai thế kỷ chưa từng được triệu tập. Việc triệu tập đã được quyết định. Năm triệu người Pháp, trong đó có 100.000 người thuộc giáo hội và 150.000 quý tộc, đã gửi những đại biểu của mình. Cả thảy có 1.200 đại biểu, trong đó có 578 của đẳng cấp thứ ba, bao gồm những quan tòa, luật sư và thầy thuốc. Từ 300 đại biểu của giới tăng lữ có 200 xuất thân từ bình dân tâm đắc với đẳng cấp thứ ba chống lại giới quý tộc và tăng lữ.

Ngay từ những cuộc họp đầu tiên, người ta đã nhìn thấy những sự xung đột về tâm lý giữa các đại biểu với nguồn gốc xã hội không bình đẳng nhau và do vậy có tình cảm khác nhau. Những bộ y phục lộng lẫy của các đại biểu có đặc quyền đã gây sự tương phản một cách đáng xỉ nhục với những bộ cánh tối màu của Tầng lớp Thứ ba.

Tại kỳ họp đầu tiên, các thành viên thuộc giới quý tộc và tăng lữ đội mũ miện theo đặc quyền của giai

tăng mình trước nhà vua. Những người của Tầng lớp Thứ ba cũng muốn làm như thế, nhưng lại bị những kẻ có đặc quyền phản đối. Ngày hôm sau, sự xung đột của lòng tự ái lại nổ ra lần nữa. Những đại biểu của Tầng lớp Thứ ba mời các đại biểu quý tộc và tăng lữ đang ngồi trong những phòng tách biệt riêng đến ngồi chung với mọi người để tiến hành kiểm tra tư cách đại biểu. Các nhà quý tộc từ chối. Những cuộc thương lượng đã kéo dài hơn một tháng. Cuối cùng, các đại biểu của Tầng lớp Thứ ba theo đề nghị của tu viện trưởng Sieyes cho rằng họ đại diện cho 95% dân tộc đã tuyên bố thành lập Quốc hội. Cách mạng Pháp được khởi phát và sẽ diễn biến theo tiến trình bình thường của mình.

3. Hội đồng Lập hiến.

Sức mạnh của một đám tập hợp chính trị được sinh ra trước hết từ sự yếu kém của những đối thủ. Ngạc nhiên bởi ít sự kháng cự và được lôi kéo bởi sự thắng tiến của vài diễn giả, Hội đồng Lập hiến ngay từ khởi thủy đã phát ngôn và hành động ở thế tối thượng. Nó tự ban cho mình đặc biệt là quyền ban bố các loại thuế, xâm phạm nghiêm trọng các đặc quyền của quyền lực hoàng gia.

Sự kháng cự của vua Louis XVI khá yếu ớt. Ông ta chỉ đơn giản là ra lệnh đóng cửa phòng Hội đồng. Các đại biểu khi đó chuyển đến phòng Jeu de Paume (*trò chơi bóng quần - ND*) và tại đây đã tuyên thệ rằng không giải tán cho đến khi Hiến pháp của vương quốc được thiết lập.

Đa số các đại biểu của giới tăng lữ đã tới ngồi họp cùng với họ. Vua đã cưỡng lại nghị quyết của Quốc hội và ra lệnh cho các đại biểu phải rút lui. Hầu tước Dreux-Breze, một bậc thầy về các lễ tiết đã mời họ thực hiện mệnh lệnh của nhà vua, nhưng chủ tịch Quốc hội đã tuyên bố rằng hội đồng quốc dân không thể nhận các mệnh lệnh và Mirabeau đã trả lời với phái viên của nhà vua rằng Quốc hội được tái lập theo nguyện vọng của quốc dân nên chỉ rời khỏi đây trước sức mạnh của lưỡi lê. Nhà vua đành nhượng bộ.

Ngày 9 tháng 6, cuộc họp của các đại biểu đã có được danh xưng Hội đồng Lập hiến. Lần đầu tiên sau hàng thế kỷ, nhà vua bị ép buộc phải công nhận sự tồn tại của một quyền lực mới mà trước kia chưa từng được biết đến, đó là quyền lực của nhân dân với đại diện là những dân biểu. Chế độ quân chủ chuyên chế đã chấm dứt.

Cảm nhận được sự đe dọa ngày càng lớn hơn, vua Louis XVI đã triệu đến xung quanh cung điện Versailles những trung đoàn lính đánh thuê nước ngoài. Quốc hội đề nghị rút quân, nhưng Louis XVI đã từ chối và thái hòi Necker, thay thế bằng nguyên soái Broglie nổi tiếng là độc đoán.

Nhưng Quốc hội lại có trong tay những người bảo vệ khôn khéo, tháo vát. Camille Desmoulins và những người khác đã diễn thuyết hô hào quần chúng khắp nơi, kêu gọi họ bảo vệ tự do. Họ rung chuông báo động liên hồi, đã tổ chức một đội dân quân 12.000 người, xâm nhập vào Đền Invalides với súng ống, đại bác và chỉ huy những toán vũ trang tấn công ngục Bastille vào ngày 14 tháng 7. Pháo đài này chỉ tự vệ sơ sài và chịu đầu hàng sau vài giờ. Người ta tìm thấy ở đây bảy người tù, trong đó có một người đàn và bốn kẻ bị kết án sai.

Ngục Bastille, nơi cầm tù nhiều nạn nhân của sự độc đoán, đối với nhiều người là biểu trưng của chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng nhân dân, người đã nghiền nát nó, đã không còn phải đau đớn vì nó nữa. Người ta chỉ còn giam tại đây những người của giới quý tộc.

Ảnh hưởng của việc chiếm pháo đài này vẫn còn tiếp diễn cho đến ngày nay. Những nhà sử học có uy tín, như ngài Rambaud khẳng định rằng “việc chiếm ngục Bastille trong lịch sử là một sự kiện đỉnh điểm chẳng những trong lịch sử nước Pháp mà còn của cả châu Âu và rằng nó đã mở đầu một thời đại mới của lịch sử thế giới”.

Một sự cả tin như vậy có vẻ hơi quá mức. Tầm quan trọng của sự cố này duy nhất là ở chỗ về mặt tâm lý lần đầu tiên nó cung cấp cho nhân dân một bằng chứng rõ ràng về sự yếu kém của một chính quyền mà trước kia từng rất đáng sợ.

Khi nguyên lý độc đoán bị lay động trong tâm hồn nhân dân, nó sẽ tiêu tan đi rất nhanh. Người ta có

thể đòi hỏi được điều gì từ một ông vua không có khả năng bảo vệ cái pháo đài chủ chốt của mình trước sự tấn công của nhân dân? Vị chúa tể được xem như toàn năng đã không còn là chính mình nữa. Việc chiếm ngục Bastille là nguồn cội của của một trong những hiện tượng lây lan về tinh thần từng gặp đầy rẫy trong lịch sử của Cách mạng Pháp. Những đội quân đánh thuê người nước ngoài đầu chỉ có thể quan tâm chút ít đến phong trào này cũng bắt đầu thể hiện những hội chứng nổi loạn. Louis XVI đã giảm thiểu chúng bằng cách chấp nhận giải tán những đội quân này. Ông triệu hồi Necker, thuận theo tòa thị chính, thừa nhận bằng sự hiện diện của mình những sự việc đã rồi, tiếp sau đã chấp thuận de La Fayette, người chỉ huy vệ quốc đoàn, phù hiệu mới màu xanh, trắng và đỏ liên kết các màu của thành phố Paris với những màu của nhà vua.

Nếu cuộc nổi loạn mà từ đó dẫn đến cuộc chiếm ngục Bastille hoàn toàn không thể được coi là “một sự kiện đỉnh điểm trong lịch sử”, thì nó cũng đã đánh dấu thời khắc chính xác sự ra đời của chính quyền bình dân. Quần chúng được vũ trang từ đây sẽ hằng ngày tham gia vào những cuộc thảo luận của các nhóm tập hợp cách mạng và sẽ có ảnh hưởng mạnh đến hành vi của chúng.

Việc can dự này của nhân dân thuận theo giáo lý về tính tối thượng của nó đã tạo ra sự khâm phục đầy kính trọng của nhiều nhà sử học về cuộc Cách mạng này. Một nghiên cứu cho dù là không sâu về tâm lý đám đông cũng dễ dàng chỉ ra cho họ rằng cái thực thể kỳ bí mà họ gọi là nhân dân thực ra đã phản ảnh đơn thuần ý chí của vài người thủ lĩnh. Do vậy, không nên nói: nhân dân đã chiếm ngục Bastille, tấn công Tuileries, xâm nhập Hội Quốc ước,... mà nên nói là: vài người thủ lĩnh đã kết nối, chủ yếu theo con đường trung gian của các câu lạc bộ, những băng đảng bình dân và tung họ vào những cuộc tấn công Bastille, Tuileries,... Trong suốt tiến trình cuộc Cách mạng Pháp, những đám đông đã tấn công hoặc bảo vệ các đảng phái đối nghịch nhau bậc nhất, tùy theo chỗ ai là thủ lĩnh của họ. Một đám đông bao giờ cũng chỉ có quan điểm của các thủ lĩnh của mình.

Việc chiếm ngục Bastille đã tạo ra một trong những dạng thức ám thị mạnh mẽ nhất chắc là đã được nối tiếp trong sự phá hủy những trại giam lớn khác. Rất nhiều lâu đài từng được coi như những ngục Bastille nhỏ, và để noi gương người Paris, những người nông dân cũng đã ra tay đốt phá chúng. Họ đã làm điều này một cách cuồng nhiệt hơn khi đó là nơi ở của các chúa đất mang những danh nghĩa tô thuế phong kiến. Đó dường như là một dạng của *Jacquerie* (*khởi nghĩa nông dân ở Pháp – ND*).

Hội đồng Lập hiến cao xa và kiêu hãnh biết bao đối với nhà vua, nhưng cũng như mọi đám tập hợp cách mạng khác nối tiếp nó sau này lại tỏ ra cực kì nhút nhát trước dân chúng.

Mong muốn đặt dấu chấm hết cho tình trạng hỗn loạn, nó đã chuẩn y vào đêm mùng 4 tháng 8 theo kiến nghị của một thành viên quý tộc, bá tước Noailles, việc bãi bỏ các quyền của lãnh chúa. Mặc dù biện pháp này chỉ một lần đã loại bỏ mọi đặc quyền của giới quý tộc, nhưng nó đã được bỏ phiếu với nước mắt rơi và những cái hôn. Sự tiếp cận mang tính cảm hứng đa cảm như vậy giải thích rất tốt điều ta nhớ lại rằng những biểu hiện xúc cảm đã lây truyền đến mức nào trong các đám đông, nhất là trong những đám tập hợp bị suy sút tinh thần bởi sự sợ hãi.

Nếu sự từ bỏ đặc quyền đặc lợi này của giới quý tộc đã xảy ra trước đó vài năm thì chắc là đã tránh được cuộc Cách mạng ngày ấy, nhưng nó lại xảy ra quá muộn. Nhượng quyền khi đã bị cưỡng ép chỉ càng làm tăng thêm những đòi hỏi của những người đòi nhượng quyền. Trong chính trị, cần phải biết tiên lượng và nhượng bộ thật sớm trước khi bị cưỡng bức làm như vậy.

Louis XVI đã do dự suốt hai tháng trước khi chuẩn y những quyết nghị của Quốc hội đêm mùng 4 tháng 8. Ông đã rút lui về Versailles. Các thủ lĩnh đã điều tới đó một tốp đàn ông, đàn bà bình dân gồm 7 hay 8 000 người với lời khẳng định rằng trong nơi ở của hoàng gia có những kho dự trữ lớn bánh mì. Những hàng rào sắt của cung điện đã bị xô đổ, những vệ sĩ bị giết chết, nhà vua cùng toàn gia đình bị đưa về Paris giữa đoàn người đang la hét, trên mũi giáo của họ có cắm thủ cấp của những người lính bị sát hại. Chuyển đi kinh hoàng này kéo dài sáu tiếng đồng hồ. Những sự kiện này đã tạo thành cái mà

người ta gọi là Những ngày tháng Mười.

Chính quyền nhân dân đã lớn mạnh và trên thực tế, nhà vua cũng như Quốc hội từ nay ở vị thế nằm trong tay nhân dân, nghĩa là hoàn toàn phó mặc cho các câu lạc bộ và các thủ lĩnh của chúng. Chính quyền bình dân này chắc là đã thống trị được mười năm và cuộc Cách mạng sẽ trở thành sự nghiệp hầu như của riêng họ. Luôn tuyên bố rằng nhân dân là chủ nhân ông tối thượng, Quốc hội đã từng rất lúng túng bởi những cuộc nổi loạn nhiều đến mức vượt xa những dự đoán theo lý thuyết. Nó đã tưởng rằng mọi việc sẽ trở lại trật tự bằng cách thảo ra một hiến pháp nhằm đảm bảo hạnh phúc vĩnh cửu cho mọi người.

Chúng ta đều biết rằng trong suốt tiến trình cuộc Cách mạng, một trong những mối quan tâm của các Quốc hội là soạn thảo, sắp xếp và làm lại những bản hiến pháp. Các nhà lý luận đã từng dành cho chúng, và ngày nay vẫn vậy, quyền cải biến xã hội. Quốc hội do vậy không thể thất bại trong trách nhiệm này. Trong khi chờ đợi, nó đã long trọng công bố một bản Tuyên ngôn Nhân quyền trong đó tóm lược những nguyên lý của mình.

Hiến pháp, những bản tuyên bố, những bản tuyên ngôn và những cuộc tranh luận không hề gây được ảnh hưởng dù là nhỏ nhất tới phong trào quần chúng, cũng như tới sự bất đồng ý kiến đang lớn dần từng ngày trong lòng Quốc hội. Cơ quan này đã phải nếm trải ngày càng rõ ràng hơn sự đi lên của phe đảng mạnh nhất có chỗ dựa là những câu lạc bộ. Các thủ lĩnh có ảnh hưởng, Danton, Camille Desmoulins, muộn hơn về sau là Marat và Hébert, đã từng kích động một cách dữ dội tầng lớp bình dân bằng những diễn từ và báo chí của họ. Người ta đã trượt xuống nhanh chóng trên con dốc dẫn tới những cực đoan.

Trong thời gian của những nhiễu loạn này, nền tài chính không được cải thiện. Bị thuyết phục hoàn toàn rằng những bài diễn văn bác ái sẽ không cải thiện được gì cho tình trạng tài chính thảm hại này và đã nhìn rõ một cuộc vỡ nợ đáng lo ngại, Quốc hội đã ban bố sắc lệnh ngày 2 tháng 11 năm 1789 tịch thu những tài sản của Nhà thờ. Các nguồn thu của Nhà thờ, bao gồm cả thuế thập phân thu từ các con chiên với số lượng khoảng 200 triệu và tổng giá trị của tài sản ước tính là ba tỉ. Chúng nằm trong tay của vài trăm giáo sĩ cao cấp, tu viện trưởng,... chiếm hữu tới một phần tư nước Pháp. Những tài sản này, từ đó được coi là tài sản quốc gia, tạo thành sự đảm bảo cho các tín phiếu với loạt phát hành đầu là 400 triệu. Công chúng lúc đầu đã chấp nhận, nhưng số tín phiếu đã tăng lên quá nhiều trong thời kì Hội Quốc ước và Ban Đốc chính, phát hành tới 45 tỉ, đến nỗi một tín phiếu 100 bảng chỉ còn giá trị bằng vài xu.

Được động viên bởi các quần thần, vua Louis XVI yếu kém đã cố gắng một cách tuyệt vọng đấu tranh chống lại các sắc lệnh của Hội đồng Lập hiến bằng cách từ chối phê chuẩn chúng.

Do ảnh hưởng những sự ám chỉ hằng ngày của các thủ lĩnh và sự lây lan về tinh thần, phong trào cách mạng lan tỏa khắp nơi một cách độc lập với Quốc hội, thậm chí đôi khi còn chống lại nó.

Trong các thành phố và các làng hình thành nên những hội đồng thị chính cách mạng được bảo vệ bởi những đội vệ quốc cách mạng địa phương. Các hội đồng của những thành phố cạnh nhau đã bắt đầu thỏa thuận với nhau để tự vệ khi cần thiết. Bằng cách đó đã hình thành nên những liên minh mà không lâu sau đó sẽ hòa làm một rồi gửi về Paris, tới Champ-De-Mars 14.000 vệ quốc quân vào ngày 14 tháng bảy năm 1790. Tại đây, nhà vua đã tuyên thệ sẽ duy trì Hiến pháp do Quốc hội ban bố.

Mặc dù lời có tuyên thệ tuyệt vọng này, người ta thấy ngày càng trở nên rõ ràng hơn rằng không có một thỏa ước nào là khả dĩ giữa những nguyên tắc thừa kế từ nhà nước quân chủ và những nguyên tắc đã được Quốc hội ban bố.

Tự cảm thấy hoàn toàn bất lực, nhà vua không chỉ nghĩ tới việc chạy trốn nữa. Bị bắt tại Varennes và bị đưa về Paris như một tù nhân, ông ta bị nhốt trong cung Tuileries. Quốc hội, dù rằng vẫn bảo hoàng, đã đình chỉ các quyền lực của nhà vua và quyết định một mình đảm nhận chức trách của chính phủ.

Chưa từng có vị vua nào lại rơi vào tình cảnh khó khăn như Louis XVI vào thời điểm chạy trốn của ông ta. Thiên tài của một Richelieu cũng chỉ tạm đủ để thoát khỏi tình cảnh đó. Yếu tố phòng vệ duy nhất mà ông có thể dựa vào là quân đội thì ngay từ đầu đã hoàn toàn quên ông ta.

Không nghi ngờ gì rằng, trong suốt thời gian hoạt động của Hội đồng lập hiến, do đại đa số người Pháp và Quốc hội vẫn là những người bảo hoàng, nên nhà vua nếu dùng cách chấp nhận một thể chế quân chủ tự do thì đã có thể được giữ tại vị. Louis XVI dường như cũng chẳng có mấy con bài để thỏa thuận với Quốc hội.

Chả có mấy con bài, chắc chắn là vậy, nhưng với kết cấu tinh thần của mình, nhưng lá bài ít ỏi này đối với ông ta cũng tuyệt đối không khả dĩ. Tất cả những hình bóng của tổ tiên sẽ được dựng lên trước mặt ông, nếu ông thỏa thuận thay đổi cơ chế của nhà nước quân chủ cha truyền con nối. Vậy mà, giả như ông ta đã cố thử làm, thì cũng không bao giờ có thể vượt qua được sự phản kháng của gia đình mình, của đám tăng lữ, của giới quý tộc và của triều đình.

Những đẳng cấp trước kia từng là chỗ dựa của nhà nước quân chủ, các giới quý tộc và tăng lữ khi đó cũng từng có uy thế như bản thân nhà vua. Tất cả những lần mà nhà vua làm ra vẻ nhượng bộ đối với những mệnh lệnh của Quốc hội đều là bởi sự ép buộc bằng sức mạnh và đơn giản là để được thả lỏng nhằm kéo dài thời gian. Sự cầu viện đến nước ngoài là quyết định của một con người tuyệt vọng thấy mọi chỗ dựa tự nhiên của mình đã sụp đổ. Ông ta, mà trước hết là hoàng hậu, đã trông chờ vào những ảo tưởng lạ lùng bậc nhất về sự hỗ trợ khả dĩ của nước Áo, một quốc gia đối đầu với nước Pháp từ nhiều thế kỷ. Nếu quốc gia này chấp nhận, mà cũng rất nhạt nhẽo, đến cứu viện cho nhà vua, thì đó chỉ là vì họ kỳ vọng vào một sự đền bù lớn. Mercy, đại sứ Áo cho biết quốc gia này đã đòi hỏi thù lao là vùng Alsace, các xứ Alpes và Navarre.

Những thủ lĩnh của các câu lạc bộ sau khi thấy Quốc hội quá bảo hoàng, đã phát động nhân dân chống lại. Một bản kiến nghị đã được ký để thúc giục Quốc hội triệu tập chính quyền lập hiến mới để bắt tay vào việc xử vua Louis XVI.

Bất chấp mọi chuyện, vẫn giữ nguyên tính chất bảo hoàng và phát hiện ra là Cách Mạng Pháp đã mang một tính cách quá mị dân, Quốc hội quyết tâm tự vệ chống lại những mưu toan của đám bình dân. Một tiểu đoàn của vệ quốc đoàn do La Fayette chỉ huy được gửi tới Champ-de-Mars, nơi đám đông tụ tập, để giải tán. Chừng năm mươi người biểu tình bị giết.

Quốc hội cũng không kiên trì lâu trong những ý định thoáng qua về sự kháng cự. Trở lại trạng thái rất sợ hãi trước quần chúng, nó lại tăng thêm sự ngạo nghễ đối với nhà vua, mỗi ngày lại lấy đi của ông ta một chút đặc quyền và quyền lực. Ông ta chỉ còn hơn một chút so với một viên chức bình thường với nhiệm vụ thực thi những gì mà người khác mong muốn.

Quốc hội tưởng rằng mình có thể thực thi được quyền lực đã tước đoạt của nhà vua, nhưng nhiệm vụ ấy hóa ra vô cùng quá sức so với những nguồn lực của họ. Một quyền lực bị xé lẻ quá mức. “Tôi không biết từng có điều gì kinh khủng hơn một chính quyền tối cao gồm tới 600 người.” Mirabeau nói. Sau khi tự lừa dối mình tập trung tất cả quyền lực và thực thi chúng theo cách của Louis XIV, không lâu sau Quốc hội đã không thực hiện được thêm bất cứ quyền nào trong số đó.

Theo đà yêu dân quyền lực của Quốc hội, tình trạng vô chính phủ đã tăng dần. Các thủ lĩnh không ngừng thúc đẩy quần chúng đứng lên. Sự nổi dậy đã trở thành sức mạnh duy nhất.

Hàng ngày Quốc hội đều bị quấy rầy theo cách đe dọa và ra lệnh bởi những đám người ồn ào, những đoàn đại biểu hồng hách.

Tất cả những phong trào bình dân mà Quốc hội luôn phải phục tùng do sự sợ hãi, thực ra, tôi nhắc lại, không có gì là bột phát. Chúng đơn giản là phản ánh những quyền lực mới của các câu lạc bộ và của Công xã hình thành bên cạnh quyền lực của Quốc hội.

Mạnh nhất trong số những câu lạc bộ ấy là câu lạc bộ của phái Jacobin, phái đã nhanh chóng tạo ra

được tời trên năm trăm câu lạc bộ cấp hàng tỉnh cùng tiếp nhận từ nó khẩu hiệu hành động. Vai trò của nó luôn giữ vị trí thống trị trong suốt cuộc Cách mạng. Sau khi trở thành ông chủ của Quốc hội, nó cũng đã trở thành ông chủ của nước Pháp và chỉ có một đối thủ duy nhất là Công xã của những người nổi dậy mà quyền lực của nó, thực tế, chỉ được thực hiện tại Paris.

Sự yếu kém của Quốc hội và tất cả những khiếm khuyết của nó đã khiến cho nó mất lòng dân trầm trọng. Nó đã biết được điều đó và tự nhận thấy ngày càng bất lực, nên đã đẩy nhanh việc soạn thảo bản Hiến pháp mới để mở đường cho mình tự giải thể. Hành động cuối cùng của nó là ban bố một cách rất vụng về sắc lệnh, theo đó không một thành viên Hội đồng lập hiến nào có quyền được bầu lại vào Hội đồng Lập pháp. Những thành viên của cơ quan mới này do vậy không được thừa hưởng kinh nghiệm mà những người tiền nhiệm đã tích lũy được.

Bản Hiến pháp này đã hoàn thành ngày 3 tháng 9 năm 1791 và được nhà vua phê chuẩn vào ngày 13, khi đó đã được Quốc hội trao lại quyền.

Hiến pháp này đã quy định một chính thể đại nghị, ủy nhiệm quyền lập pháp cho các dân biểu và quyền hành pháp cho nhà Vua mà nó đã công nhận là có quyền phủ quyết những sắc lệnh do Quốc hội ban hành. Những đơn vị hành chính cấp tỉnh kiểu mới (département) đã thay thế cho các tỉnh (province) trước kia. Các loại thuế cũ đã được loại bỏ và được thay thế bằng những thuế trực thu mà ngày nay vẫn còn hiệu lực.

Quốc hội, cơ quan vừa thay đổi các đơn vị lãnh thổ và đảo lộn toàn bộ tổ chức xã hội kiểu cũ, đã tự cho là đủ mạnh để biến đổi cả tổ chức tôn giáo của đất nước. Đặc biệt là nó có tham vọng tổ chức nhân dân bầu các thành viên của giới tăng lữ, và như thế là làm cho họ thoát khỏi ảnh hưởng của bề trên tối cao, tức là của Giáo hoàng.

Kết cấu dân sự này của giới tăng lữ là cội nguồn của những cuộc chiến đấu và những cuộc truy hại tôn giáo kéo dài tới tận Thời Tổng tài. Hai phần ba số giáo sỹ đã từ chối lời tuyên thệ mà người ta đòi hỏi ở họ.

Trong thời gian ba năm tồn tại của Hội đồng lập hiến, Cách mạng Pháp đã đạt được những thành quả đáng kể. Kết quả chính có lẽ là bắt đầu chuyển cho Đẳng cấp Thứ ba những của cải của các giai cấp có đặc quyền. Người ta đã lôi kéo như thế những hội viên nhiệt tình với chế độ mới, đồng thời khơi gợi lên những lợi ích cần bảo vệ. Một cuộc cách mạng nhờ lấy việc thỏa mãn những thèm muốn làm chỗ dựa, do vậy đã có được sức mạnh to lớn.

Đẳng cấp Thứ ba, những người đã đoạt chỗ của giai cấp quý tộc và những người nông dân đã mua những tài sản quốc gia đều dễ dàng nhận ra rằng sự phục hồi chế độ cũ sẽ tước bỏ hết những lợi thế này. Bảo vệ một cách kiên quyết cuộc Cách mạng đối với họ cũng đồng nghĩa với bảo vệ tài sản mới của chính họ.

Và đó là nguyên do vì sao mà chúng ta thấy trong một phần thời gian của cuộc Cách mạng, có tới một nửa số tỉnh (département) đã nổi dậy một cách vô vọng chống lại chế độ chuyên chế từng đè nén họ. Phái cộng hòa đã chiến thắng mọi phe phái đối lập. Họ đã rất mạnh, vì đã bảo vệ không những một lý tưởng mới, mà còn cả những lợi ích vật chất. Chúng ta sẽ thấy tác động của hai yếu tố này trải dài suốt tiến trình Cách mạng và đóng góp nhiều cho sự thiết lập đế chế.

Chương II. Tâm lý học của hội đồng lập pháp

1. Những sự kiện chính trị diễn ra trong thời kỳ tồn tại của Hội đồng lập pháp.

Trước khi bắt tay vào phân tích những đặc trưng tinh thần của Hội đồng lập pháp, chúng tôi xin tóm tắt ngắn gọn các sự kiện chính trị quan trọng ghi dấu sự tồn tại ngắn ngủi trong vòng một năm của nó.

Chúng dĩ nhiên đã đóng vai trò to lớn đối với những biểu hiện tâm lý học của Hội đồng lập pháp.

Mang nặng tinh thần quân chủ chủ nghĩa, Hội đồng lập pháp cũng đã không bận tâm gì nhiều hơn so với tổ chức tiền nhiệm về việc phá bỏ chế độ quân chủ. Đối với nó, nhà Vua có vẻ đáng nghi ngờ đôi

chút, nhưng dù sao nó vẫn hi vọng có thể giữ được ông ta.

Nhưng thật không may cho Hội đồng lập pháp, Louis XVI liên hồi yêu cầu sự can thiệp của nước ngoài. Giam mình trong điện Tuileries và chỉ được bảo vệ bởi những vệ binh Thụy sĩ, nhà vua rụt rè bị dao động giữa những ảnh hưởng đối lập nhau. Ông ta trợ cấp cho những tờ báo được định hướng cho việc thay đổi công luận, nhưng người trình bày chúng lại là những nhà báo xoàng không tên tuổi, hoàn toàn không nắm được kỹ năng tác động lên tâm hồn của những đám đông. Phương tiện thuyết phục duy nhất của họ là đe dọa xử giảo tất cả những người theo Cách mạng và báo trước sự xâm nhập của một đạo quân đến giải thoát nhà vua.

Chế độ quân chủ chỉ còn trông cậy vào các vương triều ngoại quốc. Các nhà quý tộc đã di cư ra nước ngoài. Nước Phổ, nước Áo, nước Nga đều đe dọa chúng ta về một cuộc chiến tranh xâm lấn. Chính triều đình đã tạo thuận lợi cho những âm mưu của chúng.

Để đối lại với liên minh của các nhà vua chống lại nước Pháp, câu lạc bộ Jacobin đã đưa ra liên minh các dân tộc chống lại các nhà vua. Phái Girondin khi đó cùng với phái Jacobin đã nắm quyền lãnh đạo phong trào cách mạng. Họ kích động trang bị vũ khí cho quần chúng. 600 000 tình nguyện viên đã được trang bị. Triều đình đã chấp nhận một nội các Girondin. Bị nội các này chế ngự, Louis XVI đã buộc phải đề xuất với Quốc hội một cuộc chiến tranh chống nước Áo và nó đã được bỏ phiếu thông qua tức thời.

Khi tuyên bố chiến tranh, nhà vua đã không thực lòng. Hoàng hậu đã tiết lộ với người Áo những kế hoạch chiến dịch của chúng ta và cả bí mật những cuộc thảo luận của Hội đồng.

Những bước đầu của cuộc chiến thật tồi tệ. Nhiều toán quân hoảng sợ, chạy tán loạn. Được các câu lạc bộ kích động, bị thuyết phục, mà sự thật là vậy, rằng Nhà Vua đồng mưu với nước ngoài, nhân dân các vùng ngoại ô đã nổi dậy. Các thủ lĩnh của họ, những người Jacobin và trước hết là Danton, sai họ đem tới Quốc hội, ngày 20 tháng 7, một bản kiến nghị đe dọa phế truất nhà Vua. Tiếp đó, họ thâm nhập Điện Tuileries và thóa mạ nhà vua.

Định mệnh đã đẩy Louis XVI dần đến số phận bi thảm của ông ta. Trong khi sự đe dọa của những người Jacobin chống lại chế độ quân chủ đã làm phần nộ nhiều tỉnh, người ta lại thấy một đạo quân của nước Phổ được điều động đến vùng biên giới với Lorraine.

Niềm hi vọng của nhà Vua và Hoàng hậu liên quan đến sự hỗ trợ nhận được từ nước ngoài khá là ảo tưởng. Marie-Antoinette đã tỏ ra hoàn toàn ảo tưởng cả về tâm lý của người Áo cũng như của người Pháp. Khi thấy nước Pháp bị khiếp sợ bởi mấy kẻ phát điên vì quá hăng say, bà ta đã nghĩ rằng cũng có thể làm hoảng sợ người Paris bằng sự đe dọa và đưa họ trở lại dưới quyền của nhà Vua. Được bà ta khích lệ, Fersen đã làm trung gian môi giới để công bố bản tuyên ngôn của công tước Brunswick đe dọa Paris sẽ bị “lật đổ hoàn toàn, nếu người ta động đến gia đình nhà vua”.

Hiệu quả đã được thể hiện ngay lập tức, nhưng hoàn toàn trái ngược với điều mong đợi.

Bản tuyên ngôn đã gây ra sự công phẫn chống lại nhà vua vì bị coi là đồng lõa và càng làm tăng sự thất nhân tâm của ông ta. Kể từ ngày đó, nhà vua đã bị đưa vào danh sách xử trảm.

Bị Danton lôi kéo, các đại biểu của các phe nhóm đã thành lập tại Tòa thị chính thành phố một Công xã khởi nghĩa, tổ chức này đã bắt viên chỉ huy vệ binh quốc gia vốn trung thành với Vua, ra lệnh nổi chuông báo động liên hồi, tập hợp và kích động vệ binh quốc gia rồi tung đội quân này cùng với đám người bình dân xông vào chiếm Điện Tuileries vào ngày 10 tháng 8. Những tiểu đoàn được Louis XVI gọi tới đều đã phải chạy tán loạn. Không lâu sau đó, chỉ còn lại những người gác cổng và mấy viên quan hầu bảo vệ nhà vua. Hầu hết đều bị giết. Khi chỉ còn lại một mình, nhà Vua phải chạy trốn dưới trướng của Quốc hội. Đám đông đòi hỏi phế truất nhà vua. Hội đồng Lập pháp quyết định đuổi ông ta và để cho một Quốc hội tương lai, tức là Hội Quốc ước, quyết định số phận của ông ta.

2. Những đặc trưng tinh thần của Hội đồng lập pháp.

Hội đồng Lập pháp được thành lập với những con người mới, xét về mặt tâm lý học là một điều đáng quan tâm đặc biệt. Hiếm có những đám tập hợp có thể cung cấp những đặc trưng của các đoàn thể chính trị đến mức như vậy.

Hội đồng gồm có bảy trăm năm chục đại biểu được phân hóa thành các nhóm bảo hoàng thuần túy, bảo hoàng lập hiến, cộng hòa, Girondin và Montagnard. Giới luật sư và những người thuộc giới văn học chiếm đa số. Ta cũng có thể thấy ở đây một số ít các giám mục theo phái lập hiến, những sĩ quan cao cấp, thầy tu và rất hiếm những nhà bác học.

Những triết thuyết của các thành viên Hội đồng Lập pháp tỏ ra khá sơ đẳng. Nhiều người thấm đẫm những tư tưởng của Rousseau khích lệ sự quay lại với trạng thái tự nhiên. Nhưng cũng giống như những người tiền nhiệm, trước hết họ đều phụ thuộc vào tính chất cổ đại thời Hy Lạp và La Mã. Caton, Brutus, Gracchus, Plutarque, Marc-Aurèle, Platon là những cái tên liên tục được viện dẫn đã nói lên điều đó. Khi những diễn giả muốn lăng nhục Louis XVI, họ nhắc đến Caligula.

Trong khi mong muốn phá bỏ truyền thống, họ là những người cách mạng, nhưng khi thể hiện tham vọng quay về với quá khứ xa xưa, họ lại tỏ ra rất phản động. Tất cả mọi lý thuyết có khá ít ý nghĩa đối với hành vi của họ. Lý trí luôn xuất hiện trong những bài diễn thuyết, nhưng lại không bao giờ hiện hữu trong hành động của họ. Họ luôn luôn bị lệ thuộc vào những sự ám thị tình cảm và thần bí mà sức mạnh của chúng đã bao lần được chúng tôi nhắc tới.

Các đặc trưng tâm lý học của Hội đồng Lập pháp cũng là những đặc trưng của Hội đồng lập hiến, nhưng còn rõ nét hơn nhiều. Chúng có thể được tóm tắt trong bốn từ: tính miễn cảm, tính hay thay đổi, sự nhất gan và sự yếu hèn.

Tính hay thay đổi và tính miễn cảm biểu lộ rõ trong những biến thể không ngừng trong hành vi của họ. Một ngày họ thóa mạ nhau âm ỉ và đấm đá nhau, rồi ngày hôm sau người ta lại thấy “họ lao vào ôm hôn nhau với nước mắt tuôn trào.”

Họ hoan hô nhiệt thành một bức thư thỉnh nguyện đòi trừng phạt những ai kiến nghị phế truất vua, rồi cũng hôm đó trong buổi họp khác lại vinh danh ngay tức khắc một đoàn đại biểu đến yêu cầu sự phế truất ấy.

Sự nhất gan và sự yếu hèn của nó trước những mối đe dọa đã được thể hiện một cách đầy đủ. Mặc dù bảo hoàng, nó lại biểu quyết treo vương vị của nhà vua, rồi theo đòi hỏi của Công xã nó lại trao ông ta cùng gia đình cho Công xã để bắt họ phải lưu trú trong giáo đường.

Do sự yếu hèn của nó, nó đã tỏ ra không có khả năng, giống như Hội đồng lập hiến, thực thi bất cứ một quyền lực nào và đã để cho Công xã cùng các câu lạc bộ với các thủ lĩnh đầy quyền lực, như Hébert, Tallien, Rossignol, Marat, Robespierre,... lấn át.

Cho đến những ngày Thermidor năm 1794, Công xã khởi nghĩa đã trở thành quyền lực chủ yếu của Nhà nước và đã hành xử một cách chính xác như thể đã được trao trách nhiệm quản lý Paris.

Chính Công xã khởi nghĩa đã đòi hỏi việc giam giữ vua Louis XVI trong tháp Giáo đường, trong khi Quốc hội lại muốn giam giữ ông ta trong cung điện Luxembourg. Cũng chính Công xã đã tổng giam những người bị nghi ngờ đầy các nhà tù rồi đã ra lệnh cắt cổ họ.

Người ta biết được rằng với biết bao mảnh tình vi tàn ác, một nhóm kẻ còn đồ gồm 50 tên được trả công 24 bảng mỗi ngày, dưới sự chỉ đạo của vài thành viên Công xã, đã tàn sát khoảng 1.200 tù nhân trong vòng bốn ngày. Đó chính là cái mà người ta gọi là Những cuộc thảm sát tháng Chín. Thị trưởng Paris, Petion, đã tiếp đón với sự kính trọng lũ giết người này và còn ra lệnh rót mời chúng rượu.

Quốc hội bị khiếp đảm lúc đầu đã vờ như không biết đến những cuộc thảm sát này, tức là những gì đã được nhiều thành viên có thể lực của nó khuyến khích, như Couthon và nhất là Billaud-Varenne.

Khi rốt cuộc Quốc hội đã chuyển sang chê trách những cuộc tàn sát này, nó vẫn không dám tìm cách ngăn cản sự tiếp diễn của chúng.

Nhận thức được sự bất lực của mình, Hội đồng Lập pháp cuối cùng đã tự giải tán sau đó 15 ngày để nhường chỗ cho Hội Quốc ước.

Những gì nó đã làm rõ ràng đều có hại, không phải trong ý định, mà là trong hành động. Mang danh bảo hoàng, nhưng nó đã bỏ rơi chế độ quân chủ; mang danh nhân đạo, nhưng nó lại để diễn ra Những cuộc thảm sát tháng Chín; mang danh hòa bình chủ nghĩa, nhưng nó lại đẩy nước Pháp vào một cuộc chiến tranh đáng sợ, và như thế nó chứng tỏ rằng một nền quản lý yếu bao giờ cũng dẫn đất nước đến sự đổ nát.

Lịch sử của hai Quốc hội Cách mạng đầu tiên thêm một lần nữa chứng minh rằng các sự cố luôn mang trong mình những phản ứng dây chuyền khắc nghiệt đến chừng nào. Chúng tạo ra mạng lưới chằng chịt của những nhu cầu, trong đó chúng ta đôi khi có thể chọn nhu cầu thứ nhất, nhưng sau đó nó lại phát triển vượt ra ngoài sự mong muốn của chúng ta. Chúng ta được tự do đối với một quyết định nhưng lại bất lực đối với những hệ quả của nó.

Những biện pháp đầu tiên của Hội đồng lập hiến từng là hợp lý và tự nguyện, nhưng các hậu quả kéo theo sau lại tuột khỏi tầm kiểm soát của ý nguyện, của mọi lý lẽ và mọi điều tiên liệu.

Những người của năm 1789 là ai, tức là những người đã dám mong muốn, hoặc dự kiến cái chết của Louis XVI, những cuộc chiến tranh của Vendee, Trào lưu Khủng bố, những cuộc xử tử hình thường xuyên, tình trạng vô chính phủ, và sau cùng thêm nữa là sự trở về với quá khứ, với trật tự bởi bàn tay thép của một anh lính?

Trong sự diễn tiến này của những sự kiện, tức là những sự kiện kéo theo sau những hành động đầu tiên của những đám tập hợp cách mạng, gây ấn tượng nhất có lẽ là sự ra đời và phát triển của chính thể thuộc quyền của những đám đông.

Đằng sau những sự kiện mà chúng tôi từng nhắc tới, như việc chiếm ngục Bastille, sự xâm nhập vào cung điện Versailles, Những cuộc tàn sát tháng Chín, những cuộc tấn công cung điện Tuileries, việc sát hại những vệ binh gác cổng triều đình, sự phế truất và giam hãm nhà Vua, chúng ta có thể phát hiện một cách dễ dàng những quy luật logic của các đám đông và của những thủ lĩnh của chúng.

Bây giờ chúng ta sẽ thấy quyền lực của của quần chúng được thực thi ngày càng nhiều hơn, chế ngự tất cả những thế lực khác rồi cuối cùng thay thế chúng.

Chương III. Tâm lý học của hội Quốc ước

1. Huyền thoại về Hội Quốc ước

Lịch sử của Hội Quốc ước không phải chỉ phong phú về tư liệu tâm lý học. Nó còn cho thấy tình trạng bất lực của những nhân chứng và thậm chí cả những người kế vị đầu tiên của họ trong việc đưa ra những phán xét chính xác về các sự kiện về một thời đại mà họ từng chứng kiến, cũng như về những con người xung quanh họ.

Đã hơn một thế kỷ trôi qua kể từ cuộc Cách mạng Pháp và người ta bắt đầu bày tỏ một cách khó khăn những điều phán xét ít nhiều chính xác, mặc dù thường vẫn còn chưa chắc chắn, về giai đoạn này. Người ta đạt tới được những điều đó không phải chỉ nhờ những văn liệu mới được khai thác từ các kho lưu trữ, mà còn nhờ có những huyền thoại từng phủ một đám mây kỳ diệu lên bản hùng ca đẫm máu, đang dần biến đi trước sự lùi dần của thời gian.

Huyền thoại được lưu truyền dai dẳng nhất có lẽ là câu chuyện từng phủ vàng hào quang lên những nhân vật mà ông cha chúng ta đã nhắc đến bằng mỹ từ vẻ vang “Những người khổng lồ của Hội Quốc ước”.

Những trận chiến của Hội Quốc ước chống lại nước Pháp nổi dậy và cả châu Âu súng ống trong tay đã gây ấn tượng đến mức người ta tưởng rằng các nhân vật anh hùng của cuộc chiến tuyệt vời này thuộc về một hạng Người Khổng lồ cao cấp hơn hẳn chúng ta.

Mỹ từ Người khổng lồ dường như là chính đáng cho tới khi mà các sự kiện của thời đại này còn hòa

với nhau thành một khối thống nhất. Khi xem xét chúng như thể được gắn bó bởi những tình huống đơn thuần đồng thời với nhau, người ta lẫn lộn sự nghiệp của các đạo quân Cộng hòa với hành động của Hội Quốc ước. Vinh quang của nhóm người thứ nhất dội sang nhóm người thứ hai và được dùng làm lời tạ lỗi cho những cuộc tàn sát của Trào lưu Khủng bố, cho những sự tàn bạo của cuộc nội chiến, cho cảnh tàn phá của nước Pháp.

Dưới cái nhìn xuyên thấu của công tác phê bình hiện đại, cái khối không đồng nhất ấy đã tan rã từ từ. Các đạo quân của nhà nước Cộng hòa vẫn giữ được uy tín như trước, nhưng cần phải thừa nhận rằng những chính khách của Hội Quốc ước, bị thu hút duy nhất bởi những cuộc đấu tranh nội bộ, còn rất xa lạ với những thành tựu của họ. Nhiều nhất cũng chỉ có hai hoặc ba thành viên của một trong các Ủy ban của Quốc hội lo việc quân đội, và nếu những đạo quân này đã chiến thắng, thì đó là do bên cạnh số lượng của họ và tài năng của những vị tướng trẻ, còn nhờ lòng nhiệt tình đã sản sinh ra một niềm tin mới để thôi thúc họ.

Trong một chương sau đây, dành nói về quân đội cách mạng, chúng tôi sẽ chỉ rõ nó đã có thể chiến thắng được châu Âu với vũ khí trong tay như thế nào. Những đạo quân này ra đi lòng thắm đẫm những tư tưởng tự do, bình đẳng và khi đó đã tạo ra một Phúc âm mới, đến với những vùng biên giới, nơi sẽ giữ họ lại rất lâu, họ đã lưu giữ một tình cảm đặc biệt, rất khác với của chính phủ, những thứ mà lúc đầu họ còn chưa biết đến, rồi sau đó họ đã coi thường.

Rất xa lạ với những chiến thắng của quân đội, các thành viên của Hội Quốc ước chỉ dừng ở việc làm luật một cách không có chủ định theo mệnh lệnh của các thủ lĩnh, những người chỉ huy họ và giả bộ như đang làm tái sinh nước Pháp bằng sự trợ giúp của máy chém.

Tuy nhiên, chính là nhờ có những đạo quân dũng cảm ấy mà lịch sử của Hội Quốc ước đã chuyển hóa thành một sự tán dương gây ấn tượng mạnh của lòng sùng kính tôn giáo đối với nhiều thế hệ và đến nay mới bị xóa nhòa đôi chút.

Khi nghiên cứu theo từng chi tiết tâm lý những “Người Không lồ” của Hội Quốc ước, người ta đã nhanh chóng thấy tầm cao của họ suy sụp. Nhìn chung, họ thuộc một nhóm tầm thường quá khích. Những người bệnh vực chính thức nhiệt thành nhất của họ, như ngài Aulard, cũng đã buộc phải công nhận điều đó.

Đoạn trích sau đây cho thấy nhà văn này thể hiện như thế nào trong cuốn *Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp*:

“Người ta đã nói rằng thế hệ của thời kỳ từ 1789 đến 1799, những con người đã làm nên những điều thật to lớn và thật kinh khủng, là một thế hệ của những người khổng lồ, hoặc, nói một cách đơn giản hơn, rằng đó là một thế hệ ưu tú hơn so với thế hệ trước đó, hoặc thế hệ sau đó. Đó là một ảo ảnh nhìn về dĩ vãng. Những công dân từng hợp thành các phe nhóm, hoặc là vệ binh thành phố Paris và Jacobin, hoặc vệ binh quốc gia mà qua họ cuộc Cách mạng Pháp đã được thực hiện, không có gì tỏ ra là ưu tú hơn cả về trí thức cũng như tài năng so với người Pháp thời Louis XV, hoặc người Pháp thời Louis Philippe. Những người mà lịch sử đã lưu danh là bởi họ đã xuất hiện trên vũ đài Paris, hoặc là bởi họ từng là những diễn giả xuất sắc nhất của những đám tập hợp cách mạng khác nhau, phải chăng họ là những người có năng khiếu xuất chúng? Mirabeau cho tới một thời điểm nào đó còn xứng đáng với cái tên là nhà hùng biện thiên tài. Nhưng những người khác, như Robespierre, Danton, Vergniaud, phải chăng họ thực sự có tài năng hơn những diễn giả của chúng ta thời nay, chẳng hạn? Trong năm 1793, tức là trong thời kỳ của những “Người Không lồ” mạo xưng, bà Roland viết trong những hồi ký của mình: “Nước Pháp đã từng như bị cạn kiệt nhân tài”; đây là một điều thực sự bất ngờ, vì thiếu họ, trong cuộc cách mạng này hầu như chỉ có những con người tầm thường.”

Nếu, sau khi đã xem xét kỹ về mặt cá thể những thành viên của Hội Quốc ước, chúng ta phân tích họ theo tập hợp, chúng ta có thể nói rằng họ không tỏ ra xuất sắc cả về trí năng, cũng như về đức độ và

lòng dũng cảm. Chưa từng có khi nào một tập đoàn người lại biểu lộ sự nhút nhát như thế. Họ chỉ có lòng dũng cảm trong những bài diễn văn hoặc chống lại những mối nguy xa xôi. Quốc hội này thật kiêu hãnh và đầy hăm dọa trong lời nói và trước nhà vua, nhưng có lẽ lại luôn sợ sệt và dễ sai khiến bậc nhất trong số những tập đoàn chính trị mà thế giới từng được biết. Người ta thấy nó phục tùng một cách sợ hãi những mệnh lệnh của các câu lạc bộ và của Công xã, run rẩy trước những đoàn đại biểu nhân dân vẫn thường giấp mặt hàng ngày và nhần nhục trước mệnh lệnh của những kẻ nổi loạn, kể cả tới mức phải trao cho chúng những thành viên xuất sắc của mình. Hội Quốc ước đã cung cấp cho thế giới những tấn kịch làm náo lòng trong việc bỏ phiếu, dưới áp lực của dân chúng, những bộ luật thật ngớ ngẩn, những thứ mà nó đã bắt buộc phải hủy bỏ, ngay sau khi đám người nổi loạn rời khỏi phòng họp. Hiếm có những Quốc hội từng thể hiện sự yếu kém đến như vậy. Khi người ta muốn nêu ví dụ về việc một chính phủ bình dân có thể sa sút tới mức nào thì phải nhắc tới lịch sử của Hội Quốc ước.

2. Ảnh hưởng thắng lợi của tôn giáo Jacobin

Trong số những nguyên nhân tạo ra cho Hội Quốc ước gương mặt đặc biệt, một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất là định hình dứt khoát một tôn giáo cách mạng. Giáo lý, lúc đầu còn đang hình thành, đã được thiết lập thực sự. Nó được kết thành từ một thể tập hợp những yếu tố ít nhiều rời rạc. Thiên nhiên, quyền con người, bình đẳng, khế ước xã hội, sự thù hận giữa những kẻ chuyên chế, vị trí tối thượng của nhân dân, hợp thành những chương mục của một Phúc âm không thể bàn cãi đối với các tín đồ. Những sự thật mới đã ám ảnh các tông đồ về quyền lực của họ và, cũng như những tín đồ của mọi thời đại, họ sẽ tìm cách để áp đặt tôn giáo này bằng sức mạnh. Về quan điểm của những người theo dị giáo, họ không cần phải bận tâm. Tất cả đều đáng bị tiêu diệt.

Vì sự thù hận của những người theo dị giáo lúc nào cũng là một đặc trưng không thể khắc phục của những tín ngưỡng lớn, như chúng tôi đã trình bày trong phần nói về Phong trào Cải cách tôn giáo, người ta có thể dễ dàng giải thích sự không khoan dung của tôn giáo Jacobin.

Cũng chính lịch sử của Phong trào Cải cách tôn giáo đã chứng tỏ cho chúng ta rằng giữa những tôn giáo lân cận, cuộc tranh đấu bao giờ cũng rất sôi động. Cũng không phải ngạc nhiên khi nhìn thấy trong Hội Quốc ước những người Jacobin chiến đấu một cách điên cuồng chống lại những người Cộng hòa mà tín ngưỡng của phái này không khác là bao so với của họ.

Sự tuyên truyền của các tông đồ mới tỏ ra rất sốt sắng. Để truyền dạy giáo lý cơ đốc cho các tỉnh, người ta gửi xuống những môn đồ hăng hái có kèm theo những máy chém. Những quan tòa dị giáo của tôn giáo mới đã không nhân nhượng với sai lầm. Như Robespierre đã nói: “Điều tạo nên Nhà nước Cộng hòa, đó là sự phá bỏ tất cả những gì đối lập với nó.” Có lẽ chỉ khi đất nước từ chối được tái sinh, chúng là sẽ tái sinh đất nước trái với ý muốn của nó: “Thà chúng ta sẽ xây dựng một nghĩa địa của nước Pháp, hơn là không tái sinh đất nước theo cách của chúng ta.” Carrier cam đoan.

Nền chính trị Jacobin phái sinh từ tín ngưỡng mới từng hết sức đơn giản. Nó bao gồm một dạng của Chủ nghĩa xã hội bình quân được chỉ huy bởi một nền chuyên chính không khoan dung với bất kỳ sự đối lập nào.

Những tư tưởng thực tế hợp với các nhu cầu về kinh tế và bản chất thực của con người, đó là những điều mà các nhà lý luận khi đó đang cầm lái nước Pháp không hề có, không hề biết. Máy chém và những bài diễn văn đối với họ đã là đủ. Những bài nói đó đều mang tính trẻ con :

“Không bao giờ từ thực tế, Taine nói, không có gì ngoài trừu tượng, từng chuỗi chiêm ngôn về thiên nhiên, về lý tính, nhân dân, những bạo chúa, sự tự do: như thể là những quả bóng được thổi căng và va chạm nhau một cách vô bổ trong không gian. Nếu chúng ta đã không biết là tất cả những điều đó đều dẫn đến những hiệu ứng thực tế và kinh khủng, chúng ta có thể nghĩ đó là một trò chơi logic, những bài tập ở nhà trường, những sự phô trương hàn lâm và những tổ hợp hệ tư tưởng.”

Những lý thuyết của phái Jacobin thực tế là quy về một nền chuyên chế tuyệt đối. Theo họ, dường như

rõ ràng là đối với Nhà nước có chủ quyền, những công dân đã được bình đẳng về điều kiện và về của cải đều phải phục tùng không bàn cãi.

Quyền lực mà họ tự trao cho mình cao hơn nhiều so với quyền của các vị vua trước họ. Họ quy định lệ phí giá cả hàng hóa và tự ban cho mình quyền xâm phạm đời sống và chiếm đoạt tài sản của công dân.

Lòng tin của họ trong tính năng tái sinh đức tin cách mạng đã tới mức sau khi tuyên chiến với các vị vua, họ đã tuyên chiến cả với các vị thần. Một bộ lịch từng được xây dựng trong đó các vị thánh phải chịu tội biệt xứ. Họ đã tạo dựng một vị thần mới, Lý tính, mà việc thờ phụng đã được cử hành tại nhà thờ Đức Bà (Notre-Dame) với những nghi lễ, tuy nhiên, cũng giống như những nghi lễ thờ Cơ đốc giáo, trên chính bàn thờ của “Đức mẹ Đồng trinh” trước đây. Việc thờ phụng này được duy trì cho tới ngày mà Robespierre thay thế nó bằng một tôn giáo cá nhân mà chính ông ta là giáo chủ.

Sau khi trở thành những ông chủ duy nhất của nước Pháp, phái Jacobin và những tín đồ của họ đã có thể cướp phá mà không bị trừng phạt, mặc dù không bao giờ chiếm được đa số ở bất cứ nơi nào.

Số lượng của họ không dễ xác định được chính xác. Người ta chỉ biết rằng nó luôn là rất nhỏ. Taine ước đoán là khoảng 5.000 ở Paris trên tổng số dân cư là 700.000; tại Besanxon là 300 trên tổng số dân cư là 30.000 và trong cả nước là 300.000.

Theo cách nói của tác giả mà tôi vừa trích dẫn trên đây, vẫn “chỉ là một tập đoàn phong kiến nhỏ nhoi của những kẻ bất lương phủ trùm lên nước Pháp vừa bị chinh phục”, họ đã thống trị đất nước, mặc dù số lượng hạn chế, vì nhiều lẽ khác nhau. Trước hết là vì đức tin của họ đã cho họ một sức mạnh đáng kể. Tiếp đến, vì họ là kẻ cầm quyền và vì từ nhiều thế kỷ, người Pháp từng phục tùng những người nắm quyền chỉ huy. Sau cùng, người ta tin rằng lật đổ họ là khôi phục chế độ cũ, một chế độ từng bị vô số người mua tài sản quốc gia kinh hãi. Sự chuyên chế của họ có lẽ phải tới mức kinh khủng thì mới có nhiều tỉnh thành đến thế đứng lên chống lại.

Lý do đầu tiên của sức mạnh Jacobin là rất quan trọng. Trong cuộc chiến giữa các tín ngưỡng mạnh và tín ngưỡng yếu, sự thành công không bao giờ thuộc về nhóm thứ hai. Tín ngưỡng mạnh được xây dựng nên từ những ý chí mạnh luôn lấn át những ý chí yếu. Nếu, mặc dù vậy, phái Jacobin kết cục đã tự đưa mình đến chỗ lụi tàn là bởi vì sự tích tụ những hành động bạo lực của họ đã liên kết hàng nghìn ý chí yếu thành một cụm chung và trong tổng thể đã thắng ý chí mạnh của họ.

Hẳn là những người Girondin, từng bị truy lùng bởi phái Jacobin với bao sự hằn thù, cũng đã từng có những tín ngưỡng được thiết lập chặt chẽ, nhưng trong cuộc đấu tranh mà họ ủng hộ thì chính sự giáo dục của họ, sự tôn trọng một số truyền thống và quyền con người lại nổi lên chống lại họ, trong khi những điều đó không hề làm bận lòng những đối thủ của họ.

“Phần lớn những tình cảm của phái Girondin, Emile Ollivier viết, từng thuộc loại tẻ nhạt, hào hiệp; trong khi những thứ đó ở đám người vô xi Jacobin thì thấp hèn, thô thiển, tàn nhẫn, tàn bạo. Tên của Vergniaud, gần gũi với tên ‘thần thánh’ Marat, thể hiện cái khoảng cách mà không một phương tiện nào có thể lấp đầy!”

Lúc đầu thống trị Hội Quốc ước do vượt trội về tài năng và tài hùng biện, những người Girondin đã thất bại nhanh chóng dưới sự thống trị của phái Montagnard, những kẻ phát điên vô giá trị, suy nghĩ rất ít, nhưng hành động liên tục và biết cách kích động những ham muốn của đám bình dân. Chính bạo lực, chứ không phải tài năng là thứ làm xúc động các Hội đồng.

3. Những đặc trưng tinh thần của Hội Quốc ước.

Ngoài những tính cách chung cho tất cả những đám tập hợp, những hội đồng, còn có những tính cách khác nữa được hình thành bởi ảnh hưởng của môi trường và của tình huống, những yếu tố tạo cho các tập hợp người một diện mạo đặc biệt. Đại bộ phận những tính cách quan sát được trong Hội đồng lập hiến và Hội đồng lập pháp sẽ đều có mặt trong Hội Quốc ước, nhưng còn được khuếch đại thêm nữa.

Quốc hội này đã có khoảng 740 đại biểu, trong đó hơn phân ba một chút thuộc về Hội đồng lập hiến hoặc Hội đồng lập pháp. Bằng cách làm kinh sợ dân chúng, những người Jacobin đã thành công trong việc trở thành những ông chủ của các cuộc bầu cử. Phần lớn cử tri (tám triệu trên bảy triệu) thích chọn bỏ phiếu trắng hơn.

Theo đặc điểm nghề nghiệp, Quốc hội có đa số thành viên là những người am hiểu luật pháp: luật sư, công chứng viên, mõ tòa, quan tòa và một số nhà văn.

Tâm tính của Hội Quốc ước đã không đồng nhất. Một đám tập hợp những cá thể với những tính cách rất khác nhau đã chia tách nhanh chóng thành nhiều nhóm. Hội Quốc ước không lâu sau đã có ba nhóm trong số đó: Gironde, Montagne (*Phái Núi*) và Plaine (*Đồng bằng*). Những người theo phái quân chủ lập hiến hầu như đã biến mất.

Gironde và Phái Núi, những phe phái cực đoan, được hình thành mỗi nhóm từ khoảng một trăm thành viên đã lần lượt trở thành nhóm cầm quyền. Trong Phái Núi xuất hiện những thành viên tiên tiến nhất: Couthon, Herault de Sechelles, Danton, Camille Desmoulins, Marat, Collot de Herbois, Billaud-Varenne, Barras, Saint-Just, Fouché, Tallien, Carrier, Robespierre,... Trong Phái Gironde có Brissot, Petion, Condorcet, Vergniaud,...

Năm trăm thành viên khác của Quốc hội, nghĩa là đa số lớn, hợp thành cái gọi là phái Đồng bằng. Phái này tạo thành một khối không kiên định, phân vân, yên lặng, do dự, rụt rè, sẵn sàng đi theo mọi sự thôi thúc và di chuyển dưới ảnh hưởng của những kích động đương thời. Nó nghe theo phái mạnh nhất trong số hai phái kể trên mà không cần phân biệt. Sau khi nghe theo phái Girondin, nó lại để cho phái Núi lôi kéo khi họ chiến thắng đối thủ. Đó là hệ quả của quy luật đã được trích dẫn ở trên, theo đó những ý chí yếu luôn phải chịu sự thống trị của những ý chí mạnh.

Ảnh hưởng của những kẻ lôi kéo được thể hiện ở mức độ cao trong suốt quá trình tồn tại của Hội Quốc ước. Nó đã thường xuyên bị dẫn dắt bởi một thiểu số đầy bạo lực với tâm hồn thiển cận, nhưng niềm tin mãnh liệt đã đem lại cho thiểu số ấy sức mạnh to lớn.

Một nhóm thiểu số hung tợn và liều lĩnh đã luôn điều khiển một nhóm đa số sợ sệt và không quyết đoán. Điều đó giải thích sự tiến triển không ngừng về phía các thái cực trong tất cả những Quốc hội Cách mạng. Lịch sử của Hội Quốc ước xác nhận một lần nữa Quy luật tăng tốc sẽ được trình bày trong một chương khác.

Hội Quốc ước, do vậy, đã phải chuyển một cách tất yếu từ trạng thái chùng mực sang những hành động bạo lực ngày càng rõ nét hơn. Từ đó rồi cuộc họ đã đi tới chỗ tự mình tàn sát hàng loạt người của chính mình. Từ 180 người Girondin ban đầu từng điều khiển Hội Quốc ước đã có 140 bị giết hại hoặc phải chạy trốn, và sau cùng kẻ thống trị một đám đại biểu luôn sợ sệt và đã bị chế ngự là Robespierre, kẻ cuồng tín bậc nhất trong số những tên khủng bố.

Tuy nhiên, chính trong số 500 đại biểu của phần đa số quá lưỡng lự và quá thiếu kiên định hợp thành phái Đồng bằng ấy lại có những bậc đại trí và có kinh nghiệm. Các ủy ban kỹ thuật từng làm được những công việc hữu ích của Hội Quốc ước đều đã được tuyển chọn trong khối này.

Khả là bàng quan về chính trị, các thành viên của phái Đồng bằng đã đề nghị trước hết người ta đừng quan tâm đến họ. Khép mình trong những ủy ban, họ cố xuất hiện ít đến mức có thể trong Hội đồng, và vì thế những kỳ họp của Hội Quốc ước chỉ có mặt khoảng gần một phần ba số đại biểu.

Nhưng tiếc thay, do điều này xảy ra rất thường xuyên, nên những con người trí thức và trung thực này đã hoàn toàn bị mất đi tính cách riêng, và thường xuyên bị nỗi lo sợ ám ảnh, họ đã phải bỏ phiếu cho những biện pháp tồi tệ do các luật sư cũng mang nỗi sợ hãi sai khiến.

Phái Đồng bằng đã bỏ phiếu cho tất cả những gì người ta ra lệnh phải bỏ phiếu, như việc thành lập một tòa án cách mạng, phong trào Khủng bố,... Chính nhờ sự phụ họa này mà phái Núi đã đè bẹp phái Gironde, và Robespierre đã ra lệnh giết chết những người theo Hebert và Danton. Giống như tất cả

những phe nhóm yếu khác, phái Đồng bằng đã đi theo những kẻ mạnh. Những người từ tâm ôn hòa từng tạo ra và cấu thành khối đa số của Quốc hội, bằng sự nhút nhát của mình đã góp phần vào việc gây ra sự thái quá đáng sợ của Hội quốc ước.

Thông điệp tâm lý nổi trội của Hội Quốc ước là một nỗi sợ hãi tồi tệ. Chính trước hết là do sự sợ hãi mà người ta đã ra lệnh chặt đầu lẫn nhau với niềm hy vọng không chắc chắn là sẽ giữ được đầu của mình.

Và chẳng, một nỗi sợ hãi như thế cũng có thể dễ dàng hiểu được. Những con người bất hạnh thảo luận, nghị án giữa những tiếng la ó và những lời gào thét từ các diễn đàn. Mỗi lúc lại có những kẻ thực sự hoang dã vũ trang bằng giáo mác xâm nhập phòng họp Quốc hội, và đa số các thành viên không còn dám tham dự các phiên họp. Khi họ ngẫu nhiên đi đến đó, chẳng qua là để cảm lạnh và bỏ phiếu theo mệnh lệnh của phái Núi, dù những người này chỉ có số lượng ít hơn tới ba lần.

Nỗi lo sợ bao trùm những người phái Núi, cho dù ít thấy rõ hơn, cũng sâu đậm. Họ không chỉ ra lệnh giết chết các địch thủ bởi sự cuồng tín hẹp hòi của mình, mà còn do tin rằng sự tồn tại của mình cũng đang bị đe dọa. Những quan tòa của tòa án cách mạng cũng không kém phần run sợ. Họ có lẽ cũng đã muốn xử trắng án cho Danton, vợ góa của Camille Desmoulins và nhiều người khác. Nhưng họ đã không dám làm thế. Nhưng trước hết, chính là khi Robespierre lên ngôi ông chủ duy nhất mà con ma của nỗi sợ hãi đã đè nặng lên Quốc hội. Người ta đã có lý khi nói rằng một cái nhìn của ông chủ này cũng làm hao gầy các đồng sự của mình bởi sự sợ hãi. Trên gương mặt của họ đã có thể đọc được “sự xanh xao do sợ hãi hoặc sự từ bỏ trong nỗi tuyệt vọng”.

Tất cả đều rất sợ Robespierre và Robespierre lại sợ tất cả họ. Chính do lo sợ những âm mưu chống lại mình mà ông ta đã ra lệnh chặt đầu nhiều người, và cũng do sự sợ hãi mà người ta đã cho phép ông ta chặt những cái đầu ấy.

Những ký ức về Hội Quốc ước cho thấy rõ chúng lưu giữ kỷ niệm kinh hoàng biết bao về thời kỳ đen tối ấy. Theo Taine, được phỏng vấn sau hai mươi năm, về mục tiêu thực sự, về tư tưởng thâm kín của Hội đồng Cứu quốc, Barrere đã trả lời :

“Chúng tôi chỉ có một tình cảm duy nhất, tính cảm về sự bảo tồn của chúng ta, một điều mong muốn, tức là mong muốn duy trì sự tồn tại của chúng ta, những thứ mà mỗi người trong chúng ta đều đã tin rằng đang bị lâm nguy. Người ta từng ra lệnh chém đầu người hàng xóm để cho người hàng xóm ấy không ra lệnh chém đầu chính mình.”

Lịch sử của Hội Quốc ước là một trong những ví dụ gây ấn tượng bậc nhất mà người ta có thể đưa ra về vai trò của các thủ lĩnh và vai trò của sự sợ hãi đối với một đám tập hợp cách mạng.

Chương IV. Chính phủ của hội quốc ước

1. Vai trò của các câu lạc bộ và của Công xã trong thời kỳ Hội Quốc ước.

Trong toàn bộ thời gian tồn tại của mình, Hội Quốc ước đã bị điều khiển bởi các thủ lĩnh của các câu lạc bộ và của Công xã.

Chúng tôi đã chỉ rõ ảnh hưởng của họ đối với các Quốc hội trước đó. Nó trở nên trội nhất trong thời kỳ Hội Quốc ước. Lịch sử của nó thực ra đã là lịch sử của các câu lạc bộ và của Công xã, những thực thể đã kiểm soát nó. Chúng chế ngự không chỉ Hội Quốc ước mà còn cả nước Pháp. Vô số những câu lạc bộ nhỏ ở tỉnh, được chỉ đạo bởi câu lạc bộ tương ứng ở thủ đô, đã theo dõi các quan chức chính quyền, tố giác những phần tử tình nghi và đảm đương thực thi tất cả những mệnh lệnh cách mạng.

Khi các câu lạc bộ hoặc Công xã đã quyết định một số biện pháp nào đó, chúng đã đưa ra bỏ phiếu trong cuộc họp tức thì tại Quốc hội. Nếu Quốc hội lại do dự, chúng liền gửi tới những đoàn đại biểu của mình, nghĩa là những bọn người có vũ trang tuyển chọn từ tầng lớp bình dân hạ đẳng nhất.

Chúng đem đến những mệnh lệnh mà bao giờ cũng được tuân thủ một cách thấp hèn. Công xã tự cảm thấy mình mạnh đến mức có thể đòi Hội Quốc ước trực xuất tức thì những đại biểu làm nó phật ý.

Trong khi Hội Quốc ước bao gồm những con người nhìn chung là có học thức, thì các thành viên của Công xã và của các câu lạc bộ phần đông là những chủ quán, thợ không chuyên môn, công nhân, không đủ khả năng có được quan điểm của riêng mình và bao giờ cũng bị dẫn dắt bởi những thủ lĩnh: Danton, Camille Desmoulins, Robespierre,...

Trong hai quyền lực nói trên, các câu lạc bộ và Công xã khởi nghĩa, thì Công xã hành động nhiều hơn tại Paris, bởi vì ở đây nó đã xây dựng cho mình một đạo quân cách mạng. Nó nắm trong tay 48 ủy ban của Vệ binh Quốc gia với yêu cầu không gì khác hơn là giết chóc, phá phách và cướp bóc.

Sự bạo ngược mà Công xã đã khiến Paris choáng ngợp, thật là kinh khủng. Thực vậy, chẳng hạn, nó đã trao cho một anh thợ vá giày nào đó tên là Chalandon quyền theo dõi một một bộ phận của thủ đô, bao hàm khả năng đưa ra tòa án cách mạng, và do vậy, đưa lên máy chém, tất cả những ai mà hắn nghi ngờ. Do đó mà một vài đường phố dân số đã bị giảm rõ rệt.

Hội Quốc ước lúc đầu còn đấu tranh chống lại Công xã đôi chút, nhưng đã không cố gắng kéo dài thời gian kháng cự. Đỉnh điểm của cuộc xung đột đã đến, khi Hội quốc ước tỏ ý muốn bắt Hébert, linh hồn của Công xã; Công xã đã điều đến đó những toán người với vẻ hăm dọa và họ đã yêu cầu trục xuất những người Girondin vì đã đưa ra biện pháp này. Trước sự từ chối của Hội Quốc ước, Công xã đã ra lệnh cho quân đội cách mạng của mình bao vây vào ngày 2 tháng 7 năm 1793, theo mệnh lệnh của Hanriot. Bị khiếp đảm, Quốc hội đã phải giao nộp 27 người trong số những thành viên của mình. Công xã đã lập tức cử tới Quốc hội một đoàn đại biểu để chúc mừng một cách mỉa mai vì đã vâng lời.

Sau sự sụp đổ của phái Jirondin, Hội Quốc ước đã phải phục tùng hoàn toàn những mệnh lệnh của Công xã nay đã trở nên toàn quyền. Công xã đã yêu cầu Quốc hội ban bố sắc lệnh giải tán quân đội cách mạng, được nối tiếp bằng một tòa án và một máy chém với nhiệm vụ đi khắp nước Pháp để xử trảm những người bị tình nghi với những thủ tục sơ sài.

Mãi tới cuối thời gian tồn tại của mình, sau sự sụp đổ của Robespierre, Hội Quốc ước mới có thể thoát được cái ách của Công xã và của câu lạc bộ Jacobin. Hội Quốc ước đã ra lệnh đóng cửa câu lạc bộ này và chém đầu những thành viên có thể lực của nó.

Bất chấp những hình phạt này, các thủ lĩnh vẫn tiếp tục khích động đám người bình dân và thúc giục họ tiến công Hội Quốc ước. Vào Tháng này mằm và Tháng đồng cỏ (*các tháng trong lịch cộng hòa Pháp - ND*), nó đã bị vây hãm thực sự. Những đoàn đại biểu có vũ trang thậm chí đã thành công trong việc yêu cầu bỏ phiếu khôi phục Công xã và triệu tập một Quốc hội mới, những biện pháp mà Hội Quốc ước đã vội hủy bỏ, ngay khi những người nghĩa quân rút đi. Xấu hổ vì sự sợ hãi của mình, nó đã gọi về những trung đoàn và đã thực hiện tước vũ khí các vùng ngoại ô với gần 6.000 cuộc bắt bớ. Hai mươi sáu người đứng đầu phong trào đã bị xử bắn, sáu đại biểu vì đã ký điều ước với loạn quân bị chém đầu.

Trên thực tế, Hội Quốc ước mới chỉ có ý định thoả qua về sự kháng cự. Khi không còn bị dẫn dắt bởi các câu lạc bộ và Công xã, nó đã tuân theo ủy ban Cứu quốc và bỏ phiếu thông qua mà không thảo luận những sắc lệnh của ủy ban này.

“Hội Quốc ước, thực ra đã bị cầm tù trong ngôi điện của chính mình bởi một dùm lính đánh thuê, nên đã không nói chút nào về ý muốn đẩy tất cả các hoàng tử và các ông vua của châu Âu xuống chân mình trong tư thế bị xiềng xích.” H. Williams viết.

2. Chính phủ Pháp trong thời kỳ Hội Quốc ước. Sự Khủng bố.

Ngay từ khi được nhóm họp vào tháng 9 năm 1792, Hội Quốc ước đã bắt đầu bằng việc ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ quân chủ và tuyên bố nền cộng hòa, bất chấp sự do dự của số lớn thành viên, vì họ biết rằng các tỉnh đều theo hướng bảo hoàng.

Tin tưởng sâu sắc rằng một lời tuyên bố như thế sẽ làm thay đổi thế giới văn minh, nó đã lập ra một kỷ nguyên mới và một lịch mới. Năm thứ nhất của kỷ nguyên này đã đánh dấu buổi bình minh của một thế

giới, nơi chỉ có lý tính thông trị. Nó đã được khai trương bằng bản án vua Louis XVI, một biện pháp do Công xã ra lệnh thực hiện, nhưng là điều mà đa số đại biểu của Hội Quốc ước không mong muốn. Thực ra, vào những ngày đầu của nó, Quốc hội này được điều hành bởi những nhân vật tương đối ôn hòa thuộc phái Jirondin. Chủ tịch và các bí thư đã được lựa chọn trong số những người nổi tiếng nhất của họ. Robespierre, người sau này sẽ trở thành ông chủ tuyệt đối của Hội Quốc ước, vào thời điểm ấy chỉ có rất ít ảnh hưởng, đến mức ông ta chỉ nhận được 6 phiếu của chủ tịch đoàn, trong khi Petion thu tóm 235 phiếu.

Như vậy, phái Núi lúc đầu chỉ có quyền lực rất hạn chế. Chỉ sau này sức mạnh của họ mới nảy sinh. Như thế là sẽ không còn chỗ cho những người ôn hòa trong Hội Quốc ước.

Dù là thiểu số, những người phái Núi vẫn tìm ra phương tiện để ép Quốc hội phán quyết vụ Louis XVI. Nhận được quyết định đối với họ cũng đồng nghĩa với chiến thắng phái Jirondin, kết tội tất cả các vị vua và đoạn tuyệt dứt khoát giữa chế độ mới và chế độ cũ.

Để khơi ra được vụ án này, họ đã vận động một cách rất khéo léo, gửi tới Quốc hội những bản kiến nghị của các tỉnh và một đoàn đại biểu của Công xã khởi nghĩa Paris để đòi hỏi việc kết án.

Nét đặc trưng chung cho tất cả các Quốc hội Cách mạng là cúi mình trước những sự đe dọa và luôn thi hành những điều ngược với ý muốn của mình, Hội quốc ước đã không dám cưỡng lại. Nghĩa là nó đã quyết định vụ án.

Những người Jirondin, với tư cách từng cá thể lẽ ra đã không muốn giết vua, nhưng một khi tập hợp lại, họ lại chọn bỏ phiếu thông qua vì sợ hãi. Hy vọng giữ được cái đầu của chính mình, công tước xứ Orleans, anh em họ của vua Louis XVI, cũng đã bỏ phiếu thông qua. Nếu như trong lúc đi lên đoạn đầu đài, ngày 21 tháng giêng 1793, Louis XVI có thể nhìn thấy tương lai như chúng ta vẫn gán năng lực ấy cho các vị thần, thì ông ta đã có thể thấy phần lớn những người Jirondin sẽ lần lượt theo ông đi con đường đó, bởi sự yếu hèn đã không thể bảo vệ được họ.

Chỉ xem xét dưới góc nhìn về ích lợi thuần túy, việc xử tử nhà vua là một trong những hành động vụng về của Cách mạng. Nó đã sản sinh ra cuộc nội chiến và khiến châu Âu vũ trang chống lại chúng ta. Ngay trong lòng Hội Quốc ước, cái chết ấy đã kích động những cuộc chiến nội bộ mà chung cuộc là chiến thắng của phái Núi và việc trục xuất phái Jirondin.

Những biện pháp được đưa ra dưới ảnh hưởng của phái Núi rốt cuộc đã dẫn đến sự chuyên chế tới mức khiến 60 tỉnh phía Tây và phía Nam đã nổi dậy. Cuộc nổi dậy do nhiều đại biểu quốc hội từng bị trục xuất cầm đầu lẽ ra đã có thể chiến thắng, nếu sự tham gia có phần khinh suất của những phần tử bảo hoàng trong phong trào này đã không gây ra nỗi lo phục hồi chế độ cũ. Ở Toulon, thực tế những người nổi dậy đã tung hô Louis XVI.

Cuộc nội chiến nổ ra theo cách đó đã kéo dài trong phần lớn thời gian diễn biến của cuộc Cách mạng Pháp. Nó thể hiện một tình trạng đã mãn đến cực độ. Người già, phụ nữ, trẻ em, tất cả đều bị tàn sát, các làng mạc và đồng ruộng đang mùa thu hoạch bị thiêu cháy. Chỉ riêng tại Vendee, số lượng người bị giết đã được ước tính là từ 500.000 đến 1 triệu người, tùy theo tác giả.

Cùng với cuộc nội chiến, không lâu sau đã xảy ra chiến tranh với nước ngoài. Phái Jirondin những tưởng rằng có thể giải quyết tất cả nỗi thống khổ này bằng cách ban hành Hiến pháp mới. Và chẳng, đây cũng là một truyền thống đối với tất cả những đám tụ tập cách mạng luôn tin vào hiệu lực thần bí của những thể thức. Tại Pháp, niềm tin này chưa từng bao giờ bị ảnh hưởng bởi thất bại của những cuộc thử nghiệm.

“Một niềm tin vững vàng, một trong những người ngưỡng mộ cuộc Cách mạng Pháp là ngài Rambaud viết, đã trợ lực cho Hội Quốc ước trong công cuộc nặng nhọc này; nó đã tin một cách mạnh mẽ rằng một khi nó đã thể thức hóa những nguyên lý Cách mạng thành một đạo luật thì những kẻ thù của nó sẽ bị tiêu tan, hơn thế nữa, còn quy theo, và sự lên ngôi của lễ công bằng sẽ có thể giải giáp những người

khởi nghĩa.”

Trong thời gian tồn tại của mình, Hội Quốc ước đã soạn thảo hai bản Hiến pháp, bản năm 1793 hay là bản của Năm thứ I và bản năm 1795, được gọi là của Năm thứ III. Bản thứ nhất chưa từng được áp dụng bao giờ, bởi một nền chuyên chế tuyệt đối đã sớm thay chân nó; còn bản thứ hai đã tạo ra Ban Đốc chính.

Hội Quốc ước đã bao gồm một số lượng tương đối lớn những cổ vấn luật học và những nhà kinh doanh, những người đã hiểu được tương đối nhanh tính bất khả thi cách quản lý của một quốc hội quá đông người. Họ đã dẫn nó tới chỗ chia nhỏ thành nhiều ủy ban độc lập: các ủy ban giao dịch kinh doanh, lập pháp, tài chính, nông nghiệp, nghệ thuật,... Những ủy ban này đã soạn thảo những bộ luật mà Quốc hội nhìn chung đều nhắm mắt bỏ phiếu thông qua.

Nhờ có những ủy ban ấy mà sự nghiệp của Hội Quốc ước không phải toàn là phá hủy. Họ cũng có được một vài hành động hữu ích: thành lập những trường học lớn, tạo lập hệ thống đo lường hệ mét,... Đa số thành viên của Quốc hội tự ẩn mình trong các ủy ban này, như chúng tôi đã nói, để tránh những cuộc tranh giành chính trị, nơi họ sẽ có thể phải giơ đầu mình ra.

Ở tầng trên của những ủy ban sự vụ xa rời chính trị này, có Ủy ban Cứu quốc, được thành lập vào tháng 4 năm 1793, và bao gồm 9 ủy viên. Lúc đầu do Danton lãnh đạo, sau đó vào tháng 7 cùng năm Robespierre đã thay thế, Ủy ban này đã thu tóm dần mọi quyền lực, bao gồm cả quyền ra lệnh cho các bộ trưởng và các tướng lĩnh. Ở đây, Carnot đã chỉ huy những hoạt động chiến tranh, Cambon chỉ đạo tài chính, Saint-Just và Collot d'Herbois lo việc chính trị chung.

Nếu những đạo luật được các ủy ban kỹ thuật từng bỏ phiếu thông qua thường là sáng suốt và là sự nghiệp lâu dài của Hội Quốc ước, thì những đạo luật do toàn thể Quốc hội thông qua dưới sự đe dọa của những đoàn đại biểu can thiệp vào Quốc hội lại mang tính phi lý hiển nhiên.

Trong số những đạo luật này, ít ích lợi nhất đối với cộng đồng hoặc đối với chính Hội Quốc ước, người ta có thể nhắc đến những *đạo luật tối đa (nhấn mạnh của ND)*, được thông qua vào tháng 9 năm 1793 nhằm đánh thuế giá cả lương thực thực phẩm và không có kết quả gì khác hơn là gây ra nạn đói kém dai dẳng; việc phá hủy những mộ phần hoàng gia ở Saint-Denis, việc xét xử Hoàng hậu, việc tàn phá có hệ thống xứ Vendee bằng những vụ đốt phá, việc thiết lập tòa án cách mạng,...

Khủng bố từng là một phương tiện lớn của chính phủ và của Hội Quốc ước. Được bắt đầu vào tháng 9 năm 1793, nó bao trùm nước Pháp suốt 10 tháng, nghĩa là cho tới tận cái chết của Robespierre. Một vài người thuộc phái Jirondin, như Danton, Camille Desmoulins, Héroult de Sechelles,... đã đề xuất trong vô vọng việc thử xin khoan hồng. Kết quả duy nhất thu được là đẩy chính các tác giả của nó lên đoạn đầu đài. Duy chỉ có sự bất bình chán nản trong dư luận quần chúng mới chấm dứt được cái chế độ đáng xấu hổ này.

Những cuộc chiến lần lượt diễn ra giữa các phe đảng trong Hội Quốc ước và sự vận hành của nó dẫn tới những cực đoan đã loại bỏ dần dần những nhân vật quan trọng từng có vai trò trên chính trường. Rốt cuộc cuối cùng nó đã sụp đổ dưới sự thống trị mang tính chuyên chế cực đoan của Robespierre. Trong khi Hội Quốc ước đang làm tan rã và tàn phá nước Pháp, thì quân đội của chúng ta lại có những chiến thắng huy hoàng. Đã chiếm được tả ngạn sông Rhin, nước Bỉ và Hà Lan. Hiệp ước Bale là sự thừa nhận những cuộc chinh phục này.

Chúng tôi đã trình bày và sẽ sớm quay lại một điều là cần phải chia tách rạch ròi những công trạng của các đạo quân cộng hòa và của Hội Quốc ước. Những người đương thời ngày ấy đã làm điều này rất tốt, trong khi ngày nay nó lại bị lãng quên.

Sau khi Hội Quốc ước giải tán, ngày 26 tháng 10 năm 1795, sau 3 năm vận hành, Quốc hội ấy đã bị bao phủ bởi một sự khinh miệt chung. Là đối tượng xét đoán không thay đổi của tầng lớp bình dân thất thường, nó đã không thể xoa dịu được nước Pháp mà còn đẩy đất nước vào tình trạng vô chính phủ.

Quan điểm mà nó gợi lên được tóm tắt một cách hoàn hảo trong một bức thư viết vào tháng 7 năm 1799 bởi vị đại biện lâm thời của Thụy Điển, nam tước Drinckmann:

“Tôi dám hi vọng rằng không bao giờ còn có một dân tộc nào bị cai trị bởi ý muốn của những kẻ gian ác, ngu xuẩn hơn và tàn ác hơn cái thể chế mà nước Pháp vừa thoát khỏi từ khi bắt đầu nền tự do mới của mình.”

3. Sự kết thúc của Hội Quốc ước. Những cội nguồn của Ban đốc chính.

Vào cuối thời kỳ tồn tại của mình, Hội Quốc ước, vẫn còn tin tưởng vào sức mạnh của những thể thức, đã tạo tác thêm một Hiến pháp mới, Hiến pháp của Năm thứ III, nhằm thay thế cho Hiến pháp năm 1793 - bản Hiến pháp vốn chưa bao giờ được áp dụng. Theo đó chế độ Đốc chính và Lưỡng viện lập pháp đầu tiên trong lịch sử nước Pháp được thành lập. Quốc hội bao gồm Hạ viện gồm 500 đại biểu (Conseil des Cinq-Cents - Hội đồng 500) và Thượng viện gồm 250 đại biểu (Conseil des Anciens). Quyền hành pháp nằm trong tay 5 đốc chính do Thượng viện bổ nhiệm hàng năm từ danh sách do Hạ viện đưa lên.

Người ta cũng chỉ rõ thêm rằng hai phần ba số thành viên của Quốc hội mới sẽ được lựa chọn trong số những đại biểu cũ của Hội Quốc ước. Biện pháp thận trọng này đã tỏ ra ít hiệu quả, bởi lẽ chỉ có 10 tỉnh còn trung thành với phái Jacobin.

Để tránh nguy cơ bầu cho những người bảo hoàng, Hội Quốc ước đã quyết định tuyên hình phạt biệt xứ vĩnh viễn đối với những người thuộc phái đào vong.

Việc công bố bản Hiến pháp này đã không gây được hiệu ứng mong đợi nào đối với công chúng. Nó không có ảnh hưởng nào đối với những cuộc nổi dậy của nhân dân, bởi vì chúng vẫn tiếp tục nổ ra. Một trong những ảnh hưởng quan trọng nhất là vào ngày 5 tháng 10 năm 1795 một cuộc nổi dậy tự phát đã đe dọa Hội Quốc ước. Các thủ lĩnh đã tung về phía Quốc hội một đạo quân thực thụ. Trước những sự khiêu khích như vậy, Hội Quốc ước cuối cùng phải quyết định tự vệ, triệu về những đạo quân và trao cho Barras quyền chỉ huy.

Bonaparte là người đã bắt đầu nổi lên từ bóng tối được trao nhiệm vụ đàn áp, bắt bớ. Với một người chỉ huy như vậy, nhiệm vụ này đã được thực hiện mạnh mẽ và nhanh chóng. Bị tấn công dữ dội bằng súng máy gần nhà thờ Saint-Roch, những người nổi dậy đã trốn chạy, để lại trên hiện trường hàng trăm xác chết. Hành động cứng rắn này, vốn rất ít được Hội Quốc ước trải nghiệm, chỉ được thực hiện nhờ có sự mau lẹ của tác chiến quân sự, bởi vì trong khi chúng đang được tiến hành, thì những người nổi dậy đã gửi tới Quốc hội những đoàn đại biểu, còn Quốc hội thì như thường lệ đã tỏ ra hoàn toàn sẵn sàng nhượng bộ.

Việc đàn áp cuộc nổi dậy này là hành động quan trọng cuối cùng của Hội Quốc ước. Ngày 26 tháng 10 năm 1795 Hội Quốc ước tuyên bố kết thúc sứ mệnh của mình và nhường chỗ cho Ban Đốc chính.

Chúng tôi đã làm nổi rõ được nhiều trong số những bài học về tâm lý học mà thể chế của Hội Quốc ước để lại. Một trong những bài học gây ấn tượng nhất là sự bất lực của bạo lực trong việc khống chế lâu dài những tâm hồn.

Chưa bao giờ chính phủ lại được sở hữu những phương tiện hành động đáng sợ đến thế, và, tuy vậy, bất chấp máy chém luôn thường trực, bất chấp những đại biểu được gửi về các tỉnh có đạo phủ hộ tống, bất chấp những đạo luật hà khắc của họ, Hội Quốc ước vẫn phải chiến đấu liên miên chống lại những cuộc nổi dậy, những cuộc khởi nghĩa và những cuộc mưu phản. Các thành phố, các tỉnh, các khu ngoại ô Paris đều nổi dậy không ngừng, mặc dù hàng nghìn cái đầu vẫn phải rơi.

Quốc hội này vốn tin rằng mình là tối thượng, đã đấu tranh với những lực lượng vô hình, cố kết trong những tâm hồn và những trở ngại vật chất không nổi trội. Nó đã không bao giờ hiểu được sức mạnh của những động cơ ẩn giấu này và đã đấu tranh một cách vô vọng chống lại chúng. Những sức mạnh vô hình cuối cùng đã ca khúc khải hoàn.

Chương V. Bạo lực cách mạng

1. Những nguyên nhân tâm lý của bạo lực cách mạng.

Chúng tôi đã chỉ rõ trong khi trình bày những chương trước rằng các lý thuyết cách mạng đã tạo ra một tín ngưỡng mới.

Nhân ái và đa cảm, những lý thuyết này ca ngợi tự do và bác ái. Nhưng cũng như trong nhiều tôn giáo, chúng ta quan sát thấy một sự mâu thuẫn hoàn toàn giữa các học thuyết và những hành động. Trong thực tiễn, đã không có một sự tự do nào là được dung thứ và tình anh em lại được thấy bị thay thế bằng những cuộc thảm sát khốc liệt.

Sự đối lập nhau giữa những nguyên lý và hành vi như vậy bắt nguồn từ bản chất không khoan dung vốn đi kèm với mọi tín ngưỡng. Một tôn giáo có thể thấm đẫm chủ nghĩa nhân ái và lòng khoan dung, nhưng vì những tín đồ của chúng luôn muốn áp đặt nó bằng vũ lực, nên nó tất yếu dẫn tới những hành động bạo lực.

Sự tàn bạo của cuộc Cách mạng Pháp, do vậy, là hệ quả cố hữu của sự truyền bá những giáo lý mới. Tòa án dị giáo, những cuộc chiến tranh tôn giáo, sự kiện ở Saint- Arthelemy, sự hủy bỏ Chỉ dụ Nantes, những cuộc Dragonnade (*cuộc khủng bố đạo của long kỵ binh chống đạo Tin Lành, thời Louis XIV-ND*), những cuộc truy hại người Janseniste theo đạo khổ hạnh,... đều thuộc cùng một bản chất với Khủng bố và đều xuất phát từ những cội nguồn tâm lý như nhau.

Louis XIV chắc không phải là một ông vua tàn ác, nhưng do sự thôi thúc tín ngưỡng của mình, ông ta đã đuổi ra khỏi nước Pháp nhiều trăm nghìn người theo đạo Tin Lành, sau khi bắn bỏ một số lượng đáng kể và đầy nhiều tù khổ sai đi chèo thuyền chiến.

Các phương pháp thuyết phục được mọi tín đồ chấp nhận hoàn toàn không xuất phát từ nỗi sợ hãi mà những kẻ không theo quốc giáo có thể gợi nên. Những người theo đạo Tin Lành và những người Janseniste ít tỏ ra nguy hiểm dưới thời Louis XIV. Thái độ không khoan dung sinh ra trước hết từ sự phẫn nộ kịch liệt mà một tinh thần phải nếm trải, một tinh thần tin chắc là mình nắm giữ những sự thật hiển nhiên, chống lại những người phủ nhận chúng và chắc chắn là thuộc tín ngưỡng xấu. Làm sao phải gánh chịu sự sai lầm, khi người ta có trong tay sức mạnh cần thiết để trừ khử nó tận gốc.

Người ta đã từng lập luận như vậy về các tín đồ của mọi thời đại. Louis XIV và những người của phong trào Khủng bố đã từng lập luận như thế. Những người sau cùng này, chính họ cũng là những người tin chắc nắm được những sự thật hiển nhiên, và việc chiến thắng của họ có thể sẽ tái tạo bản chất con người. Liệu họ có thể tỏ ra khoan dung hơn đối với những địch thủ của mình so với những gì Nhà thờ và các vị vua đã làm đối với những người dị giáo?

Cần phải tin rằng khủng bố là một phương pháp được mọi tín đồ coi là cần thiết, bởi vì, từ khởi nguồn mọi thời đại, các luật lệ tôn giáo đều dựa vào nó. Để khiến người ta tuân thủ những điều quy định của mình, họ đã tìm cách làm cho khiếp sợ bằng việc dọa dẫm về một địa ngục nghìn thu đầy rẫy những hình thức tra tấn.

Những tông đồ của tín ngưỡng Jacobin đã xử sự như ông cha của họ với cùng những biện pháp tương tự. Nếu những sự kiện tương tự tái diễn, chúng ta cũng sẽ được thấy lặp lại các hành động tương tự. Nếu một tín ngưỡng mới, Chủ nghĩa xã hội, hoặc thứ nào khác, mai này chiến thắng, nó cũng sẽ bị bắt buộc phải sử dụng những thủ pháp tuyên truyền tương tự như của Tòa án dị giáo và của trào lưu Khủng bố.

Thế nhưng sự Khủng bố của phái Jacobin nếu chỉ được coi như là hệ quả của một phong trào tôn giáo, thì chúng ta sẽ không thể hiểu nó một cách đầy đủ. Xung quanh một tín ngưỡng tôn giáo thắng cuộc, như chúng ta đã thấy đối với cuộc Cải cách (*Cải cách tôn giáo ở Pháp thế kỷ XVI - ND*), thường có cả một dãy những lợi ích cá nhân độc lập với tín ngưỡng ấy đến ăn theo. Phong trào Khủng bố từng được dẫn dắt bởi vài tông đồ cuồng tín, nhưng bên cạnh một dóm tín đồ mới đầy hăng hái, với bộ não

hợp hời mơ tưởng sẽ tái tạo vũ trụ, còn có rất nhiều người chỉ nhìn thấy ở đây phương tiện để làm giàu cho mình. Sau đó họ dễ dàng quy theo vị tướng thắng trận đầu tiên, người đã hứa cho họ hưởng thụ những đồ cướp bóc được.

“Những kẻ khủng bố của Cách mạng phải sử dụng đến hành động Khủng bố, Albert Sorel viết, là vì chúng muốn tiếp tục nắm giữ quyền lực và không thể làm điều đó bằng những phương tiện khác. Chúng sử dụng nó cho sự cứu nguy của chính mình nhưng lại biện bạch là vì cứu nguy Đất nước. Trước khi trở thành một hệ thống, nó đã là một phương tiện cai trị, và cái hệ thống ấy đã được bày ra chỉ là để biện minh cho phương tiện.”

Như vậy, chúng ta có thể tán thành lời phán xét sau đây về trào lưu Khủng bố do Emile Ollivier đưa ra trong cuốn sách của mình về cuộc Cách mạng Pháp.

“Trào lưu Khủng bố trước hết là một cuộc Khởi nghĩa nông dân Pháp, một cuộc cướp bóc được hợp thức hóa, một mưu chước trộm cắp rộng lớn nhất mà không một tổ chức tội phạm nào từng thực hiện.”

2. Các tòa án cách mạng.

Các tòa án cách mạng tạo thành phương tiện hành động chủ chốt của trào lưu Khủng bố. Ngoài tòa án của Paris, được thành lập theo sự xúi giục của Danton mà một năm sau đó chính nó đã đưa người sáng lập ấy lên đoạn đầu đài, nước Pháp đã bị bao phủ bởi “178 tòa án, Taine viết, trong đó có 40 thuộc loại lưu động, di chuyển trên khắp các miền đất nước, tuyên những án tử hình, hành quyết tại chỗ và tức thì. Từ 16 tháng 4 năm 1793 đến ngày 9 tháng Thermidor (*tháng Nóng, lịch cộng hòa Pháp – ND*) năm thứ II, tòa án cách mạng Paris đã chặt đầu 2.625 người, và các quan tòa hàng tỉnh cũng làm việc chăm chỉ không kém so với Paris. Chỉ tính riêng trong thành phố nhỏ Orange, họ đã chém đầu 331 người và trong thành phố nhỏ Arras, họ đã chém đầu 299 đàn ông và 93 phụ nữ...; riêng tại thành phố Lyon, ủy ban cách mạng thú nhận đã thực hiện 1.684 cuộc hành hình... Ước tính số lượng những người bị giết là 17.000, trong đó có 1.200 phụ nữ với rất nhiều cụ già đã tám mươi tuổi.”

Nếu tòa án cách mạng Paris chỉ chặt đầu 2 625 người, thì cũng không nên quên rằng tất cả những người bị nghi ngờ đều đã bị tàn sát trước đó với những thủ tục sơ sài trong những ngày Tháng 9.

Tòa án cách mạng Paris, một công cụ giản đơn của Ủy ban Cứu quốc, trong thực tế đã giới hạn ở việc thực thi những mệnh lệnh, như Fouquier-Tinville đã nhận định một cách chính xác trong phiên xử án của ông ta. Lúc đầu nó đã tập hợp quanh mình một số thể thức được luật định, nhưng chúng cũng không tồn tại lâu. Thảm vắn, biện hộ, làm chứng, tất cả rốt cuộc đều bị gạt bỏ. Chúng cứ về tinh thần, nghĩa là chỉ sự ngờ vực đơn thuần cũng đủ để kết án. Người chủ tọa nhìn chung chỉ dừng ở việc đặt một câu hỏi mập mờ cho bị cáo. Để cho nhanh hơn nữa, Fouquier-Tinville trước đó đã đề nghị cho đặt sẵn chiếc máy chém ngay bên trong tòa án.

Tòa án này, từng đưa lên máy chém một cách không phân biệt tất cả những bị cáo bị bắt do sự hằn thù giữa các bè đảng đã sớm trở thành công cụ, trong tay Robespierre, của một nền chuyên chế đầm máu nhất. Khi Danton, một trong những người sáng lập ra nó, trở thành nạn nhân của chính nó, ông ta cầu xin sự tha thứ của Chúa và của mọi người, trước khi bước lên đoạn đầu đài, vì đã góp phần tạo ra một tác phẩm kinh hoàng như thế.

Không gì có thể tìm thấy ở đây sự miễn thứ, kể cả thiên tài của Lavoisier, cũng như sự nhẹ nhàng của Lucile Desmoulins và cả công trạng của Malesherbes. “Biết bao nhân tài bị tàn sát bởi những kẻ hèn hạ và ngu dốt bậc nhất!” Benjamin Constant đã viết.

Để tìm vài lý do xá lỗi cho Tòa án Cách mạng, cần trở lại quan niệm của chúng tôi về tâm tính tôn giáo của những người Jacobin, những người đã tạo ra và dẫn dắt nó. Đó là một công trình ngang tầm với Tòa án dị giáo về tinh thần và mục đích của mình. Những con người đã đưa nạn nhân cho nó, Robespierre, Saint-Just và Couthon, đều tin mình là ân nhân của loài người vì đã loại bỏ những kẻ dị giáo, kẻ thù của tín ngưỡng mà sau này sẽ làm tái sinh thế giới.

Những cuộc hành hình trong thời gian tồn tại của trào lưu Khủng bố không chỉ nhằm vào những thành viên của giới quý tộc và giới tăng lữ, bởi vì 4.000 nông dân và 3.000 công nhân cũng đã bị chặt đầu. Xét theo cảm xúc được sinh ra trong thời nay từ một cuộc hành hình, chúng ta có thể tin rằng những vụ hành hình tập thể ngày ấy có lẽ phải gây xúc động đáng kể. Nhưng thói quen đã xói mòn cảm xúc đến mức mà người ta không còn quan tâm nhiều đến nó nữa. Các bà mẹ thời ấy từng dẫn con cái đi xem những cuộc hành quyết như ngày nay họ dẫn chúng đến một rạp múa rối vậy.

Quang cảnh hàng ngày của những cuộc hành hình đồng thời cũng đem lại cho con người thời ấy một sự dừng dừng tốt độ đối với cái chết. Người ta bước lên máy chém một cách rất bình thản, những người Girondin thậm chí bước trên những bậc thang ấy và hát Quốc ca.

Sự nhẫn nhục này là sản phẩm của quy luật về thói quen, quy luật có tác dụng hãm phanh rất nhanh những cảm xúc. Nhờ nhận định về điều đó qua những phong trào bảo hoàng từng diễn ra hằng ngày, hình ảnh của máy chém không còn gây sự khiếp sợ nữa. Sự vật cứ diễn ra, như thể là trào lưu Khủng bố đã không làm ai khiếp sợ. Tuy nhiên, nó chỉ là một phương tiện tâm lý hữu hiệu với điều kiện không kéo dài. Nỗi khiếp sợ nằm ở những mối đe dọa thực sự lớn hơn rất nhiều so với việc thực thi khủng bố.

3. Sự khủng bố ở tỉnh.

Những cuộc hành hình của các tòa án cách mạng ở tỉnh lẻ chỉ là một phần của những cuộc tàn sát trong thời kỳ Khủng bố. Quân đội cách mạng được tuyển từ những kẻ lang thang và những kẻ bất lương đã đi ngang đi dọc nước Pháp, cướp bóc và tàn sát. Cách thực hành của nó được thể hiện khá rõ trong đoạn trích sau đây của Taine :

“Tại Bédouin, thành phố 2.000 dân, nơi những kẻ không rõ tung tích đã chặt hạ cây Tự do, 400 ngôi nhà bị đập nát hoặc bị đốt phá, 16 người bị chém đầu, 47 người bị xử tử bằng súng, tất cả dân cư còn lại đều bị trục xuất, đành phải hạ cấp sống hoặc lang thang trong vùng núi và tá túc trong những hầm hố mà họ tự đào trong đất.”

Số phận của những kẻ bất hạnh bị đưa ra trước Tòa án Cách mạng cũng không có gì khá hơn. Những hình thức thủ tục dù rất sơ sài cũng đã sớm bị loại bỏ. Tại Nantes, Carrier đã ra lệnh dim chết, bắn chết, xả súng máy theo sở thích ngông cuồng của hắn gần 5.000 đàn ông, đàn bà và trẻ con.

Các chi tiết của những cuộc tàn sát này đã xuất hiện trên báo Moniteur, ra ngày 21 tháng 12 năm 1794, sau phản ứng Thermidor. Tôi trích dẫn ra đây vài chi tiết :

“Tôi đã nhìn thấy, Thomas nói, sau khi chiếm được Noirmoutier, người ta thiêu sống những người đàn ông, đàn bà, người già..., hãm hiếp phụ nữ, những cô gái 14-15 tuổi, sau đó tàn sát họ và tung hứng từ lưỡi lê sang lưỡi lê những thân xác trẻ con mềm mại, những đứa trẻ nằm bên cạnh mẹ chúng, đã bị giết hoặc bị thương nặng.”

Cũng trên số báo này, người ta đọc thấy một lời khai nhân chứng của một ông mang tên Julien kể lại việc Carrier đã bắt những nạn nhân của hắn tự đào huyệt rồi ra lệnh chôn sống họ như thế nào.

Số báo ra ngày 15 tháng 10 năm 1794 có đăng một báo cáo của Merlin de Thionville kể rằng viên thuyền trưởng của tàu chiến Destin đã nhận lệnh xếp lên tàu đưa đi dim chết 81 nạn nhân: “trong đó có một người mù 78 tuổi, 12 người đàn bà, 12 cô gái trẻ, 15 trẻ con trong đó 10 đứa có tuổi từ 6 đến 10 và năm đứa còn bú mẹ.”

Trong quá trình vụ án xử Carrier (báo Moniteur ngày 30 tháng 12 năm 1794), đã xác định được rằng hắn “đã từng ra lệnh dim chết và bắn chết những người phụ nữ và trẻ em và đã yêu cầu tướng Haxo giết tất cả dân cư xứ Vendee và thiêu hủy nhà cửa của họ.”

Carrier đã cảm thấy, giống như mọi kẻ đi tàn sát khác, một nỗi vui sướng cao độ khi được nhìn những nạn nhân của mình đau đớn. “Tại tỉnh, nơi ta ra lệnh săn lùng các giáo sỹ, hắn nói, ta chưa bao giờ lại cười nhiều đến vậy và chưa bao giờ lại cảm thấy thích thú hơn là nhìn thấy nét mặt méo mó của bọn

chúng trước khi chết.” (báo Moniteur ngày 22 tháng 12 năm 1794).

Người ta đã xử vụ án Carrier để thỏa mãn cho cuộc phản ứng Thermidor. Nhưng những cuộc tàn sát ở Nantes đã lặp lại tại nhiều thành phố khác. Fouche đã giết chết 2.000 người ở Lyon, và cũng chừng ấy người dân bị giết tại Toulon, khiến cho số lượng cư dân rơi từ 29.000 xuống còn 7.000 trong vòng vài tháng.

Cần phải nói để làm nhẹ tội cho Carrier, Freron, Fouche và tất cả những nhân vật hung dữ này rằng chúng không ngừng được động viên bởi Ủy ban Cứu quốc. Carrier đã đưa ra bằng chứng này trong quá trình xét xử hắn.

“Tôi công nhận, hắn nói (báo Moniteur ngày 24 tháng 12 năm 1794), là đã dùng súng bắn chết 150 hay 200 người tù mỗi ngày, nhưng đó là vì theo lệnh của Ủy ban. Tôi đã thông báo với Hội Quốc ước là chúng tôi đã bắn đám bắt lương từng trăm người một, họ đã hoan hô chúng tôi về bức thư ấy và đã ra lệnh đăng nó trong bản thông báo. Khi đó những đại biểu quốc hội ấy đã làm gì mà bây giờ lại ra sức chống lại tôi? Họ đã hoan hô. Vì sao họ lại kéo dài sứ mệnh của tôi? Tôi lúc đó từng là người cứu quốc, còn bây giờ lại là kẻ khát máu.”

Bất hạnh thay cho hắn, Carrier từng không ngờ tới, như hắn đã cho thấy trong cùng bài nói đó rằng chỉ có 7 hoặc 8 người thao túng Hội Quốc ước. Không còn gì chính xác hơn, nhưng vì Quốc hội khiếp đảm bạc nhược vốn đã từng chuẩn y tất cả những gì mà 7 hoặc 8 nhân vật này ra lệnh, người ta đã không thể đáp lại được gì trước sự luận giải của Carrier. Tất nhiên là hắn đáng bị chém đầu, nhưng toàn thể Hội Quốc ước cũng đáng bị như thế cùng với hắn, bởi lẽ chính họ đã chuẩn y những cuộc tàn sát này.

Lời biện hộ của Carrier, được khẳng định qua những bức thư của Ủy ban, những bức thư khiến cho các đại diện được cử đi thi hành nhiệm vụ không ngừng được khích lệ, cho thấy rằng những hành động bạo lực của trào lưu Khủng bố là kết quả của một hệ thống liên hợp, chứ hoàn toàn không phải là sáng kiến của cá nhân, như người ta đôi khi muốn khẳng định.

Nhu cầu hủy hoại không chỉ tự thỏa mãn ở việc giết người trong thời kỳ Khủng bố, mà còn cả đối với những đồ vật. Tín đồ thực thụ bao giờ cũng là người không trọng truyền thống. Giành được quyền lực, họ đã hủy hoại với cùng một sự sốt sắng cả những kẻ thù tôn giáo của mình cũng như những hình ảnh, đền đài và những biểu tượng nhắc nhở đến tôn giáo đã bị đánh bại.

Chúng ta biết rằng hành động đầu tiên của hoàng đế Theodose sau khi cải sang đạo Cơ đốc là phá bỏ phần lớn những đền thờ được xây cất từ 6.000 năm trước trên hai bờ sông Nil. Như vậy chúng ta cũng không phải ngạc nhiên khi nhìn thấy các thủ lĩnh Cách mạng Pháp đã quan tâm ngay đến những tượng đài và công trình nghệ thuật, mà đối với họ là di tích của một quá khứ đáng căm ghét.

Những bức tượng, những bản thảo, những bức kính ghép màu ở nhà thờ và những đồ kim hoàn đều bị tận phá với sự say mê. Khi Fouche, công tước tương lai của vùng Otravestigent dưới thời Napoleon và bộ trưởng thời Louis XVIII, đã được cử làm ủy viên của Hội Quốc ước ở tỉnh Nièvre, ông ta đã ra lệnh phá hủy tất cả những lâu đài và những tháp chuông nhà thờ, bởi vì chúng “làm tổn thương sự bình đẳng.”

Thói phá hoại văn vật cách mạng đã được thực thi ngay cả đối với những ngôi mộ. Sau bản báo cáo của Barrere tại Hội Quốc ước, những ngôi mộ hoàng gia tuyệt đẹp ở Saint-Denis, trong đó có khu lăng rất đáng chiêm ngưỡng của Henri II do Germain Pilon thiết kế, đã bị đập nát, những quan tài bị trống rỗng, thân thể của Turenne được gửi đến Bảo tàng như một món đồ trưng bày, sau khi một người gác cổng đã vụn hết răng đem bán. Bộ ria mép và râu cằm của Henri IV cũng đã bị nhổ trụi.

Rõ ràng người ta không thể không buồn khi nhìn những con người sáng suốt lại đồng thuận cho phá hoại di sản nghệ thuật của nước Pháp. Để biện giải cho họ, cần nhớ lại rằng các sức mạnh tín ngưỡng là nguồn sản sinh ra những sự thái quá tồi tệ nhất, và rằng ngay cả Hội Quốc ước cũng hằng ngày bị

những nhóm nổi dậy xâm nhập, luôn luôn phải cúi mình trước nguyện vọng của nhân dân. Câu chuyện u ám thuật lại tất cả những sự hủy hoại này không chỉ cho thấy sức mạnh của chủ nghĩa cuồng tín, mà còn cả những gì đã hình thành sau khi con người được giải phóng khỏi các mối liên hệ xã hội và khi đất nước rơi vào tay họ.

Chương VI. Quân đội của Cách mạng Pháp

1. Những tập hợp cách mạng và quân đội.

Nếu người ta chỉ biết về những tập hợp cách mạng, mà nhất là Hội Quốc ước, với những bất hòa nội bộ của chúng, những yếu kém và bạo lực của chúng, thì chúng có thể sẽ để lại một kí ức khá đen tối. Tuy vậy, ngay cả đối với những kẻ thù của chúng, thời kỳ đẫm máu này vẫn luôn luôn giữ được một uy tín không cần bàn cãi, đạt được nhờ những thành công của quân đội. Khi Hội Quốc ước giải tán, nước Pháp trên thực tế đã rộng lớn hơn do có thêm nước Bỉ và các vùng lãnh thổ trên tả ngạn sông Rhin. Trong khi coi Hội Quốc ước như một khối, sẽ là công minh khi đặt vào thành tích của nó những chiến công của quân đội Pháp, nhưng nếu chúng ta tách khối ấy ra để nghiên cứu một cách riêng rẽ từng yếu tố cấu thành của nó, thì sự tự chủ của nó hiện ra rõ ràng. Khi đó chúng ta sẽ nhận ra rằng Hội Quốc ước trên thực tế đã chỉ có một phần nhỏ trong những sự kiện chiến tranh. Những đạo quân trên biên giới, những Tập hợp cách mạng ở Paris từng tạo thành 2 thế giới có ảnh hưởng tương hỗ rất ít và suy nghĩ hết sức khác nhau.

Chúng ta đã thấy Hội Quốc ước, một cơ chế điều hành rất yếu kém, đổi ý hằng ngày tùy theo sự thôi thúc của nhân dân, và cho ta ví dụ về một tình trạng vô chính phủ sâu sắc. Không quản lý bất cứ cái gì, trái lại, luôn bị quản lý, làm sao mà nó có thể tác động được lên quân đội?

Hoàn toàn bị cuốn hút vào những cuộc tranh cãi nội bộ, Quốc hội đã để toàn bộ hoạt động quân sự rơi vào tay một ủy ban chuyên môn, hầu như chỉ do Carnot điều hành và chức năng thực sự của ủy ban này là cung cấp quân lương và quân nhu cho các đạo quân. Ngoài ra, công trạng của Carnot còn ở việc điều hành 752.000 con người mà nước Pháp có được trên những địa điểm chiến lược hữu ích, và đưa ra lời khuyên cho các tướng lĩnh về thế tấn công và một kỷ luật nghiêm khắc.

Sự tham gia duy nhất của Quốc hội vào việc phòng thủ đất nước là ra những sắc lệnh tuyển quân hàng loạt. Trước tình trạng có nhiều quân thù đang đe dọa nước Pháp, không một chính phủ nào lại có thể trốn tránh một biện pháp như vậy. Trong một khoảng thời gian nhất định Quốc hội cũng từng gửi tới các đạo quân những người đại diện với nhiệm vụ chém đầu một số vị tướng, nhưng may là nó đã sớm từ bỏ việc này.

Thực vậy, sự can thiệp của nó vẫn luôn luôn tỏ ra yếu ớt. Các đạo quân, nhờ vào số lượng và lòng nhiệt tình của mình, nhờ vào chiến thuật do các tướng trẻ ứng tác, đã tự mình gỡ xong việc khó một cách thắng lợi. Quân đội đã chiến thắng một cách độc lập với Hội Quốc ước.

2. Cuộc chiến của châu Âu chống lại Cách mạng Pháp.

Trước khi liệt kê các nhân tố tâm lý khác nhau từng góp phần vào thắng lợi của quân đội cách mạng, có lẽ nên nhắc lại một cách ngắn gọn cái cách mà cuộc chiến đấu của châu Âu chống lại Cách mạng Pháp đã xuất hiện và phát triển.

Lúc đầu, các vị vua ngoại quốc đã hài lòng khi nhận ra thế khó của nhà nước Pháp quân chủ mà từ lâu đã được coi là một thế lực thù địch. Vua nước Phổ, khi tin rằng nước Pháp suy yếu rất nhiều, đã nghĩ đến việc mở rộng lãnh thổ bằng việc lấy đất đai của Pháp, đồng thời ông ta cũng gợi ý hoàng đế nước Áo giúp đỡ vua Louis XVI với điều kiện sẽ nhận được phần bù đắp là các vùng đất Flandre và Alsace. Hai vua này đã ký, vào tháng 2 năm 1792, một hiệp ước liên minh chống lại nước Pháp. Người Pháp, nhìn thấy trước cuộc tấn công ấy, đã tuyên chiến với nước Áo, dưới ảnh hưởng của phái Jirondin.

Quân đội Pháp lúc đầu đã phải chịu nhiều thất bại. Liên quân đã xâm nhập vùng Champagne và thậm

chỉ đến cách Paris chỉ 200 km. Trận chiến ở Valmy đã đem lại thắng lợi cho Dumouriez và khiến liên quân phải rút lui.

Mặc dù chỉ có 300 người Pháp và 200 người Phổ bị giết trong trận đánh, nhưng hệ quả lại rất quan trọng. Đầy lùi được một đạo quân có tiếng bất khả chiến bại là yếu tố quan trọng vun đắp tính gan dạ cho những đạo quân cách mạng non trẻ và họ đã chuyển sang tấn công ở khắp mọi nơi.

Trong vòng mấy tuần lễ, những người lính của Valmy đã quét sạch quân Áo khỏi đất Bỉ và đã được người dân đón tiếp như những người giải phóng.

Nhưng cũng chính trong thời kỳ tồn tại của Hội Quốc ước, chiến tranh đã lan rộng đáng kể. Vào thời điểm bắt đầu năm 1793, Quốc hội đã tuyên bố nước Bỉ hợp nhất với Pháp. Từ sự kiện đó đã bắt đầu cuộc chiến đấu với nước Anh, kéo dài 22 năm.

Tụ họp tại Anvers vào tháng 4 năm 1793, các đại diện của Anh, Phổ và Áo đã đi đến quyết định chia cắt nước Pháp. Người Phổ sẽ phải chiếm vùng Alsace và Lorraine; người Áo sẽ phải chiếm vùng Flandre và Artois; còn người Anh sẽ phải chiếm vùng Dunkerque. Đại sứ Áo kiến nghị đề bệp Cách mạng “bằng cách hủy diệt hầu như toàn bộ bộ phận lãnh đạo của dân tộc”. Trước những tuyên bố tương tự, chỉ còn lại một con đường chiến thắng hay là chết.

Trong thời kỳ tồn tại của liên minh đầu tiên này, từ 1793 đến 1797, nước Pháp đã phải chiến đấu trên tất cả các vùng biên giới của mình, từ Pyrenees đến tận phương Bắc.

Lúc đầu, nó mất những vùng đất đã chinh phục được trước đây và nếm trải nhiều thất bại. Người Tây Ban Nha đã xâm lấn vùng Perpignan và Bayonne, người Anh chiếm vùng Toulon, người Áo chiếm vùng Valenciennes. Chính khi đó Hội Quốc ước đã ra lệnh động viên hàng loạt, tất cả những người từ 18 đến 40 tuổi, và đã có thể gửi ra biên cương chín đạo quân gồm khoảng 750.000 người. Người ta đã hợp nhất những trung đoàn cũ của quân đội hoàng gia với những tiểu đoàn quân tình nguyện và bị trưng tập.

Liên quân bị đẩy lùi, Maubeuge được giải tỏa sau chiến thắng ở Wattignies do Jourdan giành được.

Hoche khai thông Lorraine. Nước Pháp triển khai tấn công, chiếm lại Bỉ và tả ngạn sông Rhin. Jourdan đánh bại người Áo ở Fleurus, đẩy họ xuống sông Rhin, chiếm đóng Cologne và Coblenz.

Hà Lan bị xâm chiếm. Các nhà vua của liên minh đã phải từ bỏ ý định, xin hòa giải và công nhận những vùng đất nước Pháp chinh phục được.

Những thành công của chúng ta đã đạt được dễ dàng bởi một thực tế là các kẻ thù không bao giờ dấn sâu vào đến cùng, vì còn bận tâm chia nhau đất nước Ba Lan mà họ đã bắt tay vào từ năm 1793 đến 1795. Mỗi bên đều muốn có mặt trong cuộc phân chia nhằm nhận được phần lãnh thổ lớn hơn. Lý do này trước đó đã làm vua nước Phổ rút lui vào năm 1792 sau trận Valmy.

Những do dự của liên quân và việc ngờ vực lẫn nhau của họ đã rất có lợi cho chúng ta. Nếu trong thời gian mùa hè 1793 người Áo đã diễu hành trên đất Paris, thì chúng ta, tướng Thiebault nói, “đã thua cả trăm phần”. Chính họ đã vô tình cứu chúng ta vì đã cho ta thời gian để tạo ra những đội quân, những sỹ quan và tướng lĩnh.

Sau hiệp ước Bale, nước Pháp không còn đối thủ nào trên châu lục quan trọng hơn là người Áo. Chính khi đó Ban Đốc chính đã ra lệnh tấn công nước Áo tại Ý. Bonaparte được giao chỉ huy chiến dịch này. Sau một năm chiến trận, từ tháng 4 năm 1796 đến tháng 4 năm 1797, ông ta đã buộc những kẻ thù cuối cùng của nước Pháp phải cầu hòa.

3. Các tác nhân tâm lý và quân sự từng quyết định những thành công của các đạo quân cách mạng. Để nắm được những nguyên nhân thành công của các đạo quân cách mạng, cần phải chú ý tới lòng phấn khởi phi thường, khả năng chịu đựng, sự hy sinh quên mình của những chiến sỹ ăn mặc rách rưới và đa phần không đi giày. Tất cả đều thấm đẫm những nguyên lý cách mạng, họ tự cảm thấy mình là những tông đồ của một tôn giáo mới, mang sứ mệnh tái sinh thế giới.

Lịch sử của quân đội cách mạng nhắc lại hoàn toàn lịch sử của những dân du mục ở Arabie, những người, sau khi trở thành cuồng tín bởi tư tưởng của Mahomet đã biến thành những đội quân đáng sợ và đã chinh phục nhanh chóng một phần của thế giới La Mã cổ đại. Một lòng tin tương tự đã trang bị cho những người lính cộng hòa một chủ nghĩa anh hùng và một sự lì lợm, mà không một thất bại nào có thể lay chuyển được. Khi Hội Quốc ước nhường chỗ cho Ban Đốc chính, những đạo quân này đã giải phóng tổ quốc và chuyển cuộc chiến tranh xâm lấn sang đất của quân thù. Trong thời kỳ này, không còn nữa những người cộng hòa đích thực ở Pháp, mà chỉ có những người lính.

Vì tin ngưỡng có khả năng lây truyền và cuộc Cách mạng Pháp hiện ra như một thời đại mới, rất nhiều dân tộc bị xâm chiếm từng bị đàn áp bởi chủ nghĩa chuyên chế tuyệt đối của những đức vua của họ, nay đã đón tiếp những kẻ xâm lấn như những người giải phóng. Những cư dân xứ Savoie đã chạy ào đến với những người lính Pháp. Tại Mayence, đám đông đã đón tiếp với lòng nhiệt tình, đã trồng những cây tự do và thành lập một Hội Quốc ước theo mô hình của Paris.

Khi những đạo quân của Cách mạng Pháp vấp phải những dân tộc từng còng lưng dưới ách quân chủ chuyên chế và đã không còn một lý tưởng cá nhân nào để bảo vệ, thì những chiến thắng đạt được tương đối dễ dàng. Nhưng khi những đạo quân ấy rơi vào xung đột với những con người khác cũng có lý tưởng mạnh như của họ, thì việc giành thắng lợi trở nên khó khăn hơn rất nhiều.

Lý tưởng mới về tự do và bình đẳng đã có đủ khả năng để quyến rũ những dân tộc vốn đang thiếu những niềm tin cụ thể và đang phải chịu thống khổ bởi chủ nghĩa chuyên chế của những ông chủ của họ, nhưng lại bắt lực một cách đương nhiên trước những dân tộc đang sở hữu một lý tưởng mạnh được cổ kết từ lâu trong tâm hồn. Vì lý do này, những người xứ Breton và Vendee vốn có ý thức tôn giáo và quân chủ rất mạnh đã chiến đấu trong nhiều năm với những chiến thắng trước quân đội của Nhà nước Cộng hòa.

Vào tháng 3 năm 1793, những cuộc khởi nghĩa vùng Vendee và vùng Bretagne đã mở rộng ra trên 10 tỉnh. Những người Vendee tại Poitou, những người Chouan ở Bretagne đã bắn hạ 80.000 người trên bãi chiến trường.

Những sự xung đột giữa các lý tưởng đối lập nhau, nghĩa là giữa những tín ngưỡng, nơi lý tính không thể can thiệp, do luôn luôn không có sự thương xót, cuộc chiến với xứ Vendee lập tức mang màu sắc man rợ ghê gớm mà ta từng thấy trong những cuộc chiến tranh tôn giáo. Nó kéo dài đến cuối năm 1795, thời kỳ Hoche dẹp yên được xứ Vendee. Sự bình định này là hệ quả giản đơn của việc hủy diệt đường như hoàn toàn những người phòng thủ.

“Sau 2 năm nội chiến, Molinari viết, xứ Vendee chỉ còn là một đồng đồ nát kinh khủng. Khoảng 900.000 con người, đàn ông, đàn bà, trẻ con, người già đã chết, và một số nhỏ nhoi những người còn sống sót sau những cuộc tàn sát đã rất khó khăn mới tìm được cái ăn, chỗ ở. Những cánh đồng bị tàn phá, những tường bao bị phá hủy, những ngôi nhà bị thiêu trụi.”

Ngoài đức tin, điều đã làm cho họ trở thành bất khả chiến bại, những người lính của quân đội Cách mạng Pháp còn có một thế mạnh là có được những vị tướng nổi tiếng đầy nhiệt huyết và được đào tạo trực tiếp trên chiến trường.

Vì phần lớn các quý tộc - những chỉ huy cũ của quân đội đã lưu vong nước ngoài, người ta buộc phải tổ chức một lớp sĩ quan mới. Do vậy, tất cả những người có khả năng binh nghiệp bẩm sinh đều có cơ hội để thể hiện và đã nhảy cóc qua mọi cấp bậc chỉ trong vòng mấy tháng. Ví dụ, Hoche - một viên cai, năm 1789, đã trở thành chỉ huy cấp sư đoàn và là tư lệnh quân đoàn vào tuổi 25. Sự trẻ tuổi thái quá của những vị chỉ huy ấy đã cho họ một tinh thần tấn công mà các đạo quân nước ngoài chưa từng được biết đến. Được lựa chọn theo phẩm chất duy nhất của họ, do không bị vướng mắc bởi bất cứ truyền thống nào, không một nề nếp cũ nào, họ nhanh chóng tạo ra được một chiến thuật mới phù hợp với những nhu cầu mới.

Với những lính trẻ chưa có kinh nghiệm, ngược lại với những đội quân chuyên nghiệp trước kia được huấn luyện theo những phương pháp quen thuộc được dùng từ thời chiến tranh Bảy năm, người ta không thể đòi hỏi ở họ những sự thao diễn phức tạp.

Các cuộc tấn công được thực hiện một cách đơn giản theo chiến thuật dàn quân biển người. Nhờ vào số đông người mà các vị tướng có trong tay, những lỗ hổng đáng kể nảy sinh từ thủ pháp hữu hiệu nhưng thô thiển này đã có thể nhanh chóng được lấp đầy.

Những khối quân đông đảo tấn công quân thù bằng lưỡi lê đã nhanh chóng làm hoang mang các đạo quân từng quen với những phương pháp tác chiến chính quy hơn. Tốc độ bắn chậm chạp thời ấy đã làm cho chiến thuật của Pháp được sử dụng tương đối dễ dàng và hiệu quả. Nó đã toàn thắng nhưng phải trả giá bằng những mất mát to lớn. Người ta đã tính toán rằng từ 1792 đến 1800, quân đội Pháp đã để lại trên bãi chiến trường hơn một phần ba quân số của nó (700.000 người trong số 2 triệu quân).

Khảo sát các sự kiện trong công trình này dưới góc nhìn tâm lý học, chúng tôi tiếp tục làm nổi rõ những sự kiện và những hệ quả mà chúng hàm chứa.

Nghiên cứu những đám đông cách mạng tại Paris và trong quân đội cung cấp cho ta những bức tranh rất khác nhau, nhưng đều được lý giải dễ dàng.

Chúng tôi đã chứng minh rằng các đám đông, không đủ khả năng lập luận, đều tuân thủ duy nhất theo những sự thôi thúc, những thôi thúc làm họ biến đổi không ngừng, nhưng chúng ta cũng đã thấy rằng chúng rất nhạy cảm với chủ nghĩa anh hùng, rằng lòng vị tha thường hay phát sinh nơi họ, và rằng người ta dễ dàng tìm thấy hàng nghìn người sẵn sàng chết cho một tín ngưỡng.

Những đặc tính tâm lý thật đa dạng tất yếu phải dẫn đến những hành động khác nhau và thậm chí ngược nhau hoàn toàn, tùy theo tình huống. Lịch sử của Hội Quốc ước và các đạo quân của nó cho chúng ta những bằng chứng về điều đó. Nó cho thấy những đám đông tập hợp từ những phần tử gần gũi nhau hoạt động thật khác nhau ở Paris và ngoài biên giới đến mức khiến người ta có thể cho rằng đó không phải là cùng một dân tộc.

Tại Paris, các đám đông đều trở nên vô tổ chức, dữ tợn, gây chết chóc và đưa ra những đòi hỏi luôn thay đổi, khiến cho mọi sự quản lý đều bất lực.

Trong quân đội, bức tranh lại khác hoàn toàn. Cùng những đám đông không thích ứng, nhưng được chỉ huy bởi một phần tử quân chính quy xuất thân từ nông dân và người lao động, được khai sáng bằng kỷ luật nhà binh, được rèn luyện bằng nhiệt tình có tính lây truyền, chịu đựng được một cách anh hùng những sự thiếu thốn, coi thường hiểm nguy và góp phần vào việc tạo ra một khối phi thường đủ sức chiến thắng những đạo quân đáng sợ nhất của châu Âu.

Những sự thật này thuộc vào số những thứ cần phải thường xuyên viện dẫn để chứng minh cho sức mạnh của một kỷ luật. Nó cải biến con người. Thoát ly khỏi ảnh hưởng của nó thì nhân dân và quân đội đều trở thành những bầy người dã man.

Tuy nhiên, sự thật này đang bị lãng quên hằng ngày. Hiểu sai những quy luật cơ bản của logic tập hợp, người ta sẽ nhượng bộ ngày càng nhiều hơn cho những sự thôi thúc hành động bình dân thay vì học cách quản lý chúng.

Cần phải chỉ ra cho quần chúng những con đường phải đi theo. Bởi chính họ không thể vẽ ra chúng.

Chương VII. Tâm lý của các thủ lĩnh cách mạng Pháp

1. Tâm tính của những nhà Cách mạng Pháp. Vai trò của những tính cách mạnh và những tính cách mềm yếu.

Người ta phán đoán bằng trí năng của mình, người ta chỉ đạo theo tính cách của mình. Để hiểu sâu sắc một con người, cần phải tách bạch hai yếu tố này.

Trong những giai đoạn hành động quan trọng – và các phong trào cách mạng đương nhiên là thuộc nhóm những giai đoạn như vậy – tính cách luôn giữ vị trí hàng đầu.

Do đã mô tả trong nhiều chương trước các tâm tính khác nhau từng chiếm ưu thế trong những thời khắc rồi ren, nên chúng tôi thấy giờ đây không cần phải quay lại vấn đề này. Chúng hợp thành những kiểu tâm tính cơ bản, bị cá tính thừa kế và cá tính tiếp thu được của mỗi người làm biến đổi một cách tự nhiên.

Chúng ta đã thấy vai trò của yếu tố thần bí trong tâm tính Jacobin và sự cuồng tín dữ dội mà nó đã đem lại cho các tín đồ của tín ngưỡng mới.

Chúng tôi cũng đã chỉ ra rằng tất cả các thành viên của các quốc hội không phải đều là những người cuồng tín. Những người như thế thậm chí chỉ chiếm một thiểu số, bởi lẽ trong một quốc hội đẫm máu nhất của cuộc Cách mạng Pháp, thì đa phần trong đó là những người rụt rè và ôn hòa, với tính cách trung dung. Trước khi xảy ra sự kiện Thermidor, các thành viên của nhóm này đã bỏ phiếu dưới áp lực của sự sợ hãi phải thuận theo những người hung bạo, còn sau Thermidor thì lại hướng theo những người ôn hòa.

Trong thời gian cách mạng, và chẳng cũng giống như trong mọi thời đại, những tính cách trung dung này, do phục tùng những sự thôi thúc khác nhau nhất, nên bao giờ cũng chiếm số đông nhất. Trong thực tế họ cũng nguy hiểm như những người mang tính cách hung bạo, bởi vì sức mạnh của nhóm người sau là dựa vào sự yếu ớt của nhóm người trước.

Trong tất cả các cuộc cách mạng, và đặc biệt trong cuộc cách mạng của chúng ta, người ta thấy một thiểu số nhỏ bé với đầu óc thiên cận nhưng kiên nghị, thống trị một cách ngang ngược một đa số hết sức đông đảo gồm những con người đôi khi thông minh, nhưng thiếu tính cách quả quyết.

Ngoài những tông đồ cuồng tín và những tính cách yếu mềm, bao giờ cũng nổi lên trong cách mạng những cá thể chỉ nghĩ cách lợi dụng nó. Họ đã xuất hiện nhiều trong cuộc Cách mạng Pháp. Mục tiêu của họ đơn giản là tận dùng tình huống để làm giàu. Đó là Barras, Tallien, Fouché, Barrère và nhiều người khác. Đường lối của họ duy nhất là phục vụ những kẻ mạnh nhất chống lại những kẻ yếu nhất. Ngay từ khởi đầu Cách mạng, những kẻ tìm cách ngoi lên, như ngày nay ta thường nói, đã rất nhiều. Đó là điều khiến Camille Desmoulins viết, năm 1792: “Cách mạng của chúng ta chỉ có cội rễ ở chủ nghĩa cá nhân và ở lòng tự ái của mỗi con người, từ sự phối kết những thứ đó mà hình thành nên lợi ích tổng quát.”

Nếu ta thêm vào những dấu hiệu chỉ định trên những quan sát đã được tóm tắt trong một chương trước về các dạng thức khác nhau của tâm tính trong thời kỳ có những đảo lộn chính trị, chúng ta đã được có một ý niệm chung về tính cách của các nhà Cách mạng Pháp. Bây giờ chúng ta sẽ đem ứng dụng những nguyên tắc được trình bày trước đây cho những nhân vật nổi trội nhất của giai đoạn cách mạng này.

2. Tâm lý của những đại biểu đi biệt phái.

Tại Paris, hành vi của các thành viên của Hội Quốc ước vẫn luôn được định hướng, bị nén lại hoặc bị kích động bởi hành động của những đồng sự và của môi trường.

Để có thể xét đoán họ tốt hơn, chúng ta phải quan sát họ ở trạng thái được buông lỏng cho chính họ, không có sự kiểm soát và, do vậy, được tự do hoàn toàn. Đó chính là trường hợp của những đại biểu được Hội Quốc ước cử đi biệt phái về các tỉnh.

Quyền lực của những đại biểu này là tuyệt đối. Không một sự kiểm duyệt nào có thể làm phiền họ. Các viên chức và chính quyền đều phải phục tùng họ.

Một đại biểu được cử đi biệt phái “trung dung, tạm giữ hoặc tịch thu những gì ông ta thấy muốn, đánh thuế, bỏ tù, trục xuất hoặc chặt đầu những ai ông ta thấy là nên và, trong quận của mình, ông ta là tổng trấn”.

Vì tự cho mình là tổng trấn, họ ra mắt “với xe lục mã bốn bánh, có đám vệ sĩ vây quanh, ngồi trên những cái bàn lộng lẫy 30 chỗ ngồi, ăn có dàn nhạc đệm với sự tháp tùng của những tên hề, những kẻ nịnh thần và lính cận vệ...”. Tại Lyon, “cuộc trình diện long trọng của Collot Herbois giống như của

Hoàng đế Thô Nhĩ Kỳ. Người ta chỉ có thể đến diện kiến ông ta sau ba lần gửi yêu cầu lặp đi lặp lại; một dãy căn hộ ở ngay trước phòng tiếp khách của ông ta, ai muốn tiếp cận đều phải vượt qua một khoảng cách 15 bước.”

Người ta mừng tượng sự kiêu căng cực độ của những con người độc tài này khi họ tiến vào các thành phố một cách trang trọng, được vây quanh bằng những vệ sĩ và một cái vung tay của họ cũng đủ để rơi mấy cái đầu.

Những luật sư quen không có các vụ kiện, thầy thuốc không bệnh nhân, thầy tu hoàn tục, thầy cò không tên tuổi trước đó chỉ biết đến một số phận ảm đạm, nay bất ngờ trở nên ngang hàng với những tên bạo chúa có quyền thế nhất trong lịch sử. Bằng cách chém đầu, dìm chết, bắn chết không thương tiếc, không chủ định trong sự cuồng tưởng của mình, họ nhận ra rằng đã tự vươn lên từ một điều kiện tầm thường ngang hàng những chúa tể lưng danh.

Cả Neron cũng như Heliogabale đều không so được với sự bạo ngược của những viên đại diện Hội Quốc ước. Những đạo luật và những tập quán còn ghì nén được chút ít những người thuộc nhóm đầu. Nhưng không gì có thể hãm phanh được nhóm thứ hai.

“Fouche, Taine viết, với ống nhòm trong tay, từ cửa sổ quan sát một cuộc chém giết 210 người Lyon. Coilot, Laporte và Fouche tổ chức chèn chèn đông người vào những ngày xử bắn và trong âm thanh chói tai của những đợt bắn đồng loạt chúng đã đứng dậy cười cợt và vui sướng vung vẩy những chiếc mũ.”

Trong số những người đại diện đi biệt phái có tâm tính giết chóc, người ta có thể kể đến như một điển hình cụ thể cha xứ Lebon, người sau khi nắm được quyền lực tối cao đã tàn phá các xứ Arras và Cambrai. Trường hợp của ông ta, cùng với trường hợp của Carrier, góp phần minh họa cho điều có thể xảy ra khi một con người thoát khỏi cái ách của truyền thống và luật pháp. Sự tàn bạo của thành viên Hội Quốc ước hung dữ này được bộc lộ qua sở thích thực hành những trò tàn ác: máy chém được ngay dưới cửa sổ sao cho ông ta, cùng vợ và những phụ tá có thể tận hưởng khoái cảm tận mắt chứng kiến cảnh chém giết. Dưới chân máy chém, người ta đặt sẵn một quầy rượu, nơi những người cách mạng lui tới. Để mua vui cho họ, gã đao phủ đã gộp nhóm những cái xác trần trụi mất đầu bên lề đường trong những tư thế kỳ quặc.

“Việc đọc hai tập về vụ án của ông ta in tại Amiens năm 1795 có thể xếp vào hạng những cơn ác mộng. Trong quá trình 20 phiên xét xử, những người sống sót sau các vụ tàn sát ở Arras và Cambrai đã đến làm chứng tại Bailliage ở Amiens, nơi người ta đang xử một cựu thành viên của Hội Quốc ước. Điều mà những bóng ma đang than khóc này kể lại thật là kinh hoàng. Hàng dãy phố vắng bóng người; những cụ già 90 tuổi, những bé gái 16 tuổi bị cắt cổ theo một kiểu xét xử đáng phỉ báng; cái chết bị lãng nhục để mua vui, để tìm khoái cảm; những cuộc hành hình có âm nhạc; những tiểu đoàn trẻ con được tuyển mộ để gác máy chém; những sự truy lạc, một thái độ vô liêm sỉ, những trò quái đản của kẻ xa hoa bạo ngược say rượu, một tiểu thuyết của Sade đã trở thành sử thi; khi chúng ta quan sát việc phơi bày những nỗi sợ hãi này, ta thấy dường như cả một đất nước từng bị khủng bố trong thời gian dài, cuối cùng đang giữ sạch nỗi khiếp sợ và thực hiện cuộc phục thù cho sự hèn nhát của mình bằng việc áp đảo con người độc ác đang hiện hữu, kẻ bung xung của một chế độ đáng kinh tởm đã bị chế ngự.”

Sự bào chữa duy nhất của ông cựu cha xứ là đã tuân thủ các mệnh lệnh. Những sự thật mà người ta đang xét đoán ông ta đều đã được biết đến từ lâu và Hội Quốc ước đã không hề chê trách hay phản đối hoặc kiềm chế chúng chút nào.

Tôi đã nêu ở phần trên tính kiêu căng của những đại biểu đi biệt phái, những kẻ lập tức khoác lên mình một quyền lực vượt xa quyền lực được chuẩn y, nhưng tình cảm ấy chưa đủ để giải thích tính tàn bạo của họ.

Nó hình thành từ những nguồn khác nhau. Là những tông đồ của một tín ngưỡng khắc nghiệt, những đại biểu của Hội Quốc ước không dành một sự thương xót nào cho những nạn nhân của họ, giống như những quan tòa dị giáo ở Saint-Office. Được thoát khỏi mọi sự ràng buộc của truyền thống và luật pháp, họ có thể thả phanh cho những bản năng hoang dã bậc nhất mà thú tính còn để lại trong chúng ta. Cuộc sống văn minh đã hạn chế những bản năng này, song chúng không bao giờ chết hẳn. Nhu cầu giết chóc, bản năng săn đuổi là dấu chỉ vĩnh cửu của điều đó.

Ngài Cunisset-Carnot trong những dòng sau đây đã chỉ ra ảnh hưởng của thiên hướng mang bản chất di truyền này, trong quá trình rượt đuổi con mồi dễ kiếm nhất, là làm tái sinh con người đã man trong mọi thọt sắn.

“Thú vui giết để mà giết có thể nói là phổ biến; nó là cái cơ bản của đam mê săn bắn, bởi lẽ phải đồng ý là ngày nay, trong những quốc gia văn minh, nhu cầu hưởng cuộc sống không còn đáng giá đến sự bành trướng của nó. Trong thực tế, chúng ta tiếp nối một bản năng mà những nhu cầu cần thiết cho sự sinh tồn từng áp đặt cho tổ tiên hoang dã của chúng ta, đó là để tồn tại thì phải giết chóc hoặc sẽ chết vì đói, trong khi thời nay không điều gì có thể bào chữa cho nó. Nhưng chính vì vậy, chúng ta không thể làm được gì ở đây, chúng ta chắc chắn không bao giờ có thể cắt đứt được những chuỗi quan hệ gò bó từng trói buộc chúng ta từ lâu đến thế. Chúng ta không thể ngăn cản mình thưởng thức một thú vui mạnh bạo, thông thường có tác dụng làm say mê, là bắn giết những động vật mà lúc đối diện với chúng, khi bản năng ham thích săn bắn điều khiển chúng ta, ta có thể mất hết mọi cảm giác thương xót. Những con thú hiền lành nhất, đẹp nhất, những con chim biết hát, nét duyên dáng mùa xuân, bị hạ sát vì những viên đạn chì hoặc chết ngạt trong lưới giăng của chúng ta, mà không một sự run rẩy nào bởi lòng thương hại lay chuyển được thú vui của chúng ta muốn nhìn thấy chúng bị khiếp đảm, vấy đầy máu, vùng vẫy vật lộn trong sự đau đớn khủng khiếp mà ta bắt chúng phải chịu, cố tìm cách trốn chạy trên những cái chân đập gãy hoặc vẫy đập vô vọng những chiếc cánh không còn đủ lực nâng chúng lên... Bản năng đó là bởi sự quá trớn của hiện tượng di truyền tất yếu, khi đối mặt với nó, những kẻ ưu tú nhất trong chúng ta cũng không đủ lực để kháng cự lại.”

Trong thời kỳ bình thường, thú tính này bị kìm nén bởi những câu thúc của luật lệ, nên chỉ có thể được thực hiện đối với động vật. Khi những luật lệ này không còn tác động nữa, nó lập tức áp vào con người, và vì thế có biết bao nhiêu kẻ chủ trương khủng bố đã tìm thấy một thú vui tàn bạo trong việc giết chóc và tàn sát. Lời nói của Carrier thật sự là điển hình khi hắn nói về niềm vui mình đã trải nghiệm trong lúc ngắm nghía những thân hình của các nạn nhân đang phải chịu khổ hình. Với nhiều người văn minh, sự tàn ác là một bản năng bị kìm nén, nhưng chưa bao giờ bị loại bỏ.

3. Danton và Robespierre

Danton và Robespierre là hai nhân vật chủ chốt của cuộc Cách mạng Pháp. Tôi sẽ nói ít về người thứ nhất, bởi lẽ ông đã được biết đến rất nhiều, và chẳng tâm lý của ông khá đơn giản.

Trước hết là một diễn giả của câu lạc bộ, có xung lực và mạnh mẽ, ông luôn tỏ ra sẵn sàng kích động dân chúng. Có điều là luôn dữ dội trong những bài phát biểu, ông đã thường phải lấy làm tiếc về hiệu ứng của điều đó. Ngay từ đầu, ông đã nổi bật ở cấp hạng thứ nhất, trong khi đối thủ tương lai của ông là Robespierre hầu như còn lay lắt ở hàng cuối cùng.

Tại một thời điểm nhất định, Danton đã trở thành linh hồn của cuộc Cách mạng, nhưng ông lại thiếu tính bền bỉ và tính ổn định trong cách lãnh đạo. Ngoài ra ông lại từng có những nhu cầu, trong khi Robespierre thì không. Chủ nghĩa cuồng tín của Robespierre đã chiến thắng những cố gắng có tính gián đoạn của Danton. Tuy vậy, đây là một cảnh tượng không ngờ, khi phải nhìn thấy một nhà hùng biện vì dân mạnh mẽ đến thế bị đưa lên đoạn đầu đài bởi chính đối thủ nhọt nhọt, độc ác và tàn thương của mình.

Robespierre, con người có ảnh hưởng nhất của Cách mạng Pháp và được nghiên cứu nhiều nhất, lại

vẫn là người được lý giải ít nhất. Thật khó hiểu được cái uy thế phi thường đã đem lại cho ông ta quyền sinh quyền sát, không những chỉ đối với những kẻ thù của Cách mạng, mà còn cả đối với những đồng sự không thể coi là kẻ thù của chế độ.

Người ta không giải thích được điều đó một cách chắc chắn khi nói, cùng với Taine, rằng Robespierre từng là một người thông thái róm, bị chói với trong những tư duy trừu tượng, cũng không thể khẳng định, cùng với Michelet, rằng ông ta đã thành công nhờ những nguyên tắc của mình, cũng không thể nhắc lại cùng với người cùng thời của ông ta là H. Williams, rằng một trong những bí quyết điều hành của ông ta là chọn làm phương tiện tiến thân trong tham vọng của mình những con người nổi bật vì những hành động đê hèn hoặc đã bị vấy bẩn bởi phạm tội”.

Không thể nào tìm trong khả năng hùng biện của ông ta những nguyên nhân thành công. Với cái nhìn ẩn sau cặp kính, ông ta đã đọc một cách khó nhọc bài diễn văn được soạn bằng những áng văn trừu tượng, vô cảm và mờ nhạt. Quốc hội có những diễn giả sở hữu một tài năng vượt trội biết bao, như Danton và những người Girondin, vậy mà chính Robespierre lại là người giết họ.

Như vậy là chúng ta không có bất cứ sự giải thích nào khả dĩ chấp nhận được về sự thăng tiến mà kẻ độc tài cuối cùng đã có được. Không có ảnh hưởng tại Quốc hội, nhưng ông ta đã dần trở thành ông chủ của phái Jirondin và Hội Quốc ước. “Khi ông ta vào được Ủy ban Cứu quốc, Billaud-Varenne nói, ông ta đã là một người quan trọng nhất của nước Pháp.”

“Lịch sử của ông ta, Michelet viết, phi thường hơn nhiều so với của Bonaparte. Chúng ta thấy khá ít dấu vết dao, kiếm và bánh xe, những binh lực được chuẩn bị. Cái mà ta nhìn thấy, chẳng qua là một luật sư xoàng mà trước hết là một văn quèn. Đó là một con người phong nhã và khắc khổ, nhưng với dáng vẻ tồi tàn, với một tài năng không rõ nét vụt bay bỗng vào một sáng kia, rồi bị cuốn đi mà người ta không hiểu là bởi cái vòi rồng nào. Không từng có gì như thế trong Nghìn lẻ một đêm. Trong một khoảnh khắc, ông ta đã đạt tới mức quyền lực cao hơn nhiều so với cả ngôi vua. Ông ta được đưa lên ban thờ như một vị thánh. Một truyện cổ tích kỳ diệu đến mức khó tin.”

Không nghi ngờ gì rằng các tình huống đã giúp ông ta nhiều. Người ta hướng theo ông ta như theo một chúa tể mà ai cũng từng cảm thấy cần. Nhưng lúc đó ông ta đã là chúa tể rồi và chính nguyên nhân thăng tiến nhanh chóng của ông ta là điều cần phải xác định. Tôi có thể dễ dàng giả thiết rằng ở ông ta có sẵn một thứ như là sự quyến rũ cá nhân mà ngày nay chúng ta không còn nhận ra nữa. Người ta có thể dựa vào giả thiết này để ngợi ca số đào hoa của ông ta. Vào những ngày mà ông ta diễn thuyết, “những hành lang, ngõ ngách đều tắc nghẽn bởi phụ nữ..., trên khán đài họ cũng có tới khoảng bảy hoặc tám trăm, và họ đã tung hô ông ta với sự rung cảm biết chừng nào... Với những người Jacobin, khi ông ta nói, có cả tiếng nức nở, thổn thức vì mũi lòng, những tiếng hét, tiếng hô, sự giậm chân đến mức có thể làm sập cả gian phòng”. Một bà góa trẻ, bà quý tộc Chalabre, người sở hữu 40.000 franc lợi tức đã không ngần ngại gửi cho ông ta những bức thư cháy bỏng và bày tỏ muốn cưới ông ta. Có lẽ không cần phải tìm trong tính cách của Robespierre những nguyên nhân khiến ông ta nổi tiếng. Khí chất buồn bã của người bệnh tưởng, trí thông minh hạng xoàng, không đủ khả năng nắm bắt thực tiễn, nhót mình trong những suy nghĩ trừu tượng, xảo trá, che giấu, nét nổi trội của ông ta là tính tự kiêu quá mức, một tính cách không ngừng bộc lộ rõ thêm cho đến tận ngày cuối cùng của ông ta. Vốn là giáo sĩ của một tín ngưỡng mới, ông ta tự cho là được Chúa phái xuống Trái đất để thiết lập sự thống trị của đức hạnh. Người ta tung hô rằng “ông ta là Chúa cứu thế đã được Thượng đế trao quyền cải tạo vạn vật”.

Nhồi nhét đầy tham vọng văn học, ông ta trau chuốt dài dài những bài nói của mình. Lòng ghen tuông sâu sắc của ông ta đối với những diễn giả hoặc các nhà văn, như Camille Desmoulins, đã gây ra cái chết của họ.

“Những kẻ từng đặc biệt phải đương đầu với sự hung dữ của tên bạo chúa, tác giả đã trích dẫn ở trên

viết, đó là những người thuộc văn giới. Chông lại họ, trong con người Robespierre sự ghen tị của một bạn đồng hội đã hòa trộn với sự cuồng nhiệt của một kẻ áp bức; bởi lẽ sự hận thù, mà do đó ông ta từng truy lùng họ, được kích hoạt từ hành động phản kháng của họ đối với sự chuyên chế của ông ta mờ nhạt hơn nhiều so với nguyên nhân chính tài năng mà họ có đã làm lu mờ tài năng của ông ta.” Thái độ khinh miệt của kẻ chuyên chế đối với những bạn đồng sự của mình là vô cùng lộ liễu, không cần che đậy. Chấp thuận một cuộc yết kiến ở Barras, trong giờ trang điểm của mình, ông ta đã cạo râu, rồi khắc nhô ngay bên cạnh bạn đồng sự, như thể người này không tồn tại vậy, rồi còn tỏ vẻ khinh thường trong khi trả lời những câu hỏi. Ông ta cũng phủ lên giới tư sản và các đại biểu quốc hội bằng cùng một bức màn khinh miệt hằn học ấy. Duy chỉ có đám đông là tìm được sự chiếu cố trước ông ta: “Khi nhân dân tới thượng thực thi quyền lực, ông ta nói, chỉ còn cách là phải cúi mình. Mọi việc dân làm, tất cả đều là điều hay và sự thật, không gì có thể quá trớn, sai lầm hay tội ác.”

Robespierre đã từng có những lần hoang tưởng bị truy hại. Nếu ông ta đã chém đầu biết bao người, thì đó không chỉ là việc thi hành chức năng của một tông đồ, mà còn vì tưởng rằng mình bị bao vây bởi những kẻ địch và những người mưu phản. “Nếu sự hèn nhát của các đồng sự trước mặt ông ta lớn bao nhiêu, ngài Sorel viết, thì nỗi sợ hãi của ông ta đối với họ còn lớn hơn nữa.”

Sự chuyên quyền của ông ta, ở mức tuyệt đối trong thời gian 5 tháng, là một ví dụ gây ấn tượng mạnh về quyền lực của một số thủ lĩnh. Việc một bạo chúa, nắm trong tay quân đội, tàn sát người vô tội chúng ta có thể dễ dàng hiểu được. Nhưng cá nhân một con người mà có thể lần lượt đưa cái chết đến cho những người ngang hàng với mình, đó là điều thật không dễ gì giải thích.

Quyền lực của Robespierre từng toàn năng đến mức ông ta đã có thể đưa ra Tòa án cách mạng, rồi đẩy tới đoạn đầu đài những đại biểu quốc hội lừng danh như: Camille Desmoulins, Hébert, Danton và nhiều người khác nữa. Những người Girondin xuất sắc nhất cũng phải chịu lép trước ông ta.

Ông ta thậm chí còn tìm cách tấn công cả Công xã, khiến cho các chỉ huy của nó bị chém đầu và thay thế bằng một Công xã mới tận tụy với những mệnh lệnh của ông ta.

Nhằm tống khứ một cách nhanh nhất những người không vừa ý, ông ta đã đưa ra bỏ phiếu thông qua bộ luật Prairial, theo luật đó có thể xử tử cả những người đơn giản là bị tình nghi và nhờ đó ông ta đã đưa ra chém đầu 1.373 người tại Paris trong vòng 49 ngày. Bị đe dọa bởi bầu không khí khủng bố điên rồ, những đồng sự của ông ta không dám ngủ tại nhà mình nữa. Chỉ còn chưa đầy một trăm đại biểu tham dự các phiên họp. David đã nói “Tôi nghĩ chúng ta có lẽ còn lại không tới hai mươi đại biểu của phái Núi.”

Chính việc Robespierre tự tin thái quá vào sức mạnh của mình và sự hèn nhát của các thành viên Hội Quốc ước đã làm lụn bại ông ta. Từ tham vọng muốn họ bỏ phiếu thông qua một bộ luật cho phép đưa các thành viên ra Tòa án cách mạng đồng nghĩa sẽ lên đoạn đầu đài mà không cần sự chuẩn ý của Quốc hội, chỉ dựa trên lệnh của ủy ban mà ông ta phụ trách, nên nhiều thành viên phái Núi đã đồng mưu với một số thành viên phái Đồng bằng tiến hành lật đổ Robespierre. Tallien, do tự cảm thấy mình bị chọn là nạn nhân của cuộc hành hình sắp tới, và, do vậy, không còn gì để mất, đã lớn tiếng lên án sự độc tài. Robespierre tự mình bào chữa bằng cách đọc một bản diễn văn được soạn lại trong một thời gian dài, nhưng ông ta bằng kinh nghiệm xương máu của mình hiểu rằng dù có thể giết chết một con người nhân danh logic, thì một quốc hội lại không xử sự chỉ bằng thứ đó. Những tiếng la ó của những người mưu phản đã át hẳn giọng nói của ông ta. Tiếng hét “Đả đảo tên bạo chúa!” nhanh chóng được rất nhiều đại biểu có mặt nhắc lại, nhờ sự lây lan về tinh thần, đã đủ để lật đổ ông ta. Không để phí một giây, quốc hội tuyên đọc lời buộc tội đối với ông ta.

Vì Công xã muốn cứu ông ta nên Hội Quốc ước đã đặt ông ta ra ngoài vòng pháp luật. Bị gán cho tình trạng pháp lý đặc biệt này, Robespierre hiểu đã thất bại hoàn toàn.

“Con người ngoài vòng pháp luật này”, H. Williams viết, vào thời đó đã gây hiệu ứng đối với một

người Pháp như là một tiếng hét về bệnh dịch hạch: kẻ đã là đối tượng của điều đó thì cũng trở thành người bị rút phép thông công theo thủ tục dân sự, và dường như người ta chắc là bị lây, khi đi qua đám không khí mà ông ta đã hít thở. Một hiệu ứng cũng đã đúng như vậy, khi ông ta gây ra đối với các pháo thủ, những người chĩa súng chống lại Hội Quốc ước. Chưa từng nhận được mệnh lệnh khác, nhưng khi nghe thấy rằng Công xã đã bị ‘ngoài vòng pháp luật’, họ tức khắc quay nòng giàn pháo của họ.” Robespierre và cả băng đảng của ông ta: Saint-Just, chủ tọa Tòa án cách mạng, thị trưởng của Công xã,... đã bị chém đầu ngày 10 tháng Thermidor với số lượng tới 21 người. Sau cuộc hành hình của họ là vụ hành hình một loạt mới gồm 70 người Jacobin, rồi ngày hôm sau là 13 người nữa. Trào lưu Khủng bố kéo dài 10 tháng nay đã kết thúc.

Sự sụp đổ của thành trì Jacobin trong tháng Thermidor là một trong những sự kiện tâm lý kỳ lạ nhất của thời kỳ cách mạng. Không một thành viên phái Núi nào trong số những người kích động hạ bệ Robespierre trên thực tế nghĩ dù chỉ một khoảnh khắc rằng nó đánh dấu hồi kết của Khủng bố. Tallien, Barras, Fouché,... đã lật đổ Robespierre cũng giống như họ đã lật đổ Hébert, Danton, phái Girondin và nhiều người khác. Nhưng khi tiếng hoan hô của đám đông cho họ thấy rằng cái chết của Robespierre được coi như đặt dấu chấm hết cho chế độ Khủng bố, họ đã cư xử như thể đó đã chính là ý định ban đầu của họ. Họ đã buộc phải làm như thế đặc biệt là vì phái Đồng bằng, chiếm đa số trong Quốc hội, những người chịu để Robespierre chém đầu từng chục người một, đã vùng dậy một cách dữ dội chống lại cái chế độ mà phái này, mặc dù rất căm ghét, từng hoan hô nhiều đến thế. Không có gì khủng khiếp hơn là những con người từng sợ hãi, nay không còn phải sợ hãi nữa. Phái Đồng bằng đã báo thù vì từng bị phái Núi khủng bố, nay đến lượt nó đáp trả phái này.

Sự lệ thuộc của các đồng sự Robespierre tại Hội Quốc ước không hề dựa trên thiện cảm đối với ông ta. Kẻ độc tài đã gọi lên cho họ một mối hãi hùng không thể vượt qua, nhưng đằng sau những biểu hiện cảm phục và lòng nhiệt tình mà họ hào phóng dành cho ông ta vì nỗi sợ hãi ẩn dấu một lòng hận thù cao độ.

Người ta nhận thấy điều đó qua những báo cáo được chèn vào Moniteur, sau cái chết của ông ta, ra các ngày 11, 15 và 29 tháng 8 năm 1794 do những đại biểu khác nhau trình bày, và đặc biệt là “về cuộc đồng mưu của tam hùng Robespierre, Couthon và Saint-Just”. Chẳng bao giờ những người nô lệ lại thóa mạ ông chủ đã thất thế.

Ở đây người ta biết được rằng “những con quái vật này đã lặp lại, từ một thời gian trước đó, những sự căm chỉ kinh khủng nhất của Marius và Sylla”. Ở đây Robespierre được thể hiện như một kẻ gian ác khủng khiếp; người ta cam đoan rằng “giống như Caligula, ông ta đã không chậm trễ mong muốn rằng nhân dân Pháp tôn thờ con ngựa của ông ta. Ông ta đã đi tìm sự an toàn trong nỗi thống khổ của tất cả những ai đã có thể gây cho ông ta một sự ngờ vực dù là nhỏ nhất”.

Những báo cáo này đã quên bỏ sung thêm rằng quyền lực của Robespierre, giống như quyền lực của Sylla hoặc của Marius, không hề dựa trên một quân đội hùng mạnh, mà chỉ đơn thuần dựa vào sự gia nhập liên tiếp của những thành viên Hội Quốc ước. Không có sự hèn nhát cực độ của họ thì quyền lực của kẻ bạo chúa chắc đã không thể giữ được dù chỉ một ngày.

Robespierre là một trong số những bạo chúa bỉ ổi nhất trong lịch sử, nhưng ông ta nổi trội hơn tất cả những kẻ khác ở chỗ là một bạo chúa không có binh lính.

Chúng ta có thể tóm tắt những luận thuyết của ông ta bằng cách nói rằng ông ta đã là hiện thân hơn ai hết, có lẽ trừ Saint-Just, của tín ngưỡng Jacobin với logic nghiêm ngặt, với xu hướng thần bí dữ dội và với sự cứng nhắc không gì lay chuyển được của nó. Ngày nay vẫn tiếp tục còn có những kẻ tán dương ông ta. Ngài Hamel còn đánh giá ông ta đã “tử vì đạo trong vụ Thermidor”. Người ta thậm chí đã nói về việc dựng một đài kỷ niệm ông ta. Tôi sẵn sàng ký tán thành, đồng thời cũng cho là không vô ích khi bảo tồn những dấu vết về sự mù quáng của những đám đông và về sự hèn hạ khác thường mà một quốc

hội có thể thể hiện trước người thủ lĩnh biết cách lèo lái nó. Bức tượng ông ta sẽ nhắc nhở về những tiếng tung hô và sự hưng khởi đầy say mê của Hội Quốc ước trong khi ủng hộ các biện pháp, của nhà độc tài, đang đe dọa nó nhiều hơn cả vào hôm trước của chính cái ngày mà nó sẽ lật đổ ông ta.

4. Fouquier-Tinville, Marat, Billaud-Varenne,...

Tôi liên kết trong cùng một tiểu mục một số nhà cách mạng đã trở nên nổi tiếng do sự phát triển những bản năng tàn bạo của họ. Cùng với sự tàn bạo họ còn thêm vào những tình cảm khác như sự sợ hãi và sự hằn thù, chỉ càng làm cho nó mạnh hơn.

Fouquier-Tinville, công tố viên của Tòa án cách mạng từng là một trong những nhân vật để lại kí ức thê thảm nhất. Ông quan tòa này, vốn khi xưa nổi tiếng nhẹ nhàng, cũng đã trở nên tàn bạo và hết sức ghê tởm, được tôi dùng làm ví dụ để viết trong những công trình khác nhằm chỉ ra những sự biến đổi của một số tính cách trong thời gian cách mạng.

Rất nghèo túng vào thời điểm chế độ quân chủ sụp đổ, ông ta đã rất mong chờ một cuộc đảo lộn xã hội, trong đó ông ta không có gì để mất. Đó là một trong số những người mà các giai đoạn lộn xộn luôn được họ sẵn sàng ủng hộ.

Hội Quốc ước đã trao quyền cho ông ta. Ông ta đã phải bày tỏ ý kiến phán quyết số phận của gần 2.000 bị cáo, trong đó có hoàng hậu Marie-Antoinette, những người Girondin, Danton, Hébert,... Ông ta đã ra lệnh hành hình tất cả những kẻ bị nghi ngờ do chính những người trước đây từng được họ che chở chỉ điểm và phản bội không ngần ngại. Ngay khi một trong những con người ấy, - Camille Desmoulins, Danton, hoặc người nào khác, - mất quyền lực, ông ta sẽ yêu cầu chống lại người ấy. Fouquier-Tinville có một tâm hồn hèn hạ mà nhờ Cách mạng đã làm phát lộ. Trong thời bình, bị giới hạn bởi những quy tắc nghề nghiệp, số phận của ông ta là của một quan tòa hiền hòa và không ai biết đến. Đó cũng chính là số phận của người thế chân ông ta tại Tòa án cách mạng, Gilbert-Liendon. “Ông ta, ngài Durel viết, có lẽ đã gọi lên sự kính trọng ngang với người đồng sự của mình, nhưng đã kết thúc con đường công danh ở chức quan tòa để chế cấp cao.”

Một trong những tác dụng tốt của xã hội có tổ chức chính xác là việc kiểm chế được những tính cách nguy hiểm, điều mà chỉ có những cái phanh xã hội mới duy trì được.

Fouquier-Tinville đã chết mà không hiểu được bản án của mình, và, từ góc nhìn cách mạng, không gì có thể biện minh được cho bản án ấy. Liệu có phải chỉ đơn giản là ông ta đã chấp hành một cách sốt sắng những mệnh lệnh từ cấp trên của mình? Không thể nào đồng nhất ông ta với những đại biểu được biệt phái về các tỉnh, những kẻ mà người ta không thể theo dõi. Các đại biểu của Hội Quốc ước đã xem xét mọi hành động của ông ta và đều chuẩn y chúng cho tới ngày cuối cùng. Nếu sự tàn ác và cách làm qua loa của ông ta trong xét xử tù nhân không được cấp trên khích lệ, thì ông ta đã không thể giữ được quyền hành của mình. Trong khi kết án Fouquier-Tinville, Hội Quốc ước đã tự lên án chính cái chế độ kinh khủng của mình. Nó đã hiểu chế độ đó và cũng đã đưa lên máy chém nhiều tên khủng bố, mà đối với chúng, Fouquier-Tinville chỉ là nhân viên thực hiện trung thành.

Bên cạnh Fouquier-Tinville, có thể kể đến Dumas, người đã chủ trì tòa án cách mạng và cũng thể hiện một sự tàn ác quá mức nhưng lại được gắn trên một sự sợ hãi cao độ. Ông ta sẽ không ra khỏi nhà mà không mang theo 2 khẩu súng lục đã lên đạn, ở nhà thì núp sau vật chướng ngại và chỉ nói chuyện với khách qua một ô cửa con. Sự cảnh giác của ông ta với tất cả mọi người, kể cả với vợ mình, là toàn diện. Ông ta thậm chí đã bỏ tù cả bà này và sẽ ra lệnh hành hình khi những ngày Thermidor xảy đến. Trong các nhân vật mà Hội Quốc ước đưa ra ánh sáng, người dữ tợn nhất là Billaud-Varenne. Có thể coi ông này như một hình mẫu hoàn chỉnh của sự tàn ác như súc vật.

Trong những cơn giận dữ, khá thường xuyên, và trong những lúc kinh hoàng tột độ, ông ta lại luôn bình tĩnh, đồng thời làm trọn công việc của mình một cách có phương pháp và miễn cưỡng. Mà những công việc ấy thật kinh khủng. Theo nguồn chính thức, trong cuộc tàn sát tu viện Abbaye chính ông ta đích

thân chúc mừng những kẻ xuống tay cắt cổ nạn nhân và còn hứa hẹn trả lương chúng; rồi trở về nhà bình thản như thể vừa xong một cuộc đi dạo. Là người đang chủ trì câu lạc bộ Jacobin, chủ trì Hội Quốc ước, thành viên của Ủy ban Cứu quốc, ông ta đã kéo những người Girondin tới đoạn đầu đài, kéo hoàng hậu tới đó, kéo cả Danton, chủ cũ của ông ta tới đó. Người đã gọi ông ta là “Billaud có dao găm dưới lưỡi.” Ông ta đã chuẩn y những loạt đại bác ở Lyon, những vụ chìm nước ở Nantes, thiêu người ở Arras; ông ta tổ chức những ủy ban nhân tâm ở Orange: ông ta là luật lệ ở Prairial; ông ta khích lệ Fouquier-Tinville; trên mọi án tuyên tử hình, tên của ông ta thường nằm ở vị trí đầu tiên, ông ta ký trước những đồng sự của mình; ông ta là người không có lòng trắc ẩn, không cảm xúc, không nhiệt tình, trong khi những người khác bị hốt hoảng, do dự, rút lui, thì ông ta cứ thế mà tiến lên, miệng nói những lời khoa trương, lúc lắc cái bờm sư tử”; vì muốn giữ nét mặt thần nhiên và lạnh lùng cho hài hòa với sự bông bột đang vây quanh mình, ông ta ăn mặc khó coi, mang bộ tóc giả màu vàng khiến người ta buồn cười, cười cả những cái đầu khác, cũng như cái đầu thâm thê của Billaud-Varenne. Khi Robespierre, Saint-Just và Couthon, đến lượt mình, cũng bị đe dọa, ông ta đã bỏ rơi họ, chuyển sang thế đối địch, rồi đặt họ dưới lưỡi rìu... Vì sao vậy? Nhằm mục đích gì? Người ta không biết; ông ta không có tham vọng gì; ông ta không ham hố gì cả tiền bạc cũng như quyền lực.”

Tôi không tin là khó trả lời cho những “tại sao” trong đoạn trích trên. Sự khát khao giết chóc mà chúng tôi đã nhắc đến ở trên, rất phổ biến ở một số kẻ tội phạm, giải thích một cách hoàn hảo hành vi của Billaud-Varenne. Những kẻ cướp thuộc loại này đều giết để mà giết, giống như những thợ săn giết thú săn, chỉ để thỏa mãn thú vui giản đơn thực hành những bản năng hủy diệt. Trong thời bình, những người sẵn có thiên hướng giết người thường kìm hãm chúng bởi nỗi sợ hãi đối với những viên sen đầm và máy chém. Trong những thời kỳ mà họ có thể thả phanh cho chúng thì không gì có thể ngăn cản được. Đó chính là trường hợp của Billaud-Varenne và nhiều kẻ khác.

Tâm lý của Marat lại phức tạp hơn đôi chút, không chỉ vì nhu cầu giết chóc của ông ta còn được chong chất thêm những yếu tố khác: lòng tự ái một thời từng bị xúc phạm, tham vọng, tín ngưỡng thần bí,... mà còn vì người ta có thể coi đó như một kiểu bệnh nhân tâm thần phân liệt mắc chứng hoang tưởng tự đại và bị ám ảnh bởi những tư tưởng định kiến.

Trước Cách mạng ông ta đã có những tham vọng khoa học, nhưng không ai cho những lời nói tâm huyết ấy là quan trọng. Từng mơ ước có vị trí và danh dự, ông ta lại chỉ nhận được một vị trí rất thứ yếu, địa vị kẻ thuộc hạ của một lãnh chúa lớn. Cách mạng đã mở cho ông ta một tương lai quá mức mong đợi. Tràn đầy sự thù hận chống lại xã hội cũ từng hiểu sai những cống hiến của mình, ông ta đã đứng vào hàng đầu những kẻ hung bạo nhất. Sau khi đã biểu dương trước công chúng Những cuộc tàn sát tháng Chín, ông ta đã lập ra một tờ báo tố giác mọi người và không ngừng đòi hỏi những cuộc hành hình.

Do liên tục nói về những quyền lợi của nhân dân, nên Marat được tôn sùng thành thần tượng. Phần lớn những đồng sự của ông ta, tuy thế, lại khinh thường ông ta ra mặt. Thoát chết dưới lưỡi dao găm của Charlotte Corday, nhưng ông ta chắc chắn không thể tránh được lưỡi dao máy chém.

5. Số phận của những người Quốc ước sống sót trong cuộc Cách mạng Pháp.

Bên cạnh những thành viên của Hội Quốc ước với tâm lý thể hiện những tính cách đặc biệt, còn có những người khác như Barras, Fouché, Tallien, Merlin Thionville,... hoàn toàn không quan tâm tới các tín ngưỡng hay luật lệ, mà chỉ mong trục lợi làm giàu.

Họ biết cách xây dựng trên sự khốn cùng chung những cơ nghiệp rực rỡ. Trong thời bình, người ta có thể gọi họ là những kẻ gian ác cơ hội, nhưng trong những thời kỳ cách mạng, mọi tiêu chuẩn về thói hư tật xấu và đức hạnh dường như đã biến mất.

Nếu như một vài người Jacobin vẫn còn cuồng tín, thì phần đông đã từ bỏ niềm tin của họ ngay khi có được sự giàu có và danh vọng, đồng thời trở thành những nịnh thần trung thành của Napoleon.

Cambacères là người, khi giáp mặt Louis XVI trong tù, đã nhạo báng gọi vua là Louis Capet, đã yêu

sách cho những người thân của mình, thời Đế chế, được gọi là hoàng thân trước công chúng và Đức ông trong phạm vi thân tình; điều đó cho thấy nhu cầu được bình đẳng của nhiều người Jacobin tương đồng với cảm giác ghen ghét đố kỵ đến mức nào.

“Phần lớn những người Jacobin, ngài Madelin viết, đã trở nên giàu hơn rất nhiều, đã nắm trong tay những lâu đài và đất đai, như Chabot, Bazire, Merlin, Barras, Boursault, Tallien, Barrère,... Những người còn chưa kịp làm giàu thì cũng sẽ sớm đạt được điều đó... Chỉ riêng trong Ủy ban của năm thứ III, tức là bộ tham mưu của đảng Thermidor, người ta thấy có một hoàng thân tương lai, 13 bá tước tương lai, 5 nam tước tương lai, 7 thượng nghị sĩ tương lai của Đế chế, 6 cố vấn Quốc gia và bên cạnh họ, trong Hội Quốc ước người ta thấy, từ công tước tương lai xứ Otrante đến bá tước tương lai Regnault, 50 người thuộc phái dân chủ mà 15 năm sau sẽ sở hữu những danh hiệu, huy hiệu, những chùm lông cắm mũ, những xe ngựa bốn bánh, những nguồn lợi tức, chế độ con trưởng tập ấm, những khách sạn và những lâu đài. Fouche sẽ chết trên món tài sản kèch xù tới 15 triệu.”

Những đặc quyền từng bị gièm pha rất nhiều bởi chế độ cũ, thế là đã được tái lập vì lợi ích của giới tư sản. Để có được kết quả này, đã phải trả giá bằng sự tàn phá nước Pháp, đốt phá hoàn toàn một số tỉnh, nhân rộng những khổ hình, dìm sâu biết bao gia đình trong vô vọng, đảo lộn cả châu Âu và làm chết hàng trăm nghìn người đàn ông trên các bãi chiến trường.

Để kết thúc chương này với chủ đề nghiên cứu tâm lý các nhân vật khác nhau của Cách mạng Pháp, chúng tôi sẽ nhắc lại những gì đã nói về những sự xét đoán khả dĩ đối với những con người của giai đoạn này.

Nếu nhà đạo đức học buộc phải tỏ ra nghiêm khắc đối với một số cá nhân, bởi lẽ họ xét đoán người ta theo những kiểu loại mà một xã hội phải tôn trọng để tự duy trì, thì nhà tâm lý học lại không bị buộc phải duy trì tính chặt chẽ tương tự. Mục đích của nhà tâm lý học là hiểu thấu được vấn đề, và đứng trước một sự hiểu biết trọn vẹn sự phê phán sẽ tự biến đi.

Tâm hồn con người là một cơ chế khá bấp bênh và những con rối hoạt động trên sân khấu của lịch sử hiếm khi biết cách cưỡng lại những lực mạnh đang xô đẩy chúng. Tập quán cha truyền con nối, môi trường, các tình huống, chính là những bậc chúa tể đầy quyền uy. Không một ai có thể nói chắc chắn là hành vi của mình đã như thế nào, nếu ở vào vị trí của những người mà mình đang cố gắng lý giải các hành động của họ.

Quyển III. Cuộc đấu tranh giữa những ảnh hưởng của tổ tiên và những nguyên lý cách mạng

Chương I. Những biến động cuối cùng của tình trạng vô chính phủ chế độ Đốc chính.

1. Tâm lý của Ban Đốc chính.

Vì những Quốc hội Cách mạng khác nhau từng bao gồm một bộ phận là những con người của quốc hội tiền thân, nên người ta có thể tin là tâm lý của chúng gần gũi với nhau.

Trong những thời kỳ bình thường, nó vẫn như thế, bởi vì tính không đổi của môi trường quy định tính không đổi của các tính cách. Nhưng một khi tình huống thay đổi nhanh chóng, như trong thời khắc cách mạng, các tính cách phải tự biến đổi để thích nghi với nó. Trường hợp của Ban Đốc chính là một điển hình như vậy.

Dạng thức cuối cùng này của bộ máy quản lý nhà nước được cấu thành từ những Quốc hội khác hẳn nhau: hai trong số đó có số lượng lớn, bao gồm những đại biểu thuộc những cấp hạng khác nhau và một quốc hội rất hạn hẹp, gồm năm vị quan Đốc chính.

Những Quốc hội của các nghị sĩ rất giống với Hội Quốc ước ở sự yếu đuối của mình. Họ không còn phải phục tùng những cuộc nổi loạn của dân chúng, vì chúng đã bị Ban Đốc chính ngăn chặn mạnh mẽ, nhưng họ lại nhượng bộ vô điều kiện trước những mệnh lệnh độc tài của các quan Đốc chính ấy.

Những đại biểu được bầu đầu tiên thường ôn hòa. Khi đó mọi người đều tỏ ra phản kháng đối với sự chuyên chế Jacobin. Quốc hội mới đã mơ ước xóa bỏ được những sự đổ nát từng phủ khắp nước Pháp và thiết lập một chế độ quản lý tự do không bạo lực.

Nhưng vì một trong những điều tiền định, những thứ đã hợp thành một quy luật của Cách mạng và chứng tỏ rằng cách diễn biến của các sự kiện đôi khi có ý nghĩa vượt trội hơn ý chí của con người biết bao; người ta có thể nói rằng các nghị sĩ mặc dù có ý định tốt đẹp, nhưng cũng giống như những người tiền nhiệm, đã luôn luôn làm những việc trái hẳn với những gì mình muốn làm. Họ từng muốn làm người ôn hòa nhưng lại đã thể hiện như những người mạnh động, họ từng muốn loại bỏ ảnh hưởng của phái Jacobin rồi cuộc lại để cho phái này điều khiển, họ mơ ước sửa chữa những phê tích, nhưng lại chỉ tích lũy thêm những phê tích khác, họ khao khát hòa bình về tôn giáo, mà cuối cùng lại phải truy hại và tàn sát những giáo sĩ với mức khắc nghiệt cao hơn cả thời Khủng bố.

Tâm lý của nhóm Quốc hội nhỏ gồm năm quan Đốc chính đã rất khác với tâm lý của Nghị viện. Đương đầu với những khó khăn mỗi ngày, các quan Đốc chính đã buộc phải giải quyết chúng, trong khi đó những Quốc hội lớn, không có mối liên hệ với thực tế, lại chỉ có những khát vọng.

Tư tưởng thường trực của các quan Đốc chính rất đơn giản. Rất bàng quan với các nguyên tắc, trước hết họ vẫn muốn làm những ông chủ của đất nước. Để đạt tới điều đó, họ không hề do dự sử dụng những biện pháp phi pháp nhất và dữ dằn nhất, hủy bỏ cả những cuộc bầu cử của một số lớn tỉnh thành, khi chúng gây phiền toái cho họ.

Cảm thấy bất lực trong việc tổ chức lại nước Pháp, họ đã bỏ mặc nó. Bằng cách chuyên quyền, họ đã đạt tới sự thống trị nó, nhưng không bao giờ quản lý được nó. Vậy mà điều đất nước cần nhất khi đó lại chính là mong muốn được quản lý.

Hội Quốc ước đã để lại trong lịch sử danh tiếng của một chính phủ mạnh, còn Ban Đốc chính thì để lại

tiếng tăm một chính phủ yếu. Điều đó phải ngược lại mới đúng: Ban Đốc chính mới là chính phủ mạnh. Người ta có thể giải thích về mặt tâm lý học sự khác biệt giữa cách thức cầm quyền của Ban Đốc chính và của các Quốc hội trước đó bằng cách nhắc lại rằng một cuộc họp của 600 hoặc 700 người có thể dễ dàng tạo được những đợt dâng trào nhiệt tình có tính lây lan, như trong đêm 4 tháng 8, hoặc thậm chí những làn sóng ý chí mạnh mẽ, như đợt tung ra những thách thức cho tất cả các vị vua của châu Âu. Song, những xung động như vậy thường không bền nên không đủ thời gian để đạt tới sức mạnh nào đó. Một ủy ban gồm 5 người, do dễ dàng bị chi phối bởi ý chí của một người duy nhất, nên có khả năng thực hiện những giải pháp dài hơi, nghĩa là có tính kiên trì của hành vi theo một hướng thống nhất.

Chính phủ của Ban Đốc chính đã luôn luôn tỏ ra bất lực trong việc cai trị, nhưng nó không bao giờ thiếu một ý chí mạnh. Do không bị áp lực dồn nén, không phải tôn trọng bình đẳng, không phải tôn trọng luật pháp, không cần quan tâm đến công dân, cũng không vì tình yêu đối với lợi ích công, nó đã có thể áp đặt lên nước Pháp một nền chuyên chế gây choáng ngợp hơn bất kỳ một chính phủ nào khác từ những ngày đầu Cách mạng, kể cả trào lưu Khủng bố.

Mặc dù cũng sử dụng những phương pháp tương tự như các phương pháp của Hội Quốc ước và lãnh đạo nước Pháp bằng cách chuyên quyền bậc nhất, Ban Đốc chính, cũng không hơn gì Hội Quốc ước, chưa bao giờ đạt tới được địa vị của ông chủ.

Thực tế đó, đã được chỉ ra ở trên, khẳng định một lần nữa tình trạng bất lực của những thôi thúc vật chất trong việc chi phối các sức mạnh tinh thần. Người ta không thể nói lại mãi rằng nền tảng đạo đức được tạo dựng bởi tổ tiên là kim chỉ nam thực thụ của con người.

Vốn đã quen sống trong một xã hội có tổ chức, được sắp đặt theo luật lệ và những truyền thống được tôn trọng, chúng ta khó lòng hình dung được tình trạng của một dân tộc bị tách khỏi nền tảng đó. Từ môi trường sống của mình, chúng ta thông thường hơn cả chỉ nhìn thấy những khía cạnh gây phiền toái, đồng thời dễ dàng quên rằng một xã hội chỉ tồn tại với điều kiện áp đặt được một số điều cản trở và rằng những chi tiết dài dòng của các bộ luật, phong tục, tập quán, tạo thành chiếc phanh hãm đối với những bản năng tự nhiên từ thời mông muội vốn không bao giờ biến đi hoàn toàn.

Lịch sử của Hội Quốc ước và của Ban Đốc chính, một thiết chế đã kế tục nó, cho thấy rõ là một dân tộc có thể rơi vào tình trạng lộn xộn biết chừng nào, khi nó bị tách khỏi cấu trúc cũ của mình và chỉ còn được dẫn dắt bởi những tổ hợp nhân tạo của một lý lẽ quá ngắn hạn.

2. Sự cầm quyền chuyên chế của chế độ Đốc chính. Sự hồi sinh của Chính sách khủng bố.

Nhằm làm chuyển hướng sự chú ý, nắm quân đội và tạo ra những nguồn lực, bằng sự cướp bóc những quốc gia láng giềng, các vị Quan Đốc chính đã quyết định tiếp tục những cuộc chiến tranh xâm chiếm đã từng đem lại chiến thắng cho Hội Quốc ước.

Chiến tranh đã tiếp diễn trong suốt thời gian cai trị của họ. Các đạo quân, trước hết là tại Ý, đã kiếm chác được một lượng chiến lợi phẩm phong phú.

Một phần dân cư bị chiếm đóng tỏ ra khá chật phác cho rằng những cuộc xâm chiếm này được thực hiện vì lợi ích của họ. Họ đã không dành thời gian đủ lâu để phát hiện ra rằng tất cả những chiến dịch quân sự đều đi kèm với những gánh nặng đóng góp, những cuộc cướp bóc nhà thờ và những quỹ công,...

Các hệ quả của cuối cùng của chính sách xâm lược này là việc hình thành một liên minh chống Pháp kéo dài cho tới năm 1801.

Thờ ơ với tình trạng của đất nước và không đủ khả năng để tổ chức lại nó, các quan Đốc chính trước hết chỉ lo lắng đến việc đấu tranh để giữ quyền lực chống lại những cuộc mưu phản không ngừng tái diễn.

Nhiệm vụ này đủ để chiếm hết thời gian rảnh của họ, bởi vì các đảng phái chính trị không chịu hạ vũ

khí. Tình trạng vô chính phủ đến mức mà mọi người đều muốn có một bàn tay đủ mạnh để tái lập trật tự. Mỗi người, kể cả các vị quan Đốc chính, đều cảm thấy rằng chế độ cộng hòa này không thể kéo dài thêm nữa.

Một số người đã mơ ước khôi phục chế độ quân chủ, số khác lại muốn chế độ Khủng bố và một số khác nữa lại nghĩ đến một chế độ quân sự. Duy chỉ có những người đang sở hữu tài sản quốc gia là lo sợ một cuộc thay đổi chế độ.

Sự mất tín nhiệm của Ban Đốc chính mỗi ngày một tăng thêm, và từ tháng 5 năm 1797, khi diễn ra cuộc bầu mới thay thế một phần ba Quốc hội, phần lớn đại biểu đã tỏ ra chống đối chế độ.

Các Quan Đốc chính đã không thấy bối rối chút nào. Họ đã hủy những cuộc bỏ phiếu ở 49 tỉnh: 154 trong số những đại biểu mới bị tuyên bố tước quyền miễn trừ và bị trục xuất, 53 đại biểu bị kết án và bị đi đày. Trong số này có những cái tên lừng danh nhất của Cách mạng, như Portalis, Carnot, Tronson Coudray,...

Nhằm làm cho cử tri phải rụt rè, những ủy ban quân sự đã kết án tử hình, có phần hù dọa, 160 người và đày đi Guyane 330 người, trong số đó một nửa đã nhanh chóng bỏ mạng. Những người lưu vong và những giáo sĩ trở về Pháp đã bị trục xuất thẳng tay. Đây là cái mà người ta gọi là cuộc Đảo chính Fructidor (*ngày 4 tháng 9 năm 1797 - ND*).

Cuộc đảo chính này trước hết đánh vào những người ôn hòa, tuy nhiên, không phải là duy nhất, và một cuộc khác đã sớm nổ ra sau đó. Các quan Đốc chính thấy rằng số lượng các đại biểu Jacobin quá nhiều sau những cuộc bỏ phiếu mới, nên đã hủy kết quả bầu cử của 60 người trong số đó.

Những hành động đó cho thấy khí chất bạo chúa của các thành viên Ban Đốc chính, song nó còn thể hiện rõ ràng hơn nữa ở chi tiết của các hành động của họ. Những ông chủ mới đã tỏ ra tàn bạo không kém những người hung dữ nhất của Hội Quốc ước thời kỳ Khủng bố.

Máy chém không còn dựng lên thường xuyên nữa, nhưng lại được thay thế bằng việc lưu đày với những điều kiện mà các nạn nhân ít có cơ hội sống sót. Bị đưa đi Rochefort trong những cái lồng sắt dãi dầu trước mọi thời tiết, rồi sau đó lại bị xếp chồng chất lên những con tàu.

“Trong gian boong của tàu *Décade* và của tàu *Bayonnaise*, Taine viết, những kẻ khốn khổ bị nhốt trong lồng, ngột thở vì thiếu không khí và cái nóng như thiêu, bị đối xử thô bạo, tước đoạt, chết vì đói hoặc vì ngạt thở, rồi xứ Guyane sẽ kết thúc công việc của chuyến đi: từ 193 con người do tàu *Décade* mang tới, sau 22 tháng còn lại 39 người, 120 phạm nhân do tàu *Bayonnaise* mang tới, sau chỉ còn sống sót duy nhất một người.”

Tuyên bố khắp nơi về một sự phục hưng Cơ đốc giáo và tưởng tượng rằng giới tăng lữ mưu phản họ, các Quan Đốc chính đã đưa đi đày hoặc bắt làm khổ sai, chỉ trong vòng một năm, 1.448 giáo sĩ, đó là chưa kể một số lượng lớn bị xử bắn với thủ tục xét xử qua loa. Khủng bố đã thực sự được lặp lại. Chủ nghĩa chuyên chế của Ban Đốc chính cũng được thực hiện trong mọi nhánh của chính quyền, nhất là trong ngành tài chính. Chính do vậy mà khi cần một nguồn tài chính tới 600 triệu, họ đã yêu cầu các đại biểu, những người vẫn luôn thuộc loại dễ sai khiến, bỏ phiếu thông qua một khoản thuế lũy tiến, nhưng kết quả chỉ thu được 12 triệu. Vì muốn tái diễn sau một thời gian ngắn, Ban Đốc chính đã ra quyết định một khoản vay cưỡng bức một trăm triệu, khiến người ta phải đóng cửa những công xưởng, dừng giao dịch, thải hồi gia nhân. Với cái giá của sự suy sụp hoàn toàn, người ta đã thu được 40 triệu. Để bảo đảm cho mình sự thống trị ở tỉnh, Ban Đốc chính đã cho bỏ phiếu thông qua một đạo luật gọi là luật con tin, theo đó một danh sách con tin, những người chịu trách nhiệm về mọi tội phạm, đã được lập ra tại mỗi xã.

Có thể hiểu được những sự thù hận nào đã gây ra một chế độ như vậy. Vào cuối năm 1799, 14 tỉnh đã nổi dậy và 46 tỉnh đã sẵn sàng khởi nghĩa. Nếu như Ban Đốc chính còn tồn tại lâu hơn thì sự tan rã của xã hội đã có thể là hoàn thành.

Tuy vậy, sự tan rã ấy cũng đã diễn ra khá sâu sắc. Tài chính, hành chính, tất cả đều sụp đổ. Số thu của kho bạc, gồm những tín phiếu đã rơi xuống còn một phần trăm giá trị danh nghĩa, gần như là bằng không. Những người hưởng lợi tức và các nhân viên không còn được chi trả nữa. Nước Pháp khi đó đã gây cho người ta ấn tượng về một miền đất bị chiến tranh tàn phá và bị cư dân của mình bỏ rơi. Những chiếc cầu, những con đê, những tòa nhà bị sụp đổ đã làm cho mọi hình thức giao thông không thể thực hiện được. Những con phố, vắng tanh từ lâu, đã bị những kẻ bắt lương cướp phá. Người ta chỉ có thể đi qua một số tỉnh sau khi mua những giấy thông hành từ tay của bọn cầm đầu băng nhóm ấy. Công nghiệp và thương mại đều tàn lụi. Ở Lyon, 13.000 trên 15.000 xưởng đã phải đóng cửa. Lille, Le Havre, Bordeaux, Lyon, Marseille,... đều như những thành phố chết. Sự khốn cùng và nạn đói đã trở thành phổ biến.

Sự rối loạn về tinh thần cũng không ít hơn. Lối sống xa hoa, khát khao vui thú, những bữa tiệc tối xa xỉ, những món trang sức, những đồ bày trong nhà đã tạo thành nét riêng của một xã hội mới chỉ bao gồm những kẻ đầu cơ chứng khoán, những nhà thầu cung ứng cho quân đội, những nhà tài chính ám muội giàu lên nhờ cướp bóc. Nó tạo cho Paris vẻ bề ngoài sang trọng và hòa nhoáng, khiến biết bao nhà sử học bị ảo tưởng về giai đoạn này, trong đó vẻ tráng lệ ngạo mạn tương phản sâu sắc với cảnh đói khổ rộ khắp trong phần còn lại của xã hội.

Sử biên niên về Ban Đốc chính, như những gì được kể trong sách, giúp chỉ ra những điều không chính xác đã dệt nên cái nền của lịch sử. Giới sân khấu gần đây đã nắm được giai đoạn này, giai đoạn mà thi hiệu thời thượng của nó vẫn đang còn được bắt chước. Nó đã để lại ký ức về một giai đoạn vui sướng, trong đó mọi thứ đều phục hưng sau tấn kịch u ám của thời Khủng bố. Trên thực tế, tuy vậy, chế độ thời Đốc chính không có giá trị gì hơn thời Khủng bố và cũng thật tàn bạo. Cuối cùng nó đã khơi ra biết bao thù hận, đến nỗi các Quan Đốc chính sau khi cảm thấy không thể kéo dài thêm nữa, chính họ đã tìm kiếm một nhân vật độc tài để thay thế và cũng là bảo vệ.

3. Sự đăng quang của Bonaparte.

Chúng ta vừa thấy rằng vào cuối thời kỳ Đốc chính, tình trạng vô chính phủ và sự rối loạn đã đến mức mà mọi người đều đòi hỏi một cách vô vọng sự xuất hiện của con người mạnh mẽ đủ sức khôi phục trật tự.

Từ năm 1795, nhiều đại biểu đã thoáng nghĩ đến việc khôi phục vương quyền. Louis XVIII, vì đã chót công bố một cách vụng về rằng sẽ khôi phục trọn vẹn chế độ cũ, sẽ trả lại các tài sản cho những chủ ban đầu của chúng và sẽ trừng phạt những người Cách mạng, nên đã bị người ta rời bỏ ngay lập tức. Chiến dịch điên rồ ở Quiberon đã làm mất đi những người ủng hộ cho hoàng đế tương lai. Trong suốt thời kỳ Cách mạng, những người bảo hoàng đã tỏ ra bất lực và hẹp hòi về tâm hồn, những tính cách giải thích cho phần lớn biện pháp bắt buộc từng được đưa ra để chống lại họ.

Vì thế chế quân chủ là không khả thi, nên cần phải tìm một vị tướng. Khi ấy duy nhất có một người mà tên tuổi khiến người ta phải quan tâm, đó là Bonaparte. Chiến dịch ở Ý mới đây đã khiến ông ta nổi tiếng. Sau chuyến vượt Alpes, ông ta đã đi từ chiến thắng này đến thắng lợi khác, xâm nhập thành Milan và Venise và ở khắp nơi đều đã thu được những công trạng chiến tranh quan trọng. Sau đó ông đã tiến về hướng thành Vienne và khi còn cách đó chưa đầy 25 dặm đường thì Hoàng đế Áo đã quyết định cầu hòa.

Nhưng dù tên tuổi đã nổi đến đâu, vị tướng trẻ này vẫn cho là còn chưa đủ. Để tăng thêm nữa, ông ta đã thuyết phục Ban Đốc chính rằng cần làm lung lay gốc rễ sức mạnh của nước Anh bằng cuộc xâm nhập vào Ai Cập, và, tháng 4 năm 1798 ông ta lên tàu tại Toulon.

Nhu cầu tăng cường uy thế của ông ta đã xuất phát từ một luận thuyết tâm lý rất đúng đắn, từng được giải thích rất rõ ràng tại Sainte-Hélène :

“Những vị tướng có ảnh hưởng nhất và sáng suốt nhất đã hối thúc một thời gian dài vị tướng của nước

Y thực hiện một cuộc biến động và tự đưa mình lên vị trí đứng đầu Nước Cộng hòa; ông ta đã từ chối: ông ta còn chưa đủ mạnh để chỉ đi một mình. Ông ta có những ý tưởng về nghệ thuật cai trị và về những gì đòi hỏi ở một dân tộc lớn, những ý tưởng khác xa so với các thủ lĩnh cách mạng và các quốc hội, rằng, do không thể hành động đơn độc, ông ta e ngại làm tổn hại đến chí khí của mình. Ông ta đã quyết định đi Ai Cập, nhưng quyết tâm sẽ trở lại, nếu tình huống xuất hiện khiến cho sự hiện diện của ông ta là cần thiết hoặc hữu ích.”

Bonaparte đã không ở lại lâu tại Ai Cập. Được các bạn gọi về, ông lên tàu tại Fréjus và bản thông báo sự trở lại của ông đã gây phấn khích khắp nơi. Người ta trung đèn sáng rực ở mọi nơi. Nước Pháp đã cộng tác trước với cuộc đảo chính được ông ta chuẩn bị cùng với Sieyes, hai vị Quan Đốc chính và các bộ trưởng chủ chốt. Cuộc âm mưu đã được tổ chức trong vòng ba tuần lễ. Việc thực hiện nó, ngày 18 Tháng Sương mù, đã diễn ra cực kỳ dễ dàng.

Tất cả các bên đều cảm nhận được một sự vui mừng khôn xiết khi rũ bỏ được những băng nhóm ác hại từng đè nén và bóc lột đất nước từ rất lâu rồi.

Những người Pháp sẽ phải nếm trải một chế độ có thể là chuyên chế, nhưng nó đã không đến nỗi không thể chịu nổi như từng phải chịu đựng bấy nhiêu năm qua.

Lịch sử của cuộc đảo chính Tháng Sương mù đã chứng minh rất tốt điều mà chúng tôi đã nhắc lại là không thể đưa ra những xét đoán chính xác về những sự kiện với vẻ bề ngoài nổi tiếng nhất và được xác nhận bằng nhiều nhân chứng nhất.

Đã ba chục năm nay, người ta hiểu những ý tưởng về cuộc đảo chính Tháng Sương mù là gì. Người ta đánh giá nó như một tội ác sinh ra từ tham vọng của một con người dựa vào quân đội. Trong thực tế thì quân đội lại không giữ một vai trò nào. Toán quân nhỏ bé từng trực xuất những đại biểu ngoan cố hiểm hoi lại không gồm những người nhà binh, mà là những viên sen đầm, thậm chí là thành viên Quốc hội. Tác giả thực sự của cuộc đảo chính này là bản thân chính phủ với sự đồng phạm của toàn thể nước Pháp.

4. Nguyên nhân gây ra sự kéo dài của Cách mạng Pháp.

Nếu chúng ta giới hạn cuộc Cách mạng Pháp trong thời gian cần thiết để chinh phục những nguyên lý cơ bản: bình đẳng trước luật pháp, tham gia tự do vào các công vụ, quyền tối cao của nhân dân, kiểm soát chi tiêu,... chúng ta có thể nói rằng nó chỉ kéo dài có mấy tháng. Tới khoảng giữa năm 1789, tất cả những điều đó đều đã đạt được, và trong những năm tiếp sau không có thêm điều gì mới. Tuy nhiên, cuộc Cách mạng này đã kéo dài hơn rất nhiều.

Giới hạn thời gian của nó trong những ngày tháng mà các nhà sử học chính thống đã chấp nhận, chúng ta thấy nó diễn ra dai dẳng tới ngày đăng quang của Bonaparte, tức là khoảng 10 năm. Vì sao giai đoạn rối loạn và bạo lực này lại kéo dài đến thời điểm ra đời của những nguyên tắc mới? Không nên tìm nguyên nhân của nó ở những cuộc chiến tranh với nước ngoài, vì đã nhiều lần chúng có thể kết thúc nhanh chóng nhờ sự chia rẽ của các nước liên minh và những chiến thắng của chúng ta. Cũng không nên tìm nó trong cảm tình của người Pháp đối với chính phủ cách mạng. Chưa bao giờ một chế độ lại bị căm ghét và khinh bỉ hơn là chế độ của các Quốc hội. Bằng những cuộc nổi loạn của họ, cũng như những cuộc bỏ phiếu lặp đi lặp lại, một bộ phận to lớn của dân tộc đã thể hiện sự ghê tởm sâu sắc đối với chế độ ấy.

Điều sau cùng này, tức là sự ghét cay ghét đắng của nước Pháp đối với chế độ cách mạng của mình, từng không được đánh giá đúng trong thời gian dài, đã được các nhà sử học gần đây làm rõ. Tác giả của cuốn sách cuối cùng về Cách mạng Pháp, ngài Madelin, đã tóm tắt một cách hoàn hảo quan điểm của họ bằng những từ ngữ sau đây:

“Kể từ 1793, một đảng ít người đã chiếm lĩnh nước Pháp, thống lĩnh Cách mạng Pháp và Nhà nước Cộng hòa. Giờ đây, ba phần tư nước Pháp cầu mong cho Cách mạng dừng lại hay đúng hơn là giải

thoát khỏi những kẻ lợi dụng bỉ ổi; nhưng những điều đó sẽ duy trì đất nước bất hạnh bằng cả nghìn cách... Vì họ cần đến sự Khủng bố để cai trị, nên họ trừng phạt bất kỳ ai đó có vẻ như vào một thời điểm nào đó sẽ muốn đổi chọi lại sự Khủng bố, mặc dù họ có thể là những đầy tớ tốt nhất của Cách mạng.”

Cho tới tận lúc kết thúc chế độ Đốc chính, sự cầm quyền được thực hiện bởi phái Jacobin, những người chỉ mong muốn bảo toàn, bằng quyền lực, những của cải đã tích tụ được nhờ giết chóc và cướp phá, và sẵn sàng trao nước Pháp cho những ai đảm bảo cho họ việc sở hữu chúng một cách tự do. Nếu họ đã thỏa thuận với Napoleon về cuộc đảo chính Tháng Sương mù, thì điều đó duy nhất vì họ đã không thể hiện thực hóa những ước mong của mình với Louis XVIII.

Nhưng vậy thì phải giải thích ra sao việc một chính phủ chuyên quyền đến thế và đáng phi nhò đến thế lại có thể trụ được suốt bấy nhiêu năm?

Đó không chỉ bởi tôn giáo cách mạng vẫn còn tồn tại được trong tâm hồn, cũng không vì nó đã buộc người ta phải chấp nhận bằng phương cách truy hại và tàn bạo, mà trước hết, như tôi đã nói, là bởi chính mối lợi to lớn mà một bộ phận đáng kể dân chúng muốn tiếp tục duy trì nó.

Điều đó là chủ yếu. Nếu Cách mạng vẫn còn là một tôn giáo lý thuyết, nó có lẽ sẽ không thể kéo dài. Nhưng tín ngưỡng này vừa mới được thành lập đã nhanh chóng thoát ra khỏi lĩnh vực lý thuyết thuần túy.

Cuộc Cách mạng Pháp đã không giới hạn ở việc tước bỏ quyền lực hành pháp của nhà nước quân chủ, của giới quý tộc và giới tăng lữ. Bằng cách chuyển giao vào tay giai cấp tư sản và đông đảo nông dân việc làm và của cải của những giai cấp cũ có đặc quyền, nó đồng thời đã biến họ thành những người bảo vệ kiên cường của chế độ. Tất cả những người được mua tài sản vừa tước của giới quý tộc và giới tăng lữ đều đã nhận được đất đai và các lâu đài với giá rẻ mạt, và đều rất sợ sự quay lại của chế độ quân chủ sẽ buộc họ phải hoàn trả toàn bộ.

Chính một phần quan trọng là do những nguyên nhân này, mà một chính phủ trong thời bình không bao giờ được ủng hộ, đã có thể tồn tại dai dẳng cho tới khi một nhà lãnh đạo bậc thầy khôi phục được trật tự, đồng thời còn hứa hẹn duy trì những thành quả đã giành được không chỉ về mặt tinh thần, mà trước hết là vật chất của Cách mạng. Bonaparte trong khi hiện thực hóa những điều mong muốn này, đã thấy mình được đón nhận với sự nhiệt thành, phấn khởi. Những sự chinh phục về vật chất còn gây tranh cãi và những nguyên tắc lý thuyết còn bấp bênh đã được ông ta đưa vào những thiết chế và những bộ luật. Sẽ là một sai lầm khi nói rằng Cách mạng Pháp đã kết thúc với việc đăng quang của ông ta. Còn xa mới làm mất uy tín được nó, và ông ta thực tế đã củng cố thêm nó.

Chương II. Sự tái lập trật tự. Nền Cộng hòa Tổng tài

1. Sự nghiệp của Cách mạng Pháp đã được Chế độ Tổng tài củng cố như thế nào?

Lịch sử của Chế độ Tổng tài cũng phong phú về những tư liệu tâm lý học. Trước hết nó cho thấy sự nghiệp của một con người với cá tính mạnh mẽ có thể vượt trội hơn sự nghiệp của những tập thể như thế nào. Bonaparte đã ngay lập tức cho thay thế chế độ quân chủ đầm máu, trong đó nền Cộng hòa đã phải vật lộn suốt 10 năm, bằng một giai đoạn có trật tự. Điều mà không một quốc hội nào của Cách mạng có thể làm được, bất chấp những sự áp bức tàn bạo, lại có thể được một con người duy nhất làm tròn trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Uy thế của ông ta đã đặt dấu chấm hết ngay tức thì cho mọi cuộc khởi nghĩa ở Paris, cho mọi mưu toan khôi phục chế độ quân chủ và tái tạo sự thống nhất về tinh thần của nước Pháp từng bị chia rẽ sâu sắc bởi những hận thù căng thẳng.

Bonaparte đã thay thế sự chuyên chế tập thể vô tổ chức bằng một sự chuyên chế cá nhân có tổ chức. Ở đây mọi người đều thắng, bởi vì sự chuyên chế của ông ta ít nặng nề hơn rất nhiều so với những gì đã phải chịu đựng suốt 10 năm qua. Tuy nhiên, phải tin rằng nó chỉ gây khó chịu cho số ít người, bởi vì ta

thấy nó đã được tiếp nhận với sự phấn khích vô hạn.

Ngày nay người ta không thể nhắc lại, như các nhà sử học xưa, là Bonaparte đã lật đổ nền Cộng hòa. Ông ta, trái lại, đã giữ lại từ nó tất cả những gì có thể giữ lại được và không khi nào chúng có thể được giữ lại mà không có ông ta, bằng cách đưa vào các thiết chế và các bộ luật những thành tựu có sức sống nhất của sự nghiệp cách mạng: phế bỏ đặc quyền, bình đẳng trước pháp luật,... Chính phủ Tổng tài, dù vậy, vẫn tiếp tục tự gọi mình là Nước Cộng hòa.

Hoàn toàn có khả năng nếu không có Chế độ Tổng tài, thì một sự khôi phục nền quân chủ khi kết thúc chế độ Độc chính đã có thể xóa hết những thành quả lớn nhất của cuộc Cách mạng. Hãy thử giả thiết rằng, trên thực tế, Bonaparte đã bị xóa khỏi lịch sử. Không ai có thể hình dung, tôi nghĩ vậy, rằng đứng trước sự hèn nhát phổ biến, chế độ Độc chính sẽ có thể kéo dài được. Nó chắc là đã bị lật đổ bởi một trong những âm mưu bảo hoàng vốn được giảng ra hằng ngày và Louis XVIII có thể đã trở lại ngai vàng. Dĩ nhiên, ông ta sẽ lên ngôi 16 năm sau, nhưng trong giai đoạn này Napoleon đã kịp khắc sâu những nguyên lý của Cách mạng, bằng cách định hình chúng trong những tập quán và những bộ luật, một sức mạnh đến mức mà ông vua được phục hồi đã không dám động chạm đến nó nữa, và cũng không hoàn trả cho phái đào vong những của cải của họ.

Mọi chuyện sẽ hoàn toàn khác nếu Louis XVIII kế tục ngay sau Ban Độc chính. Đó là chính thể chuyên chế của chế độ cũ mà ông ta có thể sẽ mang theo mình, và để bãi bỏ ông ta, có lẽ cần phải làm những cuộc cách mạng khác nữa. Người ta biết rằng chỉ một mưu toan giản đơn trở lại quá khứ cũng đã lật đổ Charles X.

Sẽ là ngây thơ đôi chút nếu phẫn nộ với sự chuyên chế của Bonaparte. Dưới chế độ cũ, người Pháp đã từng chịu đựng mọi sự chuyên chế và nhà nước Cộng hòa còn áp đặt sự chuyên chế khắc nghiệt hơn nhiều. Chính thể chuyên chế khi đó từng là một trạng thái bình thường và chỉ gây nên những phản kháng một khi nó kèm theo sự rối loạn.

Một quy luật bất biến của tâm lý học dám đông chỉ ra cho chúng ta rằng họ như là người gây ra tình trạng vô chính phủ, rồi đi tìm nhà lãnh đạo bậc thầy để tạo cho họ khả năng thoát khỏi tình cảnh đó. Bonaparte chính là bậc thầy mà họ cần tìm.

2. Cơ cấu mới của nước Pháp dưới thời Chế độ Tổng tài.

Trên đường lên nắm quyền, Bonaparte đã đảm nhận một nhiệm vụ hết sức nặng nề. Tất cả đều đổ nát, phải làm lại tất cả. Ngay ngày hôm sau cuộc đảo chính Tháng Sương mù, ông đã biên soạn, hầu như một mình, bản Hiến pháp nhằm tạo cho mình quyền lực tuyệt đối cần cho việc tổ chức lại đất nước và chế ngự những bọn phiến loạn. Trong vòng một tháng nó đã được hoàn thành.

Bản Hiến pháp này, gọi là của Năm thứ VIII, đã tồn tại với những sửa đổi nhỏ cho tới cuối thời gian trị vì của ông. Quyền hành pháp được trao cho ba vị Tổng tài, trong đó hai vị chỉ có tiếng nói tư vấn. Vị Tổng tài thứ nhất, Bonaparte, như vậy là ông chủ duy nhất của nước Pháp. Ông ta phong chức cho các bộ trưởng, các cố vấn cấp Quốc gia, các đại sứ, các quan tòa, các viên chức và đã quyết định chiến tranh hay hòa bình. Ông cũng nắm quyền lập pháp, bởi lẽ chỉ riêng ông có sáng kiến đưa ra những bộ luật về sau được trình cho ba Hội đồng - Hội đồng Nhà nước, Viện dự luật và Đoàn lập pháp. Một Hội đồng thứ tư, Thượng viện, giữ vai trò khá mờ nhạt của Người bảo hiến.

Vốn là người chuyên chế và nhất là đã trở thành người chuyên chế đến cao độ, Bonaparte bao giờ cũng tập trung quanh mình các cố vấn, trước khi đưa ra một biện pháp dù là nhỏ. Đoàn lập pháp đã tỏ ra không có nhiều uy thế dưới thời trị vì của ông, nhưng ông ta đã không ký bất kỳ một nghị định nào mà không qua thảo luận với Hội đồng Nhà nước. Hội đồng này được cơ cấu từ những người có học vấn nhất đã chuẩn bị những bộ luật đề sau đó trình lên Đoàn lập pháp để Đoàn này phê phán một cách tự do, bởi vì sẽ bỏ phiếu kín. Do Bonaparte chủ trì, Hội đồng Nhà nước tạo thành một dạng toà án tối cao, vì nó phán xử cả những hành động của các bộ trưởng.

Ông chủ mới từng có lòng tin to lớn vào Hội đồng Nhà nước của mình, bởi vì nó bao gồm trước hết là những nhà cổ vấn luật học nổi tiếng và mỗi người đều nói theo chuyên ngành của mình. Ông cũng là nhà tâm lý rất giỏi để hết sức dè chừng những nhóm lớn người bất tài mang nguồn gốc dân dã mà vai trò gây chết chóc của chúng ông đã thấy trong suốt thời gian cuộc Cách mạng Pháp.

Mong muốn cầm quyền vì dân, nhưng không bao giờ với sự hợp tác của họ, Bonaparte không dành cho họ một chút nào công việc cai trị, mà chỉ giữ cho họ quyền bỏ phiếu, một lần cho tất cả, tán thành hay phản đối việc thông qua bản Hiến pháp mới. Ông chỉ cần đến sự bỏ phiếu phổ thông trong những hoàn cảnh hiểm hoi. Các thành viên của Đoàn Lập pháp là do chính các thành viên tuyển chọn với nhau, chứ không phải là do dân bầu.

Trong khi soạn thảo bản Hiến pháp nhằm duy nhất mục tiêu tăng cường quyền lực của mình, vị Đệ nhất Tổng tài không hề có ảo tưởng rằng nó sẽ giúp cho việc tổ chức lại đất nước. Bởi vậy, song song với việc chỉnh sửa nó, ông cũng đã thực hiện một nhiệm vụ vô cùng to lớn tổ chức lại nền hành chính, pháp lý và tài chính của nước Pháp. Nhiều quyền lực khác nhau đã được tập trung ở Paris. Mỗi tỉnh đều được quản lý bằng một tỉnh trưởng được hỗ trợ bởi một hội đồng chung; quận được quản lý bởi quận trưởng được hỗ trợ bởi một hội đồng quận; xã, bởi một xã trưởng và được hỗ trợ bởi một hội đồng cấp xã. Tất cả đều do các bộ trưởng bổ nhiệm, chứ không thông qua bầu cử như dưới thời nền Cộng hòa.

Hệ thống này đã có tác dụng tạo ra quyền lực tuyệt đối của Nhà nước và một sự tập trung hóa có hiệu lực, đã được duy trì qua mọi chế độ và vẫn còn sức sống tới ngày nay. Mặc dù còn có những bất tiện rõ ràng, nhưng vì sự tập trung hóa vẫn là phương tiện duy nhất giúp tránh được nạn chuyên quyền ở địa phương trong một quốc gia bị chia cắt sâu sắc, nên nó vẫn luôn luôn được duy trì.

Công cuộc tổ chức này được thực hiện dựa trên sự hiểu biết sâu sắc tâm hồn người Pháp đã lập tức tạo ra sự yên ổn và trật tự mà đã bao lâu nay không được biết đến.

Để kết thúc sự trấn yên tinh thần, những người bị lưu đầy được gọi trở về, và các nhà thờ được trả lại cho các giáo dân.

Trong khi tiếp tục xây dựng lại cơ cấu này, Bonaparte đồng thời cũng lo việc biên tập một bộ quy tắc mà phần lớn nội dung của nó nói về những tập quán vay mượn từ chế độ cũ. Đó là, như người ta đã nói, một dạng “thỏa hiệp giữa pháp luật mới và pháp luật cũ”.

Đứng trước một công trình khổng lồ được Vị Tổng tài thứ nhất hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn đến thế, người ta hiểu rằng để thực hiện nó, trước hết ông ta cần có một bản Hiến pháp trao cho ông ta quyền lực tuyệt đối. Nếu như tất cả những biện pháp được ông sử dụng để tái tạo nước Pháp phải thông qua những hội nghị của các luật sư, thì ông sẽ không bao giờ thoát khỏi được sự hỗn loạn.

Bản Hiến pháp năm thứ VIII rõ ràng đã biến nhà nước Cộng hòa thành một nhà nước quân chủ, ít ra cũng chuyên chế tuyệt đối như nhà nước quân chủ thuộc “quyền của Chúa” dưới thời Louis XIV. Vì là một Hiến pháp duy nhất thích hợp với nhu cầu đương thời, nó đã thể hiện một sự tất yếu về tâm lý.

3. Những yếu tố tâm lý học từng quyết định sự thành công của sự nghiệp của Chế độ Tổng tài.

Tất cả những lực bên ngoài có tác động đến con người, như các lực kinh tế, lịch sử, địa lý,... sau cùng đều chuyển hóa thành những lực tâm lý. Chính những lực sau cùng này cần được người điều hành thấu hiểu để quản lý tốt. Các Quốc hội Cách mạng đã hoàn toàn không hiểu được chúng. Bonaparte đã biết cách vận dụng chúng.

Những quốc hội khác nhau, trước hết là Hội Quốc ước, từng được cấu thành bởi những phe nhóm tranh đấu với nhau. Napoleon đã hiểu rằng để có thể điều khiển được chúng, ông ta không nên trở thành thành viên của bất cứ nhóm nào trong số ấy. Nhờ hiểu rất tốt rằng giá trị của một quốc gia nằm phân tán giữa những trí tuệ cao cấp của các đảng khác nhau, ông ta đã cố gắng tận dụng tất cả. Những viên chức chính phủ của ông, như các bộ trưởng, tỉnh trưởng, quan tòa,... đã được tuyển chọn một cách

không phân biệt trong số những người tự do, bảo hoàng, người của phái Jacobin,... chỉ quan tâm đến năng lực của họ.

Trong khi chấp nhận hoàn toàn sự hợp tác của những con người thuộc chế độ cũ, Bonaparte đã chăm lo tốt việc làm cho người ta hiểu rằng ông muốn duy trì các nguyên lý cơ bản của Cách mạng Pháp. Nhiều người bảo hoàng cũng đã đến với chế độ mới.

Một trong những công trạng đáng kể nhất của chế độ Đốc chính, nhìn từ góc độ tâm lý học, là đã khôi phục được hòa bình về tôn giáo. Nước Pháp đã bị chia rẽ bởi những bất đồng tôn giáo nhiều hơn rất nhiều so với những bất đồng chính trị. Sự phá hủy có hệ thống một phần xứ Vendee đã hầu như kết thúc hoàn toàn cuộc chiến vũ trang, nhưng đã không hòa giải được về tinh thần. Vì chỉ có một người duy nhất, thủ lĩnh của những người theo đạo Cơ đốc, có thể tạo thuận lợi cho sự trấn an này, Bonaparte đã không do dự hiệp thương với ông ta. Thỏa ước của ông ta là công trình của một nhà tâm lý học thực thụ, vì biết rằng những lực lượng tinh thần không dùng bạo lực để chiến đấu và thật nguy hiểm biết bao nếu truy hại họ. Trong khi chú tâm dàn xếp với tầng lớp tăng lữ, ông đồng thời cũng đã biết cách đặt họ dưới sự kiểm chế của mình. Thu xếp để Nhà nước phong chức và trả lương cho các giám mục, và ông ta vẫn là ông chủ của tất cả.

Sự thỏa hiệp tôn giáo của Napoleon đã từng có một ý nghĩa mà những người Jacobin hiện đại của chúng ta cũng không nhận ra được. Bị mù quáng bởi sự cuồng tín hẹp hòi của mình, họ không hiểu được rằng tách Nhà thờ khỏi sự quản lý đồng nghĩa với việc tạo ra một Nhà nước trong Nhà nước, và một ngày nào đó họ sẽ thấy mình phải đối đầu với một giai tầng đáng sợ do một ông chủ bên ngoài nước Pháp, và dĩ nhiên là thù nghịch với nước Pháp, chỉ đạo. Cho kẻ thù quyền tự do mà chúng chưa từng sở hữu là một việc rất nguy hiểm. Chưa bao giờ Napoleon, cũng như bất kỳ một vị vua công giáo nào trước ông đồng ý cho giới tăng lữ độc lập với Nhà nước, như họ đã trở thành độc lập ngày nay. Những khó khăn của Bonaparte Tổng tài Thứ nhất đã vượt xa những khó khăn mà ông phải vượt qua sau khi đăng quang. Chỉ nhờ sự hiểu biết sâu sắc của mình về con người mà ông đã chiến thắng mọi khó khăn. Vị chúa tể tương lai vẫn còn xa mới trở thành chúa tể. Nhiều tỉnh lúc ấy vẫn còn đang nổi dậy. Nạn cướp bóc vẫn còn dai dẳng, Miền Nam đã bị tàn phá bởi những cuộc chiến đấu của quân du kích. Bonaparte Tổng tài còn phải thu phục và sử dụng Talleyrand, Fouché và nhiều vị tướng khác, vốn tự coi mình là ngang hàng với ông ta. Chính những anh em trai ruột thịt cũng đã từng mưu phản chống lại quyền lực của ông ta. Napoleon Hoàng đế đã không còn thấy bất kỳ một phe phái chống đối nào trước mặt, nhưng khi là Tổng tài ông ta đã phải đối mặt với tất cả và đã buộc phải hết sức vô tư đối với họ. Đó chắc phải là một nhiệm vụ rất khó khăn, bởi lẽ đã một thế kỷ qua rất ít chính phủ thực hiện được điều đó.

Sự thành công của một mưu chước như vậy đã đòi hỏi một sự pha trộn rất tinh tế của những mưu mẹo khôn ngoan, của sự cứng rắn và của tài ngoại giao. Khi còn chưa cảm thấy đủ mạnh, Bonaparte Tổng tài đã đưa ra quy tắc, theo cách diễn đạt của ông ta, “cai trị con người như cách mà lực lượng đông đảo nhất muốn được cai trị”. Sau khi trở thành Hoàng đế, ông ta đã thường có dịp cai trị họ theo lý tưởng riêng của mình.

Ngày nay chúng ta đã cách xa thời kỳ mà các nhà sử học, rất mù quáng, và những nhà thơ lớn nhiều tài năng hơn là tâm lý học, chống đối lại cuộc đảo chính Tháng Sương mù bằng lời lẽ đầy phẫn nộ. Phải cần đến những ảo tưởng tốt bậc để khẳng định rằng “nước Pháp đã rất đẹp dưới mặt trời rực rỡ của Messidor” (*Tháng Gặt hái - tháng thứ hai, lịch Cộng hòa, từ 20 tháng 6 đến 19 tháng 7 - ND*), và những ảo tưởng khác cũng không kém phần rực rỡ để làm cơ sở cho việc đánh giá giai đoạn này như Victor Hugo đã làm. Chúng ta đã thấy “Tội ác Tháng Sương mù” từng có những kẻ đồng lõa nhiệt tình, không những là bản thân chính phủ mà còn là cả nước Pháp được nó giải thoát khỏi tình trạng vô chính phủ.

Người ta có thể tự hỏi rằng làm thế nào mà những con người thông minh đã phán xét sai lầm đến thế về một giai đoạn lịch sử vốn đã khá rõ ràng. Đó chắc chắn là vì họ đã nhìn nhận các sự kiện theo niềm tin của mình và chúng ta biết sự thật đã phải trải qua những biến đổi nào đối với những con người giam mình trong vòng vây của tín ngưỡng. Những sự kiện sáng chói nhất lại bị lu mờ, và lịch sử của các sự kiện trở thành lịch sử những giấc mơ của nó.

Nhà tâm lý học có ước muốn hiểu được thời đại mà chúng tôi vừa phác họa một cách ngắn gọn, chỉ có thể thực hiện được điều đó nếu anh ta, do không gắn mình vào một đảng phái nào, tự thấy mình được giải tỏa khỏi những ham muốn thể hiện tâm hồn của các đảng phái. Anh ta không bao giờ có ý nghĩ đả kích lại một quá khứ được xây nên từ biết bao nhu cầu khẩn thiết. Chắc chắn Napoleon rất có giá trị đối với chúng ta; bản hùng ca của ông ta đã kết thúc bằng hai cuộc xâm lược và chúng ta có thể đã phải trải qua cuộc chiến ấy một lần thứ ba nữa, mà đến nay chúng ta vẫn còn cảm nhận được những hệ quả của nó, khi mà uy tín do ông ta tác động từ đáy mồ đã đặt lên ngai vàng người thừa kế tên tuổi của ông ta.

Tất cả những sự kiện này đều có mối liên hệ chặt chẽ trong cội nguồn của chúng. Chúng là cái giá chuộc của hiện tượng hàng đầu trong bước tiến hóa của một dân tộc, sự thay đổi của lý tưởng. Con người không bao giờ có thể cắt đứt một cách đột ngột với tổ tiên của mình mà không làm đảo lộn sâu sắc tiến trình lịch sử của nó.

Chương III. Những hệ quả chính trị của sự xung đột giữa truyền thống và các nguyên lý cách mạng trong thời gian một thế kỷ

1. Những nguyên nhân tâm lý của các phong trào cách mạng được tiếp diễn tại Pháp.

Khi nghiên cứu trong chương sắp tới về sự tiến hóa của các tư tưởng cách mạng trong một thế kỷ vừa qua, chúng ta sẽ thấy là chúng lan truyền khá chậm qua những tầng lớp khác nhau của dân tộc trong hơn năm mươi năm.

Trong suốt giai đoạn này, một bộ phận lớn của nhân dân và giới tư sản đã chối bỏ chúng và sự khuếch tán của chúng chỉ được thực hiện bởi một số rất hạn hẹp những người truyền bá. Tuy vậy, ảnh hưởng của chúng cũng đủ để gây ra nhiều cuộc cách mạng, trước hết là nhờ ở những lỗi lầm của chính phủ. Chúng tôi sẽ tóm lược chúng sau khi nghiên cứu những ảnh hưởng về tâm lý đã sinh ra chúng.

Lịch sử của các cuộc đảo lộn chính trị của chúng ta từ một thế kỷ qua đã đủ để chứng minh, nếu chúng ta còn chưa biết đến chúng, rằng con người bị cai trị bởi tâm tính của mình nhiều hơn rất nhiều so với ảnh hưởng của các thiết chế mà người ta muốn áp đặt cho họ.

Các cuộc cách mạng nối tiếp của chúng ta là hệ quả của những cuộc đấu tranh giữa hai bộ phận của dân tộc với tâm tính khác nhau. Một bộ phận mang tính chất tôn giáo và quân chủ bị chi phối bởi những ảnh hưởng lâu đời của tổ tiên, bộ phận kia cũng chịu những ảnh hưởng tương tự, nhưng lại tạo cho nó một dạng thức cách mạng.

Ngay từ những bước đầu Cách mạng, cuộc đấu tranh giữa những tâm tính đối nghịch nhau đã biểu hiện rõ nét. Chúng ta đã thấy rằng bất chấp sự đàn áp gây kinh hoàng, những cuộc nổi dậy và những cuộc mưu phản vẫn kéo dài cho tới cuối thời Đốc chính. Chúng ta thấy những truyền thống của quá khứ đã để lại biết bao gốc rễ sâu xa trong tâm hồn nhân dân. Vào một thời điểm nhất định, 60 tỉnh đã nổi dậy chống lại chế độ mới và chỉ bị dồn ép bởi những cuộc tàn sát dồn dập trên một không gian rộng lớn. Tạo một dạng thỏa hiệp giữa chế độ cũ và những tư tưởng mới là một trong những vấn đề khó nhất mà Bonaparte phải giải quyết. Ông ta buộc phải tìm ra những thiết chế khả dĩ phù hợp với hai tâm tính đang chia rẽ nước Pháp. Chúng ta thấy là ông ta đã thành công bằng những biện pháp hòa giải và cũng bằng cách khoác cho các đồ vật rất cổ những cái tên mới.

Sự trị vì của ông ta là một trong những thời kỳ hiếm hoi trong lịch sử nước Pháp, khi sự thống nhất về tinh thần của nước Pháp được trọn vẹn.

Sự thống nhất này đã không thể tiếp tục tồn tại sau khi ông ta thất thế. Ngay từ hôm sau ngày ông ta sụp đổ, tất cả những phe đảng cũ đều đã tái xuất hiện và còn tồn tại cho tới ngày nay.

Một số gắn bó với những ảnh hưởng của truyền thống, số khác lại gạt bỏ chúng mạnh mẽ.

Nếu sự xung đột lâu dài này diễn ra giữa những tín đồ và những người thờ ơ về tôn giáo, nó chắc là đã không kéo dài, bởi vì sự thờ ơ luôn khoan dung, nhưng cuộc đấu tranh trong thực tế đã diễn ra giữa những tín đồ đối lập nhau. Nhà thờ phi giáo hội nhanh chóng tiếp nhận một dáng vẻ tôn giáo và cái chủ nghĩa duy lý mạo xưng của nó đã trở nên một dạng được giảm nhẹ chút ít, nhất là ngày nay, của tinh thần tăng lữ hẹp hòi nhất. Nhưng chúng tôi đã chỉ rõ là không có một sự hòa giải nào là khả dĩ giữa những tín ngưỡng khác nhau. Những tăng lữ cầm quyền, do đó, đã không thể tỏ ra rộng lượng hơn đối với những người tư duy tự do, cũng như, đến lượt mình, những người này cũng đối xử với họ vậy.

Thêm vào sự chia rẽ bắt nguồn từ sự khác biệt tín ngưỡng này còn chồng chất thêm những khác biệt bắt nguồn từ những luận thuyết chính trị xuất phát từ những tín ngưỡng ấy.

Rất nhiều tâm hồn chất phác trong một thời gian dài đã tin rằng lịch sử thật sự của nước Pháp được bắt đầu với Năm thứ I của nền Cộng hòa. Khái niệm sơ đẳng này, tuy nhiên, ngày nay đã bớt đi phần nào. Chính những nhà cách mạng cứng rắn nhất đang từ bỏ nó và giờ đây rất muốn thừa nhận rằng quá khứ là thứ gì đó tốt hơn là một thời kỳ tàn bạo đen tối bị thống trị bởi những thói mê tín dị đoan.

Nguồn cội tôn giáo của phần lớn tín ngưỡng ở Pháp khơi gợi trong các tín đồ của mình một sự thù hận không thể dập tắt, một yếu tố luôn khiến người nước ngoài phải kinh ngạc.

“Không có gì rõ ràng hơn, không có gì chắc chắn hơn, ngài Barret-Wendell viết trong cuốn sách của mình về nước Pháp, điều này: không chỉ những người bảo hoàng, những người cách mạng và những người ủng hộ Bonaparte luôn luôn tạo ra sự đối lập chết người, mà thậm chí dù sẵn có sự nhiệt tình đến say mê của tính cách Pháp, họ vẫn luôn luôn gây cho nhau một nỗi khiếp sợ về tinh thần sâu sắc. Những người tin rằng mình đang sở hữu chân lý không thể ngăn mình khẳng định rằng những người không tư duy giống như mình đều là những kẻ đồng lõa với sai lầm.

Mỗi bên đều sẽ trịnh trọng nói với bạn rằng các luật sư của bên đối lập đều bị khổ sở vì một sự ngớ ngẩn không dễ nhìn ra được hoặc đều gian dối một cách cố ý. Nhưng khi bạn gặp những luật sư ấy, những người này cũng nói với bạn đúng những điều tương tự về những kẻ đã gièm pha họ, bạn sẽ không thể làm gì khác là công nhận, với tất cả thiện ý, rằng họ không hề ngớ ngẩn và cũng không gian dối...”

Sự ghét cay ghét đắng lẫn nhau như vậy của các tín đồ thuộc mỗi bên ở nước ta đã luôn tạo dễ dàng cho sự lật đổ các chính phủ và các bộ trưởng. Những phe phái thiểu số không bao giờ từ chối liên minh với với phe chiến thắng. Chúng ta biết rằng một số lớn những người cách mạng thuộc phái Xã hội đã được bầu vào Nghị viện hiện nay là nhờ có sự ủng hộ của những người theo chủ nghĩa quân chủ vẫn còn thiếu hiểu biết như trong thời kỳ Cách mạng Pháp.

Những sự bất đồng về tôn giáo và chính trị của chúng ta không phải là những nguyên nhân duy nhất của sự bất hòa tại Pháp. Chúng được duy trì bởi những người có tâm tính đặc biệt đã được mô tả trên đây với cái tên là tâm tính cách mạng. Chúng ta đã thấy mỗi thời đại luôn luôn có một số nhất định những cá thể sẵn sàng nổi dậy chống lại trật tự đã được xác lập của các sự vật, bất luận trật tự ấy là gì, kể cả khi nó đã thực hiện mọi điều mong muốn của họ.

Sự không khoan dung của các phe đảng ở Pháp và ước muốn cướp chính quyền của chúng còn được tạo thuận lợi thêm nhờ niềm tin rất phổ biến trong thời kỳ Cách mạng rằng các xã hội có thể tạo dựng lại bằng luật pháp. Nhà nước hiện đại, dù người đứng đầu của nó là ai, theo con mắt của quần chúng và các thủ lĩnh của họ, đã thừa kế quyền lực thần bí từng được gán cho các vị vua xưa, trong khi các vị vua lại được coi như sự hiện thân của ý chí thần thánh. Nhân dân không phải là những người duy nhất được khích lệ bởi lòng tin vào sức mạnh của Chính phủ. Tất cả các nhà lập pháp của chúng ta cũng

đều như vậy.

Làm luật không ngừng, những kẻ đầu cơ chính trị không thể hiểu được rằng các thiết chế vốn là những kết quả chứ không phải là nguyên nhân, nên không mang trong mình bất kỳ một hiệu lực nào. Là người thừa kế những ảo tưởng cách mạng lớn, họ không nhìn thấy rằng con người được tạo ra bởi một quá khứ mà chúng ta bất lực trong việc làm lại những cơ sở của nó.

Cuộc đấu tranh giữa các nguyên lý gây chia rẽ nước Pháp đã được duy trì từ hơn một thế kỷ, chắc chắn sẽ còn tiếp tục trong thời gian dài nữa và không ai có thể tiên đoán những cuộc đảo lộn mới mà cuộc đấu tranh ấy có thể sinh ra. Dĩ nhiên, nếu những người Athenes trước thời đại của chúng ta đã từng đoán được rằng những sự bất hòa về xã hội của họ có thể dẫn tới sự lệ thuộc hóa đất nước Hi Lạp, thì chắc là họ đã phải từ bỏ điều đó, nhưng làm sao mà họ đã có thể tiên đoán? Ngài Guiraud đã mô tả chính điều đó: “Một thế hệ con người rất hiếm khi nhận thấy công việc mình đã làm. Nó chuẩn bị tương lai; nhưng cái tương lai ấy lại thường trái ngược với điều nó mong muốn.”

2. Tóm lược về các phong trào cách mạng tại Pháp trong vòng một thế kỷ.

Những nguyên nhân về tâm lý của các phong trào cách mạng ở Pháp từ một thế kỷ qua vừa được lý giải ở trên, giờ đây chỉ cần đưa ra một bảng tóm tắt về các cuộc cách mạng kế tiếp nhau của chúng ta. Các hoàng đế của những nước liên minh sau khi đánh bại Napoleon, đã đưa nước Pháp trở về trong biên giới cũ và đưa Louis XVIII lên ngôi, một vị vua duy nhất khả dĩ lúc đó.

Bằng một hiến chương đặc biệt, nhà vua mới đã chấp nhận làm một vị vua theo chế độ quân chủ lập hiến với một chính thể đại nghị. Ông ta đã công nhận tất cả những thành quả của cuộc Cách mạng: Bộ Luật dân sự, sự bình đẳng trước pháp luật, tự do tín ngưỡng, tính không thể thu hồi của giấy bán tài sản quốc gia,... Quyền phổ thông đầu phiếu, tuy nhiên, được giới hạn cho những người nộp một khoản tiền thuế nhất định.

Bản Hiến pháp tự do này đã bị phái bảo hoàng cực đoan chống lại. Từng là những người thuộc phái đào vong, họ muốn được hoàn trả những tài sản quốc gia và khôi phục những đặc quyền xưa của họ. Lo ngại rằng một phản ứng như vậy có thể kéo theo một cuộc cách mạng mới, Louis XVIII đã hạ xuống mức giải tán Nghị viện. Sau khi những cuộc bỏ phiếu đã bầu ra được các đại biểu ôn hòa, ông ta đã có thể tiếp tục cai trị bằng chính những nguyên tắc trước, vì hiểu rất rõ rằng ý muốn đưa những người Pháp trở lại thể chế cũ có thể sẽ khiến họ nổi dậy.

Tiếc rằng cái chết của ông ta, năm 1824, đã đưa bá tước xưa của xứ Artois xưa, Charles X lên ngôi vàng. Rất thiện cận, không có khả năng hiểu được thế giới mới quanh mình, và khoe khoang là đã không thay đổi các ý tưởng của mình kể từ năm 1789, ông ta đã chuẩn bị một loạt những đạo luật phản động: luật về tiền bồi thường một tỉ cho những kẻ đào vong, luật về tội phạm thượng, khôi phục quyền con trưởng, ưu thế của giới tăng lữ,...

Vì đa số các đại biểu đã ngày càng tỏ ra đối nghịch hơn với các dự án của ông ta, ông ta đã ban bố, năm 1830, lệnh giải tán Nghị viện, đồng thời xóa bỏ quyền tự do báo chí và chuẩn bị cho việc khôi phục lại thể chế cũ.

Hiệu ứng đã có ngay tức thời. Hành động chuyên chế này đã dẫn đến một liên minh các thủ lĩnh của tất cả các đảng phái. Những người Cộng hòa, những người theo phái Bonaparte, những người bảo hoàng tự do đã liên minh với nhau để thúc đẩy nhân dân Paris nổi dậy. Bốn ngày sau khi công bố các Lệnh ấy, những người nổi dậy đã trở thành những ông chủ của thủ đô và Charles X đã phải chạy trốn sang Anh quốc.

Những thủ lĩnh của phong trào: Thiers, Casimir-Perier, Lafayette, v.v, đã triệu Louis-Philippe, người mà nhân dân không hề biết đến, về Paris và tôn lên làm vua của nước Pháp.

Được đặt vào vị trí giữa sự bàng quan của nhân dân và sự thù nghịch của giới quý tộc vẫn còn trung thành với triều đại hợp pháp, nhà vua mới đã dựa chủ yếu vào giới tư sản. Do một bộ luật bầu cử đã

quy định giảm số lượng người bỏ phiếu xuống dưới hai trăm nghìn, giai cấp này đã giữ vai trò độc quyền trong chính phủ.

Tình thế của hoàng đế đã từng không dễ dàng. Ông ta đã phải cùng một lúc đấu tranh chống lại những người của phái Chính thống ủng hộ Henri V, cháu nội của Charles X; chống lại những người theo chính thể Bonaparte đang coi Louis-Napoléon, cháu ruột của Hoàng đế, như thủ lĩnh của mình, và sau nữa là chống những người Cộng hòa.

Qua những hội kín của mình, tương tự như các câu lạc bộ thời Cách mạng, những người này đã gây ra, từ năm 1830 đến 1840, rất nhiều cuộc dấy loạn, nhưng đều bị dập tắt dễ dàng.

Về phần mình, những người của phái Chính thống và của giới tăng lữ vẫn không ngừng thực hiện những cuộc vận động ngầm. Bà công tước xứ Berry, mẹ của Henri V, đã cố một cách vô vọng thúc đẩy xứ Vendee nổi dậy. Về phần giới tăng lữ, những đòi hỏi của họ kết cục đã khiến họ trở nên không thể chấp nhận được đến mức mà một cuộc khởi nghĩa đã nổ ra, trong tiến trình của nó, tòa tổng giám mục Paris đã bị triệt phá.

Những người Cộng hòa là một đảng không nguy hiểm lắm, bởi vì Nghị viện đã đứng về phía với nhà vua trong cuộc đấu tranh chống lại họ. Ông bộ trưởng Guizot, người có chủ trương một chính quyền có hiệu lực, đã tuyên bố hai điều không thể thiếu để cầm quyền: “Lý lẽ và đại bác.” Vị chính khách nổi tiếng chắc chắn đã hiểu lầm đôi chút về vai trò của lý lẽ.

Bất chấp “chính phủ mạnh” này, mà trong thực tế nó không mạnh như thế, những người Cộng hòa, trước hết là những người Xã hội, vẫn tiếp tục sôi sục. Một trong những người có thể lực nhất, Louis Blanc, có tham vọng áp đặt lên chính phủ trách nhiệm cung cấp việc làm cho mọi công dân. Đảng Công giáo, được dẫn dắt bởi Lacordaire và Montalembert, đã liên kết với những người Xã hội - như ở Bỉ hiện nay - để tranh đấu với chính phủ.

Một đợt vận động ủng hộ cuộc cải cách bầu cử đã dẫn đến một cuộc nổi loạn vào năm 1848 khiến Louis-Philippe bị lật đổ. Sự sụp đổ của ông ta đã khó có thể giải thích hơn nhiều so với vụ lật đổ Charles X. Người ta đã ít có điều gì để chê trách ông ta. Chắc chắn là ông ta đã tỏ ra có sự nghi ngờ việc bỏ phiếu phổ thông, nhưng Cách mạng Pháp cũng từng hơn một lần nghi ngờ như vậy.

Vì Louis-Philippe, giống như Ban Đốc chính, không phải là một nhà cầm quyền độc đoán, nên sẽ không thể tùy thích hủy bỏ những cuộc bầu cử gây phiền toái, cũng như Ban Đốc chính đã làm. Một chính phủ lâm thời được đặt tại Tòa Thị chính để thay thế nhà vua mới bị lật đổ. Chính phủ ban bố Nền Cộng hòa, thiết lập quyền bỏ phiếu phổ thông và ra sắc lệnh về việc nhân dân sẽ có quyền tham gia bầu cử Quốc hội với 900 đại biểu.

Ngay từ những ngày đầu tồn tại của mình, bản thân chính phủ này cũng đã bị rơi vào cuộc đấu tranh với những thủ đoạn của các đảng viên đảng Xã hội và với những cuộc nổi loạn.

Chúng ta đã thấy khi đó lại hiện ra những hiện tượng tâm lý từng được quan sát thấy trong cuộc Cách mạng thứ nhất. Đã hình thành nên những câu lạc bộ mà các thủ lĩnh đã thỉnh thoảng lại đẩy nhân dân xông vào Quốc hội, vì những lí do nào đó nói chung là thiếu lương tri, như buộc Chính phủ ủng hộ một cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan, chẳng hạn,...

Với niềm hi vọng làm thỏa mãn những người thuộc đảng Xã hội mỗi ngày càng trở nên dữ dằn và ồn ào hơn, Quốc hội đã tổ chức ra các phân xưởng quốc gia, trong đó những người công nhân được giao những công việc khác nhau. Trong những phân xưởng ấy có tới 100 000 công nhân, tiêu tốn của Nhà nước hơn một triệu mỗi tuần.

Yêu sách của họ được trả lương mà không cần làm việc đã buộc Quốc hội phải đóng cửa các phân xưởng.

Biện pháp ấy bắt nguồn cho một cuộc nổi dậy rất lớn. 50 000 công nhân đã nổi dậy. Quốc hội do quá sợ hãi, đã trao toàn quyền hành pháp cho tướng Cavaignac. Trong các trận chiến tấn công những người

nổi loạn trong vòng 4 ngày, ba vị tướng và Tổng giám mục Paris đã chết. 3 000 tù nhân, theo lệnh của Quốc hội, đã bị đưa đi đày tại Algérie. Chủ nghĩa xã hội cách mạng, nhân dịp này, cũng bị đẩy lùi năm mươi năm.

Những sự kiện này đã làm giá trái phiếu rơi từ 116 xuống còn 50 franc. Việc kinh doanh bị ngưng trệ. Tầng lớp nông dân, những người tự cho là bị đe dọa bởi phái xã hội và phái tư sản, và bị Quốc hội tăng thuế gấp rưỡi, liền quay sang chống lại nền Cộng hòa, và khi Louis-Napoleon hứa hẹn khôi phục lại trật tự, ông này đã thấy mình được đón tiếp với lòng nhiệt tình. Là một ứng viên cho vị trí tổng thống của nước Cộng hòa mà theo Hiến pháp mới phải được bầu qua sự bỏ phiếu của toàn thể công dân, ông đã được bổ nhiệm với năm triệu rưỡi phiếu bầu.

Không lâu sau, trong cuộc xung đột với Nghị viện, vị hoàng tử quyết định thực hiện một cuộc đảo chính. Quốc hội bị giải tán, 30.000 người bị bắt, 10.000 người bị đi đày, khoảng một trăm nghị sĩ bị lưu đày.

Quốc đảo chính này, mặc dù giản đơn, nhưng đã được đón nhận rất thuận lợi, bởi vì khi đưa ra để xem xét thông qua bỏ phiếu toàn dân, nó đã nhận được bảy triệu rưỡi phiếu trên tổng số tám triệu phiếu bầu.

Ngày 2 tháng mười hai năm 1852, Napoleon đăng quang Hoàng đế với một đa số ủng hộ còn lớn hơn nữa. Chính nỗi khiếp sợ mà những kẻ mị dân và những người theo phái Xã hội gây ra cho đại đa số người dân Pháp đã khôi phục lại Đế chế.

Trong nửa đầu thời gian tồn tại của mình, nó đã tạo ra một thể chế chuyên chế và trong nửa sau là một thể chế tự do. Sau 18 năm cai trị, hoàng đế đã bị lật đổ bởi cuộc cách mạng tháng 4 năm 1870 do việc ông ta đầu hàng ở Sedan.

Kể từ thời kỳ này, các phong trào cách mạng đã trở nên hiếm hoi; phong trào duy nhất đáng kể là cuộc cách mạng tháng 3 năm 1871, dẫn đến sự đốt phá một phần những công trình kỷ niệm của Paris và sự hành hình khoảng 20.000 người khởi nghĩa.

Do cuộc chiến tranh năm 1870 mà các cử tri, giữa một quang cảnh với biết bao sự tàn phá, đã không còn biết phải hướng về ai, đã đẩy những nghị sĩ mà phần lớn là những người thuộc phái Orleant và phái chính thống vào Hội đồng Lập hiến. Do không thể thỏa thuận được để khôi phục một nhà nước quân chủ, họ đã lập M. Thiers làm tổng thống Nhà nước Cộng hòa, rồi sau đó lại thay thế bằng nguyên soái Mac-Mahon. Năm 1876, những cuộc bầu cử mới đã đẩy vào Nghị viện, cũng giống như tất cả những lần sau, một đa số thuộc phái Cộng hòa.

Những quốc hội kế tiếp kể từ thời kỳ này về sau luôn bị chia rẽ thành nhiều đảng phái, dẫn đến vô số những sự thay đổi bộ trưởng.

Tuy nhiên, chính là nhờ sự cân bằng có được từ sự phân chia đảng phái ấy mà từ bốn mươi năm nay chúng ta được hưởng một tình trạng yên tĩnh tương đối. Bốn vị Tổng thống Nhà nước Cộng hòa đã từng bị lật đổ mà không phải có cách mạng, và những cuộc nổi loạn, như cuộc nổi loạn của Miền Nam và của xứ Champagne, cũng không đưa đến những hậu quả lớn.

Tuy vậy, một phong trào bình dân rộng lớn, năm 1888, cũng đã suýt lật đổ Nhà nước Cộng hòa để ủng hộ cho tướng Boulanger, nhưng nó vẫn đứng vững và đã chiến thắng các cuộc tấn công của tất cả các đảng phái.

Có nhiều nguyên nhân đóng góp vào việc duy trì Nhà nước Cộng hòa hiện nay. Trước hết là trong số các phe phái tranh chấp chưa có phái nào đủ mạnh để đè bẹp các phái khác. Thứ hai là do chức nguyên thủ Quốc gia chỉ hoàn toàn là để trang trí và không sở hữu một quyền lực nào, nên không thể đổ lỗi cho ông ta về những nổi thống khổ mà mọi người đang phải gánh chịu và cũng không thể khẳng định rằng mọi chuyện sẽ thay đổi, nếu lật đổ ông ta. Sau cùng là do quyền lực nằm phân tán trong hàng nghìn bàn tay, trách nhiệm cũng phân tán đến mức người ta khó có thể biết bắt đầu từ đâu. Người ta lật

đổ một nhà độc tài, nhưng biết làm thế nào trước một đám đông những bạo chúa vô danh? Nếu như cần phải tóm lược trong một vài lời về cuộc xoay vần được thực hiện ở Pháp trong suốt một thế kỷ nổi loạn và cách mạng, người ta có thể nói rằng nó đã thay những sự chuyên chế cá nhân dễ dàng bị lật đổ và do vậy khá yếu ớt, bằng những nền chuyên chế tập thể rất mạnh, khó có thể phá bỏ. Đối với những dân tộc khao khát bình đẳng và đã quen quy trách nhiệm cho chính phủ về mọi sự cố, sự chuyên chế cá nhân tỏ ra không thể chịu nổi, trong khi nền chuyên chế tập thể lại có thể chịu đựng được dễ dàng, cho dù là thường cứng rắn hơn nhiều.

Sự mở rộng của nền chuyên chế Nhà nước do vậy là kết quả sau cùng của những cuộc cách mạng khác nhau của chúng ta, nét đặc trưng chung của mọi thể chế từng nối tiếp nhau ở Pháp. Dạng thức này của nền chuyên chế có thể được xem như một lý tưởng của chúng người, bởi lẽ những cuộc đảo lộn liên tiếp của chúng ta chỉ càng làm nó mạnh thêm. Chủ nghĩa Nhà nước là một thể chế chính trị thực sự của các dân tộc Latinh, hệ thống duy nhất tập hợp được mọi phiếu bầu. Những dạng thức khác của thể chế - Cộng hòa, Quân chủ, Đế chế - chỉ là những nhãn hiệu rỗng, những cái bóng vô lực.

Phần III. sự tiến hóa hiện đại của các nguyên lý cách mạng

Chương I. Sự tiến bộ của lòng tin dân chủ kể từ Cách mạng Pháp

1. Sự lan tỏa chậm chạp của những tư tưởng dân chủ sau Cách mạng Pháp.

Những tư tưởng được khảm vững chắc vào tư tưởng đã tiếp tục phát huy tác động trong nhiều thế hệ. Những tư tưởng thoát thai từ cuộc Cách mạng Pháp cũng không tránh khỏi quy luật này.

Nếu như thời gian tồn tại của cuộc Cách mạng Pháp với tư cách một thể chế rất ngắn ngủi, thì các nguyên tắc của nó, trái lại, có ảnh hưởng rất lâu dài. Trở thành một dạng của đức tin tôn giáo, chúng đã biến đổi sâu sắc phương hướng tình cảm và tư tưởng của nhiều thế hệ.

Mặc dù có đôi lúc gián đoạn, cuộc Cách mạng Pháp đã được tiếp nối và còn kéo dài nữa. Vai trò của Napoleon không chỉ giới hạn ở việc làm đảo lộn thế giới, thay đổi bản đồ châu Âu và lặp lại những chiến công của Alexandre. Quyền hạn mới của các dân tộc do Cách mạng đem lại và được nó định hình trong các thiết chế và các bộ luật đã gây ra một ảnh hưởng sâu sắc ở khắp nơi. Sự nghiệp quân sự của kẻ chinh phục đã sụp đổ rất nhanh chóng, nhưng các nguyên tắc cách mạng mà nó góp phần quảng bá đã sống lâu hơn nó.

Những sự phục hưng đa dạng diễn ra sau Đế chế đã khiến người ta lãng quên đôi chút các nguyên lý của Cách mạng Pháp. Chúng đã lan tỏa khá chậm trong suốt năm mươi năm. Người ta thậm chí còn có thể nói rằng nhân dân đã mất hẳn kí ức về chúng. Chỉ có hoạt động của một nhóm nhỏ các nhà lý luận còn duy trì được ảnh hưởng của chúng. Là những người thừa kế đầu óc đơn giản hóa quá mức của phái Jacobin, chấp nhận rằng các xã hội cũng giống như họ đều có thể tổ chức lại được hoàn toàn bằng luật pháp, đồng thời tin rằng Đế chế chỉ làm gián đoạn sự nghiệp cách mạng, nên họ đã muốn bắt đầu lại sự nghiệp ấy.

Trong khi chờ đợi lấy lại năng lực tái khởi động cách mạng, họ đã cố gắng truyền bá các nguyên lý của nó bằng những bài viết của mình. Là những người bất chước trung thành các nhân vật cách mạng, họ không hề bận tâm về việc những dự án cải cách của mình liệu có phù hợp với bản chất của con người hay không. Họ cũng là những người đang cố thử xây dựng một xã hội ảo tưởng cho con người lý tưởng và vẫn tin chắc rằng việc vận dụng những điều ước của họ sẽ có tác dụng phục hưng nhân loại.

Không còn năng lực xây dựng, các nhà lý luận của mọi thời đại đều từng tràn đầy khả năng phá bỏ. Napoleon đã khẳng định tại Sainte-Helene rằng “giả như từng hiện hữu một nền quân chủ được xây nên bằng đá hoa cương, thì tính lý tưởng của các nhà lý luận vẫn có đủ sức để nghiền nó thành bột mịn.”

Trong nhóm thất tinh mơ mộng này, như Saint-Simon, Fourier, Pierre Leroux, Louis Blanc, Quinet,... chúng ta chỉ thấy có Auguste Comte hiểu được rằng sự chuyển đổi tư tưởng và thói quen cần phải diễn ra trước khi thực hiện sự tái tổ chức về chính trị. Còn xa với ý định thúc đẩy việc truyền bá các tư tưởng dân chủ, những dự án cải cách của các nhà lý luận trong thời kỳ này chỉ làm chậm tiến trình của chúng. Chủ nghĩa xã hội theo khuynh hướng cộng sản, mà bằng chiêu thức của nó nhiều người trong số họ đã bày tỏ tham vọng tái khởi động cách mạng, rút cuộc đã làm khiếp sợ giai cấp tư sản và thậm chí cả các giai tầng lao động. Chúng tôi từng nhấn mạnh rằng nỗi sợ hãi đối với các tư tưởng của họ đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu của việc tái lập nền Đế chế.

Nếu như không có một công trình nào, vừa dày công vừa ảo tưởng, của các văn sỹ chính trị nửa đầu

thế kỷ XIX đáng được đưa ra trao đổi, thì cũng nên lướt qua chúng để khẳng định vai trò từng có của những mối quan tâm mang tính tôn giáo và đạo đức ngày ấy, nhưng giờ đây đang bị xem thường hoàn toàn. Tin rằng một xã hội mới, cũng như các xã hội cũ, không thể được dựng lên mà không có lòng tin về tôn giáo và đạo đức, các nhà cải cách đều đã luôn cố gắng tìm kiếm những niềm tin ấy. Vậy dựa vào đâu để tạo ra chúng? Chắc chắn là trên cơ sở lý tính. Với lý tính, người ta chế tạo được những cỗ máy phức tạp, vậy tại sao lại không chế ra được một tôn giáo hay một nền tảng tinh thần, những thứ tưởng chừng như đơn giản hơn? Không một ai trong số họ tin rằng các tín ngưỡng hay tinh thần, đạo đức được xây dựng trên nền tảng của logic hợp lý. Chính Auguste Comte cũng không nhìn thấy gì sáng rõ hơn. Chúng ta biết rằng ông này đã xây dựng nên một tín ngưỡng gọi là tín ngưỡng thực chứng, cho đến nay vẫn còn chừng nửa tá môn đồ. Ở đây các nhà khoa học đã phải hợp thành một đám tăng lữ được dẫn dắt bởi một Giáo hoàng mới, thay thế cho Giáo hoàng Cơ đốc.

Tất cả những luận thuyết này - chính trị, tôn giáo hay đạo đức - của các nhà lý luận đều đã không đưa đến, tôi xin nhắc lại, kết quả nào khác ngoài việc làm cho quần chúng bị chệch hướng trong thời gian dài khỏi những nguyên lý dân chủ.

Nếu những nguyên lý ấy cuối cùng đã được phổ biến rộng rãi, thì đó không phải là bởi các nhà lý luận, mà là do trước đó những điều kiện tồn tại mới đã được nảy sinh. Nhờ có những phát minh khoa học, nền công nghiệp đã phát triển và tạo ra những nhà máy khổng lồ. Những nhu cầu kinh tế ngày càng chi phối các chính phủ nhiều hơn và cuối cùng đã tạo ra mảnh đất thuận lợi cho sự mở rộng của Chủ nghĩa xã hội, trước hết là phong trào công đoàn, những dạng thức đương thời của các tư tưởng dân chủ.

2. Số phận chênh lệch của 3 nguyên lý cơ bản của Cách mạng Pháp.

Di sản của Cách mạng Pháp được gói gọn trong câu khẩu hiệu của nó: tự do, bình đẳng, bác ái. Nguyên lý bình đẳng, như chúng tôi đã nói, đã gây được ảnh hưởng to lớn, song số phận của hai nguyên lý kia lại không như vậy.

Mặc dù ngữ nghĩa của những từ này dường như khá rõ, chúng lại được hiểu theo nhiều cách rất khác nhau, tùy thuộc vào thời đại và con người. Chúng ta đều biết sự giải thích khác nhau của cùng một từ ngữ bởi những con người có tâm tính không giống nhau từng là một trong những nguyên nhân thường gặp nhất gây ra những cuộc đấu tranh lịch sử.

Đối với Hội Quốc ước, tự do mang ý nghĩa duy nhất là sự thực hành không giới hạn sự chuyên chế của mình. Đối với một trí thức trẻ thời hiện đại, cũng từ ngữ ấy lại hàm ý sự giải thoát khỏi tất cả những gì gây khó chịu cho anh ta: truyền thống, luật pháp, sự trịch thượng,... Đối với những chính khách Jacobin thời hiện đại, tự do thể hiện trước hết ở quyền công kích các đối thủ của họ.

Nếu như các diễn giả chính trị còn đôi lần nói về tự do trong những bài nói của họ, thì thông thường họ từ chối nhắc tới khái niệm bác ái. Cuộc đấu tranh giữa các giai cấp, chứ không phải là sự xích lại gần nhau của chúng, chính là điều mà họ đang giảng dạy hiện nay. Chưa bao giờ có một sự thù hận sâu sắc hơn từng chia rẽ các giai tầng xã hội và các chính đảng của họ.

Tuy vậy, trong khi tự do đang trở nên hết sức bất định và bác ái đang biến đi hoàn toàn, nguyên lý bình đẳng lại liên tục phát triển lớn mạnh. Nó đã vượt qua được mọi cuộc đảo lộn chính trị mà nước Pháp từng là vũ đài trong suốt thế kỷ qua và đã đạt được sự phát triển đến mức mà đời sống chính trị và xã hội của chúng ta, các luật pháp, thói quen và tập quán của chúng ta đã lấy nguyên lý này làm cơ sở, ít ra là về phương diện lý thuyết. Nó trở thành di sản thực thụ của Cách mạng. Nhu cầu về bình đẳng, không chỉ trước luật pháp, mà cả địa vị và vận mệnh là cột trụ ngay cả trong bước tiến hóa dân chủ cuối cùng: chủ nghĩa xã hội. Nhu cầu này mạnh mẽ đến mức đủ sức lan tỏa đến mọi nơi, mặc dù trong sự mâu thuẫn với mọi quy luật sinh học và kinh tế. Đây chính là một pha mới trong cuộc đấu tranh liên tục của các tình cảm chống lại lý tính, trong đó lý tính rất hiếm khi thắng cuộc.

3. Nền dân chủ của trí thức và nền dân chủ bình dân.

Tất cả những tư tưởng từng làm đảo lộn thế giới cho đến nay đều phụ thuộc vào hai quy luật sau: đều tiến hóa chậm chạp, đều biến đổi hoàn toàn ý nghĩa tùy thuộc vào tâm tính đón nhận chúng.

Mỗi học thuyết đều có thể so sánh với một sinh vật. Nó chỉ còn tồn tại khi nó biến đổi. Các cuốn sách đều cam lạng một cách đương nhiên đối với những quá trình biến đổi này, cho nên pha diễn biến của các sự vật mà chúng ghi lại đều thuộc về quá khứ. Chúng không phản ánh hình ảnh của sự sống mà là hình ảnh của cái chết. Bản tường trình thành văn của một học thuyết thông thường phản ánh khía cạnh không đáng kể nhất của học thuyết ấy.

Tôi đã chỉ ra trong một công trình khác về việc các thiết chế, các ngôn ngữ và nghệ thuật biến đổi như thế nào khi chuyển từ dân tộc này qua một dân tộc khác, và các quy luật của những biến đổi ấy sai khác đến chừng nào so với những gì được mô tả trong sách. Bây giờ tôi chỉ nhắc sơ qua điều này với mục đích giải thích vì sao khi nghiên cứu các tư tưởng dân chủ, chúng tôi chú tâm rất ít đến bản văn của các học thuyết và chỉ nghiên cứu những yếu tố tâm lý học được chúng dùng làm vỏ bọc, tiếp đến là những phản ứng mà chúng gây ra đối với các giai tầng khác nhau đã tiếp nhận chúng.

Bị biến đổi nhanh chóng bởi những con người mang tâm tính khác nhau, học thuyết ban đầu sớm trở thành một cái nhãn ám chỉ những sự vật hoàn toàn khác với chính nó.

Áp dụng được cho những tín ngưỡng tôn giáo, những nguyên lý này cũng trở nên tương tự như đối với các tín ngưỡng chính trị. Khi người ta nói đến dân chủ, chẳng hạn, chúng ta cần phải xác định xem từ này ám chỉ điều gì đối với những dân tộc khác nhau, và cũng phải tìm hỏi xem liệu ngay trong cùng một dân tộc sẽ có sự khác biệt lớn nào giữa nền dân chủ của trí thức và nền dân chủ bình dân.

Bây giờ tự giới hạn ở việc xem xét điểm sau cùng này, chúng ta sẽ nhận ra một cách dễ dàng rằng các tư tưởng dân chủ trong sách và trên báo chí đều là những khái niệm thuần lý thuyết của những người có học thức, nhân dân không hề biết đến và, vả chăng, khi áp dụng chúng họ cũng không được lợi lộc gì.

Nếu người công nhân sở hữu quyền theo lý thuyết vượt qua rào ngăn phân cách anh ta với những giai cấp lớp trên thông qua một loạt những cuộc thi và kiểm tra, thì cơ hội để anh ta đạt tới đích là rất nhỏ bé.

Nền dân chủ của những người có học thức không có mục tiêu nào khác là tạo ra một sự lựa chọn, qua đó người được tuyển dụng hoàn toàn thuộc giai cấp cầm quyền. Tôi sẽ không thấy có điều gì phải nói lại ở đây, nếu sự tuyển chọn này là thực tế. Khi đó nó sẽ là sự vận dụng câu châm ngôn của Napoleon: “Sự vận hành thực sự của một chính phủ là việc sử dụng giai cấp quý tộc, nhưng với những dạng thức dân chủ.”

Đáng tiếc là nền dân chủ của trí thức chỉ dẫn đến sự thay thế Luật Thánh của các ông vua bằng Luật Thánh của một nhóm nhỏ bọn trùm đầu sỏ, những kẻ thường rất chuyên quyền và thiên cận. Không phải chỉ dùng cách thay thế một nền chuyên chế mà người ta có thể tạo lập được tự do.

Nền dân chủ bình dân không hề nuôi ý định tạo ra những người lãnh đạo, như loại vừa kể trên. Hoàn toàn bị khống chế bởi tinh thần bình đẳng và ước muốn cải thiện đời sống của người lao động, nó đã gạt sang một bên khái niệm bác ái và không hề bận tâm đến tự do. Một chính thể mà nó có thể mừng rỡ chỉ là dạng thức chuyên chế. Chúng ta nhận ra nó, không phải chỉ bởi lịch sử từ thời Cách mạng từng cho thấy các thể chế chuyên quyền được hoan hô nhiệt liệt, mà trước hết là qua cách thức chuyên chế mà các nghiệp đoàn công nhân được dẫn dắt.

Điều phân biệt sâu sắc này giữa nền dân chủ của những giai cấp có học và nền dân chủ bình dân được thấy rõ hơn nhiều đối với những người công nhân so với những người trí thức. Vì không có điều gì chung trong tâm tính của họ, nên những người thứ nhất và thứ hai không nói bằng cùng một loại ngôn từ. Những người theo phái công đoàn ngày nay đang tuyên bố mạnh mẽ rằng không một mối liên minh nào là khả thi giữa họ và những kẻ đầu cơ chính trị của giai cấp tư sản. Điều khẳng định thật là chính xác tuyệt đối.

Thực tế bao giờ cũng là như vậy và chắc chắn vì thế mà nền dân chủ bình dân, từ thời Platon đến nay, chưa từng được bảo vệ bởi các nhà tư tưởng lớn. Thực tế này đã làm kinh ngạc Emile Faguet. “Hầu như tất cả các nhà tư tưởng của thế kỷ XIX, ông nói, đều không phải là những người dân chủ. Khi tôi viết về các chính trị gia và các nhà đạo đức học của tôi thời thế kỷ XIX, đó là điều làm tôi thất vọng. Tôi đã không thể tìm được một ai trong số đó là người dân chủ; tôi thực sự rất mong tìm được một người mà tôi có thể đề cao học thuyết về dân chủ theo ông ta”.

Nhà văn nổi tiếng chắc chắn đã tìm thấy nó rất nhiều ở những kẻ đầu cơ chính trị chuyên nghiệp, nhưng họ lại hiếm khi thuộc hàng những nhà tư tưởng.

4. Sự bất bình đẳng tự nhiên và sự bình đẳng hóa dân chủ.

Điều khó khăn trong việc dung hòa sự bình đẳng hóa dân chủ và những bất bình đẳng tự nhiên là một trong những vấn đề khó khăn bậc nhất của thời đại hiện nay. Chúng ta hiểu những ước muốn về dân chủ. Hãy cùng xem câu trả lời của thiên nhiên cho những ước muốn này.

Các tư tưởng dân chủ, những thứ thường rất hay làm rung chuyển thế giới, từ thời đại Hy Lạp xa xưa tới ngày nay, đều từng vấp phải những bất bình đẳng tự nhiên. Hiếm khi mà những người quan sát tin rằng, cùng với Helvetius, sự bất bình đẳng giữa người với người được tạo ra bởi sự giáo dục.

Trên thực tế, thiên nhiên không biết đến sự bình đẳng. Nó phân bố một cách khác nhau những thứ như thiên tài, vẻ đẹp, sức khỏe, sức sống mạnh mẽ, tính thông minh và mọi phẩm chất có thể đem lại cho những kẻ sở hữu chúng sự vượt trội so với đồng loại.

Vì không một lý thuyết nào có thể làm thay đổi những sự khác biệt này, nên các học thuyết dân chủ sẽ mãi còn bị giam hãm trong những lời nói, cho tới ngày mà các luật về di truyền sẽ dành chịu hợp nhất các khả năng của con người.

Liệu chúng ta có thể giả thiết rằng các xã hội cuối cùng sẽ có thể thiết lập một cách nhân tạo sự công bằng mà thiên nhiên đã chối từ?

Suốt một thời gian dài, một vài nhà lý luận tin rằng giáo dục có thể tạo ra một mực san bằng chung. Nhiều năm dài thử nghiệm đã cho thấy tầm sâu của ảo tưởng ấy.

Tuy nhiên, cũng không phải là không thể có chuyện Chủ nghĩa xã hội thắng lợi có thể thiết lập trong một khoảng thời gian nào đó sự công bằng, bằng cách loại bỏ tuyệt đối những cá thể cao siêu. Người ta có thể thấy trước điều gì sẽ đến với một dân tộc sau khi đã loại bỏ hết những tinh hoa của nó, trong khi các dân tộc khác bao quanh nó tiếp tục tiến lên nhờ vào những phần tử ưu tú của họ.

Thiên nhiên không chỉ không biết tới sự bình đẳng, mà ngay từ cội nguồn của mọi thời đại, nó đã luôn hiện thực hóa những bước tiến của mình bằng những sự phân hóa liên tục, nghĩa là bằng những sự không đồng đều ngày càng rõ hơn. Chỉ có chúng là có thể nuôi nấng cái tế bào sống tối tăm âm thầm từ những thời kỳ địa chất xa xưa thành những sinh vật bậc cao mà những phát minh của chúng sẽ làm biến đổi bề mặt Trái đất.

Hiện tượng tương tự cũng quan sát thấy trong các xã hội. Các dạng thức của nền dân chủ, nhân tố tuyển lựa những phần tử xuất sắc từ các giai cấp bình dân, đã đưa đến kết quả sau cùng là tạo ra một tầng lớp quý tộc có học thức, một hệ quả trái ngược với điều mơ ước của các nhà lý thuyết thuần túy: hạ thấp tất cả những phần tử cao siêu của một xã hội xuống mức của những phần tử lớp dưới.

Cùng với những quy luật của tự nhiên, vốn đối nghịch với các lý thuyết bình đẳng, còn có các hoàn cảnh của sự tiến bộ hiện đại. Vì khoa học và công nghiệp đòi hỏi những cố gắng về trí tuệ ngày càng lớn hơn, nên những sự không đồng đều về trí tuệ và những sự khác biệt về điều kiện xã hội mà chúng sản sinh ra sẽ chỉ có thể càng sâu sắc hơn.

Do vậy, chúng ta quan sát thấy hiện tượng đáng kinh ngạc sau đây: luật pháp và các thiết chế càng muốn cào bằng các cá thể, thì những tiến bộ của nền văn minh càng có xu hướng phân hóa họ nhiều hơn. Từ người nông dân đến nam tước phong kiến khoảng cách về trí tuệ là tương đối nhỏ, còn từ

người công nhân đến người kỹ sư, khoảng cách ấy thật sự to lớn và còn tiếp tục gia tăng. Bởi lẽ khả năng đã trở thành nhân tố chủ chốt của sự tiến bộ, nên những phần tử có khả năng của mỗi giai cấp đều vượt lên, trong khi những người trung bình vẫn dậm chân tại chỗ hoặc đi xuống. Vậy luật pháp có thể làm được gì đối với những tính tất yếu không thể tránh khỏi như thế?

Một cách vô vọng, những người không có tài cho rằng vì họ là số đông nên họ là sức mạnh. Do thiếu đầu óc cao siêu, những thứ mà mọi người lao động đều được hưởng lợi nhờ các nghiên cứu của chúng, họ sẽ có thể nhanh chóng rơi vào tình trạng đói nghèo và chủ nghĩa vô chính phủ.

Vai trò trụ cột của những người ưu tú trong các nền văn minh hiện nay tỏ ra quá rõ ràng, nên không cần phải chứng minh nữa. Bởi lẽ các dân tộc văn minh và các dân tộc còn lạc hậu đều có một số trung bình giống nhau về tỉ lệ người thường, sự vượt trội thực sự của nhóm thứ nhất có được là hoàn toàn nhờ ở những bộ óc cao siêu mà chúng sở hữu. Hoa Kỳ là nước rất hiểu điều đó, nên đã cấm nhập cư đối với công nhân người Hoa, những người có khả năng tương tự như những công nhân Mỹ nhưng họ chấp nhận làm việc với giá thấp hơn, nên gây ra một sự cạnh tranh đáng sợ cho công nhân Mỹ.

Bất chấp những điều hiển nhiên này, chúng ta vẫn thấy sự đối kháng giữa quần chúng đông đảo và nhóm người tinh hoa vẫn ngày càng tăng lên. Không có một giai đoạn nào nhóm người tinh hoa lại trở nên cần thiết đến thế, nhưng cũng không bao giờ họ lại khó được chấp nhận đến thế.

Một trong những xung đột của những người theo thuyết xã hội là sự thù hận đối với lớp người tinh hoa. Những tín đồ của nó luôn quên rằng các tiến bộ khoa học, nghệ thuật, công nghiệp là nhân tố tạo ra sức mạnh của một quốc gia và sự phồn vinh của hàng triệu người lao động, nhưng lại chỉ nhờ vào một nhóm nhỏ những bộ óc cao siêu.

Nếu người công nhân ngày nay nhận được tiền lương cao gấp ba lần so với cách đây một trăm năm và được hưởng các tiện nghi mà ngày ấy ngay cả những bậc vương giả cũng chưa biết tới, thì duy nhất là nhờ ở những con người với bộ óc cao siêu.

Giả thiết rằng nhờ một phép thần kỳ mà thuyết xã hội đã được mọi người chấp nhận từ một thế kỷ trước đây. Do sự mạo hiểm, sự suy đoán, sáng kiến, tóm lại là những gì kích thích hoạt động của con người, đều đã được xóa bỏ, thì không một tiến bộ nào còn có thể được sinh ra và người công nhân vẫn sẽ là người nghèo khổ. Người ta đơn thuần đã tạo ra sự bình đẳng trong sự khốn cùng hàng mơ ước bởi lòng ghen tị và sự đố kỵ của một đám đông với đầu óc tầm thường. Không thể vì sự thỏa mãn cho một lý tưởng tầm thường như vậy mà loài người một lúc nào đó sẽ từ chối những tiến bộ của nền văn minh.

Chương II. Những hệ quả của sự tiến hóa dân chủ

1. Ảnh hưởng do những lý thuyết thiếu giá trị gây ra cho sự tiến hóa xã hội.

Chúng ta vừa thấy rằng các quy luật tự nhiên không phù hợp với những khát vọng dân chủ. Chúng ta cũng biết rằng một điều ghi nhận như thế không bao giờ gây được ảnh hưởng đến những học thuyết đã khắc sâu trong tâm hồn. Con người được dẫn dắt bởi một tín ngưỡng không bao giờ lo lắng đến giá trị thực của nó.

Nhà triết học nghiên cứu tín ngưỡng ấy, dĩ nhiên phải bàn cãi về nội dung thuần lý của nó, nhưng cần quan tâm nhiều hơn đến ảnh hưởng của nó tới trí tuệ chung.

Vận dụng vào việc giải thích tất cả những tín ngưỡng lớn trong lịch sử, tầm quan trọng của nét đặc sắc này sẽ hiện ra tức thì. Jupiter, Moloch, Vichnou, Allah và biết bao vị thần khác nhìn từ góc độ thuần lý chắc chắn là những ảo tưởng giản đơn, nhưng vai trò của họ trong đời sống của các dân tộc là đáng kể.

Chính sự khác biệt này cũng có thể ứng dụng cho các tín ngưỡng từng thống trị Thời kỳ Trung cổ và từng bắt hàng nghìn con người cúi mình trước những bàn thờ. Rất hão huyền, song những tín ngưỡng này vẫn gây được ảnh hưởng sâu sắc như thể chúng đã phản ánh thực tiễn.

Nếu có ai đó còn nghi ngờ điều này, chỉ cần để họ so sánh sự thống trị của Đế chế La Mã với sự thống

trị của Nhà thờ. Sự thống trị của Đê chế La Mã rất xác thực, rất hiện thực, không gây ra một ảo giác nào. Sự thống trị của Nhà thờ, tuy chỉ dựa trên những cơ sở viển vông, nhưng vẫn có quyền lực mạnh mẽ. Nhờ có nó, trong suốt đêm dài Trung cổ, những dân tộc còn bán mộng muối đã có được những sự ràng buộc, sự kiềm chế xã hội và tâm hồn dân tộc, mà giả như không có chúng thì không thể có được sự khai hóa.

Quyền lực mà Nhà thờ sở hữu còn chứng minh rằng sức mạnh của một số điều ảo tưởng là đủ lớn để tạo ra những tình cảm, ít ra là trong chốc lát, trái ngược cả với lợi ích của cá thể cũng như lợi ích của tập thể, chẳng hạn như đời sống của tu sĩ, lòng mong muốn tử vì đạo, những cuộc thập tự chinh, những cuộc chiến tranh tôn giáo,...

Việc áp dụng vào các tư tưởng dân chủ và xã hội chủ nghĩa những điều nhận xét trên đây cho thấy rằng dù những tư tưởng này không có bất kỳ một cơ sở nào có thể bảo vệ được, nhưng điều đó cũng không mấy quan trọng. Chúng gây xúc động cho những tâm hồn, và điều đó cũng là đủ. Các hệ quả của chúng có thể trở nên rất khó lường, song chúng ta không thể làm gì để ngăn cản chúng.

Những nhà truyền bá các học thuyết mới hẳn là đã nhằm to khi gây ra bao điều xấu để kiếm tìm một nền tảng hợp lý cho những khát vọng của mình. Họ sẽ mãi còn đi thuyết phục, dựa nhiều hơn nữa vào cách tự hạn chế mình trong những lời khẳng định và gieo mầm cho những niềm hi vọng. Sức mạnh thực tế của họ nằm ở tâm tính tôn giáo gắn liền với trái tim con người và, trong chuỗi kế tiếp của thời đại, nó chỉ thay đổi nội dung. Như vậy, chúng ta sẽ chỉ phân tích trên quan điểm triết học những hệ quả đa dạng của sự tiến hóa dân chủ mà giờ đây đang tăng tốc. Nhân tiện, chúng ta nói về Nhà thờ thời Trung cổ, rằng nó từng có sức mạnh gây tác động sâu sắc đối với tâm tính con người. Trong khi xem xét một số kết quả mà những học thuyết dân chủ đem lại, chúng ta sẽ thấy rằng sức mạnh hiện tại của chúng cũng không kém.

2. Tinh thần Jacobin và tâm tính hình thành từ lòng tin dân chủ.

Các thể hệ hiện nay không chỉ được thừa kế những nguyên lý cách mạng, mà còn cả tâm tính đặc biệt, những thứ đã khiến chúng chiến thắng.

Mô tả tâm tính này trong khi nghiên cứu tinh thần Jacobin, chúng tôi thấy nó luôn cố dùng bạo lực áp đặt những ảo tưởng, được xem như những sự thật. Tinh thần Jacobin cuối cùng đã trở nên phổ cập ở Pháp và tại các quốc gia Latinh đến mức chiến thắng tất cả các đảng phái chính trị, kể cả những đảng bảo thủ nhất. Giai cấp tư sản đã bị nó tác động sâu sắc, và nhân dân thì còn hơn thế nữa.

Sự lan tỏa ấy của tinh thần Jacobin đã đem lại kết quả là các quan niệm chính trị, các thể chế và luật pháp đều luôn có khuynh hướng áp đặt thông qua bạo lực. Chính vì vậy mà chủ nghĩa công đoàn, vừa thanh bình, vừa có phương pháp trong những quốc gia khác, ở nước ta lại tức thời khoác lên mình những dáng vẻ không khoan nhượng và vô chính phủ, biểu hiện ra dưới hình thức những cuộc nổi loạn, phá hoại ngầm và đột phá.

Không bị đàn áp bởi những chính phủ luôn sợ sệt, tinh thần Jacobin đã gây ra những tác hại bi thảm trong những bộ óc với khả năng tầm thường. Tại đại hội mới đây của các nhân viên đường sắt, một phần ba số đại biểu đã bỏ phiếu ủng hộ sự phá hoại và một trong những thư ký của đại hội đã bắt đầu bài nói của mình như sau: “Tôi cho phép mình gửi tới tất cả những người phá hoại ngầm lời chào mừng tình anh em và tất cả sự cảm phục của tôi”.

Tâm tính chung này sản sinh ra tình trạng vô chính phủ ngày càng tăng. Nếu như nước Pháp không bị rơi vào trạng thái cách mạng thường xuyên, thì đó là vì, như tôi đã nhấn mạnh ở trên, tất cả các phe đảng phân chia nó đã tạo ra một trạng thái gần cân bằng. Chúng đều bị kích động bởi một lòng hận thù chết người chống đối nhau, nhưng không một phe nào đủ mạnh để chế ngự các đối thủ của mình.

Tính không khoan dung Jacobin đã lan rộng đến mức mà các nhà cầm quyền đã sử dụng không ngần ngại những biện pháp cách mạng nhất đối với những kẻ thù của mình bằng cách truy hại mạnh mẽ

những đảng phái thể hiện sự đối lập nhỏ nhất đối với họ, kể cả tước đoạt tài sản.

Các nhà cầm quyền của chúng ta ngày nay cũng cư xử giống như những kẻ chinh phục thời trước. Kẻ thất trận không còn gì để hy vọng ở kẻ chiến thắng.

Không chỉ là thứ riêng có của các giai cấp bình dân, tính không khoan dung cũng quan sát thấy trong các giai cấp lãnh đạo. Michelet đã nhận xét từ lâu rằng bạo lực của những kẻ có học đôi khi còn mạnh mẽ hơn cả bạo lực của nhân dân. Dĩ nhiên là họ không đập nát những cây đèn đường phố, nhưng rất sẵn sàng ra lệnh đập nát những đầu người. Những sự kiện bạo lực tồi tệ nhất của Cách mạng Pháp đã được thực hiện bởi những người tư sản có học, giáo sư, luật sư,... những kẻ sở hữu học thức kinh điển mà người ta tưởng như có tác dụng làm cho phong tục thuần hơn.

Học thức kinh điển hôm nay cũng không làm cho phong tục thuần hơn so với thời kỳ ấy. Người ta nhận thấy điều đó trong khi lướt qua những báo chí tiên tiến với những biên tập viên được tuyển chọn trước hết trong số các giáo sư đại học.

Trong sách của họ cũng chất chứa bạo lực như những bài báo của họ và người ta tự hỏi làm cách nào mà con người được số phận ưu ái ấy có thể hình thành được một kho dự trữ thù hận lớn đến vậy.

Người ta đã thực sự khó khăn để tin họ, liệu có phải họ đảm bảo với chúng ta rằng đã bị một nhu cầu mãnh liệt về lòng vị tha giằng xé. Người ta sẽ chấp nhận dễ dàng hơn rằng bên cạnh một tâm tính tôn giáo hẹp hòi, niềm hy vọng được những người có thể lực hiện thời để ý tới, hoặc để tạo cho mình một sự nổi tiếng có lợi trong lòng dân là những lời giải thích duy nhất có thể cho những sự kiện bạo lực được phô bày trong các bài viết phục vụ tuyên truyền của họ.

Trong một công trình trước đây của mình, tôi đã dẫn những trích đoạn từ cuốn sách của một vị giáo sư ở College de France, trong đó tác giả kích động nhân dân chiếm đoạt tài sản của giai cấp tư sản, mà ông ta chửi rủa dữ dội, và tôi đã đi tới kết luận rằng một cuộc cách mạng mới sẽ tuyển chọn dễ dàng trong đám tác giả của những công trình viết lách cạm cũi như những Marat, những Robespierre và những Carrier mà nó cần đến.

Tôn giáo Jacobin – trước hết là dưới hình thức xã hội chủ nghĩa của nó – có toàn bộ sức mạnh của các vị thần thời cổ đối với những đầu óc tầm cỡ hạn hẹp. Bị loá mắt bởi đức tin của mình, họ tin là có lý tính dẫn đường và được dẫn dắt duy nhất bởi những đam mê và những ước mơ của mình.

Như vậy, sự tiến hóa của những tư tưởng dân chủ, ngoài những ảnh hưởng chính trị đã được nhắc tới ở trên, đã kéo theo những hệ quả đáng kể đối với tâm tính của con người thời hiện đại.

Nếu như những giáo điều tôn giáo cổ xưa từ lâu đã rút kiệt nội dung của mình, các lý thuyết dân chủ còn lâu mới dùng cạn được nội dung của chúng, và chúng ta vẫn còn thấy các hệ quả của chúng mở rộng thêm mỗi ngày. Một trong những hệ quả quan trọng nhất từng là lòng thù hận phổ biến đối với những kẻ ưu tú.

Sự thù hận này của những người vượt trội hơn mức trung bình nhờ địa vị xã hội, sự giàu có hoặc trí thông minh là phổ biến trong tất cả các giai cấp ngày nay, từ công nhân đến những tầng lớp trên của giới tư sản.

Nó đem lại những kết quả như: sự đố kỵ, sự ghen pha, nhu cầu tấn công, chế giễu, truy hại, sẵn sàng làm mọi hành động với những căn cứ thấp hèn, từ chối tin vào tính trung thực, sự vô tư, trí thông minh. Những cuộc chuyện trò, cả trong dân gian, cũng như trong giới có học, đều là những dấu ấn của nhu cầu làm giảm giá trị và hạ thấp mọi thứ và mọi người. Thậm chí cả những cái chết vĩ đại nhất cũng không thoát khỏi tình cảm này. Chưa bao giờ người ta lại viết nhiều sách đến thế để ghen pha công trạng của những con người nổi tiếng mà trước kia từng được xem như tài sản quý báu của một quốc gia.

Sự đố kỵ và lòng thù hận dường như trong mọi thời đại đều đã từng không thể tách rời khỏi những lý thuyết dân chủ, song sự phát triển của những tình cảm ấy thì chưa từng bao giờ lại mạnh mẽ như ngày

nay. Nó khiến cho mọi nhà quan sát phải ngạc nhiên.

“Có một bản năng mị dân thấp hèn, ngài Bourdeau viết, không hề có một khát vọng tinh thần nào, một thứ bản năng mơ ước hạ thấp loài người xuống mực thấp nhất và cho rằng mọi sự vượt trội hơn, kể cả về văn hóa đều là sự xúc phạm đối với xã hội...; chính cái cảm tính về thứ bình đẳng đề tiệt này đã thúc đẩy những tên đao phủ của phái Jacobin khi chúng chặt đầu một Lavoisier và một Chénier.” Sự thù hận đối với những người ưu tú, một yếu tố nổi trội nhất của những tiến bộ hiện thời của chủ nghĩa xã hội, không phải là một đặc trưng duy nhất của thứ tinh thần mới do các tư tưởng dân chủ tạo ra.

Những hệ quả khác, tuy là gián tiếp, cũng không kém phần sâu sắc. Đó, chẳng hạn, là chủ nghĩa kinh tế nhà nước, việc hạ thấp ảnh hưởng và năng lực của giới tư sản, hoạt động ngày càng tăng của các nhà tài phiệt, cuộc đấu tranh giai cấp, sự mất dần những ràng buộc xã hội xưa và sự sa sút về đạo đức. Tất cả những hiệu ứng này biểu hiện qua một sự không chịu phục tùng và một tình trạng vô chính phủ rộng khắp. Những đứa con nổi loạn chống lại cha mình, người làm chống lại ông chủ, người lính chống lại các sĩ quan của mình. Sự bất mãn, lòng thù hận và sự đổ kỵ ngày nay thống trị khắp mọi nơi. Một phong trào xã hội còn đang tiếp diễn, không tránh khỏi giống như một chuyển động trong cơ học có gia tốc. Vì thế, chúng ta còn thấy những kết quả mà tâm tính này đem lại sẽ tiếp tục lớn thêm. Chúng thỉnh thoảng lại thể hiện ra dưới dạng những vụ rắc rối với mức độ ngày càng nặng nề hơn: cuộc đình công của những nhân viên đường sắt, của những nhân viên bưu điện, các vụ nổ trên những con tàu bọc sắt, và... Về sự phá hủy của tàu *Liberte* (Tự do) với cái giá hơn năm mươi triệu franc và làm chết hai trăm người trong một phút, một cựu bộ trưởng hải quân, ngài de Lanessan, đã diễn đạt như sau: “Cái xấu đang găm nhăm hăm đội của chúng tôi cũng chính là cái đang giày vò quân đội của chúng ta, các cơ quan công quyền của chúng ta, các dịch vụ công ích của chúng ta, chế độ đại nghị của chúng ta và chế độ quản lý của chúng ta, toàn thể xã hội của chúng ta. Điều xấu này chính là chủ nghĩa vô chính phủ, nghĩa là một sự lộn xộn của những trí tuệ và sự rối loạn của những sự vật đến mức mà không một điều gì diễn ra theo sự mong muốn của lý tính và không một ai hành xử theo đòi hỏi của nghĩa vụ nghề nghiệp hoặc của đạo đức.”

Và với cùng chủ đề về vụ thảm họa của *Liberte* (Tự do), xảy đến tiếp sau thảm họa của *Iena*, ngài Felix Roussel đã nói trong một tham luận với tư cách là chủ tịch Hội đồng thành phố Paris như sau: “Những nguyên nhân của điều xấu không chỉ là riêng có đối với hải quân của chúng ta. Nó là một điều phổ biến hơn và mang một tên gọi cặp ba – sự vô trách nhiệm, tính vô kỷ luật và tình trạng vô chính phủ.”

Những đoạn trích này, trong khi ghi nhận những sự kiện mà ai cũng biết, còn chỉ ra rằng cả những người bảo vệ cứng rắn nhất của chế độ cộng hòa cũng tự mình công nhận những bước tiến trong sự rối loạn xã hội của chúng ta. Mỗi người đều nhìn thấy nó, nhưng đều hiểu rằng mình bất lực, không thể làm được gì để thay đổi nó. Trên thực tế, chúng phát sinh từ những ảnh hưởng tâm thần vốn có sức mạnh vượt trội hơn hẳn sức mạnh từ ý nguyện của chúng ta.

3. Sự bỏ phiếu phổ thông và các đại biểu dân cử.

Trong số những giáo điều của nền dân chủ, có lẽ căn bản nhất là giáo điều có sức quyến rũ đặc biệt – quyền phổ thông đầu phiếu. Nó tạo cho quần chúng khái niệm bình đẳng, bởi lẽ ít ra là trong một khoảnh khắc, kẻ giàu hay người nghèo, nhà bác học hay kẻ dốt nát đều bình đẳng trước hòm phiếu. Ở đây, ông bộ trưởng sát cánh với người thấp nhất trong đám kẻ hầu của mình, và trong giây phút ngắn ngủi ấy, quyền lực của người này cũng giống như của những người khác.

Tất cả các chính phủ, bao gồm cả của thời kỳ Cách mạng Pháp đều rất sợ chế độ bỏ phiếu phổ thông. Thực vậy, ngay từ đầu nó đã gây ra nhiều ý kiến phản đối. Ý tưởng cho rằng quần chúng có thể lựa chọn một cách hữu ích những người có khả năng cầm quyền, rằng những cá thể với tư cách trung bình,

hiếu biết hạn hẹp, đầu óc hạn chế, chỉ cần nhờ vào số lượng lớn của mình cũng có thể sở hữu một khả năng đáng tin cậy để xét đoán những ứng viên mà họ cần lựa chọn, một ý tưởng dường như đủ để gây sốc.

Từ góc nhìn thuần lý, sự bỏ phiếu của số đông sẽ được biện minh đôi chút, khi ta nói cùng với Pascal: “Đại đa số là con đường tốt nhất, bởi vì nó là cái hữu hình và vì nó có sức mạnh để buộc người ta phải phục tùng; tuy vậy, đây lại là ý kiến của những người kém khôn khéo hơn...”

Vì hiện nay hình thức bỏ phiếu phổ thông không thể bị thay thế bởi bất kỳ một thiết chế nào khác, nên rất cần chấp nhận nó và cố gắng thích nghi với nó.

Do vậy, sẽ là vô ích để chống lại nó hoặc nhắc lại theo hoàng hậu Marie Caroline vào thời kỳ cuộc đấu tranh của bà chống lại Napoleon: “Không có gì kinh khủng hơn là cai trị con người trong thế kỷ ánh sáng này, khi mà kể từ người thợ chừa giày đều có thể cãi lý và nói lời phi lý về Chính phủ!”

Nói thực ra, những lời bác bỏ không phải bao giờ cũng mạnh như người ta tưởng. Các quy luật tâm lý học đám đông xem như đã được chấp nhận, nên vẫn rất đáng ngờ rằng sự bỏ phiếu diện hẹp có thể cho một sự lựa chọn con người tốt hơn hẳn so với những gì nhận được qua bỏ phiếu phổ thông.

Chính những quy luật tâm lý học này cũng cho thấy rằng cái gọi là sự bỏ phiếu phổ thông trong thực tế là một sự hư cấu thuần túy. Đám đông, ngoại trừ những trường hợp khá hiếm hoi, không có chính kiến nào khác hơn là ý kiến của các thủ lĩnh của nó. Sự bỏ phiếu phổ thông, do vậy, trên thực tế lại là sự bỏ phiếu hạn chế hơn cả.

Chính điểm đó là điều nguy hiểm thật sự của nó. Sự bỏ phiếu phổ thông tỏ ra nguy hiểm trước hết bởi những người thủ lĩnh, là những ông chủ của nó, những con người của các tiểu ban địa phương, giống như các câu lạc bộ thời Cách mạng. Người thủ lĩnh đi vận động bỏ phiếu cho một nhiệm chức lại được lựa chọn bởi chính những tiểu ban ấy.

Một khi đã được bổ nhiệm, anh ta thực thi một quyền lực tuyệt đối tại địa phương, với điều kiện đáp ứng những lợi ích các tiểu ban của mình. Đứng trước sự bó buộc ấy, lợi ích chung của đất nước hầu như hoàn toàn biến khỏi tầm mắt của các vị đại biểu dân cử này.

Đương nhiên là các tiểu ban có nhu cầu về những đầy tớ dễ bảo, nên không lựa chọn cho công việc này những kẻ được tạo hóa phú cho một trí năng lớn, và trước hết cũng không cần một đức hạnh quá cao cả. Chúng cần có những con người thiếu cá tính, không có địa vị xã hội, và luôn dễ sai khiến.

Do những điều bó buộc ấy, tinh thần nô lệ của vị đại biểu dân cử đối với những nhóm nhỏ, chủ nhân của ông ta mà nếu không có chúng thì ông ta sẽ không là gì cả, thực sự là trọn vẹn. Ông ta sẽ nói và sẽ bỏ phiếu cho tất cả những gì mà những tiểu ban ấy đòi hỏi. Lý tưởng chính trị của ông ta có thể cô đọng trong công thức ngắn gọn này: tuân thủ để kéo dài nhiệm kỳ.

Ngoại lệ và chỉ khi sở hữu một uy tín lớn do tên tuổi, do vị trí xã hội và do sự giàu có, một số nhân vật ưu tú có thể áp đặt được ý mình đối với phiếu bầu của dân chúng sau khi vượt qua được sự chuyên quyền của của những thiểu số tảo tợn kết thành những tiểu ban địa phương nói trên.

Như vậy, các quốc gia dân chủ, như nước ta, chỉ được quản trị bằng con đường bỏ phiếu phổ thông theo vẻ bề ngoài. Do đó, có biết bao bộ luật đã được thông qua, mặc dù chúng không hề được nhân dân quan tâm và nhân dân cũng không hề đòi hỏi. Ví dụ như việc chuộc lại tuyến đường sắt Miền Tây, các luật về giáo đoàn,... Những biểu hiện phi lý ấy chỉ đơn giản là phản ánh những đòi hỏi của các tiểu ban địa phương cuồng tín, được áp đặt lên các đại biểu do chính chúng lựa chọn.

Chúng ta nhận thấy ảnh hưởng của những tiểu ban địa phương này khi thấy những đại biểu ôn hòa bị bắt buộc phải bảo trợ những kẻ vô chính phủ phá ngầm các kho tàu, phải liên minh với những người chống chủ nghĩa quân phiệt, nói ngắn gọn, phải tuân thủ những đòi hỏi tồi tệ nhất để đảm bảo cho việc được tái cử của mình. Những tâm nguyện của những phần tử hèn hạ nhất của nền dân chủ đã được tạo ra như vậy nơi những người đại biểu được bầu, một giá trị đạo đức và những thói quen mà khó có thể

không đánh giá là rất thấp hèn. Kẻ đầu cơ chính trị là con người của những chỗ làm việc công, và như Nietzsche nói:

“Nơi mà chỗ làm việc công bắt đầu cũng là nơi bắt đầu có tiếng ồn của những người khéo đóng kịch và tiếng vo ve của những con ruồi mang nọc độc. Người khéo đóng kịch ấy luôn tin vào những gì đã khiến anh ta nhận được những hiệu quả cao nhất của mình, những hiệu quả đóng vai trò động lực thúc đẩy những người khác tin vào chính anh ta. Ngày mai anh ta sẽ có một sự tin cậy mới, rồi ngày kia một niềm tin còn mới hơn nữa... Tất cả những gì là to tát đều xảy ra ở xa chỗ làm việc công và ở xa vinh quang.”

4. Nhu cầu cải cách.

Nhu cầu về các cải cách được áp đặt một cách thô bạo bằng những sắc lệnh, là một trong những quan niệm tai hại nhất của tinh thần Jacobin, một trong những di sản đáng sợ của Cách mạng Pháp. Nó đứng trong hàng những tác nhân chủ yếu của mọi cuộc đảo lộn của chúng ta từ một thế kỷ lại đây.

Một trong những lý do tâm lý học của sự khát khao không nguôi này về những cải cách bắt nguồn từ sự khó khăn trong việc xác định những lý do thực sự của những tai ương mà người ta phàn nàn. Nhu cầu giải thích lại tạo ra những nguyên nhân ảo hết sức giản đơn. Do vậy, phương cách chữa chạy cũng tỏ ra giản đơn.

Từ bốn mươi năm nay, chúng ta đã không ngừng làm những cuộc cải cách, trong đó mỗi cải cách đều là một cuộc cách mạng nhỏ. Bất chấp, hay đúng hơn là do những cải cách ấy, mà chúng ta là một trong những dân tộc của châu Âu tiến hóa ít nhất.

Người ta nhận định về sự chậm chạp thực sự của quá trình tiến hóa của chúng ta bằng cách so sánh từng yếu tố chủ yếu của đời sống xã hội, thương mại, công nghiệp,... giữa các dân tộc khác nhau.

Những bước tiến của các dân tộc khác nhau, trước hết là dân tộc Đức, hiện ra thật vô cùng to lớn, trong khi các tiến bộ ở nước chúng ta vẫn rất chậm chạp.

Việc tổ chức hành chính, công nghiệp và thương mại của chúng ta đã lỗi thời đáng kể và tỏ ra không còn phù hợp với tầm cao của những nhu cầu mới. Công nghiệp của chúng ta không mấy thịnh vượng, thương mại hàng hải thì suy sụp. Ngay cả trong những thuộc địa của mình, chúng ta cũng không thể duy trì được sự cạnh tranh với nước ngoài, bất chấp những khoản trợ cấp khổng lồ từ ngân sách. Ngài Cruppi, nguyên bộ trưởng thương mại, đã nhấn mạnh về sự suy sụp đáng buồn này trong một cuốn sách mới đây. Cùng lòng với sự lảm lẩn chung, ông ta tin là dễ dàng cứu chữa được tình trạng thua kém này bằng những quy chế mới.

Tất cả những kẻ đầu cơ chính trị đều chia sẻ ý tưởng ấy, và vì vậy chúng ta tiến bộ quá ít. Mỗi phe đảng đều tin rằng với những biện pháp cải cách, chúng ta có thể vượt qua được mọi điều xấu. Niềm tin ấy đã đưa họ đến những cuộc đấu tranh khiến nước Pháp trở thành một quốc gia bị chia cắt sâu sắc nhất trên thế giới và dễ trở thành miếng mồi cho tình trạng vô chính phủ nhất.

Về điểm này, vẫn chưa có ai hiểu được rằng những cá thể và các phương pháp của họ, chứ không phải là những quy định luật pháp, quyết định giá trị của một dân tộc. Cải cách có hiệu quả không phải là những cải cách cách mạng, mà là những sự cải thiện nho nhỏ hằng ngày được tích lũy qua thời gian. Những biến đổi xã hội lớn được thực hiện, giống như những biến đổi địa chất, nhờ sự bổ xung thêm hằng ngày của những nguyên nhân vụn vặt. Lịch sử kinh tế của nước Đức từ bốn mươi năm qua chứng minh một cách đầy ấn tượng sự đúng đắn của quy luật này.

Nhiều biến cố lớn tưởng chừng có đôi chút phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên, ví dụ như các trận đánh, chính chúng cũng phụ thuộc vào quy luật tích tụ từ từ của những nguyên nhân vụn vặt. Một trận chiến quyết định đôi khi có thể kết thúc trong vòng chưa đầy một ngày, nhưng trước đó đã đòi hỏi những cố gắng rất tỉ mỉ được tích lũy dần dần để chuẩn bị cho sự thành công ấy. Chúng ta đã thực hiện một thể nghiệm nghiệt ngã năm 1870 và người Nga về phần mình gần đây cũng trải nghiệm điều tương tự. Chỉ

cần chừng nửa giờ để đô đốc Togo tiêu diệt hạm đội Nga trong trận đánh ở Tsoushima, một trận chiến quyết định thật sự thân phận của nước Nhật, song chính hàng nghìn tác động nhỏ từ thời xa xôi đã quyết định thắng lợi ấy. Những nguyên nhân không hề kém về số lượng đã dẫn đến sự thua trận của người Nga: một sự quan liêu không kém phần phức tạp như ở nước ta và cũng không kém phần vô trách nhiệm, một kho khí cụ thảm hại mặc dù được trả bằng vàng, một chế độ móc ngoặc ở mọi cấp bậc và sự bàng quan phổ biến trước lợi ích của quốc gia. Chẳng may là những bước tiến vụn vặt, mà trong tổng thể chúng hợp thành tâm cỡ của dân tộc, hiếm khi thấy được rõ ràng, nên không gây được ấn tượng gì đối với công chúng, và không thể phục vụ cho lợi ích về bầu cử của những kẻ đầu cơ chính trị. Do vậy, họ hoàn toàn thờ ơ và mặc cho những sự rối loạn nhỏ nhặt liên tiếp tích tụ lại, trong các quốc gia chịu ảnh hưởng của họ, rồi kết thành những sự suy tàn lớn.

5. Những sự cách biệt xã hội trong các nền dân chủ và những tư tưởng dân chủ tại những quốc gia khác nhau.

Vào thời kỳ con người từng bị phân chia thành những đẳng cấp, và phân hóa trước hết theo dòng dõi, sự cách biệt về xã hội nhìn chung được chấp nhận như là hệ quả của một quy luật tự nhiên tất yếu. Kể từ khi sự phân chia xã hội xưa cũ bị xóa bỏ, những sự cách biệt về giai cấp đã tỏ ra nhân tạo và vì thế không còn được dung thứ nữa.

Vì nhu cầu về bình đẳng có tính lý thuyết, nên chúng ta đã thấy trong các dân tộc theo con đường dân chủ phát triển rất nhanh chóng những bất bình đẳng nhân tạo giúp cho những người sở hữu chúng tạo cho mình một ưu thế rõ ràng. Không có một thời kỳ nào mà sự khao khát danh vị và huân chương, huy chương lại trở nên phổ biến như ngày nay.

Trong những quốc gia thực sự dân chủ, như Hoa Kỳ, danh vị và huân chương, huy chương không tạo ra được uy thế lớn, và chỉ có sự giàu có mới tạo ra sự khác biệt. Rất hiếm khi chúng ta thấy những cô gái trẻ triệu phú ở đây kết thân với những tên tuổi ngày xưa của giới quý tộc Châu Âu. Họ, do vậy, chỉ sử dụng theo bản năng phương tiện duy nhất khả dĩ cho phép một giới người còn quá trẻ tiếp thu được quá khứ cần thiết cho việc ổn định nền tảng tinh thần của mình.

Nhưng nhìn chung, giới quý tộc mà chúng ta đang thấy hình thành ở Hoa Kỳ không hề dựa trên danh vị và huân chương, huy chương. Thuần túy dựa trên tài chính, nó không gây ra nhiều lòng ganh tị, bởi vì ai cũng hy vọng thành công để có ngày trở thành một phần của nó.

Khi Tocqueville, trong cuốn sách của mình về nền dân chủ ở nước Mỹ, chỉ ra khát vọng chung hướng tới sự bình đẳng, ông ta đã không biết rằng sự bình đẳng được dự kiến sẽ dẫn đến một kiểu phân loại con người hoàn toàn dựa trên số lượng đô-la họ có. Không có kiểu phân loại nào khác ở nước Mỹ, và chắc chắn một ngày nào đó nó sẽ có mặt ở châu Âu.

Hiện tại, không có điều gì khác cho phép nhìn nhận nước Pháp như một quốc gia dân chủ hơn là trong lời nói, và ở đây xuất hiện sự cần thiết phải tìm kiếm, như chúng tôi đã nói ở trên, những ý tưởng khác nhau được lồng trong thuật ngữ dân chủ, tùy theo từng quốc gia.

Trong số những quốc gia thực sự dân chủ, chúng ta chỉ có thể tạm kể ra nước Mỹ và nước Anh. Nền dân chủ ở đây biểu hiện ra dưới những dạng khác nhau, nhưng chúng ta có thể quan sát thấy trong đó những nguyên tắc như nhau, nhất là một sự khoan dung hoàn hảo cho mọi quan điểm. Những sự truy hại tôn giáo không hề được biết tới ở đây. Tính ưu tú thực sự được biểu lộ dễ dàng trong các ngành nghề khác nhau, vì mỗi người ở mọi lứa tuổi đều có thể thực hành chúng, miễn là có những khả năng cần thiết. Không hề có một rào cản nào hạn chế sức bật của cá nhân.

Trong những quốc gia như vậy, con người tin là mình được bình đẳng, bởi vì mọi người đều hiểu rằng họ được tự do vươn tới những đỉnh cao như nhau. Người công nhân biết mình có thể trở thành đốc công, rồi kỹ sư. Bị buộc phải bắt đầu từ những thang bậc cấp thấp, thay vì bắt đầu từ những thang bậc cấp cao như ở nước Pháp, người kỹ sư không tự cho là mình có bản chất khác với những người khác.

Trong các nghề khác cũng như vậy. Vì vậy mà sự thù hận giai cấp ít phổ biến ở các nước Anh, Mỹ, trong khi rất căng thẳng ở nước ta.

Ở Pháp, tinh thần dân chủ chỉ hiện hữu trong những bài diễn văn. Một hệ thống những cuộc thi tuyển và kiểm tra cần trải qua trong thời tuổi trẻ chót chặn nghiêm ngặt đường tới công danh và tạo ra những giai cấp thù địch cách biệt nhau.

Các nền dân chủ La Mã, do vậy, vẫn chỉ là lý thuyết thuần túy. Chủ nghĩa độc quyền Nhà nước ở đây đã thay thế cho chủ nghĩa quân chủ chuyên chế, nhưng cũng tỏ ra không kém phần khắc nghiệt. Giới quý tộc theo sự giàu có đã thay thế cho giới quý tộc theo dòng dõi và những đặc quyền của họ cũng không ít hơn.

Như vậy, chế độ quân chủ và chế độ dân chủ khác nhau về hình thức nhiều hơn nhiều so với nội dung. Duy chỉ có tâm tính thay đổi của con người là thứ phân hóa ảnh hưởng của chúng. Mọi cuộc tranh luận về các thể chế khác nhau đều vô ích, vì các thể chế không hàm chứa một hiệu lực tự thân đặc biệt nào.

Giá trị của chúng vẫn sẽ luôn luôn phụ thuộc vào giá trị của những con người chịu sự quản lý. Một dân tộc thực hiện được một bước tiến lớn, khi dân tộc ấy phát hiện ra rằng tổng số những cố gắng cá nhân của từng người, chứ không phải là các hệ thống cai trị, quyết định thứ bậc của một dân tộc trên trường quốc tế.

Chương III. Những dạng thức mới của lòng tin dân chủ

1. Những cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động

Trong khi các nhà lập pháp của chúng ta cải cách và làm luật một cách mò mẫm, thì sự tiến hóa khách quan của thế giới vẫn chậm chạp đi tiếp con đường của mình. Những lợi ích mới xuất hiện, sự cạnh tranh kinh tế giữa các dân tộc cũng lớn dần, các giai cấp lao động sôi sục và người ta thấy nảy sinh từ mọi phía những vấn đề đáng sợ, không thể giải quyết được bằng các bài diễn văn của những kẻ đầu cơ chính trị.

Trong số những vấn đề mới ấy có một vấn đề phức tạp nhất, đó là sự xung đột về việc làm, phát sinh từ cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động. Ngay cả trong những quốc gia truyền thống, như nước Anh, nó cũng trở nên dữ dội. Những người công nhân không còn tôn trọng các thỏa ước tập thể mà trước kia từng là hiến chương của họ, những cuộc đình công nổ ra chỉ vì những cớ nhỏ nhặt, nạn thất nghiệp và tình trạng bần cùng đạt đến những con số đáng lo ngại.

Ở Mỹ, những cuộc đình công này cuối cùng thậm chí đã trói chân tất cả các ngành công nghiệp, song sự thái quá của những điều xấu đã tạo ra phương thuốc chữa trị. Từ khoảng mười năm nay, các ông chủ công nghiệp đã tổ chức ra những liên minh nghiệp chủ lớn, đủ mạnh để có thể áp đặt cho công nhân những thủ tục phân xử.

Vấn đề việc làm ở nước Pháp trở nên phức tạp bởi sự can dự của nhiều lao động nước ngoài, một điều trở nên cần thiết do tình trạng đình trệ của dân số nước ta. Sự đình trệ như vậy cũng sẽ khiến cho cuộc đấu tranh với các đối thủ trở nên khó khăn, bởi vì đất đai của họ có thể sắp đến lúc không nuôi nổi những cư dân của mình và, theo một quy luật xưa cũ nhất của lịch sử, họ tất yếu sẽ tràn vào những đất nước có dân cư thưa thớt hơn.

Những xung đột giữa công nhân và giới chủ trong cùng một nước sẽ còn trở nên ác liệt hơn nữa bởi cuộc chiến kinh tế ngày càng mạnh mẽ hơn giữa những người châu Á với nhu cầu rất thấp, và do vậy có thể sản xuất những sản phẩm công nghiệp với giá thành rất rẻ và những người Châu Âu với nhu cầu rất cao. Tôi đã chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề này từ hơn hai mươi lăm năm trước. Tướng Hamilton, nguyên tùy viên quân sự trong quân đội Nhật, và là người tiên đoán rất đúng chiến thắng của người Nhật trước khi xảy ra chiến sự, đã viết trong một công trình, được tướng Langlois đăng lại, những điều sau đây:

“Người Trung Quốc, như tôi từng thấy ở Mãn Châu Lý, có khả năng phá bỏ mẫu hình hiện nay của

người lao động da trắng. Anh ta sẽ đánh bật người lao động da trắng khỏi mặt đất. Những người xã hội chủ nghĩa, trong khi thuyết giáo về sự bình đẳng trước lao động, còn xa mới nghĩ về những kết quả thực tế mà các lý thuyết của họ dẫn đến. Định mệnh của chủng tộc da trắng, liệu có phải về lâu dài nó sẽ biến mất? Theo quan điểm tầm thường của tôi, định mệnh này phụ thuộc vào một điều duy nhất: Liệu chúng ta sẽ có hay sẽ không có lương tri để bịt tai trước những bài diễn văn trình bày về chiến tranh và sự chuẩn bị chiến tranh như là một tai ương vô ích?

Tôi cho là những người công nhân phải lựa chọn. Do sự tổ chức hiện tại của thế giới, họ phải nuôi dưỡng trong con cái mình lý tưởng quân sự và họ phải chấp nhận với tất cả chân tâm những thử thách và gánh nặng kéo theo sau chủ nghĩa quân phiệt, hoặc họ phải bắt đầu cuộc đấu tranh sinh tồn gay go chống lại một nguồn nhân công cạnh tranh mà kết cục đã chắc chắn. Để từ chối quyền di cư của những người châu Á, quyền hạ thấp lương bằng sự cạnh tranh và quyền sống giữa chúng ta, chúng ta chỉ có một phương tiện duy nhất là thanh kiếm. Nếu người Mỹ và người châu Âu quên rằng hoàn cảnh được ưu đãi của họ chỉ được duy trì nhờ ở sức mạnh vũ khí của họ, châu Á sẽ sớm phục thù.”

Chúng ta biết rằng ở Mỹ, sự xâm nhập của người Trung Quốc và người Nhật đã trở thành một tai họa quốc gia do hậu quả của sự cạnh tranh với những công nhân da trắng. Ở châu Âu, sự xâm nhập bắt đầu, nhưng còn chưa đạt tới mức độ rộng lớn. Tuy nhiên, những người nhập cư Trung Quốc cũng đã tạo ra những khu kiều dân đáng kể ở một số thành phố: London, Cardiff, Liverpool,... Họ đã tạo cơ hội cho nhiều cuộc bạo động ở đây, vì họ làm việc với giá rẻ mạt, nên sự xuất hiện của họ đã ngay lập tức làm hạ thấp tiền lương.

Tuy nhiên, đây là những vấn đề của tương lai, còn những vấn đề hiện tại cũng đủ khiến ta lo ngại, nên đây chưa phải lúc quan tâm đến những việc khác.

2. Sự tiến hóa của giai cấp công nhân và phong trào nghiệp đoàn.

Quan trọng bậc nhất trong số các vấn đề dân chủ hiện nay có lẽ sẽ bắt nguồn từ sự tiến hóa gần đây của giai cấp công nhân sinh ra bởi phong trào nghiệp đoàn.

Sự tập hợp của những lợi ích tương tự nhau kết thành Chủ nghĩa công đoàn đã nhanh chóng đạt được sự phát triển mạnh mẽ trong tất cả các nước đến mức có thể gọi là toàn cầu. Một số nghiệp đoàn sở hữu ngân sách có thể sánh với ngân sách của những nước nhỏ. Người ta đã kể ra những liên minh ở Đức từng thu vào tới 81 triệu (franc - ND) tiền đóng góp.

Sự lan rộng của phong trào công nhân này trong tất cả các quốc gia cho thấy rằng nó không giống như chủ nghĩa xã hội, mà là hệ quả của những quy luật tất yếu về kinh tế. Bởi mục đích, các phương tiện hành động và những xu hướng của mình, chủ nghĩa công đoàn không có mối quan hệ họ hàng nào với chủ nghĩa xã hội. Vì đã giải thích khá cặn kẽ điều này trong cuốn *Tâm lý học chính trị* của tôi, ở đây chỉ cần nhắc lại đôi lời về sự khác biệt của hai luận thuyết này.

Chủ nghĩa xã hội muốn chiếm lĩnh toàn bộ các ngành công nghiệp, dùng Nhà nước để quản lý chúng và phân chia đều sản phẩm cho công dân. Về phần mình, Chủ nghĩa công đoàn, trái lại, có tham vọng loại bỏ hoàn toàn sự can thiệp của Nhà nước và phân chia xã hội thành những nhóm nhỏ theo nghề nghiệp và tự quản.

Mặc dù coi thường những người theo Chủ nghĩa công đoàn và bị họ chống lại kịch liệt, những người Xã hội chủ nghĩa cố che đậy sự xung đột này, nhưng nó lại nhanh chóng trở nên quá rõ ràng để có thể che giấu. Ảnh hưởng chính trị mà những người Xã hội chủ nghĩa vẫn đang có cũng sẽ sớm tuột khỏi tay họ.

Nếu như Chủ nghĩa công đoàn lớn mạnh thêm ở khắp nơi, gây bất lợi cho Chủ nghĩa xã hội, thì đó, tôi nhắc lại, là nhờ phong trào nghiệp đoàn này, dù là được làm mới lại từ quá khứ, tổng hợp được một số nhu cầu nảy sinh từ sự chuyên môn hóa của nền công nghiệp hiện đại.

Chúng ta thấy, trên thực tế, nó hiện ra trong những hoàn cảnh đa dạng nhất. Tại Pháp, thành công của

nó còn chưa được to lớn như ở những nơi khác. Trong khi khoác lên mình vẻ ngoài cách mạng như đã nhắc tới ở trên, nó đã rơi vào tay của những kẻ vô chính phủ, ít ra là tạm thời, những kẻ không mấy quan tâm đến Chủ nghĩa công đoàn cũng như một tổ chức nào đó, mà chỉ đơn giản là sử dụng luận thuyết mới này để cổ phá bỏ xã hội hiện tại. Những người theo Chủ nghĩa xã hội, những người theo Chủ nghĩa công đoàn và những người theo Chủ nghĩa vô chính phủ, mặc dù đi theo những luận thuyết hoàn toàn khác nhau, nhưng lại hợp tác với nhau nhằm cùng một mục đích sau cùng: loại bỏ quyết liệt những giai cấp cầm quyền và cướp phá tài sản của họ.

Các luận thuyết về phong trào nghiệp đoàn không xuất phát bằng bất cứ cách nào từ những nguyên tắc của Cách mạng. Về nhiều điểm, chúng thậm chí đối nghịch hoàn toàn. Chủ nghĩa công đoàn thực ra là một sự quay lại với một số hình thức tổ chức tập thể gần gũi với các nghiệp đoàn từng bị Cách mạng bài trừ. Nó cũng là một trong những liên minh mà Cách mạng đã lên án. Sau nữa, nó gạt bỏ hoàn toàn sự tập trung hóa của Nhà nước mà Cách mạng đã tạo lập trước đó.

Những nguyên tắc dân chủ về tự do, bình đẳng, bác ái không hề được Chủ nghĩa công đoàn bận tâm. Các nghiệp đoàn yêu cầu ở những thành viên của mình một tính kỉ luật tuyệt đối, loại trừ mọi tính tự do.

Do chưa đủ mạnh để có thể áp chế lẫn nhau, các nghiệp đoàn bày tỏ công khai tình cảm tôn trọng lẫn nhau, mà cùng lắm người ta có thể gọi là tình anh em. Nhưng vào một ngày nào đó mà chúng sẽ đủ mạnh, những lợi ích đối nghịch của chúng tất yếu sẽ đụng độ với nhau, như trong thời kỳ nghiệp đoàn của các nền cộng hòa cổ xưa của nước Ý: Florence và Sienne, chẳng hạn. Khái niệm bác ái của thời nay sẽ nhanh chóng bị lãng quên và sự bình đẳng sẽ được thay thế bằng chủ nghĩa chuyên chế của những nghiệp đoàn vượt trội hơn.

Một tương lai như vậy dường như đã đến gần. Quyền lực mới đang lớn mạnh rất nhanh và tìm thấy trước mặt mình những chính phủ đã bị tước hết vũ khí, chỉ còn biết tự vệ bằng cách phục tùng mọi yêu cầu của nó. Một phương tiện rất tồi, chỉ dùng được cùng lắm là trong phút giây hiện tại, nhưng lại chất gánh nặng lên tương lai.

Tuy nhiên, chính nguồn lực nghèo nàn này mới đây đã được chính phủ Anh dùng đến trong cuộc đấu tranh với nghiệp đoàn thợ mỏ, những người đã đe dọa đình chỉ đời sống công nghiệp của nước Anh. Nghiệp đoàn này đã đòi hỏi cho những thành viên của mình một khoản lương tối thiểu, mà họ không buộc phải cam kết cung cấp một lượng tối thiểu lao động.

Mặc dù một yêu sách như thế là không thể chấp nhận được, chính phủ vẫn chấp nhận đưa ra Nghị viện một dự luật để chuẩn y nó. Sẽ là hữu ích để chúng ta suy ngẫm những lời nói nặng nề của ngài Balfour về chủ đề này trước Hạ nghị viện:

“Đất nước chưa từng bao giờ, trong lịch sử lâu dài và sôi động đến thế, phải đối mặt với một mối nguy thuộc loại này và với tầm quan trọng này.

Cảnh tượng mà chúng ta chứng kiến, lạ thường, thê thảm, mới chỉ là của một tổ chức đang đe dọa làm tê liệt, và đang làm tê liệt ở quy mô lớn, nền thương mại và những nhà máy của một cộng đồng mà đời sống chỉ trông vào thương mại và các nhà máy. Quyền lực mà những người thợ mỏ đang sở hữu, trong tình trạng hiện nay của luật pháp là gần như vô hạn. Đã có khi nào chúng ta phải chứng kiến một điều tương tự? Liệu đã có bao giờ một nam tước phong kiến thực thi một bạo chế tương tự? Liệu đã có khi nào một xí nghiệp liên hợp Mỹ sử dụng những quyền mà nó coi như luật pháp với sự xem thường lợi ích chung như vậy? Chính mức độ hoàn thiện mà chúng ta đã tạo cho các bộ luật, cho tổ chức xã hội của chúng ta, cho mối quan hệ tương hỗ giữa các nghề nghiệp và các xí nghiệp công nghiệp khác nhau, đang đẩy chúng ta, mạnh hơn so với các bậc tiền bối trong những thời đại khó khăn hơn, tới mối hiểm họa lớn hiện đang đe dọa xã hội... Giờ đây chúng ta đang chứng kiến sự biểu lộ đầu tiên của sức mạnh của những yếu tố, mà nếu chúng ta không cảnh giác, sẽ nhấn chìm toàn xã hội... Thái độ của chính phủ

trong việc nhượng bộ những mệnh lệnh của thợ mỏ cho thấy đôi nét bề ngoài của thực tế về chiến thắng của những kẻ đang đứng lên chống lại xã hội.”

3. Vì sao một số chính phủ dân chủ hiện đại từ từ chuyển hóa thành những chính phủ của tầng lớp quan chức hành chính.

Tình trạng vô chính phủ và những cuộc đấu tranh xã hội bắt nguồn từ các tư tưởng dân chủ ngày nay đã dẫn một số chính phủ vào bước tiến hóa không ngờ, để cuối cùng chỉ còn dành cho nó một quyền lực trên danh nghĩa. Sự tiến hóa mà các hệ quả của nó sẽ được chúng tôi chỉ ra một cách vắn tắt sau đây, đã diễn ra tự phát dưới ảnh hưởng của những nhu cầu cấp thiết hiện đang là những công cụ chủ yếu điều khiển sức mạnh của các sự kiện.

Các đại biểu được bầu qua bỏ phiếu phổ thông hiện nay đang thành lập những chính phủ của các quốc gia dân chủ. Họ thông qua những đạo luật, cử và bãi chức những bộ trưởng được lựa chọn từ chính đội ngũ của họ và tạm thời được giao quyền hành pháp. Những bộ trưởng này luôn thay đổi, bởi vì một cuộc bỏ phiếu là đủ để thay thế họ. Vì những người kế tục họ thuộc về một đảng khác, nên sẽ điều hành công việc theo những nguyên tắc khác với những người tiền nhiệm.

Thoạt tiên, tưởng như là một quốc gia bị giằng co bởi những ảnh hưởng khác nhau nhiều đến vậy không thể có cả sự ổn định, cũng như sự tiếp nối. Tuy nhiên, bất chấp những điều kiện bất ổn định ấy, một chính phủ dân chủ như chính phủ của nước ta đang được vận hành khá hợp thức. Phải giải thích hiện tượng ấy như thế nào? Lời giải thích sẽ rất đơn giản bởi sự thật là các bộ trưởng có vẻ ngoài là đang cầm quyền, nhưng thực ra lại quản lý rất ít. Rất bị giới hạn và hạn chế phạm vi, quyền lực của họ chỉ được thực thi đôi chút trong các bài diễn văn rất ít người nghe và trong một số biện pháp gây tan rã. Nhưng đằng sau cái quyền lực bề ngoài ấy của các bộ trưởng vốn không sức mạnh và không thời hạn, đồ chơi của mọi đòi hỏi từ phía những kẻ đầu cơ chính trị, là một thế lực vô danh đang hoạt động với sức mạnh ngày càng làm tăng cường thêm quyền lực cho các cấp chính quyền. Nhờ có truyền thống, một hệ thống thứ bậc và sự liên tục, chúng có một sức mạnh mà các vị bộ trưởng phải sớm thừa nhận là không thể chống chọi được. Chế độ trách nhiệm đã bị phân chia trong bộ máy hành chính đến mức mà một vị bộ trưởng không khi nào có thể nhận ra một nhân vật có tầm quan trọng đối diện với mình. Đối lại với những thôi thúc nhất thời của ông ta là cả một mạng lưới những quy tắc, tập quán và sắc lệnh mà người ta không ngừng đưa ra cho ông ta, và ông ta cũng hiểu chúng quá ít để có thể vi phạm. Sự giảm sút uy tín như vậy của các chính phủ dân chủ sẽ càng ngày càng tăng thêm. Một trong những quy luật ổn định nhất của lịch sử là quy luật mà tôi đã đề cập: ngay khi một giai cấp hoặc một giới nào đó, quý tộc, tăng lữ, quân đội hoặc nhân dân, trở nên vượt trội, thì nó sẽ nhanh chóng hướng tới việc chế ngự các giai cấp khác. Đó là trường hợp các đội quân Lã Mã, những kẻ cuối cùng đã đưa lên ngôi và lật đổ các hoàng đế, trường hợp giới tăng lữ mà để chống lại họ, các vị vua khi xưa từng gặp bao gian khó, trường hợp Quốc hội vào thời điểm Cách mạng đã sớm thu tóm mọi quyền lực và thay thế cho chế độ quân chủ. Tầng lớp viên chức được sinh ra để cung cấp một bằng chứng mới về sự chính xác của quy luật trên. Sau khi trở nên chiếm ưu thế, nó đã bắt đầu cao giọng, đe dọa và thậm chí thực hiện đình công, ví dụ như cuộc đình công của các nhân viên bưu điện, được tiếp nối sau đó bằng cuộc đình công của các nhân viên đường sắt nhà nước. Như vậy, quyền lực hành chính hợp thành một Nhà nước nhỏ trong Nhà nước lớn, và nếu sự tiến hóa hiện tại của nó vẫn tiếp tục, nó sẽ sớm tạo ra một quyền lực thực sự duy nhất. Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, sẽ không có quyền lực nào khác. Tất cả những cuộc cách mạng của chúng ta đều sẽ dẫn đến kết quả sau cùng là tước đoạt quyền lực và lật đổ ngai vàng của nhà vua rồi ban phát chúng cho giai tầng vô trách nhiệm, ỉn danh và chuyên chế của những nhân viên văn phòng nhà nước.

* * *

Không thể biết trước kết cục của mọi sự xung đột đang đe dọa làm u ám số phận của chúng ta. Cần

phải tránh xa cả chủ nghĩa bi quan cũng như chủ nghĩa lạc quan và tự nhủ rằng quy luật tất yếu bao giờ cũng sẽ cân bằng mọi sự vật. Thế giới vẫn đi tiếp con đường của mình mà không quan tâm đến những suy lý của chúng ta, và sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ đạt tới trạng thái thích nghi với những biến đổi của môi trường quanh mình. Cái khó là làm sao đến được đó mà không phải trải qua quá nhiều sự cò sát, và trước hết phải kháng lại những luận thuyết viển vông của những người mơ mộng. Luôn bất lực trong việc tổ chức lại thế giới, chính họ đã làm đảo lộn thế giới nhiều lần.

Athenes, Rome, Florence, và nhiều thành phố khác từng có thời tỏa sáng trong lịch sử, đều là nạn nhân của những nhà lý luận đáng sợ này. Kết quả sinh ra từ những ảnh hưởng của họ bao giờ cũng giống nhau: tình trạng vô chính phủ, chuyên quyền và sự suy tàn.

Những bài học ấy không chỉ có thể hữu ích cho vô số những Catilina thời hiện đại. Họ chưa nhìn thấy được rằng những phong trào được kích động bởi tham vọng của mình đang đe dọa nhấn chìm chính họ. Mọi sự không tưởng ấy đã làm nảy sinh những niềm hy vọng không thể thực hiện được trong tâm hồn của những đám đông, kích động dục vọng của chúng và đào xói những công cụ ngăn giữ từng được dựng nên từ từ qua nhiều thế kỷ để kìm nén chúng.

Cuộc đấu tranh của những đám đông mù quáng chống lại tầng lớp những người ưu tú, tinh hoa của xã hội, là một trong những tính liên tục của lịch sử, và sự chiến thắng của những quyền tối thượng của nhân dân không có đôi trọng, đã ghi dấu mốc kết thúc của nhiều nền văn minh. Tinh hoa sáng tạo, bình dân phá bỏ. Khi tầng lớp thứ nhất suy yếu, tầng lớp thứ hai bắt đầu hành động nguy hại của mình. Những nền văn minh lớn đã chỉ có thể phát triển thịnh vượng khi biết cách chế ngự những phần tử lớp dưới của mình. Không phải chỉ ở Hi Lạp, tình trạng vô chính phủ, nền độc tài, những cuộc xâm lược và sau cùng là việc mất nền độc lập đã trở thành những hậu quả của chủ nghĩa chuyên chế dân chủ. Sự chuyên chế cá nhân bao giờ cũng sinh ra từ sự chuyên chế tập thể. Nó đã kết thúc chu kỳ thứ nhất của uy thế La Mã. Những kẻ thô lỗ đã khép lại chu kỳ cuối cùng.

Kết luận

Những cuộc cách mạng chủ yếu đã được phân tích trong tập sách này thuộc vào hàng những cuộc cách mạng đã náo động lịch sử. Nhưng trước hết chúng tôi đã chú tâm tới những cuộc cách mạng quan trọng nhất, từng làm đảo lộn châu Âu suốt hai mươi năm và tiếng vang của chúng còn vọng lại tới ngày nay. Cuộc Cách mạng Pháp là một mớ tư liệu tâm lý học không bao giờ cạn. Không một giai đoạn nào trong đời sống nhân loại có thể cung cấp một dãy những trải nghiệm tương tự được tích lũy trong một khoảng thời gian ngắn đến thế.

Trên từng trang của tấn kịch vĩ đại này, chúng ta đã tìm thấy vô số ứng dụng của những nguyên tắc đã được trình bày trong những công trình khác nhau của chúng tôi, về tâm hồn nhất thời của những đám đông và về tâm hồn thường trực của các dân tộc, về tác động của các tín ngưỡng, về vai trò của những ảnh hưởng thần bí, tình cảm và tập hợp, về sự xung đột của những dạng thức khác nhau của logic. Các đám tập hợp cách mạng đã chứng thực tất cả những quy luật từng được biết đến trong tâm lý học đám đông. Bị thôi thúc và sợ sệt, những đám đông cách mạng ấy bị chế ngự bởi một số lượng nhỏ các thủ lĩnh và hành động thông thường hơn cả là trái với ý nguyện cá nhân của các thành viên của mình. Bảo hoàng, Hội đồng Lập hiến đã xóa bỏ chế độ quân chủ xưa; nhân ái, Hội đồng Lập pháp đã đề diễn ra những cuộc tàn sát Tháng Chín; yêu hòa bình, nó lại đẩy nước Pháp vào những cuộc chiến tranh đáng sợ.

Những mâu thuẫn tương tự cũng thấy trong thời Hội Quốc ước. Đa số áp đảo các thành viên của nó đã đẩy lùi bạo lực. Là những triết gia đa cảm, họ ca ngợi sự bình đẳng, bác ái, quyền tự do, nhưng họ lại thực thi một chủ nghĩa chuyên chế kinh khủng.

Cuối cùng, cũng có những mâu thuẫn như vậy trong thời Ban Đốc chính. Lúc đầu rất ôn hòa trong những mục tiêu của mình, nhưng các Quốc hội lại liên tục thực hiện những cuộc đảo chính đẫm máu. Họ từng mong muốn khôi phục hòa bình về tôn giáo, nhưng cuối cùng đã đưa vào nhà tù khổ sai hàng nghìn giáo sĩ. Họ từng mong muốn sửa chữa những phế tích khi ấy đang rải đầy nước Pháp, nhưng trái lại chỉ tạo thêm những phế tích mới.

Như vậy, đã luôn luôn có tình trạng đối lập hoàn toàn giữa những ý định cá nhân các nhà cách mạng với các hành động của những Quốc hội mà họ là thành viên.

Thực tế là họ đã tuân thủ những sức mạnh vô hình mà chính họ không thể làm chủ. Trong khi tin là mình đang hành động nhân danh lý tính thuần túy, họ lại phải chịu những ảnh hưởng thần bí, tình cảm và tập hợp khó hiểu đối với họ và đó là những thứ mãi đến nay chúng ta mới bước đầu nắm bắt được. Năng lực nhận thức đã tiến bộ qua các thời đại và mở ra cho con người những chân trời huyền diệu, trong khi tính cách, nền tảng thực sự của tính cách con người và động cơ đáng tin cậy của những hoạt động của anh ta, lại chỉ thay đổi rất ít. Bị xáo động trong chốc lát, nó lại tái hiện ngay sau đó. Bản chất của con người, do vậy, phải được chấp nhận như nó vốn tồn tại.

Những người khởi xướng của Cách mạng Pháp đã không tự mình từ bỏ những sự thật về bản chất con người. Đây là lần đầu tiên từ khởi thủy của loài người họ thử biến đổi con người và xã hội nhân danh lý tính.

Chưa bao giờ một mưu toan lại được bắt đầu với nhiều hứa hẹn thành công đến thế. Các nhà lý luận có tham vọng thực hiện nó, đã nắm trong tay một quyền lực lớn hơn cả quyền lực của bất kỳ một ông vua chuyên chế nào.

Vậy mà, bất chấp quyền lực ấy, bất chấp cả những thắng lợi của những đạo quân, bất chấp cả những

đạo luật hà khắc, bất chấp những cuộc đảo chính, cuộc Cách mạng Pháp đã chỉ tích tụ thêm những phế tích và đi tới một nền độc tài.

Một cuộc thử nghiệm như thế cũng không phải là vô ích, bởi vì các thử nghiệm đều cần cho việc khai sáng các dân tộc. Nếu không có cuộc Cách mạng này, sẽ khó chứng minh được rằng lý tính thuần túy không giúp thay đổi bản chất con người, và do đó, không một xã hội nào có thể xây dựng lại được theo ý chí của các nhà lập pháp, cho dù họ có mạnh đến đâu.

* * *

Được giới tư sản bắt đầu theo lợi ích riêng, Cách mạng Pháp đã nhanh chóng trở thành một phong trào nhân dân và cùng với đó là một cuộc đấu tranh của bản năng chống lại cái hợp lý, một cuộc nổi loạn chống lại mọi điều gò bó từng biến con người mông muội thành con người văn minh. Chính nhờ dựa trên nguyên lý về sự tối thượng của nhân dân mà những người cải cách đã mưu toan áp đặt các luận thuyết của họ. Bị dẫn dắt bởi các thủ lĩnh, nhân dân đã can dự không ngừng trong các nghị quyết của Quốc hội và dính vào những vụ bạo lực đầm máu bậc nhất.

Lịch sử của các đám đông trong giai đoạn này là những bài học tuyệt vời. Nó chỉ ra sự sai lầm của những kẻ đầu cơ chính trị trong việc gán mọi đức hạnh cho tâm hồn của nhân dân.

Những sự thật của cuộc Cách mạng Pháp lại chỉ ra điều trái ngược rằng một dân tộc được giải tỏa khỏi những sự gò bó xã hội, nền tảng của các nền văn minh, và bị bỏ mặc cho những sự thôi thúc bản năng của nó, nó sẽ nhanh chóng quay trở lại sự tàn bạo kế thừa từ tổ tiên.

Mọi cuộc cách mạng bình dân thắng cuộc đều là một sự quay lại nhất thời với tình trạng dã man. Nếu như Công xã 1871 được kéo dài thêm, nó có thể đã lặp lại trào lưu Khủng bố. Không có được quyền lực để giết nhiều người, nó đành giới hạn ở việc đốt phá những công trình kỷ niệm chủ chốt của thủ đô.

Cuộc Cách mạng Pháp thể hiện sự xung đột của những sức mạnh tâm lý sau khi chúng được giải phóng khỏi những cái hãm từng ghìm nén chúng. Những bản năng của lớp người bình dân, những tín ngưỡng Jacobin, những hành động thừa kế từ tổ tiên, những sự thèm muốn và dục vọng được thả phanh, tất cả những ảnh hưởng đa dạng ấy đã lao vào trận chiến dữ dội trong suốt mười năm, làm máu ngập tràn cả nước Pháp và để lại những sự hoang tàn trên khắp đất nước này.

Nhìn từ xa, dường như chúng hợp thành tổng thể những kết quả cuối cùng của cuộc Cách mạng này. Nó không có thứ gì là đồng nhất. Việc chia tách nó là cần thiết để có thể hiểu được tấn thảm kịch vĩ đại này và làm rõ những sự thôi thúc nào đã không ngừng tác động lên tâm hồn của những anh hùng của nó. Trong thời bình, các dạng thức khác nhau của những logic dắt dẫn chúng ta: hợp lý, tình cảm, thần bí và tập hợp, tự cân bằng với nhau về đại thể. Vào những thời kỳ đảo lộn, chúng xung đột với nhau và con người nhất thời không còn là chính mình nữa.

* * *

Chúng tôi đã không hề đánh giá thấp, trong công trình này, tầm quan trọng của một số thành tựu Cách mạng về quyền của các dân tộc. Nhưng, cùng với nhiều nhà sử học, chúng tôi đã buộc phải chấp nhận rằng kết quả thu được với cái giá của biết bao đổ nát phải trả, đến sau này cũng vẫn đạt được, mà không cần phải cố sức, chỉ nhờ bước đi bình thường của sự khai hóa văn minh. Vì một chút thời gian được lợi, biết bao thảm họa vật chất đã chồng chất, sự tan rã về tinh thần đã diễn ra tới mức mà giờ đây chúng ta vẫn còn phải gánh chịu! Những trang đau đớn này của lịch sử chỉ có thể xóa đi một cách rất chậm chạp. Cho đến nay chúng vẫn còn đó.

Giới trẻ thời nay hình như thích hành động hơn tư duy. Khinh thường những luận án vô bổ của các nhà triết học, họ thấy những sự tư biện vô vọng về các sự vật là không có lợi lộc gì, những sự vật mà bản chất đến nay vẫn còn xa lạ.

Sự hành động đương nhiên là thứ đáng quý và mọi sự tiến bộ đều có được từ đấy, nhưng nó chỉ trở nên hữu ích sau khi được định hướng một cách thích hợp. Các nhân vật của Cách mạng Pháp chắc chắn

từng là những con người hành động, song những ảo tưởng mà họ dùng để dẫn đường đã đưa họ tới tai họa.

Hành động bao giờ cũng có hại, khi vì coi thường thực tế mà nó có ý định thay đổi mạnh mẽ tiến trình của sự vật. Người ta không làm thí nghiệm với xã hội như với máy móc trong phòng thí nghiệm. Những sự đảo lộn của chúng ta cho thấy cái giá có thể phải trả cho những sai lầm về xã hội.

Mặc dù kinh nghiệm của Cách mạng Pháp là khẳng định, nhiều bộ óc bị ảo giác bởi những ước mơ vẫn mong muốn lặp lại chúng. Chủ nghĩa xã hội, sự tổng hợp hiện tại của khát vọng này, sẽ là một bước lùi về phía những dạng tiến hóa thấp hơn, bởi vì nó sẽ làm tê liệt những động lực lớn nhất trong hoạt động của chúng ta. Do đem thay thế sáng kiến và trách nhiệm cá nhân bằng sáng kiến và trách nhiệm tập thể, người ta đã khiến con người tụt xuống rất thấp trên bậc thang giá trị nhân văn.

Thời khắc hiện tại ít thuận lợi cho những thể nghiệm như vậy. Trong khi những người mơ mộng theo đuổi những ảo tưởng của họ, kêu gọi sự thèm muốn và những dục vọng của quần chúng, các dân tộc tự vũ trang mỗi ngày một mạnh hơn. Mỗi người đều dự cảm được rằng trong cuộc cạnh tranh toàn năng không có chỗ cho những dân tộc yếu kém.

Ở trung tâm của châu Âu đang lớn dần một sức mạnh quân sự kinh khủng, đang khát khao thống trị thế giới, nhằm tìm đầu ra cho hàng hóa của mình và cho một lượng dân cư đang tăng lên

Nếu chúng ta cứ tiếp tục phá vỡ sự cố kết của mình bằng những cuộc đấu tranh nội bộ, những sự đối địch bè đảng, những sự truy hại tôn giáo thấp hèn, những bộ luật trói chân sự phát triển công nghiệp, vai trò của chúng ta trên thế giới sẽ sớm kết thúc. Sẽ phải nhường chỗ cho những dân tộc đã kết tụ chắc chắn, đã biết cách thích nghi với những nhu cầu tự nhiên thay vì nuôi tham vọng lợi ngược dòng của chúng. Tất nhiên, hiện tại không lặp lại quá khứ và những chi tiết của lịch sử luôn đầy rẫy những sự kết hợp không thể thấy trước, song về đại thể, chúng dường như được dẫn dắt bởi những quy luật muôn đời.

Chú Thích

Cách mạng Pháp 1789-1799: Một sự kiện quan trọng trong lịch sử Pháp (1789-1799), khi lực lượng dân chủ và cộng hòa đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và cả Giáo hội Công giáo Rôma tại Pháp cũng đã phải trải qua nhiều thay đổi. Tuy thể chế của Pháp đã trải qua các giai đoạn cộng hòa, đế quốc và quân chủ trong 75 năm sau khi Đế nhất Cộng hòa bị Napoléon Bonaparte đảo chính, cuộc cách mạng này đã kết thúc chế độ phong kiến trong xã hội Pháp. Nó được xem là quan trọng hơn các cuộc cách mạng khác tại Pháp sau này. Nó cũng làm giảm xu hướng chuyên chế và đề cao sức mạnh của nhân dân, biến họ từ thần dân thành công dân. Sức ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Pháp rất lớn lao, nhất là đối với các quốc gia theo chế độ phong kiến thời bấy giờ.

Hội Quốc ước: Quốc hội đầu tiên được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu, lãnh đạo nước Pháp từ năm 1792-1795.

Câu lạc bộ Jacobin: Là câu lạc bộ chính trị nổi tiếng và có ảnh hưởng nhất trong tiến trình Cách mạng Pháp, được đặt tên như vậy bởi tu viện dòng Dominic nơi họ gặp gỡ, thời đó nằm ở Đường St. Jacques (tiếng Latin: Jacobus), Paris. Vai trò của câu lạc bộ lên đến đỉnh cao trong những năm 1792-1794, khi Maximilien de Robespierre và những người đồng chí của ông, được gọi là phái Jacobin, nắm quyền kiểm soát Hội Quốc ước và điều hành chính phủ. Các chi nhánh được lập ra khắp nước và số thành viên lên tới 420.000 người. Sau Chính biến Thermidor, chính quyền Jacobin sụp đổ và câu lạc bộ bị đóng cửa. Ban đầu có tính ôn hòa, câu lạc bộ trở nên khét tiếng vì sự chấp chính của nó trong Thời kì Khủng bố. Ngày nay, thuật ngữ Jacobin và Chủ nghĩa Jacobin được sử dụng như những từ mang nghĩa đả kích dành cho các phái chính trị cánh tả, cấp tiến.

Phái Girondins: Tư sản công thương nghiệp thay thế tư sản tài chính lên nắm chính quyền trong giai đoạn đầu Cách mạng Pháp. 20.9.1792, Quốc hội Lập pháp tuyên bố giải tán. 20.9.1792, hội Quốc Ước được bầu theo lối phổ thông đầu phiếu ra đời. Trong phiên họp đầu tiên của mình, Quốc ước tuyên bố nền Cộng Hòa I vào 22.9.1792. Việc tuyên bố nền Cộng Hòa I đã xóa bỏ vĩnh viễn sự thống trị của chế độ phong kiến và đưa nước Pháp vào một kỉ nguyên mới dưới sự thống trị của giai cấp tư sản. Sở dĩ gọi là phái Girondin vì phần lớn những thành viên phái có xuất thân từ vùng Girondin, theo chế độ cộng hòa ôn hòa và theo chủ nghĩa liên bang, đại diện cho tầng lớp trung lưu và ít có khuynh hướng cải cách xã hội.

Phái Núi - Montagne: Nhóm những người cấp tiến thuộc phái Jacobin trong Quốc hội lập pháp thời kì Cách mạng tư sản Pháp 1789. Trong Quốc hội, nhóm những người này bao giờ cũng ngồi ở chỗ cao nhất nên đây cũng là nguồn gốc tên gọi. Xu hướng chủ yếu của họ là cải cách xã hội, kinh tế và chính trị... để phục vụ rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân. Lãnh tụ chính của phái là Marat J. P., Danton, vv.

Thống trị Khủng bố (27.6.1793 - 27.7.1794): Một thời kỳ bạo lực xảy ra trong 13 tháng. Bị kích động bởi cuộc xung đột giữa các phe phái chính trị Girondins và Jacobins, và đánh dấu bằng việc hành quyết hàng loạt các “kẻ thù của cách mạng.”

Khoảng 40.000 người đã bị giết, một số lớn khác bị cầm tù. Riêng tại thành phố Paris kể từ 9-1793 - 6.1794, vào khoảng 2.500 người đã bị đưa lên máy chém guillotine. Nước Cộng Hòa Pháp được đặt căn bản trên tinh thần của “Bản Tuyên Ngôn Quyền Con Người” nhưng việc tàn sát trong thời kỳ khủng bố này rất vô nhân đạo.

Cuộc đảo chính Thermidor: Đó là cuộc chính biến 27.7.1794, tư sản phản cách mạng tổ chức cuộc chính biến lật đổ Robespierre và đồng đội của ông ta, chấm dứt sự thống trị của phái Jacobins. Sau

khi lật đổ phái Jacobins, tư sản phản cách mạng Thermidor lên nắm chính quyền, tìm mọi cách để thanh toán nền chuyên chính dân chủ cách mạng, thủ tiêu những thành quả của phái Jacobin.

Chế độ Đốc chính: Tháng 10.1795, Quốc Ước Thermidor thông qua một hiến pháp mới thành lập chế độ Đốc chính và Lưỡng viện lập pháp đầu tiên trong lịch sử nước Pháp. Quốc hội bao gồm Hạ viện gồm 500 đại biểu (Conseil des Cinq-Cents - Hội đồng 500) và Thượng viện gồm 250 đại biểu (Conseil des Anciens). Quyền hành pháp nằm trong tay 5 Đốc chính do Thượng viện bổ nhiệm hàng năm từ danh sách do Hạ viện đưa lên.

Cuộc đảo chính ngày 18 tháng Sương mù của Napoleon Bonaparte: 9.11.1799 (18 tháng Sương mù của năm thứ 8 theo lịch Cách mạng Pháp), Napoleon tổ chức một cuộc đảo chính lật đổ chế độ Đốc chính, lập nên chế độ Tổng tài. Sự kiện Napoleon xưng Hoàng đế vào năm 1804 đã đặt dấu chấm hết cho giai đoạn Cộng hòa.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

(Nguồn: Wikipedia)